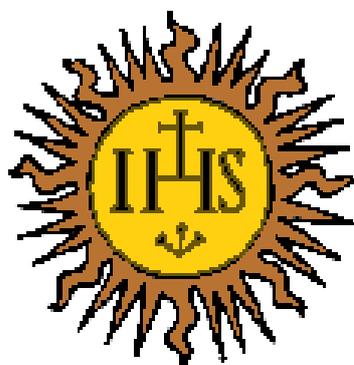


**DÒNG TÊN VIỆT NAM  
TẠP CHÍ LINH ĐẠO I-NHÃ**

\* \* \*

***PHÂN ĐỊNH  
THIÊN LIÊNG***



Lễ Thánh Phanxicô Xaviê  
Ngày 03 tháng 12 năm 2019





## LỜI GIỚI THIỆU

Quý độc giả thân mến,

Với thánh Inhaxiô Loyola (1491-1556), Linh Thao là kinh nghiệm gặp gỡ Thiên Chúa, được Thiên Chúa dạy dỗ như người thầy dạy học trò (TT 27). Sau cuộc Linh Thao đầu tiên gần một năm tại Manresa (TT 18.29.35), Inhaxiô Loyola tìm cách giúp người khác gặp gỡ và có kinh nghiệm với Thiên Chúa. Ngài giúp người ta làm Linh Thao (năm 1526 theo TT 57) trước khi Dòng Tên hiện hữu (27/09/1540). Như vậy, Linh Thao là đặc sủng Thiên Chúa ban cho Giáo Hội qua thánh Inhaxiô Loyola chứ không phải cho riêng Dòng Tên.

Linh đạo, con đường thiêng liêng giúp một người đến với Thiên Chúa. Linh Thao là kinh nghiệm nền tảng của linh đạo Inhã. Hiện nay có nhiều giáo dân, dòng tu, và tu hội chấp nhận bước theo linh đạo Inhã. Vì thế nhu cầu tìm hiểu đào sâu về linh đạo Inhã khá lớn và cần được hồi đáp.

Tạp chí Linh Đạo Inhã bằng tiếng Việt do Ban Linh Đạo Tỉnh Dòng Tên tại Việt Nam phụ trách ra đời, nhằm đào sâu và quảng bá linh đạo Inhã. Đây là một tạp chí không định kỳ, nhưng chúng tôi mong ước sẽ xuất bản thường hơn nếu có thể.

Thánh Inhaxiô dạy người làm Linh Thao xét gẫm (LT 77) sau mỗi lần cầu nguyện, làm hồi tâm xét mình hằng ngày (LT 43), làm chọn lựa để nhận biết Thiên Chúa muốn người ta làm gì (LT 135.169-189). Từ kinh nghiệm và hướng dẫn này, người ta có thể phân định để nhận biết thánh ý Thiên Chúa về bậc sống, về điều người đó phải làm trong trường hợp cụ thể. Trong thời đại hiện nay, việc phân định thiêng liêng là điều khẩn thiết, nên Ban Linh Đạo chúng tôi chọn chủ đề cho số đầu tiên của tạp chí Linh đạo Inhã là phân định thiêng liêng.

Ban Linh Đạo Tỉnh Dòng Tên tại Việt Nam, xin giới thiệu tạp chí Linh đạo Inhã với số đầu tiên về phân định thiêng liêng. Xin quý độc giả tiếp nhận, đóng góp ý kiến để phát triển, và giúp phổ biến.

Chân thành cảm ơn. Kính chúc quý độc giả luôn nhận ra và thực thi thánh ý Thiên Chúa, để trở thành người như Thiên Chúa mong muốn.

Đại diện Ban Linh Đạo Tỉnh Dòng Tên Việt Nam  
Lm Giuse Phạm Thanh Liêm, S.J.

## NỘI DUNG

Trong tiến trình thực hiện kế hoạch tông đồ ba năm của Tỉnh Dòng Tên (2018, 2019 và 2020), phát xuất từ những đòi hỏi thực tế của việc huấn luyện thiêng liêng và nhất là của huấn luyện đời tu trong Dòng và ngoài Dòng, việc học hỏi thư chung của Cha Bề Trên Cả Arturo Sosa gửi cho toàn Dòng, về Phân Định Chung (*On Discernment in Common*), được viết vào ngày 27 tháng 09 năm 2017 và được trình bày cho Tỉnh Dòng vào tháng 02 năm 2018, và cuối cùng, khởi đi từ các ưu tiên tông đồ phổ quát của Dòng, được Cha Bề Trên Cả ban hành trong thư gửi cho toàn Dòng vào ngày 19 tháng 02 năm 2019, trong đó ưu tiên đầu tiên là “*Dẫn đường đến với Thiên Chúa qua Linh Thao và phân định*”, Ban Linh Đạo xin chia sẻ số đầu tiên của Tạp Chí Linh Đạo I-nhã, có chủ đề là “PHÂN ĐỊNH THIÊNG LIÊNG”.

Trong số này của Tạp Chí, “Phân định thiêng liêng” trước hết được tìm hiểu trong bối cảnh của kinh nghiệm thiêng liêng được thánh Inhaxiô ghi lại trong sách Linh Thao: “Phân định những thúc đẩy và chuyển động nội tâm”, để nhận ra và lựa chọn theo năng động của “*Ôn an ủi thiêng liêng*”; từ kinh nghiệm thiêng liêng của thánh Inhaxiô trong sách Linh Thao, cũng như trong cuộc đời của ngài, chúng ta có thể đúc kết thành “*Bộ công cụ phân định Inhã*”, (*Ignatian Discernment Toolkit*) bao gồm một số tâm thái và kỹ năng căn bản cần thiết cho mọi cấp độ phân định: cá nhân, cộng đoàn và tông đồ (hay *phân định chung*). Tất cả đều hướng về việc “*Tìm thấy Ý Chúa nhờ phân định*”.

- Lm Dominic Phạm Minh Thắng, SJ, “Phân định những thúc đẩy và chuyển động nội tâm”.
- Lm Giuse Nguyễn Văn Lộc, SJ, “*Ôn an ủi thiêng liêng*”.
- Lm Micaen Trương Thanh Tùng, SJ, “*Bộ công cụ phân định Inhã. Giới thiệu tổng quan*”.
- Lm Anthony Nguyễn Hữu Khanh, SJ, “*Tìm thấy Ý Chúa nhờ phân định*”, trích trong George A. Lane, SJ, *Christian Spirituality: A Historical Sketch* (Chicago: Loyola Press, 2004).

Trong phần thứ hai của tạp chí, những qui tắc phân định thần loại của thánh Inhaxiô được đối chiếu với mạc khải Kinh Thánh, để tìm hiểu xem, những qui tắc này được khơi nguồn từ Kinh Thánh như thế nào. Tiếp đến, trên bình diện suy tư thần học, chúng ta được mời gọi đối diện với vấn đề về tương quan giữa Ý Chúa và tự do của con người, trong

phân định thiêng liêng và lắng nghe suy tư của Karl Rahner về vấn đề này, trong bối cảnh của việc lựa chọn theo thánh Inhaxiô.

- Lm Giuse Cao Gia An, SJ, “Nguồn hứng Kinh Thánh trong bộ quy tắc phân định của thánh Inhaxiô”.
- Lm Francis Xavier Nguyễn Hai Tính, SJ, “Quan niệm về Ý Chúa và tự do con người trong phân định thiêng liêng”.
- Lm Anthony Nguyễn Hữu Khanh, SJ, “Tìm Ý Chúa: Diễn giải của Karl Rahner về việc chọn lựa theo Inhaxiô”, by Avery Dulles, SJ.

Và cuối cùng, trong phần thứ ba của Tạp Chí, “Phân định thiêng liêng” được đưa trở lại với đời sống Giáo Hội hôm nay: Đức Thánh Cha Phanxicô, *Tông Huấn Gaudete et Exsultate*; “*Alargarnos en algún modo conveniente...*” (Vươn mình thư thái); với đời sống thiêng liêng và đời sống thánh hiến: “Phân định để nhận biết Thánh Ý Thiên Chúa”; “Điều kiện cần để làm phân định thiêng liêng”; “Xét gẫm như phân định thiêng liêng”, “Việc phân định của vị linh hướng trong đồng hành và trợ giúp phân định”, “Nhận định cộng đoàn” và “Phân định chung”; và với việc huấn luyện thiêng liêng, nhất là huấn luyện tại đại chủng viện: “Phân định trong tiến trình đào tạo Linh Mục theo Giáo Hội”; “Phân định trong đào tạo linh mục”.

- ĐTC Phanxicô, *Tông Huấn Gaudete et Exsultate*. Về lời kêu gọi nên thánh trong thế giới hôm nay (19/03/2018). Giới thiệu : Nên thánh và phân định ; chương năm: CHIẾN ĐẤU, TỈNH THỨC và PHÂN ĐỊNH (giới thiệu và chuyển dịch: Lm Giuse Nguyễn Văn Lộc, SJ, từ bản tiếng Pháp).
- Lm Phạm Hưng, SJ, “*Alargarnos en algún modo conveniente...*” - To stretch ourselves in some convenient manner [Spiritual Exercises 319]. Bản tiếng Việt: “Vươn Mình Thư Thái” [Linh Thao 319]. Bản tiếng Anh và bản tiếng Việt.
- Lm Giuse Phạm Thanh Liêm, SJ, “Phân định để nhận biết Thánh Ý Thiên Chúa”; “Điều kiện cần để làm phân định thiêng liêng”; “Xét gẫm như phân định thiêng liêng”.
- Lm Micaen Trương Thanh Tùng, SJ, “Việc phân định của vị linh hướng trong đồng hành và trợ giúp phân định”.
- Lm Giuse Lê Quang Chung, SJ, “Nhận định cộng đoàn”.

- Phân Định Chung. Tóm lược thư của Cha Bê Trê n Cả gửi toàn Dòng ngày 27.09.2017 (Bản dịch tóm lược của Thư, do Lm Micaen Trương Thanh Tùng, SJ).
- Lm Giuse Trịnh Duy Suýt, SJ, “Phân định trong tiến trình đào tạo Linh Mục theo Giáo Hội”.
- Lm Gioan B. Nguyễn Trung Kiên, SJ, “Phân định trong đào tạo Linh Mục”.

Phụ trách tạp chí  
Giuse Nguyễn Văn Lộc



## Phần I

### Phân định thiêng liêng trong Linh Thao

#### PHÂN ĐỊNH NHỮNG THỨC ĐẨY VÀ CHUYỂN ĐỘNG NỘI TÂM <sup>1</sup>

Lm Dominic Phạm Minh Thắng, SJ

#### Dẫn nhập

Trong lãnh vực phân định, ta có thể nói về phân định ơn gọi, phân định trong linh hướng, phân định các hiện tượng đặc sủng (ơn tiên tri...), phân định cộng đoàn hoặc phân định chung, phân định về các nhóm hoặc các phong trào trong Giáo hội, phân định các dấu chỉ của thời đại, v.v...

Bài viết này bàn về phân định những thúc đẩy và chuyển động nội tâm (*internal inspirations and motions*). Trong các lãnh vực phân định khác, ta quan sát các dấu chỉ bên ngoài chủ thể. Trong việc phân định những thúc đẩy và chuyển động này, ta để ý đến những chuyển động xảy ra trong chủ thể. Qua việc phân định này, ta nhận biết được ánh sáng và những tác động của Thần Khí, nhờ đó, như Đức Lê-ô XIII khẳng định, ta bắt đầu tăng trưởng trên con đường thiêng liêng và đạt đến sự hoàn hảo Ki-tô giáo<sup>2</sup>. Đồng thời, qua việc phân định những chuyển động nội tâm này, ta cũng nhận biết được những thúc đẩy của xác thịt, những cám dỗ của Satan (x. Ep 6, 10-13; 1Pr 5, 8-9; Gc 1, 14-15), đồng thời nhận ra được các ngăn trở hằng ngày trên con đường nên thánh. John English, SJ, viết, “Mối bận tâm của ta ở đây là việc phân định cá nhân. Nói cách khác, ta nghiên cứu những chuyển động tâm hồn và qua những chuyển động này ta biết được ý Chúa”<sup>3</sup>.

Việc phân định những thúc đẩy và chuyển động nội tâm đã được các thánh và nhiều tác giả thiêng liêng khai triển dọc theo dòng lịch sử của

---

<sup>1</sup> Tựa đề của Cha Manuel, S.J. Tiếng Tây Ban Nha: *Discernimiento de Inspiraciones y Mociones Interiores* trong Manuel Ruiz Jurado, *El Discernimiento Espiritual: Teología, Historia, Práctica*, BAC., Madrid, 1994, 220.

<sup>2</sup> Thông điệp *Divinum illud* về Chúa Thánh Thần, 1897, số 653.

<sup>3</sup> John J. English, *Spiritual Freedom: From an Experience of the Ignatian Exercises to the Art of Spiritual Guidance*, Loyola University Press, Chicago, 1991, 175.

linh đạo. Cũng có không ít người bình giải về những quy tắc phân định của thánh Inhã thành Loyola. Đây chính là lãnh vực được gọi là phân định thần loại hoặc như thánh Inhã gọi nó: “sự thận trọng về các thần loại” (la discreción de espíritus – Linh thao số 328), nghĩa là việc áp dụng “phân định thiêng liêng” vào một lãnh vực cụ thể: lãnh vực về các thần loại khác nhau (những chuyển động hoặc thúc đẩy), các thần loại hoạt động trong tâm hồn, từ ngoài đi vào tâm hồn hoặc bắt đầu nảy sinh trong tâm hồn chúng ta<sup>4</sup>.

Đã có nhiều tác giả phân tích sâu và chi tiết về các quy tắc phân định của thánh Inhã. Trong đó phải kể đến Jules J. Toner, S.J., qua tác phẩm *A Commentary on Saint Ignatius' Rules for the Discernment of Spirit: A Guide to the Principles and Practice* (1982). Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi không đi sâu vào các quy tắc của thánh Inhã, nhưng chỉ bàn đến một số điểm thực tế và mang tính mục vụ nhiều hơn. Để đạt được mục đích này, chúng tôi tổng hợp và trình bày tư tưởng của nhiều tác giả khác nhau. Cách cụ thể, trong các quy tắc của tuần I, chúng tôi sử dụng nhiều ý tưởng của Cha Manuel Ruiz Jurado, S.J., giáo sư Linh đạo tại Rôma đã về hưu. Trong các quy tắc tuần II, nhiều ý tưởng được lấy từ Cha John English, S.J.

## **Phân định Inhã**

Những chuyển động và thúc đẩy nội tâm được thánh Inhã bàn cách đặc biệt trong “các quy tắc phân định thần loại” trong cuốn Linh thao (Lt.)<sup>5</sup> của ngài (Lt. 313-336). Để giúp phân định các chuyển động và thúc đẩy này, ngài đưa ra một số quy tắc và chúng có thể được phân thành hai nhóm như sau: nhóm thứ nhất (Lt. 313-327): “Để cách nào đó nhận biết được những chuyển động khác nhau trong tâm hồn”; nhóm thứ hai (Lt. 328-336): “Dành cho cùng mục đích nhưng với sự thận trọng hơn về các thần loại”.

Quy tắc thứ nhất được xem như lời dẫn vào phân định thần loại. Nó giúp ta phân biệt cảm xúc này với những cảm xúc khác, qua đó biết mình phải làm gì: “...những cảm xúc tốt thì đón nhận” (Lt. 313) và những cảm xúc xấu thì loại bỏ. Lt. 313 thật quan trọng bởi vì nó cho ta

---

<sup>4</sup> “Tôi giả định rằng trong người tôi có ba thứ tư tưởng: một thứ của riêng tôi, hoàn toàn do ý muốn và tự do của tôi, còn hai thứ kia đến từ bên ngoài: một do thần lành, và một do thần dữ” (Linh thao 32).

<sup>5</sup> Lt.: viết tắt của Linh Thao. Chúng tôi sử dụng bản dịch *Linh thao* của Cha Eli Thành (2016). Tuy nhiên, đôi khi chúng tôi tự dịch một số đoạn để làm rõ hơn ý nghĩa muốn diễn đạt.

thấy nhiều yếu tố nền tảng ta cần biết trước khi bước vào phân định các chuyển động nội tâm. Nói cách khác, Lt. 313 giúp ta hiểu rõ mục đích của các quy tắc phân định được rút ra từ kinh nghiệm hoán cải của thánh Inhã: “Những quy tắc này giúp ta nhận ra được và hiểu biết được, ở mức độ nào đó, những chuyển động khác nhau xảy ra trong tâm hồn: những chuyển động tốt thì đón nhận và những chuyển động xấu thì loại bỏ. Những quy tắc này thích hợp hơn cho tuần thứ nhất (Lt. 313).

Qua nội dung Lt. 313, có năm yếu tố căn bản ta cần nắm: 1) những chuyển động khác nhau; 2) hành động của Thiên Chúa; 3) hiểu biết được; 4) nhận ra được; và cuối cùng là đón nhận hay loại bỏ. Maureen Conroy giải thích về năm yếu tố này như sau<sup>6</sup>.

Những chuyển động khác nhau. Thánh Inhã kinh nghiệm được những chuyển động khác nhau xảy ra trong tâm hồn mình trong một khoảng thời gian dài – nhiều ngày và nhiều tuần – trước khi ngài để ý và hiểu được sự khác nhau của chúng. Qua kinh nghiệm an ủi và sầu khổ, Chúa lấy đi khỏi tâm hồn Inhã sự lệch lạc đã ăn sâu vào máu thịt ngài – hư danh và lạc thú.

Hành động của Thiên Chúa. Sự can thiệp cá vị của Chúa khơi lên nhiều phản ứng khác nhau trong tâm hồn và tinh thần của thánh Inhã. Khi đọc *Giương Chúa Giêsu và Hạnh Các Thánh*, ngài nhận biết Chúa đang chạm đến thế giới nội tâm của mình. Inhã cảm nhận được nhiều an ủi mỗi khi hướng về Chúa. Ngược lại, ngài bị sầu khổ khi trí tưởng tượng, các tư tưởng, những khao khát và cảm xúc hướng về những điều trần tục.

Hiểu biết được. Bản văn Anh ngữ dùng động từ *understand*. Tiếng Tây Ban Nha dùng động từ *sentir*. *Sentir* có nghĩa là sự hiểu biết bằng các giác quan và cảm xúc; “một sự hiểu biết được cảm nhận” từ con tim và trực giác; sự hiểu biết ngang qua những cảm xúc trước những kinh nghiệm nội tại và ngoại tại. Thánh Inhã có nhiều phản ứng khi suy nghĩ về những điều của Chúa và thế gian (vui sướng, được an ủi, khô khan, không thỏa mãn, thỏa mãn, v.v...) và từ đây ngài bắt đầu suy tư về sự khác nhau giữa những cảm xúc xảy đến trong tâm hồn mình.

Nhận ra được. Inhã có được sự hiểu biết của con tim về sự khác nhau trong các phản ứng của ngài và bằng lý trí, ngài hiểu được sự khác nhau này. Nhận ra được trong Anh ngữ: *recognize*, tiếng Tây Ban Nha:

---

<sup>6</sup> Maureen Conroy, *The Discerning Heart: Discovering a Personal God*, Loyola Press, Chicago, 1993, 9-10.

*conocer*, có nghĩa là học biết từ kinh nghiệm hoặc nhận ra được sự khác nhau giữa nhiều cảm xúc.INHÃ cảm nhận và nếm được những phản ứng nội tâm khác nhau trước những tác động của Chúa và nhờ đó mà ngài hiểu được những chuyển động nội tâm của mình.

Đón nhận hoặc loại bỏ. Ngang qua những tác động của Chúa, trải qua những phản ứng của tâm hồn trước sự hiện diện của Ngài, để ý đến những chuyển động này, hiểu được chúng, thánh INHÃ chọn trong ý thức những cảm xúc và chuyển động đưa mình đến gần Chúa và loại bỏ những tư tưởng và cảm xúc đưa ngài xa cách Chúa.

George A. Aschenbrenner cho rằng theo dòng thời gian, trong cuộc sống, ta cần ý thức và đưa vào thực hành những bước nói trên. Chúng phải bén rễ sâu trong tâm hồn ta. Đối với người mới bắt đầu đời sống thiêng, những bước này hình thành nên việc thực hành phân định thân loại và dần dần việc phân định sẽ ăn sâu vào con tim và trong cuộc sống hằng ngày. Những bước này được thánh INHÃ giả định phải hiện hữu trong mọi quy tắc phân định của ngài<sup>7</sup>.

Khi khẳng định các quy tắc thuộc nhóm thứ nhất thích hợp hơn cho thao viên tuần I của Linh thao, thánh INHÃ muốn nhắm đến mức độ trưởng thành thiêng liêng của một người hơn là mốc thời gian. Những quy tắc thuộc nhóm thứ hai sẽ gây nhiều tác hại hơn là ích lợi nếu được áp dụng cho những ai vẫn đang còn bị ma quỷ cám dỗ cách “trắng trợn và minh nhiên” (Lt. 9). Các quy tắc tuần II thích hợp hơn với những ai đã qua chặng đường thanh luyện và thường bị cám dỗ “dưới bóng dáng của điều tốt lành” (Lt.10). Tuy nhiên, những lời khuyên trong “những quy tắc này”, nhất là các quy tắc tuần I, lại không ích lợi cho mọi người, mọi đối tượng trong cuộc sống hằng ngày<sup>8</sup>. Các quy tắc tuần I và tuần II liên quan mật thiết với nhau. Một người bước vào tuần IV của Linh thao nhưng vẫn còn bị cám dỗ trắng trợn và minh bạch như người đang ở trong tuần I.

### **Các quy tắc thuộc nhóm thứ nhất<sup>9</sup>**

Gồm 14 quy tắc được phân chia như sau. Quy tắc 1- 4, Lt. 314-317: điểm tham chiếu và những dấu chỉ giúp phân biệt các chuyển động khác

---

<sup>7</sup> George A. Aschenbrenner, *Stretched for Greater Glory*, Loyola Press, Chicago, 2004, 168.

<sup>8</sup> Jurado, *op. cit.*, 223.

<sup>9</sup> Về các quy tắc của tuần I, chúng tôi dùng nhiều ý tưởng của Cha Manuel R. Jurado, *op. cit.*, 221-239.

nhau. Quy tắc 5-11, Lt. 318-321: thái độ cần được tuân giữ. Quy tắc 12-14, Lt. 322-324: những đặc trưng về chiến thuật cám dỗ của ma quỷ.

### **Điểm tham chiếu (quy tắc 1-2. Lt. 314-315)**

Theo thánh Inhã, điểm tham chiếu giúp ta nhận biết được ý nghĩa tích cực hoặc tiêu cực do những chuyển động hoặc thúc đẩy nội tâm đưa đến chính là khuynh chiều nổi trội trong tâm hồn. Giờ đây ngài cho ta thấy cách thức thần lành và thần dữ đi vào tâm hồn của hai con người khác nhau. Cách tiếp cận của thần lành và thần dữ tùy thuộc vào khuynh hướng thiêng liêng của một người. Người được mô tả trong Lt. 314 chưa có nhiều thói quen phản tỉnh, mới bắt đầu trên đường thiêng liêng, chưa khao khát mạnh về Chúa và dễ bị ảnh hưởng bởi những thúc đẩy của tội. Ngược lại, người được mô tả trong Lt. 315 bắt đầu ý thức nghiêm túc về đời sống thiêng liêng; sống tỉnh thức, bỏ đàng tội lỗi, lối sống ích kỷ và đang dần hướng về Chúa trong phục vụ yêu thương<sup>10</sup>.

Những ai sống ích kỷ và hướng về lạc thú<sup>11</sup>, ma quỷ hoạt động trong họ, kích thích và lôi kéo họ theo chiều hướng này. Nó gọi lên nơi trí tưởng tượng và các giác quan của họ những thú vui xác thịt. Đồng thời, nó cũng đưa ra nhiều ngăn trở làm họ cảm thấy khó khăn trong việc từ bỏ những đam mê lạc thú này. Như thế nó muốn duy trì họ trong điều xấu xa và tội lỗi: “Đối với những người sa ngã hết tội trọng này sang tội trọng khác, kẻ thù thường quen bày cho họ những vui thú nhất thời, gọi lên những hình ảnh khiêu dâm và vui thú giác quan để dễ cầm giữ và chất thêm nơi họ những thói hư và tội lỗi” (Lt. 314). Trong khi đó thần lành hành động ngược lại và ray rứt lương tâm: “Với những người như thế, thần lành dùng phương pháp ngược lại, thôi thúc và cắn rứt lương tâm họ bằng luật tự nhiên của lẽ phải” (Lt. 314).

Những ai bỏ đàng tội lỗi và bắt đầu một cuộc sống từ tốt đến tốt hơn, dù chưa kiên định, đặc điểm của ma quỷ là khuyếch tán thêm khó khăn trong việc thực hành nhân đức, nhồi nhét những tưởng tượng hão huyền và làm họ cảm thấy không thể tiếp tục cuộc sống tốt mình đã khởi sự và cảm thấy không đủ thời gian hoàn tất cuộc sống này: “Đối với những người đang ngày càng tốt hơn, quyết tâm hoán cải và làm đẹp lòng Chúa, thì mọi sự xảy ra ngược lại với quy tắc thứ nhất; bởi vì khi đó, đặc

---

<sup>10</sup> George A. Aschenbrenner, *op. cit.*, 169-170.

<sup>11</sup> “Xác thịt” ở đây được hiểu theo nghĩa rộng như được Thánh Phaolô nói đến trong thư Galát 5, 17-21, chứ không chỉ những điều đi ngược với đức khiết tịnh hay thói mê ăn uống.

điểm của thần dữ là cắn rứt, làm buồn phiền và bày ra chướng ngại, gây băn khoăn lo lắng với những lý lẽ giả tạo, để người ta nản lòng và bỏ cuộc” (Lt. 315)<sup>12</sup>.

Ngược lại, nơi những người này, khi họ bắt đầu cảm nếm niềm vui vì được giải thoát khỏi vòng nô lệ tội lỗi, chính thần lành ban cho họ an ủi và nước mắt vì lòng mộ mến Chúa, khơi dậy nơi họ nhiều năng lực làm điều tốt. Đồng thời, họ có nhiều bình an trong tâm hồn. Khao khát của họ càng lúc hợp hơn với ý Chúa. Thần lành làm họ cảm thấy con đường thực hiện điều thiện trở nên dễ dàng, giúp họ vượt qua mọi khó khăn, tin tưởng vào ơn Chúa: “Còn đặc điểm của thần lành là khích lệ và đem đến sức mạnh, an ủi, nước mắt, sáng kiến và bình an, nâng đỡ và lấy bớt ngăn trở để người ta tiến lên trong đàng lành (Lt. 315).

Như vậy, các lý do giả tạo dựa trên hoang tưởng và thú vui ích kỷ là khí cụ thần dữ sử dụng để duy trì người ta trên đàng tội lỗi và càng lúc đưa họ sâu hơn vào con đường này. Những lý do đích thật, đặt trên lương tâm ngay lành, những khích lệ và lòng quảng đại là những khí cụ thần lành sử dụng để thông truyền bình an và niềm vui, nhờ đó người ta tiến bộ mỗi lúc một xa hơn trên đường của Chúa. Những hấp dẫn hoặc sợ hãi do các viễn tượng tương lai gây nên tùy thuộc khuynh chiều của một người: ao ước thú vui “thể xác”, ngược với lời mời gọi của thần lành hướng về điều thiện, được ủng hộ bởi thần dữ; trong khi đó bình an và niềm vui sâu thẳm của một linh hồn bắt đầu cảm nếm “Chúa ngọt ngào dường bao” cảm thấy được xác chuẩn trong những chuyển động của thần lành và cảm thấy bối rối và bất an với tác động của thần dữ<sup>13</sup>.

### **Những dấu chỉ: hai chuyển động nền tảng (quy tắc 3-4; Lt. 316-317)**

*Về an ủi thiêng liêng: tôi gọi là an ủi khi trong linh hồn xuất hiện một biến chuyển nội tâm, khiến linh hồn bừng cháy lửa kính mến Đấng Tạo Hóa và Chúa mình, và do đó, không thể yêu một tạo vật nào trên mặt đất vì chính tạo vật ấy, nhưng chỉ yêu trong Đấng tạo dựng mọi sự. Đó cũng là khi rơi lệ mến yêu Chúa của mình, hoặc vì hối hận tội lỗi mình đã phạm, hoặc vì sự thương khó của Đức Kitô,*

<sup>12</sup> Khi Inhã đã hoán cải và bắt đầu cuộc sống mới, một tư tưởng xảy đến: “Làm sao bạn có thể chịu nổi cuộc sống này trong 70 năm? Cảm nhận đây là cám dỗ của ma quỷ, ngài thẳng thừng trả lời: “Mày có thể đảm bảo và kéo dài cuộc sống của ta dù chỉ là một giờ không?” Như thế, ngài đã chiến thắng cơn cám dỗ (Tự thuật số 20).

<sup>13</sup> “Nhưng sau những tư tưởng này, ngài cảm thấy ghê tởm với cuộc sống quá khứ; Inhã được thúc đẩy đoạn tuyệt với nó; và với điều này, Chúa muốn ngài thức tỉnh...” (Tự thuật số 25).

*Chúa chúng ta, hay vì những điều khác nhằm mục đích phụng sự và ca tụng Ngài; sau cùng, tôi gọi là an ủi mỗi lần được gia tăng đức cậy, đức tin và đức mến, cùng mọi niềm vui nội tâm lôi cuốn và thúc đẩy tâm hồn đến những sự trên trời và phần rỗi của linh hồn mình, làm cho linh hồn được lắng đọng và bình an trong Đấng Tạo Hóa và Chúa mình (Lt. 316).*

*Về sầu khổ thiêng liêng: tôi gọi tất cả những gì trái ngược với quy tắc thứ ba là sầu khổ; như sự tối tăm và xao xuyến trong linh hồn, thèm muốn những gì thấp hèn và phạm tục, bối rối vì những xao động và cảm dỗ, xúi ta mất lòng tin, niềm hy vọng và lòng yêu mến; cảm thấy vô cùng lười biếng, uể oải, u buồn và như bị lìa xa Đấng Tạo Hóa và Chúa mình. Vì như an ủi trái ngược với sầu khổ thế nào, thì các tư tưởng do an ủi sinh ra cũng trái ngược với các tư tưởng do sầu khổ sinh ra như vậy (Lt. 317).*

Nhìn tổng quát, ta thấy có hai chuyển động căn bản đối nghịch nhau một linh hồn trải qua trong đời sống thiêng liêng: an ủi và sầu khổ. Ở đây, ta đang nói về đời sống thiêng liêng chứ không chỉ đơn thuần về đời sống tâm lý và lý trí. Vì thế, ta không được nhầm lẫn giữa an ủi và sầu khổ chỉ với sự phân chân, cảm xúc tích cực, tâm trạng vui buồn, sự bi quan, hậu quả của thời tiết, của thức ăn, của một bản tin, một chiến thắng hay thất bại, v.v... Những cảm xúc này có thể xen lẫn hoặc không với an ủi hoặc sầu khổ, nhưng chúng lại không đưa một người đến mức độ của kinh nghiệm thiêng liêng, nếu không muốn nói là mức độ của các nhân đức đối thần (tin, cậy, mến), đến tương quan siêu nhiên với Thiên Chúa.

An ủi thiêng liêng. Qua Lt. 316, ta thấy thánh Inhã định nghĩa về an ủi thiêng liêng. Theo đó, cụm từ an ủi thiêng liêng mang nhiều ý nghĩa khác nhau. Những đặc tính ngài sử dụng để mô tả an ủi thiêng liêng: chuyển động nội tâm được khơi dậy trong linh hồn (*interior movement is aroused in the soul*), linh hồn bùng cháy lửa mến dành cho Đấng tạo hóa và Chúa của mình (*it is inflamed with love of its Creator and Lord*), và hệ quả là nó chẳng thèm yêu mến thụ tạo nào trên mặt đất chỉ vì thụ tạo đó (*can love no creature on the face of the earth for its own sake*), nhưng chỉ yêu mọi thụ tạo trong Đấng tạo dựng nên chúng (*but only in the Creator of them all*). Tương tự, an ủi thiêng liêng là ơn nước mắt vì tội của mình, vì sự đau khổ của Đức Kitô, hoặc vì bất cứ lý do nào hướng đến việc tán dương và phụng sự Ngài. Và cuối cùng, an ủi thiêng liêng là mọi gia tăng về đức tin, cậy, mến và tất cả niềm vui nội tâm

hướng linh hồn về những điều trên trời và ơn cứu độ của nó. An ủi không chỉ đưa đến niềm vui nội tâm, nhưng còn làm cho linh hồn tĩnh lặng trong Đấng Tạo Dựng. Điều này không có nghĩa linh hồn mất đi hoặc suy giảm tính năng động, nhưng vì nó được kết hiệp và hướng trọn về Chúa như là trọng tâm đích thực của đời mình.

Vì thế, thánh Inhã nói an ủi lấy đi khỏi linh hồn mọi ưu phiền. “Chẳng có gánh nặng nào lại không trở nên nhẹ nhàng đối với người được an ủi thiêng liêng; chẳng có việc đền tội hoặc công việc nào dù nặng nhọc đến mấy lại không trở nên ngọt ngào đối với người ấy”.

Như muốn đưa ra một kết luận, thánh Inhã khẳng định “tôi gọi là an ủi mỗi lần được gia tăng đức cậy, đức tin và đức mến, cùng mọi niềm vui nội tâm lôi cuốn và thúc đẩy tâm hồn đến những sự trên trời và phần rỗi của linh hồn mình” (Lt. 316). Vì thế, an ủi cho thấy chiều hướng gia tăng của đời sống nội tâm và siêu nhiên trong các nhân đức thiên phú, qua đó ta cảm nhận như thể mình bị hút và được nâng lên hướng về Chúa, Đấng làm cho linh hồn có niềm vui nội tâm và bình an sâu thẳm. Linh hồn luôn đặt tin tưởng vào Đấng Tạo hóa và Chúa của mình. Về phương diện thần học, an ủi này chính là ơn hiện sủng.

Mặc dù cụm từ *an ủi thiêng liêng* mang nhiều ý nghĩa khác nhau, ta vẫn tìm thấy nét chung nối kết những ý nghĩa này. Theo thánh Inhã, an ủi thiêng liêng luôn là một chuyển động nội tâm (*interior movement*), một chiều hướng được cảm nhận trong tâm hồn và nâng linh hồn lên hướng về những điều thượng giới (đôi nghịch với sầu khổ làm ta hướng về những điều hạ giới)<sup>14</sup>.

Những ý tưởng hoặc thúc đẩy xảy đến lúc an ủi. Nếu hiểu về an ủi như trên, ta thấy nơi người được an ủi không nhất thiết phải có ý tưởng hoặc thúc đẩy cụ thể nào cần thực hiện. Tuy nhiên, những điều này không bị loại trừ. Thánh Inhã cho rằng có thể hiện hữu những ý tưởng trong chính an ủi hoặc như là hệ quả của nó. Ngài xem an ủi như một bài học Chúa “ban” để ta rút ra ích lợi. Qua an ủi, linh hồn nhận được lời hướng dẫn hoặc hướng hành động nào đó. Hướng đi đó phải hòa hợp với các điều răn và quyền bính hợp pháp. Chúng tôi sẽ nói nhiều hơn về ích lợi của an ủi khi bàn về các quy tắc tuần II. Cho đến lúc này, ta cần để ý rằng những gì ta làm sáng tỏ về an ủi, nó được áp dụng cho bất cứ an ủi đích thật nào, dù có nguyên do trước đó hay không.

---

<sup>14</sup> Laurence Murphy, “Consolation”, *The Way Supplement* 27 (1976), 38-39.

Sầu khổ thiêng liêng (Lt. 317). Những đặc tính của sầu khổ thiêng liêng được thánh Inhã mô tả, ngược với an ủi, là sự tăm tối, u ám, buồn sầu, tâm hồn xáo trộn. Người sầu khổ cảm thấy bị lôi kéo bởi “những điều thấp hèn” (Lt. 317); không còn muốn yêu mến các điều thiêng liêng; cảm thấy mất niềm tin, bị tách biệt với Đấng tạo hóa và Chúa của mình; thấy khô khan, bị thử thách, cảm dỗ, hăm hăm và lười biếng, bị những điều hạ giới lôi kéo; thấy mệt mỏi, không thể cầu nguyện sốt sắng, chẳng muốn nói về Chúa; chỉ tập trung vào mình, vào những thất bại và yếu đuối.

Tuy nhiên, không phải mọi yếu tố trên đều đi vào từng trường hợp của người bị sầu khổ. Có một số điểm nổi trội nơi người này nhưng lại không thấy nơi người khác. Khi một người cảm thấy khô khan và chán nản trong cầu nguyện có thể là vì phương pháp cầu nguyện chưa thích hợp với trạng thái của linh hồn<sup>15</sup>. Trong trường hợp này, ta không bàn về sầu khổ đích thật vì người đó không cảm thấy cắt đứt hoặc chê ghét những điều thuộc về Chúa; không thấy bị hút vào những điều hạ giới. Như thế, người cảm thấy khô khan trong cầu nguyện, do phương pháp, vẫn thấy mình khao khát Chúa, yêu mến và muốn phục vụ Ngài; thấy nơi mình có sự cắt đứt và chê ghét những điều trần thế. Trong những trường hợp còn lại, ta không thể loại trừ trường hợp rằng trong bất cứ giai đoạn nào của đời sống thiêng liêng, ta đều cảm nghiệm những lúc ta bị khô khan hoàn toàn, bị cảm dỗ hoặc chẳng còn thích thú những điều thiêng liêng; cảm thấy Chúa vắng bóng. Như thế, ta đang bị sầu khổ thật sự.

Broderick cho rằng trạng thái đặc thù nào đó của ý thức có thể làm ta không cảm nghiệm được an ủi. Tuy nhiên, điều này không nhất thiết phải được kể là sầu khổ thiêng liêng. Chẳng hạn, ta quá lo lắng về công việc hoặc bị nhức đầu có thể làm ngăn trở an ủi, nhưng đây không nhất thiết là sầu khổ thiêng liêng. Tự nó không đối nghịch với an ủi thiêng liêng. Sầu khổ thiêng liêng là một kinh nghiệm phản thiêng liêng. Dầu chỉ giúp ta phân biệt giữa sầu khổ thiêng liêng và không thiêng liêng là tâm trạng và những cảm xúc của sầu khổ thiêng liêng, tự bản chất, trực tiếp huỷ diệt đức tin, cậy, mến. Dưới những tác động của những cảm xúc

---

<sup>15</sup> Theo Thánh Gioan Thánh Giá, đây là trường hợp của người chuyển từ suy niệm sang chiêm niệm. Trong trường hợp của người mới bắt đầu đời sống thiêng liêng, người chưa quen cầu nguyện với một phương pháp thích hợp, ta dễ dàng phân biệt hơn bởi mức độ thiêng liêng và việc người này chưa có được thói quen cầu nguyện.

này, người bị sâu khổ, về phương diện thiêng liêng, thấy mình như đã chết hoặc đang chết. Cảm giác đau khổ nhất là thấy mình bị cắt đứt hoàn toàn với Chúa. Sâu khổ thiêng liêng là kinh nghiệm tôn giáo, có Chúa là trọng tâm. Nó là một kinh nghiệm đức tin và chỉ ai sống đức tin mới cảm nghiệm rõ sâu khổ thiêng liêng<sup>16</sup>.

Những tư tưởng xảy đến lúc sâu khổ: bị quan tâm tối; người bị sâu khổ đóng kín trong những giới hạn và điểm yếu của mình; mỗi lúc càng bị lún sâu hơn trong nỗi khổ và bất tín đến độ như cảm thấy đang bị Chúa bỏ rơi. Những tư tưởng này nghịch với những tư tưởng xảy đến trong an ủi (Lt. 317). Trong lúc sâu khổ, thần dữ khuyên bảo ta (Lt. 318). Nó tìm cách tạo ra những tư tưởng bất tín khiến ta đóng kín trong nỗi khổ của mình đến độ có thể đưa ta đến tuyệt vọng.

Tuy nhiên, theo thánh Inhã, sâu khổ là bài học Chúa “cho phép” xảy ra. Ngài đề ta “trong thử thách, với khả năng của mình, chống lại ma quỷ” (Lt. 320). Thật hữu ích nếu ta hiểu được bài học này hầu rút ra ích lợi thiêng liêng. Ta phải đến với Chúa khi bị sâu khổ. Tuy nhiên, có người càng bị sâu khổ, càng bám víu vào các phương tiện con người và nghĩ rằng đó là giải pháp loại trừ sâu khổ. Thế nhưng, cứ dựa vào những thói quen không bỏ ích, ta lại bị rơi vào sâu khổ và có thể rơi vào trường hợp *Domino effect* (hiệu ứng Đôminô): sâu khổ này đưa đến sâu khổ khác. Ta từng nghe nói “ân sung được xây trên tự nhiên”. Ma quỷ cũng xây nhà trên sâu khổ. Qua an ủi hoặc sâu khổ, Chúa muốn nói với ta điều gì đó. Gerard w. Hughes cho rằng “trong Linh thao, thánh Inhã luôn mong chờ an ủi hoặc sâu khổ xảy ra trong tâm hồn thao viên (Lt. 6). Nếu họ không có được kinh nghiệm này, cuộc Linh thao không thể được tiếp tục, bởi vì ngang qua an ủi và sâu khổ, ta mới có thể phân định được ý Chúa trong cuộc sống của mình”<sup>17</sup>.

### **Cung cách hành xử cần được tuân giữ: quy tắc 5-11, Lt. 318-324**

Trong thời gian sâu khổ, thần dữ “thường hướng dẫn và khuyên bảo ta. Với lời khuyên của nó, ta không thể đi đúng hướng”. Vậy, “trong thời gian sâu khổ, đừng bao giờ thay đổi, nhưng hãy kiên định trong những quyết định ta đã thực hiện trước khi gặp sâu khổ, hoặc những quyết tâm đã có khi ta được an ủi. Vì cũng như trong khi được an ủi, thần lành

<sup>16</sup> William Broderich, “First Week: Rules for Discernment”, *The Way Supplement* 48 (1983), 33-34.

<sup>17</sup> Gerard w. Hughes, “Forgotten Truths”, *The Way of Ignatius of Loyola: Contemporary Approaches to the Spiritual Exercises*, Ed. by Philip Sheldrake, The Institute of Jesuit Sources, St. Louis, 1991, 30.

hướng dẫn và khuyên nhủ ta nhiều hơn thế nào, thì trong cơn sâu khổ, “thần dữ cũng vậy, mà theo lời khuyên của nó, ta chẳng thể đi đúng đường” (Lt. 318). Nguyên tắc đầu tiên ta phải tuân giữ bằng mọi giá là “không bao giờ thực hiện bất cứ thay đổi gì” khi bị sâu khổ, “nhưng phải vững chí trong những mục đích và quyết định đã thực hiện trước lúc bị sâu khổ hoặc trong lúc an ủi” (Lt. 318). Hơn nữa, về phương diện con người mà nói, nguyên tắc khôn ngoan là ta không nên gắng sức tiếp bước trên con đường rủi ro, khi mọi sự đang trở nên tăm tối hoặc lúc ta bị lạc lối.

Không những thế, ta cần phản ứng ngược lại với sâu khổ. Người bị sâu khổ thường hay bị rơi vào trạng thái hăm hăm và uơn lười; muốn cắt ngắn hoặc bỏ hẳn giờ cầu nguyện và các việc hãm mình. Như vậy việc ta phải thực hiện là “kiên định trong cầu nguyện, suy niệm, xét mình và làm việc hãm mình nhiều hơn” (Lt. 319). Đây là phản ứng của người khiêm tốn, biết rằng chỉ trong Chúa, ta mới có được giải pháp. Và đối với người khôn ngoan, người biết rõ lúc sâu khổ “thần dữ thường hướng dẫn mình” và vì thế phải làm ngược lại với lời khuyên hoặc thúc đẩy của nó.

Trong khi đó, người bị sâu khổ cần kiên nhẫn chờ an ủi từ Chúa tùy lúc nào Ngài muốn. Như thế ta không rơi vào tuyệt vọng. “Ai đang gặp sâu khổ hãy cố gắng nhẫn nại, chống lại những khổ sở trong lòng, và nghĩ rằng, chẳng bao lâu nữa sẽ được an ủi, nếu hết sức chiến đấu với cơn sâu khổ ấy, như đã nói ở quy tắc thứ sáu” (Lt. 321). Ai bị sâu khổ cần phản ứng ngược lại với khuynh chiều đóng kín chính mình hoặc chỉ nghĩ về những thất bại mà thôi. Mặt khác, họ cần mở ra trước sức mạnh và sự quan phòng của Chúa: “Chúa lấy đi nơi ta sự nhiệt thành, tình yêu và ân sủng” nhưng Ngài vẫn ban cho ta đủ ơn để chống lại kẻ thù và đạt được sự trợ giúp của Ngài – “điều Chúa luôn ban, dù có lúc ta không nghiệm thấy” – ơn cứu độ. “Ai đang gặp sâu khổ, hãy nghĩ rằng, để thử luyện, Chúa đã để mình với khả năng tự nhiên chống trả những xáo động và cám dỗ của kẻ thù; bởi vì ta vẫn có thể chống trả được nhờ ơn Chúa giúp đỡ; một ơn luôn có dù ta không cảm nhận rõ ràng; bởi vì Chúa lấy đi lòng sốt sắng nồng nàn, lòng mến bao la và ân sủng mãnh liệt, nhưng vẫn để lại ân sủng đủ cho sự cứu rỗi đời đời” (Lt. 320). Ở đây, lời Inhã vọng lên trong ta lời Chúa, khuyên ta phải hành động chống lại âm mưu của ma quỷ “với đức tin mạnh mẽ” (1Pr 5, 8-9); đừng bao giờ đổi thoai, nhưng đương đầu và gạt bỏ ngay những lời bóng gió của nó.

Ta được giúp nhiều nếu để ý đến nguyên nhân khả thể của sâu khổ hầu chữa trị đúng lúc. Thứ nhất, có thể do lỗi của ta, nóng lạnh bất thường, chênh mảng hoặc lười biếng cầu nguyện, nên an ủi rời bỏ ta. Hệ quả của lười biếng và chênh mảng trong cầu nguyện là bình an và niềm vui nội tâm nơi ta bị mất đi. Nói cách khác ta không còn được an ủi thiêng liêng. Đây là dấu hiệu đánh thức để ta biết cần phải cộng tác nhiều hơn với Người ban ơn. Như thể Người ban an ủi nói: “Món quà an ủi Ta ban cho bạn có ý nghĩa gì cho bạn không? Bạn nói có, nhưng lại không trân quý nó trong cuộc sống hằng ngày”<sup>18</sup>. Theo thánh Inhã, “Có ba nguyên do chính khiến ta gặp sâu khổ: *Thứ nhất*: Vì ta lạnh nhạt, lười biếng hay chênh mảng trong các bài thao luyện thiêng liêng; và như vậy, vì lỗi ta mà sự an ủi thiêng liêng lìa xa ta; *Thứ hai*: Để thử xem nếu thiếu an ủi thiêng liêng và hồng ân lớn lao của Chúa ta vẫn sẵn sàng phụng sự và ngợi khen Chúa đến mức độ nào...” (Lt. 322). Vì thế, ta phải kiên định trong các việc thiêng liêng và phải thật sự khiêm tốn. Việc hồi tâm giúp ta nhận biết được tiếng Chúa, ngang qua sâu khổ, nhờ đó có thể tránh được xao lãng và thiếu sót cụ thể, những điều có thể làm cho đời sống thiêng liêng của ta ngày càng trở nên nguy hiểm.

Nguyên nhân thứ hai là Chúa để ta trong thử thách, Ngài muốn ta, với công trạng của mình, phục vụ Ngài với một tình yêu tinh tuyền và cảm nhận sâu hơn vị ngọt của các ân huệ siêu nhiên, chứ “không mong chờ an ủi từ người phạm” (Lt. 322). “Sâu khổ giúp ta cảm nếm được sự thật này, một sự thật chưa hề có ai phủ nhận cách minh nhiên; thế nhưng cũng chưa có ai để cho sự thật này trở thành một phần trong cuộc sống của mình”<sup>19</sup>. Hơn nữa, đó là phương pháp sư phạm của Ngài, giúp ta thực hành các nhân đức kiên nhẫn, hi vọng và nhất là khiêm nhường, nhân đức thật quan trọng trong lúc ta bị sâu khổ. Như vậy, để ta cảm nhận tự sức mình “ta không thể yêu Chúa liên tục và nồng nàn, ta không thể có được ơn nước mắt hoặc bất cứ an ủi thiêng liêng nào, nhưng mọi sự đều là ân huệ Chúa ban” (Lt. 322). Vì vậy, ta không được quy về mình, với sự ngạo mạn và hư danh, những gì thuần túy là ân huệ của Chúa, “... lý do thứ ba, để ta hiểu biết và nhận thức đích thực đến nỗi ta cảm thấy rằng không phải tự ta tạo ra hay duy trì được lòng sốt sắng, lòng mến tha thiết, nước mắt hoặc bất cứ ơn an ủi thiêng liêng nào, nhưng tất cả đều là quà tặng và ân ban của Chúa, và để ta đừng “làm tỏ ở nhà người khác”, đừng tự mãn tự phụ mà trở nên kiêu ngạo, khi tự cho

---

<sup>18</sup> Antonio Guillén, “What we learn from Desolation?”, *The Way* 43 (2004), 41.

<sup>19</sup> *Ibid.*, 41.

mình có lòng sốt sắng hay các hình thức khác của ơn an ủi thiêng liêng” (Lt. 322). Bài học này cũng thật ích lợi cho những linh hồn đã tiến xa trong đời sống thiêng liêng.

Trong cả hai trường hợp, ta phải phản ứng chống lại sầu khổ và những tư tưởng xuất phát từ đó: mất niềm tin, rơi vào cảm dỗ hoặc tình trạng nóng lạnh bất thường. Mặt khác, ta cần biết và tin rằng Chúa sẽ trở lại. “Sầu khổ có thể được xem như một sứ điệp đích thật về sự nâng đỡ của Chúa đối với người bị sầu khổ. Ta đang ở cạnh con và đừng nghĩ rằng Ta đã bỏ con. Không đâu. Ở đây, nó giống trường hợp cha mẹ chơi trò trốn tìm với con mình. Khi thấy con mình tìm kiếm trong lo lắng, họ lại xuất hiện”<sup>20</sup> Ngài không bỏ rơi ai và luôn ban cho ta sức mạnh cần thiết trong những lúc bị thử thách: “Trái lại, người lâm cơn sầu khổ nên tin tưởng mình vẫn có ơn Chúa trợ giúp để chống trả mọi kẻ thù, cậy dựa vào Đấng Tạo Hóa và Chúa mình” (Lt. 324).

Ngược lại, trong lúc được an ủi, ta cần biết sự thật về mình: không được nghĩ rằng an ủi do ta mà có được, ta muốn có lúc nào ta muốn. Nó là ơn ban nhưng không của Chúa. Vì thế, ta cần nhớ rằng mình thật bất lực biết bao khi bị sầu khổ; ta phải chuẩn bị và không được quên rằng trong những lúc khó khăn, chính Chúa là sức mạnh và là ơn cứu độ của ta; sức mạnh và an ủi ta lãnh nhận lúc này sẽ được sử dụng trong lúc bị sầu khổ: “Ai đang được ơn an ủi nên nghĩ tới cách đương đầu cơn sầu khổ sẽ đến, và dành sức mạnh mới cho lúc đó. Ai được an ủi nên gắng tự khiêm và tự hạ, bằng cách nghĩ mình nhỏ hèn biết mấy khi bị sầu khổ, không có đặc ân và sự an ủi như lúc này. Trái lại, người lâm cơn sầu khổ nên tin tưởng mình vẫn có ơn Chúa trợ giúp để chống trả mọi kẻ thù, nhờ cậy dựa vào Đấng Tạo Hóa và Chúa mình” (Lt. 323-324).

### **Mưu mô của kẻ thù: quy tắc 12-14, Lt. 325-327**

Ba quy tắc sau cùng của nhóm thứ nhất cho ta thấy ba trình thuật ngắn gây ngạc nhiên và chúng tượng trưng cho bối cảnh thiêng liêng. Dù ta không thích các biểu tượng này, nhưng chúng lại làm cho ta phải suy nghĩ khi ta nhìn vào tiến trình khép kín của nó. Thánh Inhã muốn nói rằng một lúc nào đó ta sẽ chợt nhận thấy mình đứng trước sự xảo quyết và dối trá tinh vi của ma quỷ. Trong ba quy tắc này, ngài trình bày ba cảnh huống và muốn ta suy xét từng cảnh huống: hai tình huống được rút ra từ tương quan giữa người đàn ông và đàn bà. Tình huống thứ ba rút ra từ sự nguy hiểm của việc vây hãm một thành phố hoặc pháo đài.

---

<sup>20</sup> *Ibid.*, 43.

Ba quy tắc tạo nên điểm chung: cách thức hoạt động của kẻ thù và cách thức ta phải phòng vệ<sup>21</sup>.

Cách thức tấn công của kẻ thù không thay đổi, dù đôi lúc nó phải thay đổi chiến lược. Cách thức này là dùng con người. Kinh Thánh mô tả Satan như “cha của sự dối trá” (Ga 8,44), “thủ lĩnh thế gian” (Ga 12,31) và “bóng tối” (Ep 6,12), như kẻ đe dọa (1Pr 5,8: “như sư tử rảo quanh”), trong thực tế nó đã bị Đức Ki-tô chinh phục (Lc 11, 20-22; Ga 16,11); nhưng ma quỷ vẫn còn bủa vây, có nanh vuốt và dùng cạm bẫy để đánh bại con người (1Tm 3,7; 6,9; Ep 6,11). Hơn nữa, ở đây ta cần để ý rằng thời gian ma quỷ tấn công không nhất thiết phải là “thời gian ta bị cám dỗ thường xuyên và kéo dài”, hoặc “những giai đoạn ta bị khủng hoảng”. Thời gian này có thể là tức thời hoặc xảy đến bất cứ lúc nào như kinh nghiệm mục vụ cho thấy. Vì vậy, từ lúc bắt đầu đời sống thiêng liêng, thật hữu ích nếu ta biết nhận ra cách thức cám dỗ của ma quỷ hầu không bị nó đánh lừa. Để giúp ta điểm này, thánh Inhã đưa ra các quy tắc 12-14, Lt. 325-327.

Đặc điểm đầu tiên về chiến lược của kẻ thù là cách thức của nó: chứng tỏ mình với một sức mạnh không thể khuất phục. Những lời khuyên của thánh Inhã được rút ra từ Kinh Thánh khi ngài nói về sức mạnh của ma quỷ: “Anh em hãy sống tiết độ và tỉnh thức, vì ma quỷ, thù địch của anh em, như sư tử gầm thét, rảo quanh tìm mồi cắn xé”; khi ngài khuyên ta phải ra sức chống trả, “Anh em hãy phục tùng Thiên Chúa. Hãy chống lại ma quỷ; chúng sẽ chạy xa anh em.” (Gc 4,7). Trong Lt. 325, thánh Inhã viết: “Kẻ thù xử sự như phụ nữ ở chỗ *“mềm nắn, rắn buông”*. Quả vậy, đặc tính của phụ nữ, khi gây gổ với đàn ông, là nản chí, chạy trốn khi người đàn ông trừng mắt cương quyết. Trái lại, nếu người đàn ông bắt đầu nản chí và bỏ chạy, thì cơn giận dữ, sự trả thù của người phụ nữ thật lớn và không sao lường được. Cũng vậy, đặc tính của kẻ thù trở nên yếu nhược, nản chí và bỏ chạy cùng với những chước cám dỗ của nó, khi thao viên thẳng tay chống trả bằng cách làm điều ngược hẳn lại. Trái lại, nếu thao viên bắt đầu sợ hãi và nản chí khi bị cám dỗ, thì không một thú vật nào trên mặt đất này hung dữ bằng thù địch loài người khi theo đuổi ý định xấu xa và vô cùng hiểm ác của nó” (Lt. 325).

Đặc điểm thứ hai của Satan là nó không muốn người bị cám dỗ nói với bất cứ ai về những gợi ý xấu xa của nó. Ở đây, thánh Inhã sử dụng việc so sánh cách thức người đàn ông dụ dỗ người phụ nữ. Anh tìm cách

---

<sup>21</sup> Carlos Garcia Hirschfeld, “Las Reglas de Discreción de Primera Semana”, *Manresa* 61 (1989), 29.

thuyết phục cô đừng nói về những gợi ý bóng gió của anh với chồng hoặc với cha mẹ cô, vì họ có thể phát hiện đúng lúc và sẽ làm mọi sự để ngăn chặn anh thực hiện mưu mô của mình. “Cũng vậy, khi thù địch loài người đưa những sự xảo trá và xúi giục của nó vào linh hồn công chính, thì mong muốn những điều đó được tiếp nhận và giữ bí mật. Nhưng khi linh hồn tỏ ra với cha giải tội ngay lành hay một người đạo đức khác am tường những dối trá và sự hiểm độc của nó, thì nó rất bất mãn, vì nó kết luận rằng ác tâm mà nó đã bắt đầu không thể thành công, vì sự lừa đảo của nó đã bị phanh phui” (Lt. 326).

Tư tưởng của thánh Inhã thật rõ ràng, phù hợp với truyền thống giáo phụ và truyền thống thiêng liêng Kitô giáo: thật cần thiết sống minh bạch và trong suốt với cha linh hướng hoặc một ai đó đang giúp mình, để không bị đánh lừa bởi những quyến rũ của kẻ thù, để học biết nhận ra những gợi ý dối trá và xấu xa của nó. Kinh nghiệm cho thấy, nhiều lúc chỉ cần nói ra cơn cảm dỗ với một ai đó thôi, ta đã cảm thấy sức mạnh của ma quỷ yếu đi nhiều. Chỉ cần mở ra với ánh sáng, ta sẽ thấy được sự thật là gì và như thế ta sẽ cảm thấy bớt nặng nề hoặc bối rối.

Ngày nay nhiều người cho rằng việc thừa nhận và biết được cảm xúc của mình là bước đầu đưa đến sự biến đổi. Nếu không hiểu được tâm trạng hiện tại của mình, ta sẽ không được chữa lành. Tuy nhiên, đây không phải là điều dễ thực hiện vì nhiều lý do. Một trong những lý do là ta không ý thức được điều gì đang xảy ra trong ta. Phân biệt thân loại không chỉ liên quan đến việc đọc ra những chuyển động nội tâm, nhưng còn phải biết phản tỉnh và suy tư về chúng. Lý do khác làm ta khó thấy được điều đang xảy ra trong tâm hồn chính là tội, nhất là kiêu ngạo. Sự mù quáng thiêng liêng và luân lý làm ta khó nhận ra hình ảnh thật về mình. Nếu không chia sẻ với người khác tâm trạng thật của mình, ta vẫn chưa dám nhìn nhận nó. Ta chưa thật sự ý thức về con người mình và chưa làm chủ được cảm xúc của ta<sup>22</sup>.

Đặc điểm thứ ba của Satan là khả năng quan sát của nó được ví như khả năng của một tướng lĩnh, một nhà chiến lược tài giỏi. Anh để ý và quan sát điểm yếu của ta rồi ra sức tấn công nhắm vào điểm yếu ấy. Vậy, ta cần tỉnh thức, “kẻ thù lại còn xử sự như một vị tướng mong chiến thắng và cướp đi những gì nó muốn. Vì như một vị chỉ huy hay vị tướng trên chiến trường, sau khi đặt bản doanh, ông ta sẽ xem xét lực lượng và địa hình của một thành trì để tấn công vào nơi yếu nhất; thì

---

<sup>22</sup> William Broderick, *op. cit.*, 36.

cũng vậy, thù địch loài người lượn quanh để dò xét các nhân đức và điểm nào yếu và dễ nguy nhất cho phần rỗi đời đời của ta để tấn công vào đó và cố hạ gục ta” (Lt. 327), đặc biệt ta phải ý thức về những điểm yếu của bản thân để củng cố hoặc tìm ra giải pháp chữa trị.

Ngôn từ thánh Inhã sử dụng để nói về kinh nghiệm của ngài làm ta nhớ lại lời Kinh thánh: “Anh em hãy sống tiết độ và tỉnh thức, vì ma quỷ, thù địch của anh em, như sư tử gầm thét, rảo quanh tìm mồi cắn xé. Anh em hãy đứng vững trong đức tin mà chống cự, vì biết rằng toàn thể anh em trên trần gian đều trải qua cùng một loại thống khổ như thế” (1Pr 5, 8-9). Nơi nào ta muốn chống lại kẻ thù đang lén lút theo ta, ta được khuyên là kháng cự lại với sức mạnh của đức tin hoặc ngăn chặn nó bằng sự tỉnh thức.

### **Những quy tắc phân định thuộc nhóm thứ hai, Lt. 328-336<sup>23</sup>**

Nhóm thứ hai gồm tám quy tắc có thể được phân chia như sau: quy tắc 1 và 7, Lt. 329 và 335: các dấu chỉ của thần lành và thần dữ. Quy tắc 3-6, Lt. 331-334: an ủi có nguyên do đi trước. Quy tắc 2 và 8, Lt. 330 và 336: an ủi không có nguyên do đi trước.

Bắt đầu các quy tắc phân định của tuần II, thánh Inhã nói: “Những quy tắc này được viết cho cùng mục đích với sự cẩn trọng hơn về các thần loại. Chúng thích hợp hơn cho tuần II” (Lt. 328). Ở đây ta nói về sự phân định tinh tế và sâu hơn so với sự phân định của tuần I. Vì thế sẽ không thích hợp trình bày chúng cho thao viên trừ khi họ bị thần dữ đột ngột tấn công (Lt. 9-10). Nói cách khác, thánh Inhã không muốn áp dụng những quy tắc này cho các thao viên tuần I bởi vì “những quy tắc này bàn đến những vấn đề tinh vi và khá cao so với mức độ thiêng liêng của họ” (Lt. 9). Thời điểm thích hợp để áp dụng chúng là “khi người cho Linh thao thấy thao viên đang bị cám dỗ dưới bóng dáng của điều tốt” (Lt. 10). Đây là dấu chỉ cho thấy sự tăng trưởng trong sống thiêng liêng của một người. Sẽ đến thời điểm thao viên thật sự dám trao mình cho Chúa, không sợ những khó khăn hoặc khinh chê có thể xảy đến như là hệ quả của sự trao ban này. Họ vượt qua mọi sỉ nhục, những yếu tố con người, và những kháng cự tự nhiên khác. Vì thế, kẻ thù chờ chực ở cửa để bước vào tâm hồn họ, nguy trang với dáng vẻ bề ngoài của điều gì đó là tốt lành.

---

<sup>23</sup> Trong phần giải thích các quy tắc tuần II, chúng tôi lấy nhiều ý tưởng của John J. English, *op. cit.* 175-194.

Vào tuần II, thường các thao viên đã đạt được mức độ tự do nội tâm nào đó sau khi đã được thanh tẩy khỏi những khao khát tội lỗi quá khứ. Đồng thời, họ cũng đạt được một mức độ khiêm nhường thiêng liêng nhất định. Mặc dù những quy tắc này được sử dụng cho tuần II, chúng chỉ có thể được áp dụng cho những ai đã nhận được ân sủng và tự do của tuần I cũng như ơn xin của các bài thao luyện: *Ba Nhóm Người* và bài *Ba Mức Độ Khiêm Nhường*<sup>24</sup>.

Michael Kyne cho rằng các quy tắc tuần II thường được áp dụng cho các Kitô hữu có đời sống thiêng liêng khá trưởng thành, có tinh thần dấn thân và quảng đại. Họ luôn hỏi về mục đích cuộc đời liệu đó có phải là Chúa và việc phục vụ Ngài hay không. Câu hỏi khác họ đặt ra là phẩm chất về cuộc sống: liệu đó có phải là đời sống cầu nguyện, đức ái hướng về tha nhân, quên mình, v.v... Theo Kyne cụm từ trong truyền thống linh đạo Kitô giáo có thể trả lời cho những câu hỏi này là: *dos haima kai labe pneuma* (*Give your life blood and receive the Spirit* - hãy trao ban mạng sống và lãnh nhận Thần Khí). Mặt khác, Kyne cũng cho rằng thường ít khi ta nối kết các vấn đề của đời sống Kitô hữu, kể cả đời sống của các linh mục và tu sĩ, với sự quảng đại phục vụ Chúa. Ngược lại, ta hay nói đến các vấn đề như sự trưởng thành nhân bản, giáo dục Kitô giáo, v.v... Nếu chỉ dừng lại ở các vấn đề này, những quy tắc phân định tuần I nên được áp dụng cho họ, bởi vì các quy tắc của tuần II giả định người ta phải có một sự khao khát kiên định trong việc phục vụ và thi hành thánh ý Chúa trong tự do và quảng đại<sup>25</sup>.

Theo David Lonsdale, có nhiều khác biệt quan trọng giữa các quy tắc của tuần I và tuần II. Một trong những khác biệt này là cụm từ “bóng dáng của điều tốt lành” đối với nhiều người ở những giai đoạn khác nhau trên hành trình Kitô giáo. Nếu khuynh hướng sống căn bản của ta hướng về sự hiện hữu bình an và tin tưởng, ta sẽ bị làm cho nản lòng bởi những tư tưởng hoặc hình ảnh về một lối sống liên quan đến nhiều cái giá phải trả. Nếu ta nhiệt thành và muốn sống cho những lý tưởng Kitô giáo cao hơn, ta sẽ bị lôi kéo bởi những điều thấp hèn hoặc ít tốt hơn, nếu nó được ngụy trang dưới “bóng dáng” của một điều gì đó là tốt. Đa phần những người thuộc về thứ hai, những Kitô hữu trưởng thành, những người được thánh Inhã gọi: “những linh hồn đang tiến triển đến

---

<sup>24</sup> John J. English, *op. cit.* 176.

<sup>25</sup> Michael Kyne, “Discernment of Spirit and Christian Growth”, *The Way Supplement* 20 (1968), 23.

sự hoàn hảo hơn” (Lt. 335), là người được bàn đến trong các quy tắc tuần II<sup>26</sup>.

Thường ta giả định mình đã khấn, đã và đang theo đuổi ơn gọi nhiều năm, đã và đang thành công trong nhiều công việc tông đồ, ta có bình tâm và tự do. Tuy nhiên, điều ngược lại thường đúng hơn. Kyne cho rằng để được Thánh Thần thúc đẩy và biến đổi, ta phải hiến dâng trọn vẹn cho Chúa. Ta phải có tự do và khao khát được ở và đồng hóa với Đức Giêsu. Nói theo ngôn từ của thánh Inhã, ta phải đạt được mức độ khiêm nhường thứ ba. Trong tự do như thế, thái độ quảng đại của ta mới có thể đưa ta đến việc trao ban chính mình trong tình yêu. Nếu tinh thần quảng đại phục vụ của ta ngày càng suy giảm nhưng ta vẫn thấy mình hạnh phúc và bình an, đây có thể là dấu chỉ xấu vì bình an này có thể là giả tạo và đến từ ma quỷ. Ngược lại, nếu ta thấy mình mỗi lúc quảng đại, hạnh phúc và bình an hơn, đây là dấu chỉ tốt vì sự bình an và hạnh phúc này là đích thực<sup>27</sup>.

Trong khi các quy tắc của tuần I tiếp tục hữu ích cho mọi người, các quy tắc của tuần II được áp dụng chủ yếu cho các Kitô hữu có tinh thần dân thân và quảng đại, muốn phục vụ Chúa trọn vẹn. Với cuộc sống quảng đại như thế, họ sẵn sàng mở ra lãnh nhận ân sủng từ Chúa, nhưng họ cũng có thể bị ma quỷ đánh lừa. Thánh Inhã nói: “Đặc điểm của Chúa và các thiên thần của Ngài khi soi giục là ban sự hoan hỉ và mừng vui thiêng liêng thật, xoá bỏ mọi buồn sầu và xao xuyến do kẻ thù đưa vào. Còn đặc điểm của kẻ thù là chống lại sự hoan hỉ và niềm an ủi thiêng liêng ấy bằng những lý lẽ giả tạo và ngụy biện không cùng (Lt. 329).

Ở đây, lời thánh Inhã gọi lại lời Thánh Phao-lô: “Phần anh em, anh em đã không lãnh nhận Thần Khí khiến anh em trở thành nô lệ và phải sợ sệt như xưa, nhưng là Thần Khí làm cho anh em nên nghĩa tử” (Rm 8, 15). Chính ma quỷ gieo sợ hãi vào cuộc sống các Kitô hữu quảng đại. Trước khi phân định và tìm kiếm ý Chúa, ta cần hỏi: “Tôi là ai và đến từ đâu?” Trong cảm thức bình an về căn tính mình như những người con được cứu chuộc, ta biết phân biệt những chuyển động của các thần trong tâm hồn. Trong quy tắc thứ hai và thứ tám, thánh Inhã viết: “Chỉ có Chúa mới ban sự an ủi cho linh hồn mà không cần nguyên do; vì đặc điểm của Đấng Tạo Hóa là đi vào, đi ra, đánh động, lôi cuốn linh hồn

---

<sup>26</sup> David Lonsdale, “The Serpent’s Tail: Rules for Discernment”, *The Way Supplement* 52 (1985), 65.

<sup>27</sup> Michael Kyne, *op. cit.*, 25.

tha thiết yêu mến Thiên Chúa chí tôn. Tôi nói không có nguyên do, tức là niềm an ủi đó xuất hiện không phải do cảm xúc hay hiểu biết về bất cứ đối tượng nào trước đây” (Lt. 330). “Khi an ủi không có nguyên do, thì mình không thể bị lừa dối được, vì như đã nói trên, ơn an ủi bắt nguồn trực tiếp chỉ từ Chúa ...” (Lt. 336).

An ủi không có nguyên do (Lt. 330) xảy ra khi một người được đưa vào “tình yêu Chúa trọn vẹn” mà không một tư tưởng hoặc ý niệm nào trước đó có thể đưa đến kết quả này. Đối với thánh Inhã, kinh nghiệm này tự nó là đích thật: một chuyển động và thái độ trọn vẹn của tình yêu hướng về Chúa, một tiếng “vâng” bao trùm tất cả, điều duy nhất trong lịch sử cuộc đời của một người không bao giờ nói “không”. Ta nói về một chuyển động đơn sơ và trọn vẹn, chuyển động làm ta được biến đổi hướng về tình yêu Chúa mà không một ý niệm nào sánh bằng. Bởi vì kinh nghiệm an ủi này phát xuất từ Chúa, nên không thể bị sai lầm. Tuy nhiên, điều này không nhất thiết đúng khi nó liên quan đến những suy nghĩ, hình ảnh và mục tiêu xảy ra sau kinh nghiệm của người được an ủi. Những điều này cần một sự phân định cẩn thận (Lt. 336)<sup>28</sup>.

Khi nói về phân định thần loại, ta được khuyến đọc thư thánh Inhã gửi cho Sr Rejadell ngày 18. 06. 1536. Ta tìm hiểu đoạn cuối lá thư xem thánh Inhã nói gì về an ủi không có nguyên do.

*Giờ đây tôi phải nói về việc làm thế nào chúng ta cần hiểu điều ta cảm nhận là đến từ Chúa, và sau khi hiểu rồi, ta phải áp dụng nó thế nào cho lợi ích thiêng liêng. Ta biết rằng Chúa chúng ta thường tác động và thúc đẩy một linh hồn đến hoạt động này hoặc hoạt động khác. Ngài bắt đầu bằng việc khơi sáng linh hồn, nghĩa là Ngài nói cách âm thầm trong linh hồn đó, nâng nó lên kết hiệp với tình yêu của Ngài và cho ta được tham dự vào cảm thức của Ngài (tiếng Tây ban Nha: sentido suyo) mà không có khả thể kháng cự về phía ta. Cảm thức ta đón nhận phải phù hợp với các điều răn, với giáo huấn của Giáo hội, với sự vâng phục các bề trên. Cảm thức này làm ta được tràn ngập khiêm nhường bởi vì cùng Thần khí hiện diện trong tất cả. Tuy nhiên, ta thường hay bị đánh lừa bởi vì sau khi được an ủi, khi mà linh hồn còn vui sướng trong an ủi, kẻ thù tận dụng cơ hội để thêm thắt vào điều ta lãnh nhận từ Thiên Chúa, Chúa chúng ta. Mục đích của nó là làm ta bối rối. Lúc khác, nó làm ta cảm thấy sự điệp ta lãnh nhận từ Chúa ít quan trọng và bày ra trước mắt ta*

---

<sup>28</sup> Michael Buckley, “Discernimiento”, *Diccionario de Espiritualidad Ignaciana*, Mensajero-Sal Terrae, Bilbao-Santander, 2007, 610.

*không ít khó khăn và cản trở hầu ta không thể thi hành trọn vẹn điều Chúa mặc khải.*

Qua đoạn thư trên, ta nhận thấy nhiều điểm quan trọng thánh Inhã muốn nói liên quan đến an ủi không có nguyên do. Trước tiên, ta nhận thấy bận tâm của ngài không phải là về trạng thái của chính an ủi và sâu khô, nhưng là cách thức khám phá ý Chúa. Những gì được nói cách mặc nhiên trong Linh thao giờ đây được thấy rõ trong đoạn thư này. Trong lúc an ủi xảy ra, người được an ủi lãnh nhận một sứ điệp và được thôi thúc thi hành sứ điệp đó. Cụm từ *sentido suyo* thật khó dịch. Cách nào đó người được an ủi có được tâm thức của Chúa, có được tâm trạng của Ngài, và cụm từ gần nghĩa nhất với cụm từ *sentido suyo* là *sensus Christi*. Nói theo ngôn từ của thánh Inhã đó là người đã đạt được mức độ khiêm nhường thứ ba, người muốn được trở nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô, người muốn có con tim và tâm trí của Đức Giêsu. Nói như Thánh Phaolô, “chúng ta là những người mặc lấy tâm trí Đức Kitô” (1Cr 2, 16), hoặc “Tôi sống nhưng không phải tôi sống, nhưng Đức Giêsu sống trong tôi” (Gl 2, 20). Trong bối cảnh của Linh thao, đây là tâm trạng của người bình tâm, người đã được thanh tẩy khỏi mọi quyền luyến lạc và nghe được tiếng gọi của Vua hằng Sống và quảng đại đáp trả, người hiểu được những cam bẫy của ma quỷ và đời sống đích thật của Đức Kitô. Tất một lời, đây là người sẽ kinh nghiệm được an ủi của Đức Kitô<sup>29</sup>.

Điều thánh Inhã muốn nói qua đoạn thư trên là Chúa thường hoạt động nơi ta trong một cách thức những tư tưởng và cảm xúc của ta sẽ trở thành tư tưởng và cảm xúc của Ngài. Thiên Chúa suy nghĩ trong ta hầu ta trở thành người được chia sẻ trong tình yêu của Ngài. An ủi thiêng liêng là cách hoạt động của Chúa, qua đó ta thấy được sự gần gũi của Ngài với con người và Ngài đang yêu và muốn ta sống với tình yêu và sự sống của Đức Giêsu.

Đến đây ta tự hỏi: an ủi thiêng liêng có ích gì cho đời sống thiêng liêng? Người được an ủi phải hành động hay chỉ giữ an ủi cho mình là đủ. Theo Laurence, nếu an ủi chỉ là vấn đề của kinh nghiệm tôn giáo thôi và nó chẳng liên quan gì đến hành động, ta chẳng cần bàn thêm. Thậm chí, nó còn được xem là sự xa xỉ tôn giáo và thao viên cũng chẳng còn hứng thú khi làm Linh thao. Theo nghĩa hẹp, dù không phải mọi kinh nghiệm của an ủi đều nhắm đến chọn lựa, đặc nét của an ủi Inhã là

---

<sup>29</sup> Laurence Murphy, *op. cit.*, 42-43.

nhắm đến việc tìm kiếm và thi hành ý Chúa. An ủi là để hành động, dù hành động ấy chưa được bộc lộ. Vì thế, an ủi mang đặc tính tông đồ. Thánh Inhã tin rằng trong Linh thao Chúa mặc khải mình cho thao viên, làm họ bừng cháy lửa tình yêu, nhờ đó họ có thể thi hành ý Chúa. Trong kinh nghiệm của Linh thao, Chúa dẫn dắt mỗi người trong một cách thức đặc thù<sup>30</sup>.

Nói về ích lợi của an ủi, Cha Jerónimo Nadal, vào tháng 11. 1561, tại Alcalá, bình luận như sau. Ngài bắt đầu bằng câu hỏi: ta sẽ làm gì với an ủi? Thật quan trọng hiểu được lý do tại sao Chúa ta ban an ủi cho ta và Ngài muốn gì khi Ngài làm như vậy. Để ta thực hiện những công việc mình phải làm với một sự hoàn hảo hơn, để ta hiểu rõ hơn những việc mình đã và đang làm, để ta khao khát mãnh liệt và thật lòng hơn khi dấn thân phục vụ Chúa và để ta được tăng thêm sức mạnh trong việc phục vụ Ngài. Sẽ tồi tệ biết bao khi ta đánh mất chính mình trong an ủi, xem thường những gì được ban. Như thế, ta đang mở cửa cho ma quỷ và những âm mưu nguy hiểm của nó. *Hay que usar de la consolación, no disfrutarla* – an ủi phải được dùng cho việc tốt chứ không phải để hưởng thụ. An ủi phải được đón nhận như một phương thế và quà tặng Chúa ban chứ không được xem như là cùng đích – ta không được nghỉ yên trong an ủi, nhưng xem an ủi như “một món tiền trả góp” giúp ta có thể tiếp tục tiến bước<sup>31</sup>.

Những gì được nói trong hai quy tắc trên (Lt. 330 và 336) chắc chắn được rút ra từ kinh nghiệm của thánh Inhã. Nội dung của chúng làm ta nhớ lại tư tưởng thánh Phaolô: “Trông cậy như thế, ta sẽ không phải thất vọng, vì Thiên Chúa đã đổ tình yêu của Người vào lòng chúng ta, nhờ Thánh Thần mà Người ban cho chúng ta” (Rm 5, 5).

Thế nhưng, nếu đọc tiếp quy tắc thứ tám, ta thấy khó biết bao để phân định đúng đắn khi những an ủi này được ban: “Tuy nhiên, người công chính được Chúa ban ơn đó rất cần tỉnh thức và chú ý để phân định thời gian được an ủi với thời gian tiếp sau đó, khi linh hồn còn ám áp và sung sướng vì ơn huệ và dư hưởng của nó. Quả vậy, trong thời gian tiếp sau này, nhiều khi, ta hoạch ra những dự định và ý tưởng dựa vào thói quen, kiến thức và cách suy diễn của bản thân, dưới ảnh hưởng của thần lành hay của thần dữ. Như vậy, những dự định và ý tưởng đó không bắt nguồn trực tiếp từ Chúa, như ơn an ủi ban đầu, và vì thế, cần cẩn trọng

---

<sup>30</sup> *Ibid.*, 44-5.

<sup>31</sup> *Las Pláticas del P. Jerónimo Nadal: La Globalización ignaciana*, ed. y trad. Miguel Lop Sebastià, Mensajero-Sal Terrae, Bilbao-Santander, 2011, 289.

xem xét trước khi hoàn toàn tin tưởng chúng và đem ra thực hành” (Lt. 336).

Ngay cả khi nhận được an ủi không có nguyên do, ta phải cẩn trọng xem xét điều xảy ra sau đó. Bốn quy tắc tiếp theo (Lt. 331-334) cho thấy ta cần xem xét hết mọi khía cạnh của một kinh nghiệm an ủi. Quy tắc thứ ba nói: “Khi có nguyên do, thần lành cũng như thần dữ đều có thể an ủi linh hồn, nhưng nhằm mục đích trái ngược nhau: thần lành nhằm mưu ích cho linh hồn, để nó lớn lên và ngày càng tốt lành hơn, còn thần dữ nhằm điều ngược lại, lôi cuốn linh hồn theo ác ý tội tệ của nó” (Lt. 331). Thánh Inhã muốn nói rằng ta sẽ hành động tùy theo nhận thức, suy nghĩ và phản tỉnh theo cảm xúc của mình, v.v... Những hành động này xảy đến trước an ủi và là phương tiện qua đó một kinh nghiệm được thúc đẩy. Sự thúc đẩy này có thể trôi dạt, chẳng hạn từ việc suy niệm và chiêm niệm của ta, hoặc từ sự phản tỉnh, từ một cuốn sách, một bài giảng, v.v...<sup>32</sup>.

Có lẽ quy tắc được áp dụng thường xuyên nhất là quy tắc thứ tư: “Đặc điểm của thần dữ là khi đi vào linh hồn sùng kính, nó sẽ đội lốt thiên thần sáng láng nhưng đi ra với ý của nó; nghĩa là nó bày ra những tư tưởng tốt lành thánh thiện hợp với linh hồn công chính, rồi dần dần gắng lôi kéo linh hồn vào những mưu mô ẩn kín và những ác ý tội tệ của nó” (Lt. 332). Dấu chỉ cảm dỗ trắng trợn của Kẻ thù là nó đưa ra những gợi ý tốt lành, nhưng lại khó đạt được, nhất là đối với những người mới bắt đầu trên đường thiêng liêng. John English nói rằng có nhiều thao viên bắt đầu nghĩ đến việc thi hành các sứ mạng khó khăn hoặc một công việc tông đồ phi thường nào đó trước khi họ được thanh luyện khỏi con đường tội lỗi và cắt đứt được những quyến luyến lệch lạc. Sự tương tượng của họ bắt đầu chậm và dần lớn đến nỗi họ nghĩ mình như là người tông đồ vĩ đại của Chúa, đang giảng trong sân vận động trước một đám đông khổng lồ. Tuy nhiên, sau đó họ bắt đầu nản lòng: “Để có được đông người như thế cần phải có nhiều người đứng ra tổ chức; tôi sẽ làm điều này điều kia, người ta sẽ ngưỡng mộ và tán khen những tài năng của tôi”. Như vậy, sứ mạng này được bắt đầu với tự do lớn, nhưng lại kết thúc bằng tự do bị giới hạn<sup>33</sup>.

David Lonsdale cho ta thấy một ví dụ khác. Một người là cha trong gia đình. Anh cảm nhận được lời mời gọi làm cho cuộc sống của mình

---

<sup>32</sup> *The Spiritual Exercises of Saint Ignatius, A translation and Commentary* by George E. Ganss, Gujarat Sahitya Prakash – Anand, Gujarat, India, 1993, 195.

<sup>33</sup> John English, *op. cit.*, 179-180.

mang tính “tiên tri” hơn. Anh muốn dành thời gian để thi hành nhiều sứ mạng làm chứng cho Chúa. Nghĩ về điều này, anh cảm thấy được an ủi, nhưng sau đó, suy nghĩ và lý luận kỹ hơn về kinh nghiệm này, anh nghĩ mình có thể sống một cuộc sống chứng nhân cho Chúa nhưng cuộc sống này có thể đưa đến nhiều nguy hại và rủi ro cho đời sống hôn nhân gia đình của anh và thực tế nó cũng khó giúp anh sống trọn vẹn ơn gọi Kitô hữu của mình. Theo thánh Inhã, ta cần suy xét toàn bộ dòng tư tưởng xem nó đó đưa ta về đâu, hầu thấy được bóng dáng của điều ít tốt hơn xen vào. Đức Giêsu cũng bị ma quỷ cám dỗ để làm điều ít tốt hơn so với những kế hoạch ban đầu Chúa Cha muốn (x. Mt 4, 1-11; Lc 4, 1-13)<sup>34</sup>.

John English cho rằng ma quỷ có thể sử dụng bất cứ nguyên cớ nào để cám dỗ ta. Ví dụ, có người suy nghĩ: “Chúa trao cho tôi nhiều trách nhiệm khi sống trên đời, tôi phải làm việc cật lực”. Suy nghĩ như thế, người ấy ra sức làm việc đến kiệt sức và trở nên chẳng khác gì người máy. Họ kết thúc công việc trong mệt mỏi, bất an và lo lắng. Sự ngọt ngào trong tương quan với Chúa bị mất. Cũng vậy, kẻ thù có thể tấn công ngược lại. Nó gợi lên ý tưởng: “Vâng, mọi sự tùy thuộc vào Chúa. Vậy hãy xem mọi sự trên đời đơn giản thôi”. Với ý tưởng này, người ấy trở nên lười biếng, đắm mình trong hài lòng, từ bỏ mọi nỗ lực xây dựng Nước Chúa. Cách nào đó, ma quỷ gợi lên điều gì đó căn bản là tốt, khuyếch tán nó, rồi nhẹ nhàng đưa ta đến cuộc sống ích kỷ.

Một trong những dấu chỉ rõ nhất ma quỷ đang hành động như thiên thần ánh sáng là nó gieo một tư tưởng nào đó nhằm lôi kéo thao viên dần xa rời Đức Kitô. Bình thường trong tuần II và tuần III, các thao viên sốt sắng và bắt đầu nghĩ mình phải làm gì đó cho Đức Kitô, hoặc là một công việc tông đồ khó khăn hoặc là một hành động khiêm nhường cả thể. Tuy nhiên, ngay sau đó họ rơi vào thái độ quy kỷ, tự cho mình thánh thiện; tôi làm như thế để mọi người thán phục. Mâu nhiệm cuộc đời Đức Kitô và sự hiện diện của Ngài nơi họ phai mờ dần; ơn cảm nhận và hiểu biết sâu xa về Đức Kitô hoặc khao khát chịu đau khổ với Ngài bị lãng quên.

Các quy tắc tuần II không trực tiếp nhắm đến những cám dỗ đưa đến tội trắng trợn và minh bạch như các quy tắc tuần I. Đúng hơn, các quy tắc tuần II cho thấy cách thức Kẻ thù nỗ lực gây phiền toái cho những Kitô hữu quảng đại, tìm cách làm họ lo lắng, bất an và sợ hãi. “Không phải là sự tổn thương luân lý minh bạch, nhưng sự tốt lành đối trá sẽ hủy

---

<sup>34</sup> David Lonsdale, *op. cit.*, 71.

diệt họ. Vì vậy, các quy tắc tuần II không nói về sâu khô: chuyên động cảm xúc làm ta xa rời Chúa trong cách thức cụ thể và rõ ràng – hiện tượng của tuần I. Ở đây hoàn toàn khác. Hiện tượng của tuần II lại là điều xem ra tốt, rõ là tốt, nhưng nó lại mang một sức hủy diệt kinh hoàng hơn cả sức mạnh của ma quỷ”<sup>35</sup>.

Francois Roustang cho rằng hơn bao giờ hết, ngày nay việc thực hành phân định thần loại là điều thật quan trọng, bởi vì Kẻ thù lừa đảo và thúc đẩy ta đến việc tìm kiếm và thực hiện điều xấu dưới bóng dáng của điều tốt. Tin mừng khuyên ta bắt chước sự khôn ngoan của con rắn và sự đơn sơ của bò câu (Mt 10, 16), bởi vì ta luôn ở trong tình trạng nguy hiểm, bị dẫn sai đường không chỉ bởi những điều của thế gian, nhưng còn bởi thiện chí và sự quảng đại của mình. Nếu muốn lớn lên trong sự quen thuộc với Chúa, ta cần có được sự hiểu biết thiêng liêng, sự tiết độ và sự hiểu biết về con người thật của mình. Đức Giêsu từng nói, “con cái thế gian khôn ngoan hơn con cái sự sáng” (Lc 16, 8). Vậy thì dựa vào đâu ta có thể nhận biết dấu chỉ của Đức Giêsu và của Satan? Roustang đưa ra hai tiêu chuẩn: chủ quan và khách quan. Những tiêu chuẩn chủ quan liên quan đến tâm trạng nội tâm của ta và chiều hướng của nó. Tiêu chuẩn khách quan cho thấy những giá trị chủ quan có thể kiểm chứng được bởi người khác<sup>36</sup>. Sau đây là những tiêu chuẩn được đưa ra bởi Roustang và John English tóm lược như sau:

Về phương diện chủ quan, niềm vui là dấu chỉ cho thấy sự hiện diện của Đức Giêsu trong tâm hồn. Tình yêu làm ta nâng tâm hồn hướng về Đấng tối cao. Niềm vui và tình yêu đưa đến an bình và hạnh phúc. Satan mang đến tâm hồn buồn bã, u sầu và lo lắng. Nó đẩy ta hướng về những điều thấp hèn. Nơi ta không chỉ hiện diện sự buồn bã của người thanh niên giàu có, nhưng còn là sự buồn bã của Giuđa, điều có thể đưa ta đến tuyệt vọng và tự vẫn. Mặt khác, Satan có thể đưa ta đến niềm vui giả tạo và làm ta đau buồn mỗi khi ta khao khát đón nhận và vác thập giá.

Vậy ta phân định thần loại thế nào? Phương pháp căn bản là xem kết quả sau cùng. Vì hiện hữu điều ta gọi là niềm vui và bình an giả tạo, nên người Kitô hữu phải biết chờ để khám phá xem ý tưởng được gọi lên trong tâm trí mình đưa ta về đâu. Nó đưa ta đến khiêm nhường thật hay

---

<sup>35</sup> Michael J. Buckley, “The Structure of the Rules for Discernment”, *The Way of Ignatius of Loyola: Contemporary Approaches to the Spiritual Exercises*, Ed. by Philip Sheldrake, The Institute of Jesuit Sources, St. Louis, 1991, 229.

<sup>36</sup> Francois Roustang, *Growth in the Spirit*, trans. by Kathleen Pond, Sheed and Ward, New York, 1966, 95-96.

kiêu ngạo, đến quên mình hay quy mình. Chẳng hạn, nơi ta có sự đau khổ khi được chia sẻ cuộc thương khó của Đức Giêsu. Sự đau khổ này cũng là sự bình an nếu trong một cách thức chân thật, nó cũng thông phần với sự đau khổ thân thể mầu nhiệm Đức Kitô. Ta sẽ biết được liệu kinh nghiệm này đến từ thần lành hay thần dữ là nhờ vào kết quả sau cùng: “Anh em sẽ biết họ qua những hoa trái họ sinh ra” (x. Mt 7, 16).

Ta thường nghe nói: “Tôi đã thực hiện quyết định của mình và giờ đây tôi thật sự bình an. Nhưng sự bình an này có thể không đến từ thần lành. Nó có thể là kết quả về sự giải tỏa tự nhiên của sự căng thẳng nào đó. Đương sự chưa suy xét mọi tiêu chuẩn liên quan đến kinh nghiệm này ngoài tiêu chuẩn chủ quan. Những tiêu chuẩn khách quan của phân định chưa được suy xét.

Tiêu chuẩn khách quan đầu tiên là đức ái năng động, đức ái thánh Phaolô nói trong Côrintô (x. 1Cr 12, 31-13, 1). Tiêu chuẩn của đức ái năng động vượt mọi đặc sủng khác.

Tiêu chuẩn thứ hai là ý muốn tự nguyện bước theo Đức Kitô qua các biến cố Tin mừng, đặc biệt các biến cố thương khó. Như thế, ta cần suy xét mọi cái giá phải trả cho những quyết định và sự dần thân của mình. Nó giúp ta áp dụng trí tưởng tượng vào những cảnh huống và công việc khó khăn tương lai, sau đó suy xét tự do và năng lực ta dành cho chúng.

Tiêu chuẩn thứ ba là sự lệ thuộc vào Thánh Thần đang hoạt động trong Giáo hội. Nói cách khác, ta phải biết ngoan ngoãn và dễ bảo trước Thánh Thần, Đấng nói với ta ngang qua người khác, qua cộng đoàn đức tin và quyền bính hợp pháp. Vì vậy, tiến trình của phân định được dựa trên những tiêu chuẩn chủ quan phải được cân bằng bởi những tiêu chuẩn khách quan này.

Quy tắc thứ năm và thứ sáu soi sáng thêm, giúp thao viên hiểu hơn các phản ứng trước sự bối rối xảy ra trong tâm hồn. Qua những quy tắc này, họ có thể nhận diện cấu trúc hoạt động của ma quỷ trong cuộc sống cũng như biết trước những chuyển động của nó: “Cần chú ý nhiều về diễn biến của tư tưởng. Nếu từ đầu đến cuối đều tốt, hướng hẳn về điều thiện, thì đó là dấu hiệu của thần lành. Nhưng nếu diễn biến của tư tưởng đưa ta tới điều xấu hoặc lo ra, hay không tốt như điều linh hồn đã định làm, hoặc làm giảm sút, khiến ta lo lắng, bối rối, mất bình an đã có từ trước, đó là dấu hiệu rõ ràng điều ấy bởi thần dữ, kẻ thù của ích lợi và phần rỗi chúng ta” (Lt. 333). “Khi kẻ thù của loài người bị phát hiện bởi cái đuôi rắn và đích xấu xa nó muốn đưa tới, người bị cám dỗ nên nhìn

lại diễn biến của những tư tưởng tốt mà nó đã bày ra, từ khởi đầu tới cách nó dần lôi kéo linh hồn ra khỏi sự dịu ngọt và niềm vui thiêng liêng đang có, để cuối cùng dẫn linh hồn đến ý tội tệt. Nhờ ghi nhận kinh nghiệm đó, ta sẽ giữ mình khỏi những đối trá quen thuộc của nó” (Lt. 334).

Thánh Inhã đưa ra hai dấu chỉ giúp ta khám phá cái đuôi con rắn. Dấu chỉ thứ nhất liên quan đến nhận thức, nghĩa là, nếu các tư tưởng xuất hiện trong tâm trí ta “ít tốt” hoặc “làm phân tán” hoặc “kết thúc trong sự xấu hoặc ít tốt hơn những điều trước đó linh hồn muốn thực hiện” (Lt. 333). Đây là dấu chỉ của sự tốt lành giả tạo. Dấu chỉ khác là trong kinh nghiệm cảm xúc của ta. Nếu tiến trình của tư tưởng đưa đến “điều làm cho linh hồn suy yếu, hoặc làm nó bất an; hoặc bằng cách hủy diệt sự bình an và sự tĩnh lặng nó có trước đó, nó có thể quấy nhiễu linh hồn”, đây cũng là dấu chỉ của sự kháng cự tinh vi đối với Chúa. Nếu một hoặc nhiều dấu chỉ này hiện diện, sẽ rất hữu ích nếu ta truy tìm về tiến trình lập luận để khám phá thời điểm qua đó sự đối trá hoặc xao nhãng hướng về điều ít tốt hơn đã bắt đầu như thế nào (Lt.334)<sup>37</sup>.

Các quy tắc này cung cấp cho ta sự hiểu biết trọn vẹn hơn về giá trị của việc hồi tâm hằng ngày. Việc hồi tâm giúp ta lớn lên trong đời sống thiêng liêng và tự hỏi: “Kinh nghiệm này được bắt đầu như thế nào? Ta phải làm gì với nó?” Hoặc nếu nhận được an ủi, bình an và niềm vui, ta có thể hỏi: “Sự bình an này đến từ đâu? Việc hồi tâm như thế rất thích hợp với những quy tắc tuần II vì công việc này có thể giúp ta biết trước được những chuyển động nội tâm của mình.

Trong các cuộc tâm sự của bài thao luyện thứ ba của tuần I, thao viên này xin sự hiểu biết sâu xa hơn về con người mình. Các quy tắc tuần II thường được áp dụng cho những linh hồn quảng đại. Tuy nhiên, để luôn kiên định trong quảng đại là điều không dễ. Vì vậy, một trong những chức năng quan trọng của việc hồi tâm hằng ngày là làm mới lại sự thanh luyện của tuần I; chức năng khác là giúp ta biết được đâu là những dính bén của mình, điểm nổi bật trong tuần II. Donald St. Louis cho rằng cách căn bản, thánh Inhã xem việc hồi tâm như một việc cầu nguyện phân định<sup>38</sup>. Ta phải thao luyện liên tục và không bao giờ ngưng thực hành thao luyện thiêng liêng. Như thế, ta mới hiểu được cụm từ *Spiritual*

---

<sup>37</sup> David Lonsdale, *op. cit.*, 70-71.

<sup>38</sup> Donald St. Louis, “The Ignatian Examen”, *The Way of Ignatius of Loyola: Contemporary Approaches to the Spiritual Exercises*, Ed. by Philip Sheldrake, The Institute of Jesuit Sources, St. Louis, 1991, 155.

*Exercises.* Thao luyện thiêng liêng là việc ta phải làm hằng ngày và đều đặn nếu ta muốn chiến thắng cám dỗ.

Quy tắc thứ bảy nhắc lại dụ ngôn của Đức Giêsu, trong đó một người đã đuổi tên quỷ ra khỏi nhà mình để rồi chỉ tạo cơ hội cho bảy thằng khác xâm nhập (Lc 11, 24-26). “Đối với những người đang ngày càng tốt lành, thần lành đánh động linh hồn cách êm ái, nhẹ nhàng và dịu ngọt, như giọt nước thấm vào miếng bọt biển; còn thần dữ lại thúc đẩy cách chát chúa, ồn ào và náo động, như khi giọt nước rơi trên tảng đá. Và với những người ngày càng sa sút, thì các thần nói trên hành động ngược lại. Nguyên do là tùy theo tình trạng của linh hồn trái ngược hay hòa hợp với các thần nói trên, vì khi trái ngược, thì chúng xâm nhập ồn ào, dễ cảm thấy rõ; còn khi hòa hợp, thì chúng xâm nhập lặng lẽ như vào nhà mình, cửa mở!” (Lt. 335).

Đọc quy tắc này ta tự hỏi: “Liệu có hiện hữu bình an? Và bình an đó thật hay giả tạo? John English trích Francois Charmot trong tác phẩm *Finding God in All Things*, (1958), đưa ra các tiêu chuẩn giúp phân biệt thần lành và thần dữ. Những ai được thần lành hướng dẫn thường trải qua các giai đoạn<sup>39</sup>:

Giai đoạn đầu tiên là sự bối rối ngỡ ngàng. Đây không phải là sự bối rối hằng ngày, nhưng là sự bối rối của một người cảm nhận được ơn đặc biệt. Trong giai đoạn này, người đó thốt lên: “Ôi thật khó hiểu tại sao tôi lại được ban ơn này, thị kiến này, kế hoạch hoặc việc tông đồ này?”. Tại sao Đức Giêsu chọn tôi? Tôi cảm thấy mình bất xứng. Như Phêrô khi được Đức Giêsu gọi, tôi thốt lên: “Lạy Chúa, xin hãy tránh xa con, vì con là kẻ tội lỗi” (Lc 5, 8). Giai đoạn thứ hai là sự không dính bén. Ta tự do với kinh nghiệm ta nghĩ là một lời mời gọi. Nếu vị linh hướng nói rằng ta không thể theo đuổi lời mời gọi này và ta phản ứng trong bình an. Như vậy ta có một cảm thức bình tâm và sẵn sàng với bất cứ điều gì Chúa muốn. Giai đoạn thứ ba là sự bình an sâu thẳm với Chúa Thánh Thần. Ta ý thức Thánh Thần đang hiện diện. Nơi ta có một sự hội nhất và điềm tĩnh của tâm trí. Giai đoạn thứ tư là vâng phục với một con tim không ích kỷ. Khi ta trao ban chính mình phục vụ tha nhân, ta kinh nghiệm được sự tăng trưởng trong quảng đại, phục vụ, và sẵn sàng hiến mạng sống vì người khác. Đồng thời, ta cũng tăng trưởng trong khao khát về đời sống nội tâm. Những dấu chỉ hoạt động của thần dữ cho thấy

---

<sup>39</sup> John English, *op. cit.*, 186-7.

phản ứng ngược lại: hư danh, kiêu ngạo, xảo trộn, cứng đầu, ích kỷ, nổi loạn, mất hi vọng, thụ động và cuối cùng là dễ bước vào đường tội lỗi.

## Kết luận

Chúng ta vừa tìm hiểu vắn tắt về các quy tắc phân định thần loại của thánh Inhã. Qua những quy tắc này, ta biết được cách thức nhận ra những thúc đẩy và chuyển động nội tâm. Nhờ đó, ta biết được chúng đến từ thần lành, thần dữ hoặc đến từ tự do và ý muốn của ta. Từ đây, ta theo những tác động đưa ta đến gần Chúa và loại bỏ những tác động làm ta xa cách Ngài. Để đọc được những chuyển động nội tâm, ta cần một số điều kiện. Trước hết, ta cần biết mình đang ở trong tình trạng ân sủng hay tội lỗi. Thứ hai, ta đang được an ủi hay bị sầu khổ thiêng liêng. “An ủi và sầu khổ thiêng liêng đều mang yếu tố tích cực và tiêu cực. Cả hai đều nói với ta điều gì đó về Chúa, đều có thể đưa ta đến gần Chúa, nhưng cũng có thể làm ta xa cách và đoạn tuyệt với Ngài”<sup>40</sup>. Nếu bị sầu khổ, ta biết mình cần hành động thế nào. Tiếp đến, ta cần biết các chiến thuật tấn công của ma quỷ. Và cuối cùng, khi bắt đầu con đường dẫn thân sống trọn vẹn cho Chúa và tha nhân, giờ đây ma quỷ không thể làm hại ta bằng sầu khổ, nên nó dùng an ủi tấn công ta, vào đường ta ra đường nó. Vậy ta phải quen thuộc với cụm từ “thần dữ đội lốt thần lành”. Chúa an ủi ta, thiên thần an ủi ta, và ma quỷ cũng thế. Khi lòng yêu mến Chúa nơi ta có chiều hướng gia tăng và ta được an ủi nhiều, ta phải suy xét xem an ủi này đến từ đâu, diễn tiến ra sao và cuối cùng đưa ta về đâu.

Trong truyền thống Kitô giáo, phân định luôn được đề cao và được xem không chỉ như là nhân đức khôn ngoan tự nhiên, nhưng còn là một trong những ơn của Thánh Thần<sup>41</sup>. John Climacus gọi phân định là “sự hiểu biết chắc chắn về ý muốn Chúa”<sup>42</sup>. Đối với Cassian “phân định là mẹ của mọi nhân đức”<sup>43</sup>, và Gregory Cả gọi phân định là “lỗ mũi nhờ đó ta phân biệt được mùi thơm hoặc hôi”, và ngài nói tiếp, “ai có lỗ mũi nhỏ là người ít có thể đo lường được mức độ của phân định”<sup>44</sup>. Phân

---

<sup>40</sup> Antonio Guillén, *op. cit.*, 35.

<sup>41</sup> Benedicta Ward, “Discernment: A Rare Bird”, *The Way Supplement* 64 (1989), 10.

<sup>42</sup> John Climacus, *The Ladder of Divine Ascent*, trans. B. Luibhied and N. Russel, Paulish Press, 1982, 229, trong Benedicta Ward, *Ibid.*, 17.

<sup>43</sup> John Cassian, *Conferences*, trans. E.G.S. Gibson, Michigan, 1973, 310. Footnote của Benedicta Ward, *Ibid.*, 17.

<sup>44</sup> Gregory the Great, *The Pastoral Change*, trans. H. R. Bramley, Oxford, 1874, 40-2, trong Benedicta, *Ibid.*, 17.

định thật quan trọng, nhưng trong thực tế ta đều cảm nhận thật không dễ áp dụng phân định thân loại vào cuộc sống. Dù khó nhưng không phải là việc không thể. Phân định thân loại, hay bất cứ mọi phân định khác, đều là một nghệ thuật. Cũng như mọi nghệ thuật khác, ta cần thực tập nhiều. Chơi đàn hoặc vẽ là một nghệ thuật. Nếu muốn giỏi đàn hay vẽ, ta phải thực hành nhiều và đều đặn. Cũng vậy, muốn thành thạo hơn về phân định thân loại, ta phải đọc, phải học và thực hành.

Trong chương cuối Tông thư *Gaudete et Exsultate*, Đức giáo hoàng Phanxicô nhấn mạnh thực tại của Satan, nhắc ta không được quên sự hiện diện của nó và nghĩ rằng nó chỉ là huyền thoại. Ma quỷ có thật và sẽ nuốt chửng ta nếu ta không chuẩn bị cuộc chiến chống lại nó. Trong cuộc chiến thiêng liêng này, ta cần phân định, cần sức mạnh và sự can đảm để chống lại những cám dỗ của ma quỷ và để công bố Tin mừng. Ta phân định “để biết đâu là những điều đến từ Thánh Thần, từ ma quỷ và tinh thần thế gian” (*GE* số 166). Phân định là một ơn, món quà của Thánh Thần. Nó là một tiến trình qua đó ta thực hiện những chọn lựa căn bản và quyết định sống còn của mình trong việc đối thoại với Chúa và bằng việc lắng nghe Thánh Thần để bước theo Chúa cách trung thành hơn. Trong cuộc chiến này, công việc của ta không tập trung quá nhiều vào ma quỷ, nhưng tiếp tục dẫn thân cho tình yêu Chúa và để ý hơn đến hoạt động của Ngài trong cuộc sống của ta. Mỗi khi ta làm việc tốt, sống theo Thần Khí của Ngài, ta đang thực sự bước trên con đường nên thánh.

Lm Dominic Phạm Minh Thắng, SJ

## ƠN AN ỦI THIÊN LIÊNG

Andrien DEMOUSTIER, SJ, *Vers le bonheur durable*,  
Paris, “Vie Chrétienne” Collection, trang 33-43.

Người dịch: Lm Giuse Nguyễn Văn Lộc, SJ

Vượt qua được một số khó khăn là kinh nghiệm thường có ở những bước đi đầu tiên của đời sống thiêng thiêng và kinh nghiệm này mở ra một dạng của hạnh phúc. Niềm hạnh phúc này có thể mạnh mẽ, thậm chí bùng phát, hay ngược lại, đơn giản một cách đáng ngạc nhiên, gần gũi với đời sống bình thường nhất, nhưng lại nhận được một cung điệu đặc biệt duy nhất, “cung điệu tạ ơn”, trong sự sáng tỏ và trong sự nhìn nhận ơn huệ của Thiên Chúa.

Dựa vào Kinh Thánh, nhất là Thánh Phaolô, và dựa vào toàn bộ truyền thống của Giáo Hội, thánh I-nha-xiô Loyola gọi kinh nghiệm này là “an ủi thiêng liêng” (*consolation spirituelle*).

### 1. Ơn huệ của Thiên Chúa

Tính độc đáo và sự mới mẻ của “an ủi thiêng liêng” có thể được diễn tả như sau: đến một lúc nào đó, con người ngừng chống đối, nhưng phó thác và đón nhận ân huệ của Thiên Chúa; khi đó, Thiên Chúa có thể an ủi con người, nghĩa là làm cho con người hạnh phúc và ban cho con người bình an, khi giải thoát con người khỏi nỗi bất hạnh. Trong Linh Thao, khi chiêm ngắm Đức Ki-tô phục sinh, thánh I-nha-xiô đề nghị người thao luyện:

*Suy xét về sứ vụ an ủi mà Đức Kitô, Chúa chúng ta,  
hiện đang đảm nhận.*

*So sánh việc ấy với cách thức mà các bạn hữu quen an ủi nhau.*

(LT 224)

Trong thực tế, ơn an ủi của Thiên Chúa luôn có trước. Từ muôn thủa, Thiên Chúa tìm cách thông truyền ơn an ủi. Thông thường, ơn an ủi được trao ban như một lời hứa, một sự khích lệ, ngay ở những bước đầu tiên trong việc áp dụng các phương thế cụ thể, để xây dựng đời sống thiêng liêng. Nhưng thông thường, ơn an ủi xảy đến, sau một hành trình ít nhiều khô khan nặng nề. Chính vì thế, trong sách Linh Thao, chỉ sau khi đã mô tả hai hình thái chính yếu của cuộc xung đột ban đầu (LT 314

và 315), “Các Qui Tắc Phân Định Thần Loại” mới dành riêng qui tắc số 3 (LT 316), để mô tả chi tiết ơn an ủi thiêng liêng, nhằm giúp nhận ra và xác định ơn huệ này.

## 2. Ba hình thái chính của ơn an ủi

Ơn an ủi thiêng liêng được trình bày dưới ba hình thái chính. Hai hình thái đầu tiên có điểm chung là đụng chạm đến cảm tính (*sensibilité*) và được định vị trong thời gian. Hình thái thứ ba phù hợp hơn với một cách sống và với một thái độ. Hình thái an ủi này chỉ liên quan đến cảm tính sau đó mà thôi; vì thế, hình thái này phù hợp với một cách sống, hơn là với một trạng thái của tâm hồn.

Theo hình thái thứ nhất, ơn an ủi xảy đến cách mạnh mẽ và “áp đặt”. Hình thái này có thể được so sánh với đam mê tình yêu (*passion amoureuse*). Vì thế, sẽ phải xác minh tính đích thật của nó. Tuy nhiên, ơn an ủi cũng có thể tác động đến cảm tính theo một cách thức hoàn toàn khác, nhiệm mầu hơn. Đó là hình thái thứ hai. Hình thái này làm người ta diễn tả cụ thể nỗi đau đớn, theo một cách thức hướng đến yêu mến và làm cho ra khỏi mình, để đón nhận việc cùng sống sự đau khổ với Chúa, bằng cách ra khỏi sự bất hạnh. Hình thái ơn an ủi này có thể được so sánh với cách thức mà hoàn cảnh tang chế hay tình trạng bệnh tật có thể được đảm nhận một cách tích cực. Hình thái thứ ba của ơn an ủi thuộc bình diện ghi nhận (*constat*) hơn: đó là sự tăng trưởng sống động, hướng đến điều thiện, được đảm nhận trong sự thu hút kích lệ, và đồng thời sự thu hút này lại là một sự an nghỉ. Một cách trực tiếp, hình thái ơn an ủi này không phải là một tình cảm, nhưng đúng hơn là một tình trạng có thể kéo dài, một cung cách sống lớn lên trong sự tự do.

*a. Hình thái thứ nhất của ơn an ủi: “Khi linh hồn bùng cháy...”*

Trước hết, chúng ta hãy đọc lại đoạn thứ nhất của qui tắc số 3, trong phần “Những qui tắc phân định các thần loại” thích hợp cho Tuần Thứ Nhất của tháng Linh Thao:

*Về an ủi thiêng liêng. Gọi là an ủi, khi trong linh hồn phát khởi một **thức dậy** nội tâm, qua đó linh hồn bùng cháy trong tình yêu đối với Đấng Tạo Hóa và Chúa mình, và sau đó, khi linh hồn không còn có thể yêu một tạo vật nào trên mặt đất vì chính tạo vật ấy, nhưng chỉ (yêu) trong Đấng Tạo Hóa của tất cả mọi sự.*

(bản văn tiếng Tây Ban Nha)

*De consolación espiritual. llamo consolación, quando en el ánima se causa alguna **moción** interior, con la qual viene la ánima a inflamarse en amor de su Criador y Señor; y conseqüenter, quando ninguna cosa criada sobre la haz de la tierra, puede amar en sí, sino en el Criador de todas ellas.*

(LT 316a)

Đó là một kinh nghiệm được cảm nhận một cách mãnh liệt, một tình cảm rất mạnh mẽ, “bùng cháy trong tình yêu”, làm cho chuyển động. Đó chính là ý nghĩa của từ “thúc đẩy” (*moción*); mạnh mẽ đến độ nó hấp thu tất cả khả năng cảm nhận, như thể nó làm cho khả năng này bão hòa, nghĩa là tất cả những cảm nhận khác chỉ có thể được hình thành trong mức độ chúng được hội nhập vào trong tình cảm này: “*Không còn một tạo vật nào có thể được yêu mến trong chính nó... nhưng chỉ trong Đấng Tạo Hóa*”. Kinh nghiệm này về ơn an ủi thì mãnh liệt, đến độ nó tràn ngập ý thức, nhưng không nhất thiết ý thức sẵn sàng chú ý đến. Ngược lại là đàng khác: những cảm nhận khác chỉ tồn tại trong mức độ chúng được đảm nhận và định hướng mà thôi. Kinh nghiệm này làm người ta nghĩ ngay đến điều mà những người yêu nhau trải nghiệm: họ không còn có thể nhìn thấy hay thưởng thức điều gì nữa, nhưng tất cả đều được nhận thức ngang qua tình cảm mà họ đang trải nghiệm đối với nhau.

Như vậy, hình thái an ủi này chứa đựng hai yếu tố, gắn liền với nhau. Nó là một tình cảm (*sentiment*), một cảm xúc (*émotion*), là một hình thức thăng hoa (*forme sublimée*) của sự hân hoan. Nó cũng là một chuyển động, một năng động (*dynamisme*). Tình cảm này có một hiệu quả trong tương quan với thực tại. Do đó, nhận thức về thế giới tạo vật đã được điều chỉnh.

*b. Hình thái thứ hai của ơn an ủi: “Khi nước mắt trào ra vì lòng yêu mến, bởi sự đau đớn...”*

Hình thái thứ hai của ơn an ủi mà thánh I-nhà-xiô trình bày sau đó trong qui tắc số 3, có thể làm chúng ta ngỡ ngàng. Hình thái này được mô tả dưới hình thức đau đớn, đau khổ. Làm sao có thể gọi đó là “an ủi”?

*Cũng vậy, khi linh hồn chảy nước mắt hướng đến tình yêu đôi Chúa của mình,  
hoặc bởi sự đau đớn vì tội lỗi của mình,  
hay vì sự thương khó của Đức Kitô, Chúa chúng ta,  
hay vì những điều khác được định hướng một cách ngay thẳng  
về việc phụng sự và ca ngợi Chúa.*

(bản văn tiếng Tây Ban Nha)

*assimismo, quando lança lágrimas motiuas a amor de su Señor,  
agora sea por el dolor de sus peccados,  
o de la pasión de Christo nuestro Señor,  
o de otras cosas derechamente ordenadas  
en su seruicio y alavanza.*

(LT 316b)

Ý nghĩa chính xác của câu văn này thì rõ ràng. Nước mắt “trào ra” (đó là nghĩa của từ *lança*, trong tiếng Tây Ban Nha), không phải là nước mắt của niềm vui, nhưng của sự đau đớn. Như thế, thánh I-nhà-xiô đã dám gọi là an ủi, kinh nghiệm để cho sự đau đớn hay những biểu hiện khôn khổ khác bộc lộ ra bằng nước mắt và hướng đến lòng yêu mến, bởi vì sự đau đớn được cảm nhận vì một lý do do chính đáng: tội lỗi của mình, cuộc Thương Khó của Đức Ki-tô hay một điều khác. Chúng ta phải hiểu sự khẳng định về hình thái an ủi này như thế nào?

Hình thái an ủi này là một tình cảm (*sentiment*), một cảm xúc (*émotion*), không nhất thiết được cảm nghiệm một cách mạnh mẽ, nhưng thật rõ ràng và cụ thể. Hình thái an ủi này có liên hệ đến sự hiện diện của đau đớn, đau đớn này không còn bị tránh né nữa. Vì sự đau đớn này có thể được diễn tả, được chia sẻ với ai đó. Nó không còn được sống như là thái độ khép kín trên chính mình. Sự đau đớn này qui hướng về Chúa và về những người khác. Nó hướng về lòng yêu mến. Đây rõ ràng là một sự đau đớn mà sự biểu hiện mang nét cụ thể, thân xác, thể lý: nước mắt trào ra. Tương tự như lời than vãn được hình thành trong một chuyển động bên trong của cổ họng, từ đó thốt ra lời nguyện Thánh Vịnh, vốn là lời diễn tả sự đau đớn của người công chính: “*Thiên Chúa của con, Thiên Chúa của con, tại sao Người bỏ rơi con?*” (Tv 22, 2). Rõ ràng đây không chỉ là một đau đớn tinh thần. Nó được cảm nhận trong thân xác.

Như thế, xét như là một cảm xúc, hình thái an ủi này chứa đựng chiều kích thể lý trong sự diễn tả nỗi đau đớn. Nhưng sự đau đớn này không phải trước tiên và cũng không chỉ là thể lý. Hình thái an ủi này

được cảm nhận từ sự kiện có những hình dung (*représentations*) của trí nhớ ở bình diện ý thức (*mémoire consciente*). Nó là sự đau đớn (*douleur*) “vì vì tội lỗi của mình, hay vì sự thương khó của Đức Kitô, Chúa chúng ta, hay vì những điều khác được định hướng một cách ngay thẳng...”. Một kỷ niệm bị vùi lấp nay trở thành một kỷ niệm thuộc bình diện ý thức và kéo theo đau khổ (*souffrance*) và đau đớn, nhưng đau đớn này lúc đó được biểu lộ qua chuyển động hướng về một người khác.

Trên bình diện thiêng liêng, kinh nghiệm về hình thái ơn an ủi này tương tự như kinh nghiệm nhân bản về những phong tục tang chế. Làm lễ tang là một phong tục có tính xã hội, nhằm giúp người vốn chịu đơn độc, có thể sống đau khổ của mình như là sự đau đớn được biểu lộ ra với những người khác và như sự đau đớn không bị giam trong nỗi luyến tiếc hay trong thái độ quay lại chính mình. Chẳng hạn, trong tang chế, khi bà góa mất chồng có thể mặc trang phục màu đen, bà muốn nói với những người khác điều bà đang sống, bà mời gọi họ hướng đến tình bạn, đến sự tỉnh lặng. Những người thân của bà sẽ phải chú ý để làm cho tạm quên nỗi đau, đối với người quá bị đè nặng hay người quá than khóc. Ngược lại, họ giúp cho thư thả một chút những khuôn mặt căng thẳng và những thái độ quá nóng vội, và trong sự kín đáo của tình bạn, họ có thể rơi nước mắt nhân ái (*larmes bienfaisantes*)<sup>45</sup>.

Như thế, hình thái ơn an ủi này là sống sự đau đớn, bằng cách biểu lộ nó trong một cung cách mở ra với tình yêu của Thiên Chúa và làm cho ra khỏi sự giam mình. Có một cách thức để khóc, để buồn, để đau khổ vì một kỷ niệm đau đớn hay một vì một viễn tượng khó khăn, nhưng đó lại

---

<sup>45</sup> Chúng ta có thể, theo một qui ước ngôn ngữ, phân biệt đau đớn đúng nghĩa (*douleur proprement dite*) với đau khổ (*souffrance*). Đau đớn đúng nghĩa diễn tả phản ứng của hữu thể sống động (*être vivant*) đối với điều làm mình bị thương và làm mình bị đau. Đau đớn vừa thuộc bình diện thể lý và vừa thuộc bình diện tinh thần; nó vừa được cảm biết và vừa được nhận biết. Đau khổ có lẽ đúng hơn là một cách thức để tự bảo vệ mình khỏi đau đớn, bằng cách cố gắng tưởng tượng ra nó, rồi tìm cách duy trì sự làm chủ trên nó ở mức độ nào đó, cũng như để tìm cách sở hữu nó. Khi đó, cách thức sống sự đau đớn này trở thành một thái độ hướng về một thứ hòa ngục.

Con người luôn luôn có nguy cơ tự giam mình vào nỗi đau khổ của tiếc nuối, của ước ao sai lạc là mọi sự xảy ra cách khác, nếu con người không diễn tả nỗi đau đớn được cảm nhận như là sự nhận biết thực tại. Qua phong tục tang chế. Con người được mời gọi dám than khóc, dám diễn tả nỗi đau đớn, bằng cách, có thể nói, “đi qua nó” (*en la traversant*), để có thể từ từ đi vào trong một cách thức sống sự cô đơn được xã hội hóa, sống sự cô đơn bình lặng và thanh thản, sống sự cô đơn an bình, dù vẫn luôn đau đớn.

là an ủi. Thực vậy, nó không chỉ được sống như đau khổ, nhưng còn ở trong sự thật của sự đau đớn, vốn có điều gì đó mang tính nghịch lý của mỗi phúc Tin Mừng: “*Phúc cho anh em là những người bây giờ đang khóc...*” (Lc 6, 21).

Khi mà hình thái thứ nhất của ơn an ủi nghiêng về phía niềm vui mừng mãnh liệt và về niềm hân hoan thăng hoa, hình thái thứ hai này lại ngã về phía đau đớn, không vui. Hình thái này không nhất thiết mãnh liệt, nhưng nó vẫn thuộc bình diện cảm xúc. Nhưng cả hai hình thái này đều là chuyển động, năng động (*mouvement, dynamisme*). Hình thái thứ nhất hướng về Thiên Chúa và trong Người, hướng về tất cả mọi sự. Hình thức thứ hai làm cho ra khỏi điều giam hãm mình, bằng chuyển động hướng đến tình yêu, ngang qua chính kinh nghiệm đau đớn. Trong cả hai trường hợp, đều có cảm xúc (vui, không vui), và chuyển động hay năng động, vốn làm phát sinh điều gì đó (thực tế).

Đó chẳng phải là như thế hay sao, khi trên đường Emmau, Đức Ki-tô phục sinh an ủi các môn đệ của Người, lúc đó vẫn giam mình trong việc nhớ lại cái chết của Người, nhớ lại vết thương gây ra bởi thất bại và thái độ chối bỏ của họ?

*c. Hình thái thứ ba của ơn an ủi: trải nghiệm quá trình lớn lên sống động trong sự nghỉ ngơi*

Người ta không thể sống không ngừng theo cảm xúc và theo điều mãnh liệt. Đời sống bình thường của người Ki-tô hữu là một cung cách phục vụ huynh đệ, hiệu quả và xóa mình. Hạnh phúc một cách sâu xa và bình an, vì đó mà không cảm nhận một cảm xúc theo đúng nghĩa, đó chẳng phải là thường xuyên hay sao?

Hình thái thứ ba của ơn an ủi ban đầu không được cảm nhận. Nó không phải là một thời gian xác định. Tiềm tàng, nó là một cung cách, một cung cách sống năng động: gia tăng hi vọng, niềm tin và lòng mến. Nó cũng là niềm vui, sự sinh động của một cuộc sống hướng về điều đưa lên cao, vì thế thôi thúc đi tới, nhưng vẫn nghỉ ngơi và bình an. Hoạt động được hài hòa cách nhiệm mầu với nghỉ ngơi. Hình thái thứ ba này của ơn ủi không phải là sự tiếp nối đơn giản với những hình thức trước đó, cho dù nó được trình bày như là điểm tới của chúng.

*Sau cùng, còn gọi là an ủi mọi gia tăng của lòng tin- cậy- mến,  
cùng mọi niềm vui bề trong mời gọi và lôi kéo (tâm hồn) đến những  
sự trên trời  
và phần rỗi riêng của linh hồn mình,*

*làm cho linh hồn được nghỉ ngơi và an bình trong Đấng Tạo Hóa và Chúa mình.*

(bản văn tiếng Tây Ban Nha)

*finalmente, llamo consolación todo ahumento de esperanza, fee y charidad ,  
y toda letiçia interna, que llama y atrahe a las cosas çelestiales y a la propria salud de su ánima,  
quietándola y paçificándola en su Criador y Señor.*

Hình thái này của ơn an ủi không thuộc bình diện tình cảm như trong những trước hợp trước, vốn được sống trong niềm vui hay trong đau khổ. Đó là một cung cách, mà người ta ý thức về nó sau đó, vào thời gian tiếp theo, và cung cách này cho phép khám phá ra một hình thái rất kín đáo của niềm vui, khám phá ra niềm hân hoan, đến từ sự lôi kéo và lòng ước ao, đồng thời cũng đến từ an bình và nghỉ ngơi. Khi đó, nó được sống như ơn huệ của Thiên Chúa, trong tâm tình tạ ơn. Cảm nếm sự giản đơn của điều được ban cho, sự cảm nếm này lớn dần bởi nhận thức về sự sinh động của sự sống, như là ơn huệ của Thiên Chúa, được ghi khắc bởi dấu chỉ sự hiện diện sáng tạo của Người.

Hình thái này của ơn an ủi, nếu tiên vàn không phải là một tình cảm, thì nó lại « làm an ủi » (*consolante*), nó mang lại sự vui thích cảm nếm một năng động thuộc về sự sống, nhưng điều này chỉ xảy ra vào thì thứ hai. Ý thức về niềm vui được thực hiện sau đó, khi nó được nhận biết là đã hiện diện rồi, được chôn dấu trong điều tâm thường của cung cách bình thường nhất ; đây là thì thứ hai, nhưng lại là chính yếu, bởi vì có cho phép đi vào cách trọn vẹn trong tâm tình tạ ơn.

Người ra có thể nhìn nhận như là ơn an ủi thần linh, mọi cung cách ứng xử, mọi cung cách hoạt động và cung cách sống, tỏ ra trong thực tế là một sự gia tăng hi vọng, niềm tin và lòng mến, sự gia tăng này được sống và được nhìn nhận như niềm hạnh phúc rất đơn sơ, vừa lôi kéo và an nghỉ, khơi dậy lòng ước ao và làm no đầy lòng ước ao, bởi vì nó được nhận biết là ơn huệ của Thiên Chúa. Hình thái ơn an ủi này không đòi hỏi những tình huống nào khác ngoài những hoàn cảnh bình thường của cuộc sống. Thiên Chúa ban ơn an ủi mỗi ngày. Nhưng con người lại thường xuyên không dùng những phương thế để nhận biết ơn huệ này và để nhận ra mình đang thụ hưởng ơn an ủi. Hình thái ơn an ủi này kín đáo đến độ nó chỉ được nhận ra trong mức độ người ta mang lại cho nó một sự chú ý đầy đủ.

Vì thế, sự hiện diện của người đồng hành, của một người anh em, được yêu cầu thực hiện sứ vụ chứng nhân, thì đặc biệt hữu ích.

Vì không đòi hỏi một thời điểm và cũng không yêu cầu việc đầu tư tâm cảm đặc biệt, hình thái ơn an ủi này là ơn an ủi đời thường của người Ki-tô hữu, đó là ơn an ủi mà Chúa ban cho người Kitô hữu thường xuyên nhất. Nhưng người Kitô hữu sẽ không thực sự là người thụ hưởng ơn an ủi này, nếu bỏ qua những phương thế thiêng liêng nhỏ bé, cho phép nhận ra nó : những người biết học tạ ơn và những người biết khiêm tốn nhìn nhận rằng, người ta cần chứng từ của một người anh em, để có thể biết chính mình.

Trong một số hoàn cảnh, hướng đến, bởi vâng phục, lời đề nghị đến từ một người khác và khiêm tốn trình bày cho người này điều đang diễn ra, sẽ là điều không thể bỏ qua, để cho một kinh nghiệm như thế có thể được trải nghiệm. Rất thường xuyên đó là ân sủng của một kỳ tĩnh tâm. Người ta không chú ý đến điều được ban cho mình một cách đơn sơ nhất, đến độ cần đến những phương thế quyết liệt hơn để mở mắt mình ra.

Hình thức ơn an ủi này tiền và không kết nối với một tình cảm, và cũng không phát xuất từ cầu nguyện. Ôn này được ban cho để hành động, để chọn lựa những cung cách sống động nhất, để có cái nhìn tích cực về các hữu thể và về những ngôi vị, ngay cả khi mình đang ở trong trạng thái tinh thần không hài lòng và phê phán: tích cực, tin tưởng, khoan dung; gia tăng hi vọng, niềm tin và lòng mến, sự gia tăng này được biểu lộ qua những hành vi và qua cảm thức thoải mái, chứ không phải ở trong những tư tưởng hay những tình cảm.

Nhưng cũng phải chấp nhận việc đưa vào thực hiện những phương thế cho phép ý thức về ơn huệ an ủi này và cho phép tạ ơn, vì niềm vui đến từ sự lôi kéo thôi thúc, được sống trong an bình và nghỉ ngơi, được nhận biết là ơn huệ của Thiên Chúa và được sống như hành động tạ ơn<sup>46</sup>.

---

<sup>46</sup> Việc học biết đọc lại giờ cầu nguyện, nghĩa là đọc lại thời gian thực hiện “bài linh thao”, và việc cầu nguyện để tỉnh thức (*prière de vigilance*) hay xét mình, là sự rèn luyện (*éducation*) rất hữu ích, cho phép nhận ra hình thái ơn an ủi này. Đó không phải là tình cờ, khi điểm thứ nhất của cầu nguyện xét mình trong Linh Thao cốt ở việc “tạ ơn Thiên Chúa, Chúa chúng ta về những ơn huệ nhận được” (LT 43). Nhưng bình thường sẽ cần phải có nhiều thời gian tập luyện (*entraînement*), để đạt tới việc bắt đầu ngay với hành động tạ ơn, mà không bị sa vào trong cái nhìn về điều không tốt đẹp.

Sau cùng, tính độc đáo của hình thái này của ơn an ủi đến từ sự kiện là, nó tiên vàn không phải là một tình cảm mạnh, có thể nhận ra ngay. Như thế, nó để cho cảm tính được tự do hiện diện hay không trong những bận rộn đời thường. Do đó, nó không cần một thời gian đặc biệt để được trải nghiệm. Hữu thể nhân linh, một khi bị chi phối bởi một niềm vui mãnh liệt, sẽ luôn luôn ít nhiều không chú ý đến hoạt động bình thường của mình. Niềm vui này xâm chiếm con người và kéo dài một thời gian. Cũng tương tự như vậy, khi con người đang sống một thử thách đau đớn, khi con người bị chi phối bởi một nỗi buồn, vốn phải tìm ra cách thức và thời gian để được diễn tả ra. Nếu không, sự ủ rũ nội tâm sẽ ngăn cản sức sống năng động của người này và sẽ ảnh hưởng đến phẩm chất của các mối tương quan mà người này có với những người khác.

Hình thái ơn an ủi này hoàn toàn tương hợp với việc phục vụ bình thường của đức ái, với sự nghiêm túc của đời sống làm việc chuyên môn và đời sống gia đình, và với sự chú ý cụ thể đến những người khác. Nó chỉ đòi hỏi một chút thời gian, một hoặc hai lần trong ngày, vào lúc công việc phục vụ người khác dừng lại và vào thời gian nghỉ ngơi đang được chuẩn bị: vài phút trước đi ngủ hay vào thời gian nghỉ giữa ngày, để ý thức về ơn an ủi, đón nhận một cách tròn đầy và tạ ơn vì ân huệ nhận được.

Tuy nhiên, chính tính đơn giản của ơn huệ này có nguy cơ làm ngăn trở cho việc nhận biết nó. Nó chỉ cảm nhận được vào thời gian tiếp theo mà thôi. Khác với những hình thái ơn an ủi trước, nó không bắt phải được nhìn nhận chút nào cả. Nó chỉ đòi hỏi lấy một chút thời gian để được nhìn nhận và trở nên an ủi cách thực sự. Tự nhủ rằng: “Ngày sống tốt đẹp”, thì vẫn chưa thuộc về ơn an ủi. Thừa với Chúa trong lòng mình: “Lạy Chúa, đó là một ngày tốt đẹp”, thì đang tiến gần đến ơn an ủi. Khi người ta có thể nói, bởi vì tin rằng mình đã nhận được ơn huệ, trước cả khi mình cảm nhận thấy: “Lạy Chúa, đó chính ơn huệ đến lòng nhân ái của Chúa và con xin tạ ơn Người”; niềm hạnh phúc đến từ ân sủng này, khi đó sẽ được trao ban để được cảm nhận và ơn an ủi, vừa khi được nhận ra, sẽ làm cho an ủi không kém trọn vẹn, khi khơi dậy lòng ước ao hành động trong chính cảm nhận thư giãn của sự an nghỉ bình an, trong *“niềm vui, vốn mời gọi và lôi kéo... làm cho nghỉ ngơi và an bình”* (LT 316).

### 3. Năng động an ủi (*Le dynamisme consolateur*)

Dưới ba hình thái chính yếu này, dù được cảm nhận cách mạnh mẽ trong niềm vui, trong sự diễn tả của nỗi đau đớn hay trong sự nhìn nhận bình an về sự kiện gia tăng lòng ước ao hành động, ơn an ủi có thể được nhận biết theo hai khía cạnh, luôn luôn đi đôi với nhau và chúng đặc trưng cho ơn an ủi : ơn an ủi là một *năng động* (*dynamisme*), nó thúc đẩy hay lôi kéo, nó thực hiện điều gì đó. Đồng thời, ơn an ủi cũng *làm cho an ủi* (*consolante*) : kinh nghiệm về niềm hạnh phúc, tràn ngập niềm vui, ra khỏi nỗi bất hạnh, hân hoan an bình. Sự hiện diện của hai khía cạnh này là tất yếu, để cho người ta có thể nói rằng kinh nghiệm đang được sống đó, chính là *ơn an ủi thần linh* (*consolation divine*).

Một nguyên tắc kết nối hai khía cạnh nói trên, được thêm vào như vòng tròn bao lấy chúng: khía cạnh năng động và khía cạnh hạnh phúc được nhận biết như là *ơn huệ của Thiên Chúa*, và được sống như là *hành động tạ ơn*. Như thế, ơn an ủi thiêng liêng vừa là hành động tạ ơn, vừa là sự nhận biết ân sủng tạ ơn này, không chỉ ở bình diện tâm cảm và lời nói, nhưng còn hơn thế nữa, ở bình diện hành động, dù bản chất của hành động này như thế nào. Chiều kích tạ ơn đích thực chính là nền tảng của ơn an ủi thiêng liêng, bởi vì ơn huệ này vừa là hành động của Thiên Chúa, Đấng ban ân sủng và trao ban niềm vui, và vừa là hành động của con người, vì con người tạ ơn khi đón nhận niềm hạnh phúc này.

Andrien DEMOUSTIER, SJ, *Vers le bonheur durable*,  
Paris, “Vie Chrétienne” Collection, trang 33-43  
(Người dịch: Lm Giuse Nguyễn Văn Lộc)

# BỘ CÔNG CỤ PHÂN ĐỊNH INHÃ

## *Giới thiệu tổng quan*

Lm Micaen Trương Thanh Tùng, SJ

Thực hành phân định thiêng liêng được nói đến từ rất sớm trong Kinh Thánh và trong buổi đầu của Giáo Hội. Khi mới lên ngôi, vị vua trẻ Salomon trong Cựu ước đã không xin Thiên Chúa ban cho mình một vương quyền trường cửu, nhưng lại xin một “con tim biết phân định” (*a discerning heart*) để cai trị Dân của Chúa và biết phân biệt lẽ phải với điều sai (1V 3,9). Trong Tin Mừng, Chúa Giêsu từng cảnh báo về sự khó khăn của việc phân biệt “lúa tốt” với “cỏ lùng” (Mt 13,29); còn Thánh Gioan thì căn dặn các con cái của ngài về tiêu chuẩn của phân định: “*Thần Khí nào tuyên xưng Đức Giêsu Kitô là Đáng đã đến và trở nên người phạm, thì Thần Khí ấy bởi Thiên Chúa.*” (x.1Ga 4,1-4).

Bước qua thời kỳ giáo phụ, giáo huấn của các bậc thầy ẩn tu sa mạc chính yếu xoay quanh việc giúp người tập tu thói quen phân định ra tiếng nói của Thiên Chúa khỏi những tạp âm gây ra bởi ma quỷ, thế gian và xác thịt, chẳng hạn lời dạy của Thánh Cassianô: “*Phân định là người mẹ và là người bảo vệ mọi nhân đức.*”<sup>47</sup> còn Thánh giáo phụ Augustinô thì có tác phẩm nổi tiếng “Hai Thành đô” trong đó ngài chỉ ra hai lối sống phải lựa chọn: thành đô chóng qua của thế gian và thành đô duy nhất có được sự sống đời đời ở nơi Thiên Chúa. Ở các thời kỳ tiếp theo của Giáo Hội, còn có nhiều truyền thống phân định phong phú của các nền linh đạo.

Về phần Thánh Inhaxiô, khởi từ những kinh nghiệm thiêng liêng của bản thân - kể từ lúc mới hoán cải ở Loyola trong tư cách một giáo dân (1521) cho đến những năm làm Bề Trên Tổng Quyền tiên khởi của Dòng Tên (1540-1556) - đã đúc kết nên một sự phạm tinh tế và phong phú về thực hành phân định, sau đó được tiếp nối trong truyền thống tu đức và tông đồ của Dòng. Trong nỗ lực giới thiệu một cái nhìn tổng quan về thực hành phân định thiêng liêng theo linh đạo Inhã, bài viết này sẽ lược qua ba điểm:

---

<sup>47</sup> Cassien, *Conférences* II, 4.

- Bàn về các thuật ngữ liên quan đến phân định
- Thực hành phân định trong kinh nghiệm của Thánh Inhaxiô
- Tóm lược bộ kỹ năng phân định Inhã: phân định cá nhân, cộng đoàn và tông đồ<sup>48</sup>.

## A. MỘT SỐ THUẬT NGỮ LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN ĐỊNH

### 1. “*Nhận định*” hay “*phân định*”?

Trong Tiếng Việt đồng tồn tại hai lối dịch thông dụng của từ *discernment*: *nhận định* và *phân định*; mỗi bên đều có những lý lẽ riêng để biện minh cho lựa chọn của mình. Tuy nhiên, trong tạp chí này, từ ngữ được chọn là “*phân định*”<sup>49</sup> vì các lý do sau.<sup>50</sup>

Trước hết, việc “*nhận định*” chính yếu dựa vào góc nhìn, lập trường và cảm thức riêng của mỗi người để đưa ra phán đoán về thực tại. Vì thế, không lạ gì khi đối diện cùng một sự vật hay sự kiện, hai người có thể đưa ra hai nhận định khác nhau. Trong khi đó Tân ước thường sử dụng hai động từ Hy Lạp khi nói về sự “*nhận định*” hay “*phân định*”:

- ***Diakrinô*** (*διακρίνω*): có nghĩa *phát hiện, phân biệt, phân định* [*detect, differentiate, discern*]. Ví dụ: “*Cảnh sắc bầu trời thì các ông biết **phân biệt**, còn các dấu chỉ thời đại thì các ông không **phân biệt** nói.*” (Mt 16,3) Trong câu này, từ “*diakrinô*” nhấn mạnh đến việc sử dụng lý trí đối chiếu với những kinh nghiệm tách bạch đã thủ đắc trong quá khứ để nhận biết ý nghĩa của một thực tại.
- ***Dokimazô*** (*δοκιμάζω*): có nghĩa *thử nghiệm, thử thách, trắc nghiệm* [*attempt, try, test*]. Ví dụ: “*Những thử thách đó nhằm **tinh luyện** đức tin của anh em là thứ quý hơn vàng gấp bội, - vàng là của phù vân, mà còn phải chịu thử lửa. Nhờ thế, khi Đức Giêsu Kitô tỏ hiện, đức tin đã được **tinh luyện** đó sẽ trở thành lời khen ngợi, và đem lại vinh quang, danh dự.*” (1 P 1,6-7). Ở câu này, từ “*dokimazô*” nhấn mạnh đến thao tác thử luyện, trui rèn, tinh luyện qua thực tiễn cụ thể để phân biệt “*vàng với thau*”.

<sup>48</sup> Tên chính thức là “*phân định chung*”, như sẽ cắt nghĩa sau.

<sup>49</sup> Có khi từ “*biện phân*” được dùng thay cho “*phân định*” nhưng có cùng ý nghĩa.

<sup>50</sup> x. phần phân tích từ ngữ trong: Lm. Cao Gia An SJ, *Nguồn hứng Kinh Thánh trong Bộ Quy tắc phân định của Thánh Inhaxiô* [trong Tạp chí này].

Nếu kết hợp nghĩa của hai từ Hy Lạp vừa nói, “*discernment*” không là một phán định thuần chủ quan (“*tôi nhận thấy...*”; “*tôi nghĩ...*”), nhưng trước tiên đòi phải *quan sát và lắng nghe* thực tại, kế đó dựa trên những kinh nghiệm có trước để *nhận diện hay tách bạch* thực tại ấy hầu tìm ra điểm cốt lõi khách quan của nó, rồi mới đưa ra một *phán đoán*; cuối cùng, còn phải *kiểm chứng, trui rèn phán đoán* ấy để có được sự chắc chắn khách quan hết sức có thể. Vì thế từ “phân định” phản ánh chuẩn xác hơn các bước đa phức của tiến trình vừa nói.

## ***2. Phân định khôn ngoan, phân định thiêng liêng và phân biệt thân loại***

Xa hơn, trong một phân định thiêng liêng để tìm kiếm Ý Chúa còn đòi phải có sự tham dự của yếu tố *đức tin và ân sủng*. Vì thế cần phân biệt rõ phân định thiêng liêng với phân định nhân phạm.

### **Phân định khôn ngoan & phân định thiêng liêng**

Một bề trên sắp mua thêm một chiếc xe gắn máy theo nhu cầu của cộng đoàn: việc vị ấy cân nhắc nên mua xe gì, giá bao nhiêu... có là phân định “thiên liêng” hay không? Câu hỏi tương tự được đặt ra với trường hợp một thanh niên đang suy xét bước vào chủng viện: suy xét của cậu có là phân định “thiên liêng” hay không?

Thoạt nhìn, ta dễ dàng cho là phân định của chàng trai là “thiên liêng”, còn việc phân định của vị bề trên thì không nhất thiết. Tuy nhiên, nếu nhìn vào động cơ và đích nhắm trong mỗi trường hợp, ta sẽ lập tức đảo ngược lại câu trả lời: nếu chàng trai chọn đi tu để thăng tiến bản thân thì đó hoàn toàn là một lựa chọn thế tục; trong khi vị bề trên nọ lại cân nhắc nên mua xe nào cho hợp với tinh thần khó nghèo tu trì và chứng tá tông đồ thì lại là một phân định thiêng liêng đúng nghĩa. Như vậy, “phân định thiêng liêng” không hệ tại ở *đối tượng* hay *chất liệu* của việc lựa chọn; nhưng tùy vào *động cơ, đích nhắm* và *cách thức* làm việc lựa chọn.

Vì thế, có thể nói rằng “phân định khôn ngoan” (*prudential discernment*) vận dụng sự sắc sảo của trí khôn và kinh nghiệm từng trải để quyết định theo những tiêu chuẩn nhân loại như: thiện ích, lợi nhuận, lẽ phải và công bằng. Vụ xử án nổi tiếng của Vua Salomon (1V 3,16-28)

là ví dụ điển hình cho một phân định khôn ngoan.

Còn “phân định thiêng liêng” (*spiritual discernment*) thì vượt trên phân định khôn ngoan nhân loại vừa nói. Trong tiếng Latinh, tính từ “thiêng liêng” (*spiritualis*) đến từ danh từ “Spiritus” - ngầm hiểu là *Spiritus Sanctus* - tức “Chúa Thánh Thần”: “*Nếu chúng ta sống nhờ Thần Khí, thì cũng hãy nhờ Thần Khí mà tiến bước*” (Gl 5,25). Vì thế trong một phân định thiêng liêng, người phân định không chỉ vận dụng trí khôn ngay chính và lành thánh, mà còn đặt mình “dưới sự soi dẫn của Thánh Thần” để truy tìm Thánh Ý Chúa.

### **Phân định thiêng liêng & phân biệt thần loại**

Tuy nhiên, nếu đọc kỹ trong Linh Thao, ta lại thấy Thánh Inhaxiô không dùng từ “phân định thiêng liêng”, mà chọn từ “phân định các thần” hay “phân biệt thần loại” (*discernment of spirits*).<sup>51</sup> Vậy hai tên gọi này có nội hàm khác nhau thế nào?

Nói một cách nói giản đơn, “phân định thiêng liêng” vừa ám chỉ bao cảnh của phân định (được thực hiện trong Thánh Thần), vừa là đích nhắm của phân định (hầu tìm Ý Chúa); còn “phân biệt thần loại” nói lên cốt lõi của việc phân định hệ tại ở việc nhận biết nguồn gốc của những tác động của các thần (Thiên Chúa, ma quỷ, thế gian, xác thịt) đang tác động trên suy nghĩ, tưởng tượng, cảm xúc, khuynh hướng, ham muốn, cảm giác của bản thân liên quan đến một thực tại bên ngoài hay trong nội tâm; từ đó cá nhân nhận ra được tiếng nói chân thật của Thiên Chúa, đối lại với những xu hướng uốn hèn của xác thịt, với sự phỉnh gạt của thế gian, và với sự tinh ranh của ma quỷ. Chính vì sự tinh tế của việc nhận diện này mà Thánh Inhaxiô đã đưa ra hai loạt quy tắc chỉ dẫn cách phân biệt thần loại tương ứng với *Tuần thứ Nhất* và *Tuần thứ Hai* của Linh Thao (LT 313-336).

### **3. Ba cấp độ phân định thiêng liêng**

Căn cứ vào tác nhân thực hiện và tầm bao quát của việc phân định, có thể phân ra ba cấp độ hay bình diện phân định trong linh đạo Inhã.

- **Phân định cá nhân:** Do một cá nhân thực hiện để tìm kiếm Ý Chúa

---

<sup>51</sup> Đặc biệt trong hai loạt quy tắc phân biệt thần loại (LT 313-336).

trên cá nhân ấy. Toàn bộ tiến trình Linh Thao đều hướng tới mục tiêu phân định cá nhân này, mà cao điểm là việc lựa chọn ở cuối Tuần Hai Linh Thao (LT 169-189).

- **Phân định cộng đoàn:** Khi mục tiêu phân định là tìm kiếm Ý Chúa liên quan đến đời sống hay sứ mạng chung của cộng đoàn. Ở cấp độ này, mọi thành viên chính thức của cộng đoàn đều tham gia tìm kiếm Ý Chúa.
- **Phân định tông đồ hay phân định chung:** Đây là loại hình phân định mới được phổ biến từ sau Tổng Hội 36 (Tháng 11.2016), liên quan đến lãnh vực tông đồ, được dành cho các cộng đoàn hay công cuộc tông đồ của Dòng có sự dấn thân của các cộng tác viên trong sứ mạng. Từ đó loại hình này được mang tên chính thức là “phân định chung”.

#### 4. Từ “lựa chọn” trong phân định

Mọi cuộc phân định - cá nhân, cộng đoàn hay tông đồ - đều đưa đến một “lựa chọn” (*elección*)<sup>52</sup> ở chung cuộc; thế nhưng từ này lại dễ được hiểu theo nghĩa chủ động về phía người phân định, không đúng với mục tiêu mang tính thụ động thiêng liêng của Linh Thao: “*tìm Ý Chúa trong cách xếp đặt cuộc sống để mưu ích cho linh hồn mình.*” (LT 1)

Cần nhớ rằng, trong hành trình thiêng liêng, *sự năng động* chỉ mới là chặng đầu thường thấy nơi người mới hoán cải, còn đỉnh cao của thần bí lại là *sự thụ động thiêng liêng trước Thiên Chúa*, để cho Người hoàn toàn chiếm đoạt và sử dụng. Thánh Têrêsa Avila từng dùng hình ảnh ẩn dụ tưới vườn để diễn tả về tiến trình đời sống thiêng liêng như sau:<sup>53</sup> người mới hoán cải thì luôn hăm hở như một người đào giếng và tự tay kín từng gàu nước để tưới cho mảnh vườn của mình, nhưng hiệu quả thì giới hạn; người tiến xa hơn trên đường thiêng liêng thì biết cậy dựa hơn vào ơn Chúa, như thế lấp đặt một tay quay ở miệng giếng để mức nước được hiệu quả hơn và cũng đỡ tốn sức hơn; người tiến xa hơn nữa thì đào kênh dẫn thủy nhập điền cho nước vào đến từng khu vực của mảnh vườn; còn các vị thánh thần bí thì “không làm gì cả” nhưng hoàn toàn để

<sup>52</sup> Từ “lựa chọn” được dùng 46 lần trong Hướng dẫn lựa chọn ở cuối Tuần Hai (LT 169-189).

<sup>53</sup> Têrêsa Avila, *Vie écrite par elle-même, dans l’Oeuvres complètes*, Paris, Éditions du Seuil, 1949, chương XI, tr. 117-tt.

cho Thiên Chúa chiếm đoạt, phó thác hoàn toàn cho ơn Chúa tưới gội mảnh vườn của đời họ.

Tuy nhiên, từ “election” còn có một ngữ nghĩa khác giúp soi sáng cho vấn nạn của chúng ta, đó là “bầu cử”. Trong một cuộc bầu cử, ứng viên không bao giờ là “tác nhân” quyết định, nhưng họ chỉ đón nhận kết quả đề cử từ các cử tri. Tương tự trong phân định, cá nhân không tự mình quyết định, nhưng lựa chọn thừa vâng với sự đề cử của Chúa mà họ nhận ra qua cầu nguyện tìm kiếm, đón nhận Ý Chúa làm quyết định của chính mình. Chính vì thế mà các Tông đồ từng sử dụng công thức: “*Thánh Thần và chúng tôi đã quyết định...*” (Cv 15,28) khi công bố các quyết định của các ngài: Thánh Thần trở nên như là “thành phần, là hồn sống” của cuộc phân định, trợ giúp các tông đồ tìm thấy quyết định vừa hợp với Ý Chúa vừa mang đến lợi ích lớn nhất cho đời sống Giáo Hội ở thời điểm ấy.

## **B. PHÂN ĐỊNH TRONG KINH NGHIỆM CỦA THÁNH INHAXIÔ**

Phương pháp phân định Inhã bắt nguồn từ chính kinh nghiệm thiêng liêng của thánh nhân từ khi mới hoán cải và dưỡng thương tại Loyola (1521) cho đến những năm cuối đời trong vai trò Tổng quyền (1540-1556). Một số bút tích của thánh nhân hay chứng từ của những người cùng thời còn lưu giữ dấu vết của sự tiến triển trong kinh nghiệm phân định của ngài: đó là sách *Tự Thuật*; sách *Linh Thao*; các ghi chép về *Cuộc bàn định của các cha đầu tiên vào năm 1539*; và nhất là cuốn *Nhật ký thiêng liêng* của ngài.

### **1. Khởi đầu kinh nghiệm phân định thiêng liêng cá nhân trong “*Tự Thuật*”**

Vốn rất sợ cạm bẫy của hư danh thế gian, Thánh Inhaxiô đã nhiều lần từ chối thuật lại hay ghi lại hồi ký đời mình.<sup>54</sup> Chỉ ba năm trước khi qua đời, nhân một dịp trò chuyện với cha Luis G. de Camara SJ đến xin thỉnh vấn về đảng thiêng liêng, thánh nhân đã “được thúc đẩy mãnh liệt” để thuật lại một số kinh nghiệm thiêng liêng của mình để giúp đỡ người

---

<sup>54</sup> *Tự Thuật*, Dẫn nhập, số 1. (Bản dịch Việt ngữ *Những bước đường theo Chúa*, Hoàng Sóc Sơn, Anton Đuốc sáng, 2007).

khác, và cha Camara đã được chọn là người chấp bút để viết nên cuốn *Tự Thuật*.<sup>55</sup> Tuy nhiên, do hầy còn ngại nói về bản thân, nên trong hơn một năm trời - từ tháng 8.1553 đến tháng 10.1554 - thánh nhân chỉ thuật lại một cách ngắn gọn một số nét chấm phá của cuộc đời ngài mà thôi.<sup>56</sup> Từ những chia sẻ trong *Tự Thuật*, ta có được một số cột mốc về phân định cá nhân của Thánh Inhaxiô từ khi mới hoán cải (1521) cho đến thời gian sinh viên ở Paris (1528-1535), và một ít chia sẻ về cách thức phân định khi ngài viết Hiến Pháp Dòng (1544-1545).

- *Bài học nhập môn về những chuyển động nội tâm*. Khi dưỡng thương ở lâu đài Loyola (1521) và được đọc hai sách “Cuộc đời Chúa Kitô” và “Những bông hoa thánh thiện”, Inhaxiô nhận ra những lôi kéo khác nhau trong tâm hồn do tác động của Thần lành (Thiên Chúa) và thần dữ (Ba thù): Nếu nghĩ đến thế gian thì ngài thấy vui, nhưng sau đó lại cảm thấy trống trải vô nghĩa; nhưng khi nghĩ về việc theo chân các thánh thì ban đầu cảm thấy e sợ, nhưng sau lại được bình an sâu thẳm. Từ đó, Inhaxiô bắt đầu chú tâm lắng nghe các chuyển động nội tâm, tìm cách phân biệt để nhận ra tiếng nói chân thật của Thần lành.<sup>57</sup>
- *Lối phân định “con lừa”*. Trong một lần hành hương đến Đền kính Đức Mẹ ở Aranzazu một năm sau khi hoán cải (1522) và đức tin hầy còn thô thiển, Inhaxiô tình cờ đồng hành với một người Mô rô (Hồi giáo). Người này đã tranh luận cách xúc phạm đến “Đức Mẹ Đồng Trinh” rồi bỏ đi trước và rẽ về làng của mình khiến Inhaxiô nổi giận trong lòng đến mức muốn đuổi theo giết hấn để lấy lại danh dự cho Đức Trinh Nữ. Sau nhiều giằng co nội tâm mà vẫn không quyết định được, Inhaxiô đã buông dây cương để mặc con la mình đang cưỡi để xem nó đi về phía nào: nếu nó rẽ vào đường dẫn vào làng thì chàng sẽ đuổi theo, quyết không tha mạng cho hấn. May mắn thay Thiên Chúa đã để cho con lừa đi thẳng, và Inhaxiô đã được cứu không phạm phải một tội cực nặng.<sup>58</sup> Đây là một dạng phân định thô thiển nơi một kẻ mới hoán cải, hoàn toàn thả trôi theo cảm xúc và lòng nhiệt thành mù

---

<sup>55</sup> *ibid.*, Dẫn nhập, số 2.

<sup>56</sup> *ibid.*, Dẫn nhập, số 5.

<sup>57</sup> x. trong Tạp chí: Lm Phạm Minh Thắng SJ, *Phân định những thúc đẩy và chuyển động nội tâm*.

<sup>58</sup> *ibid.*, số 15-16.

tôi, phó mặc cho yếu tố ngoại cảnh chi phối, bất chấp cả thiêng liêng và luân lý căn bản.

- *Phân định dựa trên sự hãi luân lý.* Năm tiếp theo, Inhaxiô đi hành hương Giêrusalem (1523). Vì sợ lỗi đức nghèo khó và lòng trông cậy, chàng đã bỏ một số đồng tiền còn sót lại trên một chiếc ghế dài bên bờ biển Barcelona trước khi xuống tàu. Tuy nhiên, vâng lời Cha giải tội và vì thuyền trưởng bắt phải mang theo lương thực tụt thì mới cho đi tàu miễn phí, chàng đã chọn mang theo một ít lương khô.<sup>59</sup>
- *Phân định với tự do và bình tâm để tìm tôn vinh Thiên Chúa hơn.* Hai biên cố trong thời gian học tập ở Paris (1528-1535) cho thấy Inhaxiô đã thực sự chín muồi trong phân định thiêng liêng; tự do vượt trên cả những nỗi lo sợ trong phân định trước đó.

Thứ nhất, nhận thấy rằng để chuẩn bị tốt hơn cho việc tông đồ mai sau thì nên dồn thời gian và sức lực cho việc học thay vì phải tốn quá nhiều thời gian đi làm gia sư kiếm tiền, nên mặc dù vẫn trông cậy vào Chúa nhưng Inhaxiô vẫn dành thời gian mùa hè để đi gặp các thương gia đồng hương Tây Ban Nha ở Miền Flandre cực Bắc Nước Pháp để xin trợ cấp học bổng sao cho đủ dùng cho cả năm. Rõ ràng Inhaxiô đã biết phân định dựa trên “Magis”, tức đi tìm cái “hơn” cho Vinh danh Thiên Chúa và hiệu quả tông đồ.<sup>60</sup>

Thứ hai, trong lúc Inhaxiô nghe giảng bài, các tư tưởng đạo đức cứ ủa đến trong tâm trí khiến chàng không thể tập trung học. Nhận thấy nếu cứ tiếp diễn như thế thì sẽ giảm sút chất lượng học tập, Inhaxiô đã đến hứa với giáo viên sẽ tập trung cho việc học bao lâu còn kiếm được bánh mì và nước lã để sống. Thế là các tư tưởng ấy biến mất.<sup>61</sup> Có lẽ từ kinh nghiệm bản thân này mà Inhaxiô đã cảnh báo về việc “thần dữ giả dạng thần lành đi vào theo chiều hướng của linh hồn trung tín để rồi kéo linh hồn ra theo đường của nó” (LT 332), và dạy rằng khi bị ma quỷ tấn công dồn dập thì phải mạnh mẽ chống trả bằng cách hành động ngược lại (*agere contra*) thì ma quỷ sẽ tháo chạy (LT 325).

Riêng về đỉnh cao phân định thần bí của Thánh Inhaxiô khi viết

---

<sup>59</sup> *ibid.*, số 36.

<sup>60</sup> *ibid.*, số 76.

<sup>61</sup> *ibid.*, số 76.

Hiến Pháp (1544-1545), chúng ta sẽ bàn chi tiết hơn trong phần nói về Nhật Ký thiêng liêng bên dưới.

## **2. Khuôn mẫu phân định cộng đoàn nơi “Cuộc Bàn định mùa xuân 1539”**

Do việc cấm biển của người Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ khiến không thể đi Giêrusalem phục vụ theo lời khẩn trước đó của “Nhóm bạn Paris” tại Montmartre (1534), Thánh Inhaxiô và các bạn đầu tiên đã dành nhiều ngày cầu nguyện và bàn định với nhau ở Venezia trước lễ phục sinh năm 1539, để tìm xem Ý Chúa có muốn họ tiếp tục duy trì nhóm và cùng làm việc tông đồ với nhau hay không. Sau khi trải qua nhiều ngày phân định, bàn luận và bỏ phiếu, nhóm đã đồng thuận tuyệt đối sẽ tiếp tục liên kết với nhau và sẽ cùng đến dâng mình cho Đức Giáo Hoàng để được ngài trao sứ vụ. Từ đó đã đưa đến việc thành lập “Đoàn Giêsu” (*Societas Iesu*) tức Dòng Tên vào năm 1540, nhận chính Chúa Giêsu là Thủ lãnh của nhóm.

May mắn là ngày nay hãy còn giữ được bản ghi chép chi tiết về toàn bộ tiến trình của cuộc bàn định này, có lẽ do hai thành viên Jean Codure hoặc Pierre Favre ghi lại bằng tiếng Latinh.<sup>62</sup> Tài liệu về cuộc Bàn định 1539 này đã được xem là “thủ bản” hay “khuôn mẫu” cho phương pháp phân định cộng đoàn trong Dòng, nhất là được áp dụng vào các kỳ họp Tổng Hội vốn được xem là nơi phân định chính thức của toàn thân Dòng.

## **3. Đỉnh cao của phân định thần bí trong “Nhật Ký thiêng liêng”**

Sau khi Dòng được chuẩn nhận năm 1540, Thánh Inhaxiô, với tư cách Tổng quyền tiên khởi, đã được Nhóm trao sứ mạng viết Hiến Pháp cho Hội Dòng mới được thành lập.

Trong sách *Tự Thuật*, thánh nhân có chia sẻ ngắn gọn với cha Camara về cách thức ngài soạn thảo Hiến Pháp. Không chỉ đầu tư viết nội dung các điều khoản của Hiến Pháp, nhưng thánh Inhaxiô đưa những điều đã viết vào cầu nguyện với Chúa để bàn hỏi và xin xác chuẩn theo

---

<sup>62</sup> x. *The Deliberation of Our First Fathers (Cuộc bàn định của các cha đầu tiên)*, trong [https://jesuitportal.bc.edu/research/documents/1539\\_deliberationsofourfirstfathers/](https://jesuitportal.bc.edu/research/documents/1539_deliberationsofourfirstfathers/)

cách thức sau: mỗi ngày, khi dâng Lễ, ngài trình lên Chúa điểm ngài đang đề cập, rồi cầu nguyện về điểm ấy, và ngài luôn chảy nước mắt khi cầu nguyện và dâng lễ; sau đó ngài thường được những thị kiến chuẩn y cho một số điểm trong Hiến Pháp. Đối với những điểm quan trọng như về đức khó nghèo của Dòng, ngài đã dành hẳn 40 ngày cho mỗi điểm phân định, đồng thời ghi chép các chuyển động nội tâm và các thị kiến xác chuẩn thành “một đồng rất lớn các giấy tờ”.<sup>63</sup>

Sau khi Thánh nhân qua đời, các ghi chép cá nhân ấy đã được Dòng thu thập lại và xuất bản dưới tên gọi “Nhật ký thiêng liêng” bao gồm hai phần: (1) các ghi chép chi tiết của 40 ngày phân định về đức Khó nghèo của Dòng Tên từ 2.2 đến 12.3.1544; (2) các phân định trong gần một năm từ 18.3.1544 đến 27.2.1545<sup>64</sup>. Cuốn Nhật ký này vừa là dấu chứng sống động về đỉnh cao thần bí của Thánh Inhaxiô, vừa là một minh họa đỉnh cao cho cách phân định thiêng liêng dựa trên các chuyển động nội tâm theo thời kỳ lựa chọn thứ 2 của Linh Thao: *on nước mắt, tiếng nói nội tâm (loquela), an ủi sâu thẳm, tâm hồn được Chúa thăm viếng, sự gia tăng lòng Tin Cậy Mến...*

## C. TÓM KẾT BỘ KỸ NĂNG PHÂN ĐỊNH INHÃ

Từ sách Linh Thao và các bút tích vừa nói, ta đúc kết được “bộ công cụ phân định Inhã” (*Ignatian Discernment Toolkit*) bao gồm một số tâm thái và kỹ năng căn bản cần thiết cho mọi cấp độ phân định: cá nhân, cộng đoàn và tông đồ (hay phân định chung).

### 1. Bộ công cụ phân định thiêng liêng cá nhân

Bộ công cụ này bao gồm các kỹ năng căn bản nói tới trong Linh Thao, nhưng cũng cần thiết cả cho các thành viên tham gia phân định thiêng liêng cộng đoàn và tông đồ.

- **Tinh thần của “Nguyên lý và Nền tảng” và thái độ bình tâm (LT 23)**

---

<sup>63</sup> *Tự Thuật*, số 100.

<sup>64</sup> *Spiritual Journal of Ignatius of Loyola from February 2, 1544 to February 27, 1545 (Nhật ký thiêng liêng của Inhaxiô Loyola từ ngày 2.2.1544 đến 27.2.1545)*, Bản dịch Anh ngữ của William J. Young, Woodstock Letters, Volume LXXXVII, N° 3, 1958. (Bản dịch Việt ngữ *Những rung cảm nội tâm*, Hoàng Sóc Sơn, Antôn Đuốc Sáng, 2007).

Bình tâm là tâm thái khởi điểm và căn bản đối với mọi hình thái hay cấp độ phân định. Nếu trước khi cân hàng cần phải chỉnh lại kim bàn cân cho chuẩn xác, trước khi hòa nhạc phải so lại các dây đàn, hay trước khi xử án đòi quan tòa phải công tâm, thì trước mọi cuộc phân định, người tham gia phải có được “sự bình tâm” theo nghĩa của Linh Thao (số 23). Sự bình tâm này không chỉ đối với các vế của việc lựa chọn trong phân định, nhưng tốt nhất phải bao quát toàn bộ đời sống sống của cá nhân: trong mọi sự, người phân định chỉ ước muốn và lựa chọn điều dẫn tới cứu cánh đời mình hơn cả, tức hướng tới tôn vinh Thiên Chúa và lợi ích cho phần rỗi bản thân và các linh hồn.

- **Lắng nghe chuyển động nội tâm và phân biệt thần loại** (LT 313-336)

Lắng nghe và phân định tác động của các thần là phương pháp đặc thù của phân định Inhã. Nói cách khác, các an ủi và sầu khổ thiêng liêng trong tâm hồn chính là chất liệu hay chỉ dấu của việc phân định. Về điểm này, người thực hành cần quen thuộc với hai loạt quy tắc phân định thần loại của *Tuần thứ Nhất* (LT 313-328) và *Tuần thứ Hai* của Linh Thao (LT 329-336) bởi lẽ - theo kinh nghiệm của Thánh Inhaxiô - “Thần lành” và “thần dữ” tác động theo cách thức khác nhau trên một người đang hoán cải (*tức Tuần thứ Nhất*) và trên tâm hồn đang tiến bước trên đàng thiêng liêng (*tức Tuần thứ Hai*).

- **Thói quen xét mình thiêng liêng** (LT 24-43)

Sự phạm nhìn lại, duyệt lại, “đọc lại” (*re-lecture*) lịch sử bằng cái nhìn của Thiên Chúa để nhận ra tiếng của Người nguồn gốc từ trong Cựu ước.<sup>65</sup> Trong Linh Thao, bên cạnh sự bình tâm như là điều kiện quan trọng phải có để bước vào Linh Thao (LT 23), Thánh Inhaxiô còn đòi cá nhân có thói quen “xét mình thiêng liêng hàng ngày” (LT 43), còn gọi là “Phút hồi tâm”.

Khác với “xét mình luân lý” dựa vào các điều răn, luật lệ và bổn phận (LT 24-42) để dọn mình xưng tội, việc xét mình thiêng liêng (LT 43) giúp nhìn lại ngày sống và các trạng thái tâm hồn từ “cái nhìn của

---

<sup>65</sup> x. Lm Michel Rondet SJ, *Relire sa vie pour y lire Dieu (Đọc lại đời mình để đọc thấy Thiên Chúa)*, tái bản trong *Vie chrétienne* - avril 2010.

Chúa” và trong tương quan tình yêu với Người: *Đâu là các ơn huệ Chúa ban cho tôi trong ngày qua? Người đã chờ đợi tôi sống ngày qua thế nào? Tôi đã đáp lại tình yêu và sự chờ đợi của Chúa trong ngày qua ra sao? Tôi cần canh tân những gì để đáp trả tình yêu của Chúa hơn, hầu quy hướng đời mình theo Ý Chúa nhiều hơn trong ngày tiếp theo?*<sup>66</sup>

Xét cho cùng, thực hành xét mình thiêng liêng cuối ngày cũng là phân biệt thần loại, để bảo đảm rằng mình được bước đi trong đường lối Chúa, biết điều chỉnh cách sống cho hợp với Thánh Ý Người. Vì thế kỹ năng xét mình thiêng liêng này rất cần cho việc phân định ở mọi cấp độ, vốn đòi người phân định phải có khả năng nhận diện và biện phân các tác động của Thiên Chúa và của Ba thù trong tâm hồn liên quan đến vấn đề họ đang phân định.

- **Biết thể thức lựa chọn của Linh Thao (LT 169-189)**

Ở cuối Tuần thứ Hai Linh Thao, Thánh Inhaxiô đưa ra một sự phạm “lựa chọn” tương ứng với ba tình trạng nội tâm nơi người phân định (LT 169-189). Ở thời kỳ thứ nhất, *Ý Chúa* thể hiện cho cá nhân cách tỏ tường và không thể hồ nghi như trường hợp Thánh Phaolô và Matthêu (LT 175). Ở thời kỳ thứ hai, cá nhân sẽ dựa vào những an ủi và sầu khổ thiêng liêng trong tâm hồn để khám phá ra Ý Chúa ngang qua phân biệt tác động của Thần lành và thần dữ (LT 176). Ở thời kỳ thứ ba, tâm hồn không có những chuyển động nội tâm rõ rệt để phân định Ý Chúa; lúc đó họ sẽ vận dụng lý trí để suy xét dựa vào Nguyên Lý và Nền tảng để chọn về nào giúp họ đạt đến cứu cánh đời mình hơn cả (LT 177-178).

Mọi cá nhân phân định hay trợ giúp phân định theo phương pháp Inhã đều phải nắm chắc sự phạm về ba thời kỳ lựa chọn vừa nói và biết vận dụng cách chuẩn xác với tình trạng tâm hồn của mỗi người đang làm việc lựa chọn.

## 2. Bộ công cụ phân định thiêng liêng cộng đoàn

Ở cấp độ làm việc cá nhân, ngoài việc sở hữu các tâm thái và kỹ năng của phân định cá nhân, các thành viên tham gia phân định nhóm phải quen thuộc với kỹ năng *trò chuyện thiêng liêng*, một công cụ tông

---

<sup>66</sup> x. Lm George Aschenbrenner SJ, *Consciousness Examen (Xét mình ý thức)*, 1972. Có thể tải xuống từ: <http://jesuitinstitute.org/Pages/Examen.htm>

đồ đã được đề cao từ thời Thánh Inhaxiô và đang được đẩy mạnh trở lại trong thực hành của Dòng Tên.<sup>67</sup> Lý do vì trong phân định cộng đoàn không đơn thuần là đối thoại hay trao đổi ý kiến như trong đời thường, nhưng đòi mỗi cá nhân phải suy nghĩ và cầu nguyện về đề tài cần phân định; sau đó lắng nghe và phân định tiếng Chúa qua những chia sẻ thiêng liêng của các thành viên khác, và có khả năng đọc được chuyển động của Thánh Thần đang tác động trên chiều hướng của nhóm, để cùng nhau hướng đến sự hiệp nhất về kết quả mà nhóm tin rằng đó chính là Ý Chúa đối với cộng đoàn.

Ở cấp độ làm việc nhóm, các bước tiến hành phân định cộng đoàn sẽ theo khuôn mẫu của *cuộc Bàn định của các cha đầu tiên năm 1539*,<sup>68</sup> tuyệt đối không có những hoạt động thể tục kiểu nghị trường như: vận động hành lang, móc ngoặc, phe nhóm, hay thỏa hiệp... Tuy nhiên, cần lưu ý một khác biệt căn bản giữa phân định thiêng liêng cộng đoàn và cuộc Bàn định năm 1539 liên quan đến kết quả phân định. Đó là trong Dòng Tên, ngoại trừ trường hợp duy nhất là Tổng Hội, cộng đoàn không là một tập thể có quyền quyết nghị (*deliberative*) - tức quyền bỏ phiếu như trong cuộc Bàn định 1539; nhưng phân định cộng đoàn chỉ là cơ chế tham vấn (*consultative*) giúp Bề Trên xác định điều phải làm để tôn vinh Thiên Chúa và phục vụ các linh hồn hơn. Chính Bề Trên mới là người đưa ra quyết định cuối cùng dưới ánh sáng của cuộc phân định cộng đoàn.<sup>69</sup>

### 3. **Bộ công cụ phân định chung hay tông đồ**

Sự ra đời của phân định chung xuất phát từ nhận thức của Tổng Hội 36 về sứ mạng và chỗ đứng của Dòng trong bối cảnh Giáo Hội và thế giới hôm nay. Trong Giáo Hội, “Dòng nhỏ bé mang tên Chúa Giêsu” (*Minima Compania de Jesus*)<sup>70</sup> **chỉ là một cộng tác viên** bên cạnh các cộng đoàn Kitô-hữu khác **tham gia vào sứ mạng** loan báo Tin Mừng **mà Đức Kitô trao cho Giáo Hội**. Bên cạnh đó, trong bối cảnh thế giới hiện

---

<sup>67</sup> x. German Arana, *Spiritual Conversation: A Privileged Apostolic Instrument of the Society of Jesus (Trò chuyện thiêng liêng: Một công cụ tông đồ được đề cao của Dòng Tên)*, Review of Ignatian Spirituality, Vol. XXXVI, I/2005.

<sup>68</sup> x. Cước chú số 16.

<sup>69</sup> Luật Bổ sung - Hiến Pháp Dòng Tên, số 151 §3.

<sup>70</sup> Tên mà Thánh Inhaxiô thường gọi Dòng lúc mới thành lập (1540).

tại, cộng tác và làm việc theo mạng kết nối (*networking*) là một xu hướng bó buộc. Vì thế, với sự sút giảm về nhân số nội bộ, Dòng nhận thức rằng **cộng tác** là con đường duy nhất giúp Dòng có thể hoàn thành sứ mạng của mình, và đời sống của Dòng cần được tổ chức theo hướng đẩy mạnh việc phân định chung và cộng tác chung với người khác.<sup>71</sup>

Về cách thức tiến hành, vào tháng 9.2017, Cha Bề Trên Cả Arturo Sosa SJ đã gửi cho toàn Dòng một lá thư về phân định chung, trong đó có nói đến các yếu tố đặc thù của phân định chung.<sup>72</sup> Một cách chung, phân định chung sử dụng toàn bộ công cụ phân định cộng đoàn ngoại trừ một số điểm nhấn sau: *nơi chốn của phân định chung* thường là định chế tông đồ của Dòng có các cộng tác viên ngoài Dòng (kể cả không Công giáo); *đối tượng phân định chung* liên quan đến việc lựa chọn sứ vụ và lên kế hoạch tông đồ thể theo căn tính và sứ mạng của mỗi định chế; *tác nhân tham dự* mở rộng cho cộng tác viên làm việc cho Dòng và cả các chuyên viên khách mời. Từ đó nảy sinh nhu cầu tập huấn các kỹ năng và sự phạm phân định Inhã đồng thời cho Giêsu-hữu và các cộng tác viên trong sứ vụ của Dòng. Vì thế từ ngày 1 đến 9.4.2019 tại Roma, đã có một cuộc tập huấn về “Phân định chung & lên kế hoạch tông đồ” cho các đại diện của các Vùng trong toàn Dòng. Riêng tại Vùng Châu Á - Thái Bình Dương (*Jesuit Conference in Asia-Pacific*) sẽ có khóa tập huấn 7 ngày về phân định chung tại Đài Loan vào tháng 5.2020 cho đại diện của các Tỉnh và các Miền Dòng trong Vùng.

Thay lời kết, hy vọng bài giới thiệu này cung cấp một cái nhìn tổng quan về phương pháp phân định thiêng liêng Inhã; từ đó giúp định vị các bài viết trong tạp chí liên quan đến một khía cạnh đặc thù nào đó, hay đến một kỹ năng nào đó trong bộ công cụ phân định mà Thiên Chúa đã ban cho Giáo Hội ngang qua Thánh Inhaxiô.

Lm Micaen Trương Thanh Tùng, SJ

---

<sup>71</sup> x. TH 36 NQ 1, số 35-38; NQ 2, số 5.

<sup>72</sup> x. trong Tạp chí này: *Phân định chung - Tóm lược thư của Cha Bề Trên Cả ngày 27.9.2017.*

## TÌM THẤY Ý CHÚA NHỜ PHÂN ĐỊNH

Trích trong George A. Lane, SJ, *Christian Spirituality:  
A Historical Sketch*  
(Chicago: Loyola Press, 2004).

Người dịch: Lm Anthony Nguyễn Hữu Khanh, SJ

Trong cuốn *The Love of God*, Dom Aelred Graham bàn về những nhân đức đặc thù của một số vị thánh lớn trong lịch sử Giáo Hội. Ông nói rằng, trong cuộc sống của thánh Biển Đức, nhân đức được biểu lộ nhất chính là lòng đạo (*religion*). Với thánh Thomas Aquinas, là đức tin kết hợp với sự khôn ngoan. Đối với thánh Inhaxiô, nhân đức này là sự can trọng siêu nhiên và phân định. Nhân đức này của thánh Inhaxiô là một trong những yếu tố bị hiểu lầm nhiều nhất trong linh đạo của ngài.

Thánh Inhaxiô Loyola đã học được nghệ thuật phân định nhờ nỗ lực giải thích các kinh nghiệm thiêng liêng sâu sắc mà ngài có trong thời gian hoán cải. Chúng ta thấy những qui tắc phân định này được mô tả trong sách *Linh Thao*. Thánh Inhaxiô coi nghệ thuật phân định là yếu tố không thể thiếu của Linh Thao. Theo một nghĩa nào đó, mục đích bao trùm của kỳ tĩnh tâm là học cách khám phá ra ý Chúa, đặc biệt là làm thế nào để chọn lựa đúng giữa nhiều khả thể tốt khác nhau.

Rốt cuộc đâu là ý Chúa muốn? Phương thế nào đem lại ích lợi nhất cho danh dự và vinh quang, cho việc phục vụ và yêu mến Thiên Chúa? Chính tại điểm này mà những Qui tắc Phân định Thần loại của thánh Inhaxiô được áp dụng. Những qui tắc này rất cần thiết cho linh đạo Inhã, nhưng chúng cũng vượt khuôn khổ của linh nào này, và có thể đem áp dụng rộng rãi cho bất cứ truyền thống nào trong Kitô giáo.

Tiên vãn, phải ghi nhận điều quan trọng này, là với thánh Inhaxiô, những chọn lựa nhằm làm vinh danh Thiên Chúa không xuất phát từ sáng kiến của con người hay từ kỷ luật khổ chế. Bất cứ nỗ lực nhân loại nào hướng đến vinh quang Thiên Chúa đều khởi phát bởi ân huệ Chúa

Kitô, nhờ hoạt động của Chúa Thánh Thần. Ngược lại, Satan, kẻ thù của Giáo Hội và của bản tính loài người, cũng là một ngôi vị thiêng liêng. Thần lành và thần dữ luôn ở trong một cuộc chiến thiêng liêng, mà bãi chiến trường chính là tâm hồn con người. Từ truyền thống Giáo phụ và Trung cổ, thánh Inhaxiô đã nắm bắt ý tưởng này, là Thiên Chúa, thần lành và thần dữ ít nhiều thường xuyên xâm nhập ý thức con người, khơi dậy những khuynh chiều đạo đức hay tội lỗi. Phân định là cần thiết để xác định nguồn gốc của những thúc đẩy này. Chúng ta có thể không quan niệm về các “thần” y chang như thánh Inhaxiô từng quan niệm, nhưng thực tại ẩn bên dưới quan niệm ấy thì vẫn còn nguyên giá trị: sự lành và sự dữ được kinh nghiệm như những thế lực hùng mạnh có ngôi vị, có thể kiểm soát con người.<sup>73</sup>

Có hai mức độ phân định khác nhau, và thánh Inhaxiô chia chúng làm hai bộ qui tắc. Bộ thứ nhất gắn với Tuần thứ nhất của Linh Thao, bộ thứ hai gắn với các tuần tiếp theo. Mục đích riêng của Tuần thứ nhất là chuẩn bị cho thao viên nhận lãnh hồng ân Thiên Chúa, bằng cách duyệt lại một số quan niệm nền tảng họ có về bản thân và thế giới xung quanh. Thao viên làm điều này khi đặt mình nơi thế giới trong tương quan với Thiên Chúa, xác định vị trí của mình trong mối tương quan này, và sau đó đánh giá lại hệ thống giá trị của mình. Sau khi thực hiện điều này, và nhận thấy mình cần nối kết với Thiên Chúa, thao viên sẽ đối diện với một ơn gọi Kitô hữu cụ thể để bước theo Đức Kitô. Một khi thao viên nhận ra rằng Thiên Chúa là động lực chi phối đời mình, họ bắt đầu tự hỏi làm thế nào để có thể phục vụ Thiên Chúa cách tốt hơn.

Bộ qui tắc phân định thứ nhất liên quan đến việc chọn lựa giữa điều tốt và điều xấu (Tuần thứ nhất); bộ thứ hai liên quan đến việc chọn lựa giữa những điều tốt khác nhau để theo sát Đức Kitô hơn (Tuần thứ 2). Khi chọn lựa không nằm giữa điều tốt và điều xấu, nhưng giữa những điều tốt khác nhau, việc chọn lựa sẽ trở nên rất khó khăn, và thao viên tự sẽ hỏi: làm sao biết được liệu lối hành xử này hay chọn lựa kia là ý muốn của Thiên Chúa? Đây là điều cần phân định.

---

<sup>73</sup> Heinrich Schlier, *Principalities and Powers in the New Testament* (New York: Herder and Herder, 1961).

Thánh Inhaxiô nói rằng hai tình trạng cơ bản của tâm hồn - an ủi và sầu khổ - là chất liệu cho phân định. An ủi có nghĩa là hoàn toàn yêu mến Chúa, gia tăng lòng tin, cậy, mến và mọi niềm vui bên trong. Sầu khổ là điều ngược lại: linh hồn ra tối tăm, thần trí ra mệt nhọc, tình trạng bất an, cảm dỗ chống lại tin, cậy, mến.

Với một người đi từ tội trọng này đến tội trọng khác, thần dữ đưa ra những niềm vui bề mặt, những thích thú và thoả mãn giác quan. Còn thần lành làm cho những người này hối hận và cắn rứt lương tâm.

Với một người đang từ bỏ tội lỗi để yêu mến Thiên Chúa, các thần sẽ làm ngược lại: thần dữ quấy rầy, gây lo lắng, buồn phiền, cản trở; thần lành ban ơn khích lệ, sức mạnh, an ủi, và bình an.

Để bắt đầu phân định, người ta phải biết khuynh hướng cơ bản của cuộc sống mình là gì, và phải phát triển một cảm thức nhạy bén về điều mình cảm nhận. Khi đang cảm thấy sầu khổ, thánh Inhaxiô khuyên ta nên kiên nhẫn, nhận ra rằng Thiên Chúa đang để chúng ta tự bơi, nhưng chắc chắn Ngài sẽ ban đủ ơn để chúng ta vượt thắng tình trạng sầu khổ của tâm hồn. Khi được an ủi, chúng ta nên tích trữ sức mạnh để có thể chống lại sầu khổ khi nó đến, và khiêm tốn nhận ra Chúa là nguồn sức mạnh của chúng ta.

Sau đó thánh Inhaxiô trình bày ba chiến thuật của kẻ thù: (1) kẻ thù sẽ ra yếu nhược khi gặp sự kháng cự mạnh mẽ chống lại chước cám dỗ, và nó là bạo chúa khi ta để cho nó thắng thế; (2) kẻ thù hành động như một kẻ si tình lắng lo luôn ần núp và muốn mục đích và hành động của nó được giữ bí mật; nếu những dụ dỗ và cám dỗ của nó được tiết lộ cho cha giải tội hoặc với một vị khác, thì nó biết nó không thể thành công; (3) kẻ thù giống như một tướng quân tấn công một pháo đài ở điểm yếu nhất, vì vậy hãy sẵn sàng tấn công người ta với những cám dỗ vào những nhân đức yếu nhất.

Những qui tắc dành cho Tuần thứ nhất thì khá rõ ràng. Người thuộc tuần này mới bắt đầu có cảm nhận về kinh nghiệm thiêng liêng; chọn lựa cơ bản là giữa tội và không tội, và lằn ranh giữa thiện và ác thì khá rõ ràng. Nhưng khi họ tiến bộ trong đàng thiêng liêng, các quyết định trở nên tinh tế hơn, vì họ đang phải chọn lựa giữa những điều tốt khác nhau.

Trong bộ qui tắc dành cho Tuần thứ hai, các tiền giả định rất khác nhau. Phải giả thiết rằng đã có những chuyển động, cảm giác, và thúc đẩy nội tâm, và đương sự rất nhạy cảm với chúng. Việc chọn lựa giờ diễn ra giữa những tiến trình hành động tốt khác nhau, giữa lối sống này và lối sống kia, nhiệm vụ này và nhiệm vụ nọ. Khả thể chọn lựa giờ mở rộng, bao gồm tất cả những gì tốt lành. Khi đó, khác biệt giữa các chọn lựa không quá rõ ràng, nhưng lại phức tạp và nhiều lúc gây bối rối.

Một ví dụ trích từ cuốn *Existentialism and Humanism* của Jean-Paul Sartre minh họa cho tình huống của người đang nỗ lực khám phá xem đâu là điều tốt lớn hơn. Một học sinh của Sartre trong thời kỳ Đức quốc xã chiếm đóng nước Pháp đã băn khoăn khi phải quyết định liệu mình có nên rời gia đình, gia nhập lực lượng giải phóng Pháp hay là ở nhà phụ giúp mẹ vốn đang đau bệnh và rất cần đến anh. Đây là hai chọn lựa tốt. Người bạn trẻ bị giằng xé giữa đòi hỏi của chữ “hiếu” với mẹ và chữ “trung” với tổ quốc. Không ai có thể giải quyết vấn đề cho anh. Rốt cuộc chính anh phải chịu trách nhiệm cho lựa chọn của mình. Khi khuyên anh, Sartre nói: “Tôi chỉ có một câu trả lời: anh là người tự do, vậy hãy chọn lựa. Điều đó có nghĩa là sáng tạo. Không quy tắc đạo đức phổ quát nào có thể chỉ cho anh thấy anh phải làm gì. Chẳng có dấu chỉ nào cả. Chính ta phải quyết định về hiện hữu của ta... Hãy tự định đoạt tương lai của mình, chỉ mình bạn phải chịu trách nhiệm về tương lai ấy.”<sup>74</sup>

Đây là một tình huống mà những quy tắc đạo đức tổng quát không đưa ra giải pháp cụ thể cho vấn đề. Đây không phải là chuyện khó quyết định, vì không biết đâu là điều đúng. Chính xác hơn, vấn đề nằm ở chỗ, theo lý trí Kitô giáo, đâu là ý Chúa trong hoàn cảnh này. Inhaxiô đề nghị một giải pháp. Nó chính là phương pháp mà ngài mô tả trong dạng thức thứ hai của việc lựa chọn bậc sống, nghĩa là “khi nhận được đủ ánh sáng và hiểu biết nhờ kinh nghiệm về an ủi và sâu khổ, cũng như nhờ phân định các loại thần khí.”<sup>75</sup>

---

<sup>74</sup> Trích trong *Existentialism from Dostoevsky to Sartre*, ed. Walter Kaufman (New York: Meridian Books, 1963), 287-311.

<sup>75</sup> *Spiritual Exercises*, #176.

Inhaxiô khẳng định rằng: chúng ta không chỉ tập trung vào những chọn lựa, mà còn vào những chuyển động tự phát của con tim. Chúng ta không làm chủ được được ơn an ủi và sâu khổ. Do đó, Inhaxiô thôi thúc chúng ta phải chú ý quan sát những cảm xúc này, vì nơi chúng, thần lành và thần dữ đang làm việc, và qua chúng, ta có thể phân định ra đâu là ý Chúa.

An ủi sẽ cấu thành dấu chỉ mạnh mẽ nhất khi nó xảy đến trong tâm hồn mà “không có bất kỳ nguyên do nào.”<sup>76</sup> Duy một mình Thiên Chúa mới ban ơn an ủi loại này cho ta. Không có nguyên do hay đối tượng nhận thức làm phát sinh an ủi; sự an ủi ấy tự chứng thực. An ủi này được cảm nhận như một kinh nghiệm có ý thức về ân sủng, về tình yêu của Thiên Chúa, trong đó tâm hồn được lôi cuốn “trộn vện tới tình yêu Thiên Chúa Chí Tôn.”<sup>77</sup>

Inhaxiô nói rằng ơn an ủi này có thể xảy ra trong bối cảnh chọn lựa một bậc sống, rằng khi một người xem xét một trong các khả thể (*alternatives*), người đó cảm nghiệm được bình an, niềm vui, an tĩnh, hăng say, hay đơn giản là mở lòng trước Thiên Chúa. Quyết định đúng đắn sẽ khiến cho sự kết hiệp với Chúa được nên khắng khít trọn vẹn. Đây chính là Thần Khí Thiên Chúa, đang xác nhận cho người ấy trong chọn lựa cụ thể này. Có một sự nhất quán, thích hợp, và đúng đắn trong suốt tiến trình chọn lựa. Nó chỉ nhắm đến việc phục vụ và làm vinh danh Chúa. Chọn lựa này đầy tốt lành, và giúp hiệp nhất sâu xa hơn với Thiên Chúa. Trong bức thư gửi Theresa Rajadel năm 1536, Inhaxiô viết về điểm cụ thể này: “Tôi vẫn nói chúng ta phải hiểu điều này, rằng điều mà ta suy nghĩ thì đến từ Thiên Chúa. Hiểu như thế, chúng ta phải tận dụng ích lợi của nó. Vì rất thường, Thiên Chúa đánh động và thôi thúc tâm hồn ta hướng tới hoạt động này hay hoạt động kia. Ngài bắt đầu bằng việc soi sáng linh hồn; nghĩa là Ngài nói với linh hồn từ bên trong mà chẳng cần từ ngữ, và chúng ta chẳng thể nào kháng cự, ngay cả khi ta

---

<sup>76</sup> Ibid., #338.

<sup>77</sup> Ibid.

muốn kháng cự.”<sup>78</sup> Ở đây, Inhaxiô dường như đang mô tả điều mà ngài gọi là an ủi không có nguyên do.

Một khả thể khác là an ủi có nguyên do, chẳng hạn như những tư tưởng tốt lành và thánh thiện. An ủi này có thể đến từ thần lành hay thần dữ. Để phân định thần loại, Inhaxiô khuyên đương sự nhìn lại toàn bộ tiến trình tư tưởng của họ. Nếu tiến trình ấy bắt đầu cách tốt đẹp nhưng kết thúc bằng điều xấu, lệch lạc, kém tốt lành, thì an ủi [giả tạo] đó là công trình của thần dữ đội lốt thần lành. Phán đoán này là một áp dụng của nguyên lý “xem quả thì biết cây,” nhờ kết quả có thể xác định được nguyên nhân. Chỉ ở đâu có an ủi mà không có nguyên nhân, thì an ủi đó mới chắc chắn đến từ Thiên Chúa.

Trước khi tạm kết vấn đề về cách thức khám phá ý Chúa trong một chọn lựa cụ thể, điều rất quan trọng là duyệt xét những suy tư thần học gần đây về ý định của Thiên Chúa. Ý Thiên Chúa phải chăng là một kế hoạch có sẵn trong thượng trí của Ngài (chẳng hạn kế hoạch B), để rồi khi chọn lựa giữa các khả thể tốt lành A, B và C, thì nếu tôi chọn A, tôi sẽ lỡ mất ý định của Thiên Chúa cho tôi? Hay phải chăng phần trọng yếu của việc tìm ý Chúa hệ tại nơi tiến trình chọn lựa, hơn là nơi điều được chọn lựa? Hay phải chăng việc tìm ý Chúa không quá chú trọng đến chuyện chọn đúng đối tượng, cho bằng chọn lựa vì Chúa? Có lẽ ý Chúa sẽ trùng khớp với bất cứ điều gì tốt lành mà tôi chọn lựa, với điều kiện là tôi thực sự tìm Chúa, chứ không tìm mình khi chọn lựa.

Một khi vượt thoát được lối nhìn cứng nhắc, duy cấu trúc về thế giới và về chính mình, cũng như thấy mọi sự đều đang trong tiến trình, đang tiến hóa, chúng ta sẽ vượt qua quan niệm, rằng đã có một kế hoạch định sẵn trong tư tưởng của Thiên Chúa, là thứ ta sẽ khám phá ra nếu ta làm đúng tiến trình phân định. Thực sự không có ý Chúa theo nghĩa này. Ý Chúa dành cho thế trần và cho con người liên hệ chặt chẽ với hành vi sáng tạo, với thượng trí của Ngài, hầu nâng đỡ cho những gì là sáng tạo trong trần thế và nhất là cho tính sáng tạo của con người. Một thần học gia đã nói:

---

<sup>78</sup> William J. Young, S.J., trans., *Letters of St. Ignatius Loyola* (Chicago: Loyola University Press, 1959), 22.

*“Chính trong bối cảnh này mà việc ra quyết định của con người thực sự là một tiến trình quyết định (process of determining) ý Chúa, nếu bạn muốn nói như thế. Đây là điều mà Thiên Chúa đang thực hiện. Ngài duy trì cách sáng tạo một tiến trình trong đó con người – với nhiều khả thể (options) trước mặt, các khả thể này đều khá trung lập, và bất kỳ khả thể nào cũng có thể là một chọn lựa tốt lành – là những cạnh sắc gọt dũa nên điều mà bạn có thể đang gọi là Ý Chúa. Đó là lý do tại sao chúng ta ở đây. Chúng ta, những con người, được tiên định để định hình nên sự phát triển của lịch sử, của tiến hóa, thậm chí của cả vũ trụ, khởi đi từ chính điểm này.”<sup>79</sup>*

Đây là một cái nhìn đương đại. Chúng ta không chắc Inhaxiô chung chia quan điểm này về thế giới và về ý Chúa. Nhưng chúng ta có thể nói rằng cách thức để ra quyết định của ngài dựa trên phân định thần loại thì hài hòa và am hợp với cái nhìn này. Vì khi một cá nhân cân nhắc và xét thấy một tiến trình là tốt đẹp [từ đầu đến cuối], cảm giác được an ủi mà họ trải qua chỉ đến có thể đến từ Thiên Chúa. Họ sẽ cảm thấy bình an, niềm vui, và sự đúng đắn của chọn lựa, nếu họ thực sự chọn lựa vì Chúa. Bất cứ chọn lựa cụ thể nào trong bối cảnh này đều có thể được coi là ý Chúa, bất kể nội dung được chọn có là gì. Cái mà thánh Inhaxiô đề nghị là một phương pháp luận cho việc chọn lựa. Phương pháp luận ấy không nhấn mạnh những thứ cụ thể được lựa chọn, nhưng nhấn mạnh các điều kiện và khung cảnh để thực hiện việc chọn lựa. Một lần nữa, điều được chọn thì không quá quan trọng cho bằng sự kiện việc chọn lựa được thực hiện trong đức tin, trong ân sủng, trong tình yêu, hướng đến việc phục vụ Thiên Chúa. Chính những khuynh chiều, ý hướng, và động cơ là điều quan trọng nhất. Đây mới là thứ mà thánh Inhaxiô lưu tâm.

Người dịch: Lm Anthony Nguyễn Hữu Khanh, SJ

---

<sup>79</sup> Bernard Cooke, S.J. (unpublished proceedings, Santa Clara Conference on Total Jesuit Formation, 1967, III, Pt. 2, p. 162).

## **Phần II**

# **Nền tảng Kinh Thánh và thần học của phân định thiêng liêng**

## **NGUỒN HỨNG KINH THÁNH TRONG BỘ QUY TẮC PHÂN ĐỊNH CỦA THÁNH INHAXIÔ**

Lm Cao Gia An, SJ

### **1. DẪN NHẬP**

#### **1.1 CHẤT LIỆU KINH THÁNH TRONG LINH THAO**

Các bản văn Kinh Thánh đóng vai trò then chốt trong các bài Linh Thao của Thánh Inhaxiô Loyola. Quả vậy, hầu hết các bài cầu nguyện khởi đi từ Tuần II của Linh Thao đều được xây dựng trên các bản văn Kinh Thánh về “Các mẫu nhiệm trong cuộc đời Đức Ki-tô Chúa chúng ta” (LT 261-312). Chất liệu cho mỗi bài cầu nguyện đều được ghi lại theo một cấu trúc với ba điểm gợi ý rất thống nhất. Chẳng hạn, Tuần II gồm 12 ngày, theo cách tính của Thánh Inhaxiô, trong đó có 11 ngày cầu nguyện với chất liệu là các bản văn Kinh Thánh về những biến cố trong cuộc đời Đức Giê-su và những bài giảng của Người, khởi đi từ biến cố Truyền Tin cho đến việc Rước Lá (LT 101-164; 262-288).<sup>80</sup> Tuần III, có 7 ngày, chất liệu hoàn toàn là các bản văn Kinh Thánh về Cuộc Thương Khó (LT 190-209; 289-298). Ở tuần IV, chất liệu Kinh Thánh được sử dụng để cầu nguyện với mẫu nhiệm Phục Sinh là các trình thuật về 13 cuộc hiện ra và trình thuật lên trời (LT 299-312).

Trong Tuần I, Thánh Inhaxiô không trực tiếp sử dụng nhiều chất liệu từ Kinh Thánh nhưng dựa trên những trực giác và kinh nghiệm thiêng liêng rất riêng của mình, với các bài suy niệm về tội và hỏa ngục. Dầu vậy, những ám chỉ và nguồn văn Kinh Thánh vẫn bàng bạc trong các bài suy niệm này. Chẳng hạn Thánh Inhaxiô minh nhiên đề cập đến tội của A-đam và E-va (LT 51), là nguồn văn khởi đầu của sách Sáng Thế; hình ảnh các thiên thần bị đày xuống hỏa ngục (LT 50), là hình ảnh mang đậm yếu tố đặc trưng của dòng văn chương khai huyền; việc đề nghị

---

<sup>80</sup> Trừ “ngày thứ bốn”, cầu nguyện với hai đề tài “Hai Cờ Hiệu” và “Ba Mẫu Người” LT 136-157.

thao viên đặt mình tâm sự trước hình ảnh Đức Ki-tô trên Thập Giá (LT 53); kết nguyện với Kinh Lạy Cha (LT 53) v.v...

Như thế, có thể kết luận rằng các bản văn Kinh Thánh vừa là nguồn tư liệu phong phú, được sử dụng trực tiếp như là các điểm cầu nguyện, vừa là nguồn cảm hứng của rất nhiều hướng dẫn và gợi ý cầu nguyện được Thánh Inhaxiô sử dụng.

Tuy nhiên, Thánh Inhaxiô không phải là người theo chủ trương duy Kinh Thánh. Cách mà Thánh Inhaxiô dùng các bản văn Kinh Thánh làm chất liệu cầu nguyện cho các cuộc Linh Thao có rất nhiều điểm đáng lưu ý.

Thứ nhất, Kinh Thánh không phải là nguồn chất liệu duy nhất cho các giờ cầu nguyện trong Linh Thao. Những bài cầu nguyện đặc trưng của Linh Thao, mang đậm tính Inhaxiô, đến từ các bản văn ngoài Kinh Thánh. Điển hình là các bài cầu nguyện về Nguyên Lý và Nền Tảng, về tội và hỏa ngục, trong Tuần I; các bài Tiếng Gọi, Hai Cờ Hiệu, Ba Mẫu Người, Ba Bậc Khiêm Nhường... trong Tuần II; bài Chiêm Niệm Đẻ Được Tình Yêu của tuần IV; các chú dẫn và những điều phụ thêm, các bộ quy tắc, v.v...

Thứ hai, trong phần gợi ý cầu nguyện, có thể thấy rằng Thánh Inhaxiô có một sự tự do nhất định trong việc sử dụng các bản văn Kinh Thánh. Chẳng hạn, ghi chú số 261 nêu rõ: “Cần lưu ý rằng trong tất cả những Mẫu Nhiệm sau đây, những lời đề trong dấu ngoặc là chính lời trong sách Phúc Âm, còn những lời ở ngoài thì không phải”.<sup>81</sup> Không chỉ sử dụng những lời trong và ngoài sách Phúc Âm, Thánh Inhaxiô còn sẵn sàng sử dụng cả những chất liệu đến từ ngụ thư, được chấp nhận và sử dụng trong truyền thống, như gương sống của các thánh Gioa-kim và An-na (LT 344).

Thứ ba, Thánh Inhaxiô không ngại dùng cả những điều “không có nói trong Sách Thánh”, và “coi như là có”. Ở bài cầu nguyện đầu tiên về Mẫu Nhiệm Phục Sinh, Thánh Inhaxiô đề nghị cầu nguyện với đề tài Đức Ki-tô hiện ra với Đức Mẹ, một trình thuật không có Tin Mừng nào kể lại. Lý do được đưa ra là: “vì Sách Thánh giả thiết rằng chúng ta có

---

<sup>81</sup> Trong thực tế, từ số 262 đến số 312 của sách Linh Thao, những “lời đề trong dấu ngoặc” thì ít hơn rất nhiều so với những lời đề ngoài dấu ngoặc. Điều này có nghĩa là trong việc ghi lại các tường thuật Kinh Thánh về “những mẫu nhiệm trong cuộc đời Đức Ki-tô”, Thánh Inhaxiô dùng lối tường thuật bằng chính giọng kể của mình nhiều hơn là việc chú ý ghi lại nguyên văn từng câu từng chữ trong Kinh Thánh.

sự hiểu biết” (LT 299). Đây là một trực giác rất tự do và chính đáng. Trực giác này tương hợp hoàn toàn với xác tín về sau của Công Đồng Vatican II: Sách Thánh không ghi lại tất cả những biến cố trong cuộc đời của Đức Ki-tô, các Thánh Sử chỉ chọn lọc và ghi lại một vài điều trong vô số những điều quan trọng trong các mầu nhiệm về cuộc đời trần thế của Người (cf. *Dei Verbum* 19).

Cuối cùng, có lẽ cũng cần nhớ rằng khi kể lại những kinh nghiệm thần bí và các thị kiến, là những ân sủng siêu nhiên được ban cho mình, Thánh Inhaxiô không ngại bày tỏ một sự độc lập nhất định với Kinh Thánh. Chẳng hạn, khi kể về những kinh nghiệm thần bí của mình trong sách *Tự Thuật*, Thánh Inhaxiô khẳng định: “Những điều kể ấy nhìn thấy xác chuẩn và làm cho đức tin của kẻ ấy thêm vững mạnh, đến độ nhiều lần kẻ ấy tự nhủ với mình: giả như không có Kinh Thánh dạy chúng ta về những điểm này, kẻ ấy sẵn sàng dù phải chết để bảo vệ cho những điều mình đã thấy” (*Tự Thuật* 29).<sup>82</sup>

Tóm lại, cách mà Thánh Inhaxiô dùng các bản văn Kinh Thánh làm chất liệu cầu nguyện cho các cuộc Linh Thao là một đề tài nghiên cứu thú vị. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của tạp chí Linh Đạo này, bài viết này chỉ giới hạn trong việc tìm hiểu mối tương quan giữa các quy tắc phân định của Thánh Inhaxiô và Kinh Thánh. Vấn đề trọng tâm của bài viết xoay quanh một số câu hỏi chính như: trong bộ quy tắc về phân định của Thánh Inhaxiô, Kinh Thánh có vai trò gì? Có trích dẫn nào minh nhiên hay ám chỉ nào mặc nhiên về Kinh Thánh được sử dụng trong bộ quy tắc phân định không? Có thể kết luận rằng nguyên tắc phân định của Thánh Inhaxiô có nguồn gốc từ Kinh Thánh không?

## 1.2 CÁC “QUY TẮC” TRONG LINH THAO

“Quy tắc” là một trong những thuật ngữ được sử dụng nhiều nhất trong sách Linh Thao.<sup>83</sup> Ngoài những lần xuất hiện riêng rẽ, thuật ngữ

---

<sup>82</sup> Có lẽ cần diễn giải để hiểu đúng cụm từ “Giả như không có Kinh Thánh”. Ở đây, Thánh Inhaxiô không hề làm nhẹ vai trò của Kinh Thánh. Ngược lại, Kinh Thánh được xem là quy chuẩn quan trọng nhất của sự hiểu biết thiêng liêng, là quy chuẩn được nại đến trong những vấn đề về đức tin. Tuy nhiên, khi đề cập đến Kinh Thánh trong mạch văn này, Thánh Inhaxiô muốn cam đoan rằng kinh nghiệm thiêng liêng của mình thuộc về một loại hiểu biết khác, được đảm bảo trên một bình diện khác.

<sup>83</sup> Thuật ngữ này xuất hiện tất cả là 89 lần, ở cả số ít (*regla*) lẫn số nhiều (*reglas*). Tất cả số liệu về thuật ngữ trong bài viết này đều được tính dựa theo bản văn tiếng Tây Ban Nha: I. IPARRAGUIRRE, S.J., *Obras Completas de San Ignacio de Loyola* (Biblioteca de Autores Cristianos; Madrid 1963) 161-274.

này được sử dụng theo từng cụm, thường được gọi là các bộ quy tắc. Các bộ quy tắc này có thể được kể, theo thứ tự xuất hiện trong sách Linh Thao, như sau:

- 4 quy tắc (+ 1 ghi chú) để làm việc chọn lựa tốt lành (LT 184-188).
- 8 quy tắc để tự chỉnh đốn trong việc ăn uống (LT 210-217).
- 3 quy tắc cầu nguyện với lời kinh Lạy Cha (LT 253-255).
- 2 quy tắc cầu nguyện với các kinh khác như Kính Mừng, Lạy Hồn Chúa Ki-tô (LT 259-260).
- 14 quy tắc để cảm biết và nhận ra phần nào những thúc đẩy khác nhau trong linh hồn (bộ quy tắc cho tuần I, LT 313-327).
- 8 quy tắc để phân biệt các thần rõ hơn (bộ quy tắc cho tuần II, LT 328-336).
- 7 quy tắc khi có nhiệm vụ bổ thí của cải (LT 338-344).
- 18 quy tắc để được cảm nghĩ chân chính trong Giáo Hội (LT 352-370).

Như thế tổng số các quy tắc được xếp theo “bộ” trải dài trong 64/370 số của Linh Thao. Gần 20% sách Linh Thao là các quy tắc! Trong số này, mỗi bộ quy tắc đều có một giá trị đặc biệt và có sự độc sáng riêng. Tuy nhiên, quan trọng nhất và mang nét đặc trưng của Linh đạo Inhã nhất chính là bộ quy tắc phân định.

Để có thể đọc ra tương quan giữa bộ quy tắc phân định và các nguồn văn Kinh Thánh, bài viết sẽ phát triển hai góc nhìn khác nhau: thứ nhất, tìm hiểu xem trong Kinh Thánh vấn đề phân định thần loại được đề cập đến như thế nào; thứ hai, tìm hiểu xem trong bộ quy tắc phân định của Thánh Inhaxiô có thể có những chất liệu Kinh Thánh nào đã được sử dụng, dù là minh nhiên hay mặc nhiên. Ở cả hai hướng nghiên cứu, phương pháp chủ yếu được sử dụng là việc phân tích những từ khóa trong bộ quy tắc phân định của Thánh Inhaxiô, tìm lại nguồn gốc và giá trị của những từ khóa này trong dòng lịch sử Kinh Thánh, để từ đó suy tư và rút ra những kết luận tương thích.

## **2. NHỮNG DẤU ẤN CỦA KINH THÁNH TRONG BỘ QUY TẮC PHÂN ĐỊNH**

### **2.1 PHÂN ĐỊNH THẦN LOẠI TRONG KINH THÁNH**

Để chỉ về phân định, Thánh Inhaxiô dùng cụm từ “discreción de varios espíritus” – “phân định thần loại”, hay “discreción de spiritus” - “phân định các thần”. Cả “phân định” và “thần loại” hay “các thần” đều là những thuật ngữ mang đậm nét Kinh Thánh. Tìm hiểu về việc sử dụng

và ý nghĩa của các thuật ngữ này trong Kinh Thánh sẽ giúp chúng ta hiểu tốt hơn sứ điệp mà Thánh Inhaxiô muốn truyền tải.

### 2.1.1 PHÂN ĐỊNH

“Phân định”, “discreción”, là từ xuất hiện khá thường xuyên trong Kinh Thánh. Các từ điển tâm nguyên chỉ ra rằng từ “discreción” có gốc từ động từ Hy-lạp διακρίνω, với nghĩa gốc là “phân chia”, “phân rẽ”, “phân biệt”, “phân xử”, “thực hiện việc phân xử và quyết định”, “phân định”. Có thể hiểu rõ nghĩa của từ này hơn trong bối cảnh của một số đoạn văn Kinh Thánh khác nhau.

Trong Cựu Ước, thuật ngữ “phân định”, với gốc từ Do-thái “בין”, là một từ đặc trưng được sử dụng thường xuyên trong bối cảnh của văn chương khôn ngoan. Gốc từ này diễn tả một sự hiểu biết tường tận và sâu xa, hiểu đến cốt lõi và ngọn nguồn của vấn đề, nhờ đó biết phân biệt và quyết định cách chính xác. Chẳng hạn thuật ngữ này xuất hiện trong trường hợp nổi tiếng của vua Sa-lo-mon và giấc mộng ở Ghíp-ôn. Trong đêm dâng hiến lễ ở Ghíp-ôn, khi được chính Thiên Chúa đề nghị : “Hãy xin đi, Ta sẽ ban cho”, vị vua non trẻ mới lên ngôi này đã mở lời: “Xin ban cho tôi tới Chúa đây một con tim biết lắng nghe, để cai trị dân Chúa, để biết phân định (לִבְיָדָי) giữa điều phải và điều trái” (1V 3,9). Theo đó, biết phân định là một biểu hiện của ơn khôn ngoan. Chất liệu của việc phân định trong trường hợp này là điều tốt và điều xấu, điều phải và điều trái. Hơn nữa, “phân định” và “khôn ngoan” thường xuyên xuất hiện song đôi trong nhiều bản văn Kinh Thánh khác nhau. Chẳng hạn sách Châm Ngôn có viết: “Cái khôn của kẻ sáng suốt là biết phân định (לִבְיָדָי) con đường mình đi/Cái dại của kẻ ngu si là sự lừa dối” (Cn 14,8). Sách Đa-ni-en thì kể về trường hợp của bốn trẻ em Do-thái được chọn phục vụ trong cung đình vua Na-bu-cô-đô-nô-xo: “Bốn cậu bé này đều được Chúa ban ơn hiểu biết và thông thạo về chữ nghĩa và lẽ khôn ngoan. Riêng Đa-ni-en còn biết phân định (לִבְיָדָי) mọi thị kiến và giấc mơ” (Đn 1,17).

Trong Tân Ước, “phân định” cũng là một thuật ngữ khá phổ biến. Hãy xét một trường hợp điển hình trong Tin Mừng Mát-thêu về cuộc tranh luận giữa Đức Giê-su và những người thuộc phái Pha-ri-sêu và phái Xa-đốc (Mt 16,1-4). Những người này muốn thử Đức Giê-su bằng cách đòi Người cho họ thấy một dấu lạ từ trời. Không chiều theo đòi hỏi vô lý của họ, Đức Giê-su quở: “καὶ πρῶτῃ σήμερον χεიმὼν, πυρράζει γὰρ στυγνάζων ὁ οὐρανός. τὸ μὲν πρόσωπον τοῦ οὐρανοῦ γινώσκετε διακρίνειν, τὰ δὲ σημεῖα τῶν καιρῶν οὐ δύνασθε” (Mt 16,3) – “Sáng

sớm, thấy nền trời đỏ rực thì người ta biết thời tiết hôm ấy có biến động. Diện mạo của bầu trời thì các ông biết cách phân định, trong khi trước những dấu chỉ của thời đại thì các ông lại bất lực”. Trong mạch văn này, “phân định” có nghĩa là biết dựa vào những biểu hiện cụ thể hay những dấu chỉ rõ ràng để đoán định, phân tích, và đi đến một hiểu biết về ý nghĩa bên trong của những biểu hiện và những dấu chỉ ấy. Những người Pha-ri-sêu và phái Xa-đốc bị Đức Giê-su trách vì chính lời Người giảng và những việc Người làm đã là những dấu chỉ minh nhiên hiển hiện trước mắt họ, nhưng họ không biết cách đọc, không có khả năng phân định để hiểu, và do đó không thể đón nhận ý nghĩa của những dấu chỉ ấy.

Trong các bản văn của Thánh Inhaxiô, từ “phân định” phản ánh cùng một lớp nghĩa như thế. Quả vậy, với Thánh Inhaxiô, dấu chỉ hay những biểu hiện để dựa vào đó người ta phân định là những chuyển động nội tâm (“las varias mociones que en la anima se causan” – LT 313). Những chuyển động này được phân biệt và xếp thành hai phạm trù đối ngược nhau là an ủi và sầu khổ. Những dấu chỉ của an ủi là việc bùng cháy lửa yêu mến Đấng Tạo Hóa, chảy nước mắt giục lòng mến Chúa, những dấu hiệu gia tăng lòng tin-cậy-mến (LT 316). Trong khi đó, những dấu chỉ của sầu khổ là sự tối tăm trong linh hồn, những xao xuyến nội tâm, những thúc đẩy thấp hèn và phạm tục, những lo lắng xao động và những cám dỗ làm mất lòng tin-cậy-mến (LT 317).

Như thế, theo cách Đức Giê-su mời những người đối thoại với mình, bằng khả năng phân định, đọc những “dấu chỉ của thời đại” để có thể nhận ra sự viếng thăm và hiện diện của Thiên Chúa ở giữa họ, Thánh Inhaxiô cũng mời người làm Linh Thao đọc những chuyển động trong nội tâm của mình để nhận ra đâu là những thúc đẩy đến từ Thiên Chúa và thần lành, là những điều tốt để đón nhận, và đâu là những thúc đẩy đến từ thần dữ, là điều xấu để loại bỏ. Chất liệu để làm việc phân định trong hai trường hợp có thể khác nhau, nhưng năng động và mục đích của cả hai việc phân định đều rất gần nhau.

Tương tự, thuật ngữ này cũng được sử dụng rải rác trong các thư của Thánh Phao-lô, với lớp nghĩa là “phân định”, “phân xử”. Chẳng hạn trong 1Cr 6,5, thánh Phao-lô trách những tín hữu cộng đoàn Cô-rin-tô về việc các tín hữu cứ đem nhau ra tòa đòi mà xử: “Chẳng lẽ trong anh em không có người nào đủ khôn ngoan để phân xử cho những người anh em của họ sao?”; Hoặc ở 1Cr 11,31, Thánh Phao-lô viết: “Giả như chúng ta biết phân định với chính mình, chúng ta đã không bị xét xử”. Trong

trường hợp thứ hai này, động từ διακρίνω được sử dụng cùng với một đại từ phản thân (ἐαυτοῦς διεκρίνομεν), nghĩa là chủ thể của hành động phân định và đối tượng hay chất liệu của hành động phân định là một, chủ thể của hành động phân định làm việc phân định trên chính mình. Đây chính là kiểu phân định mà Thánh Inhaxiô sử dụng.<sup>84</sup>

Tóm lại, có thể thấy rằng “phân định” là một thuật ngữ có nguồn gốc Kinh Thánh. Phân định là một biểu hiện của ơn khôn ngoan. Trong hành trình thiêng liêng của Thánh Inhaxiô, kỹ năng phân định là một sở đắc đặc biệt được xây dựng từ việc đọc lại kinh nghiệm cuộc đời và những chuyển biến trong nội tâm của chính mình dưới sự soi sáng của Thiên Chúa. Thánh Inhaxiô nhận ra rằng, những chuyển biến này rất khác nhau, và phân biệt rằng tác giả của những chuyển biến này là “các thần” khác nhau. “Các thần” – spiritus – hay “thần loại” – varios espíritus – cũng là thuật ngữ phổ biến và mang đậm nét Kinh Thánh.

### 2.1.2 THẦN LOẠI

Kinh Thánh thường xuyên nói về các loại “thần” hay “thần khí” khác nhau, cả thần tốt lẫn thần xấu. Đồng thời, cũng rất nhiều nơi trong Kinh Thánh đề cập đến việc phải phân định các loại thần như là điều kiện cần phải có để một người có thể sống tốt trong đời sống đức tin và luân lý.

Một trường hợp điển hình trong Cựu Ước về việc một người có thể bị chi phối bởi các thần khác nhau là câu chuyện của vua Sa-un. Lúc khởi đầu, cuộc đời chàng trai Sa-un được đánh dấu bởi “thần khí của Đức Chúa” (רוח-אלהים), nhờ đó Sa-un có thể đứng lên lãnh đạo toàn dân (cf. 1Sm 11,6). Nhưng với thời gian và với những vinh quang đạt được, Sa-un cứ dần dần lìa xa con đường của Đức Chúa và đẩy mình chìm vào trong vũng lầy của lòng đố kỵ và những toan tính tội lỗi. Thế nên tác giả sách Sa-mu-en kể: “Bấy giờ, thần khí của Đức Chúa (רוח יהוה) rời bỏ vua

---

<sup>84</sup> Có thể có lập luận phản đối: các quy tắc phân định được viết ra trong sách Linh Thao là những quy tắc được trình bày cho người hướng dẫn Linh Thao, chứ không phải trực tiếp cho thao viên; trong khi chất liệu để phân định là những chuyển biến trong nội tâm của thao viên. Vậy, kiểu phân định mà Thánh Inhaxiô hướng dẫn liệu có thực sự là một loại phân định phản thân (“reflexive”)? Có lẽ cần lưu ý rằng với Thánh Inhaxiô, người hướng dẫn Linh Thao là người giúp phân định, chứ không phải là người phân định giúp thao viên. Người hướng dẫn có nhiệm vụ trình bày trung thực những quy tắc này để thao viên hiểu và chính họ sẽ là người làm việc phân định với chất liệu là những chuyển động trong chính lòng mình. Chỗ đứng của người hướng dẫn, thực chất là một người đồng hành, là “bên lề” chứ không phải là “bên trong” tiến trình phân định của thao viên.

Sa-un, và Đức Chúa gọi đến một thần khí xấu (רוח־רָעָה) khiến nhà vua kinh sợ (1Sm 16,14-16). “Thần khí xấu” này còn được nhắc đến ở 1Sm 18,10 và 19,9, như là nguyên do chính làm rối loạn và gây hoang mang trong nội tâm của vua Sa-un.

Như vậy, trong ngôn ngữ của Cựu Ước, “thần khí” thường được dùng để chỉ về thần tốt, có nguồn gốc từ Thiên Chúa (רוח אֱלֹהִים, רוח יְהוָה), như là nguồn sức mạnh nâng con người lên; trong khi đó, có rất nhiều từ khác nhau để chỉ về các loại “thần xấu”, chẳng hạn “thần khí ghen tương” (רוח־קִנְיָה, Ds 5,14.30), “thần khí xấu” (רוח רָעָה, Tl 9,23), “thần khí dối trá” (רוח שָׁקֶר, 1 V 22,23; 1Sbn 18,22), “thần khí hoang mang” (רוח עָוָעִים, Is 19,14), v.v... là những loại thần khí kéo con người xuống, gây bất an trong chính nội tâm của con người và dẫn con người càng lúc càng lìa xa Thiên Chúa. Có thể thấy rất rõ nơi đây bóng dáng của những quy tắc Inhã trong việc phân biệt các thần. Chẳng hạn, Thánh Inhaxiô viết: “Đặc điểm của Chúa và các thần lành là an sự sáng khoái và vui vẻ thiêng liêng thật [...]. Còn đặc điểm của kẻ thù là chống lại sự sáng khoái và niềm an ủi thiêng liêng...” (LT 329).

Cũng thế, trong ngôn ngữ của Tân Ước, “các thần” và việc “phân định các thần” được nhắc đến nhiều lần trong nhiều bối cảnh khác nhau. Tin Mừng Lu-ca kể lại rằng trên đường lên Giê-ru-sa-lem, khi Đức Giê-su và các môn đệ không được đón tiếp ở một làng người Sa-ma-ri, hai môn đệ Gia-cô-bê và Gio-an liền hỏi ý Đức Giê-su liệu Người có muốn hai ông khiến lửa từ trời xuống thiêu hủy họ không. Đức Giê-su quở mắng các ông: “Anh em không biết mình thuộc loại thần khí nào” (cf. Lc 9,51-55).<sup>85</sup> Theo mạch văn này, có thể thấy rằng lời đề nghị của hai môn đệ đi ngược hoàn toàn với chọn lựa và con đường của Đức Giê-su. Thần khí đang xúi giục họ hoàn toàn không tương hợp với thần khí của Thiên Chúa đang hướng dẫn Đức Giê-su trên đường lên Giê-ru-sa-lem để bước vào con đường thập giá. Họ không ý thức được rằng mình đang bị xúi giục bởi thần dữ để lèo lái con đường của Thiên Chúa. Do vậy, lời quở trách của Đức Giê-su trong trường hợp này có thể được hiểu như

---

<sup>85</sup> Phần lớn các bản văn Hy-lạp quan trọng (Codex Sinaiticus, Vaticanus, Alexandrinus) đều dừng lại ở chi tiết “Người quay lại quở mắng các ông”, nhưng không ghi lại nội dung của lời quở mắng. Tuy nhiên, ở một số bản văn quan trọng khác như Codex Bazaе (chứa các bản văn Hy-lạp và La-tinh của bốn Tin Mừng và sách Tông Đồ Công Vụ, được định tuổi vào khoảng thế kỷ V), và đa số những bản chép tay tiếng La-tinh, kể cả bản Vulgate, đều có thêm vào cuối câu chi tiết này: “Nescitis cujus spiritus estis.” Diễn nghĩa của câu này có thể là “Anh em không biết mình đang bị xúi giục bởi thần khí loại nào!”

một từ chối thẳng thừng lời đề nghị của thần dữ, đồng thời lời ấy cũng đặt ra một mời gọi: hãy biết phân định các thần khác nhau!

Trong thư của Thánh Gio-an, tác giả khuyên các tín hữu trong cộng đoàn của mình: “Anh em đừng cứ thần khí nào cũng tin, nhưng hãy cân nhắc các thần khí (δοκιμάζετε τὰ πνεύματα) để xem có phải bởi Thiên Chúa hay không” (1Ga 4,1). Gốc động từ được sử dụng trong mạch văn này là δοκιμάζω, có nghĩa rất gần với διακρίνω. Hơn nữa, không chỉ dừng lại ở việc khuyên nhủ, tác giả thư Gio-an còn đưa ra một tiêu chuẩn quan trọng để giúp phân biệt thần khí nào đến từ Thiên Chúa và thần khí nào không đến từ Thiên Chúa: đó là việc tuyên nhận hay chối bỏ Đức Giêsu. Theo tác giả Gio-an, phải có khả năng phân biệt các thần thì mới có thể sống như con cái Thiên Chúa và bước theo con đường của Đức Giêsu (1Ga 4,2-6).

Thánh Phao-lô cũng là một tác giả bàn rất nhiều về việc phân định các thần khí khác nhau. Chương 8 của thư gửi Giáo đoàn Rô-ma là một phân định rất rạch ròi giữa Thần Khí của Thiên Chúa và tính xác thịt. Tương tự, sự phân định này cũng được nhắc đến trong thư gửi giáo đoàn Ga-lát, theo đó Thánh Phao-lô kể ra một loạt danh sách đối nghịch giữa hoạt động của xác thịt (5,16-21) và hoa quả của Thần Khí (5,22-26). Ngoài ra, trong thư thứ nhất gửi giáo đoàn Cô-rin-tô, việc biết phân định các thần (διακρίσεις πνευμάτων) được kể như là một trong số các đặc sủng được ân ban từ Thiên Chúa (1Cr 12,10).

Tóm lại, có thể thấy rằng các bản văn Kinh Thánh thường xuyên nhắc đến vô số thần loại khác nhau, và việc phân định thần loại là một di sản quý giá của truyền thống Kinh Thánh. Thừa hưởng truyền thống này, được bén rễ và đào luyện từ chính truyền thống này, Thánh Inhaxiô đã được gọi hứng, đã sống và đã góp nhặt để luyện thành một vũ khí lợi hại trong cuộc chiến đấu thiêng liêng của mình. Linh đạo Inhã không cho phép người ta có một cái nhìn quá ngây ngô và đơn sơ về thế giới nội tâm và những chuyển biến trong tâm hồn của một người theo Chúa. Phân định theo Thánh Inhaxiô là bước vào một cuộc chiến đấu gay go. Âm hưởng của những lời được viết trong thư Thánh Phao-lô có thể nghe vang vọng rất rõ trong cuộc chiến này: “Hãy mang toàn bộ binh giáp vũ khí của Thiên Chúa, để có thể đứng vững trước những mưu chước của ác thần, vì chúng ta chiến đấu không phải với phàm nhân, nhưng là với những quyền lực thần thiêng, với những bậc thống trị thế giới tối tăm này, với những thần dữ từ tận chốn trời cao” (Eph 6,11-12).

## **2.2 NGUỒN HỨNG KINH THÁNH TRONG PHÂN ĐỊNH THÂN LOẠI**

Sau khi đã lược qua việc phân định thân loại được đề cập trong Kinh Thánh, giờ đây chúng ta có thể xét đến những yếu tố Kinh Thánh được sử dụng trong bộ quy tắc phân định của Thánh Inhaxiô. Trước hết, chúng ta lưu ý đến một số thuật ngữ được sử dụng thường xuyên trong bộ quy tắc phân định và nguồn gốc Kinh Thánh của những thuật ngữ này; tiếp đến, chúng ta sẽ xét đến những trích dẫn minh nhiên và những ám chỉ mặc nhiên từ các nguồn văn Kinh Thánh; sau cùng, chúng ta sẽ đọc một vài bản văn cụ thể trong Kinh Thánh từ góc nhìn của những hướng dẫn về phân định theo Thánh Inhaxiô.

### **2.2.1 MỘT SỐ THUẬT NGỮ CHÍNH TRONG BỘ QUY TẮC PHÂN ĐỊNH**

Bộ quy tắc phân định được Thánh Inhaxiô sắp xếp được trải dài trong hai tuần Linh Thao, gồm 14 quy tắc dành cho tuần I và 8 quy tắc dành cho Tuần II. Trong bộ quy tắc dành cho Tuần I, (LT 313-327), giả định dành cho những người chỉ mới chập chững trên đường thiêng liêng, 11 quy tắc đầu tiên bàn về an ủi và sâu khổ, và 3 quy tắc cuối cùng bàn về chiến thuật của thần dữ hay “kẻ thù”. Bộ quy tắc này được sử dụng song hành với việc cầu nguyện về tội, đồng thời giúp đặt nền vững chắc cho kinh nghiệm cầu nguyện về nguyên lý và nền tảng của ơn gọi là người. Trong khi đó, bộ quy tắc của Tuần II, giả định dành cho những người đã tiến bước trên đường thiêng liêng, nhằm giúp người làm Linh Thao hiểu tốt hơn và cộng tác tốt hơn với những tác động của thần lành, đồng thời đặt họ đối diện với những chiến thuật tinh vi và phức tạp hơn của thần dữ. Bộ quy tắc này song hành với các bài cầu nguyện về các mầu nhiệm trong cuộc đời Đức Ki-tô, hướng đến việc giúp chọn lựa tốt hơn, với ơn xin để yêu mến hơn, bước theo sát gót Người hơn.

Trong bộ quy tắc phân định có một số thuật ngữ xuất hiện với tần suất dày đặc và thường xuyên tương tác lẫn nhau theo từng cặp đối nghĩa, chẳng hạn: “an ủi”, “sâu khổ”, “thần lành”, “thần dữ”, “kẻ thù”, “cám dỗ”. Một cái nhìn sơ lược về việc sử dụng và ý nghĩa của những thuật ngữ này có thể giúp chúng ta hiểu hơn về nội dung và mục đích của bộ quy tắc phân định, đồng thời cũng có thể nhận ra phần nào sự ảnh hưởng của văn hóa Kinh Thánh trên các quy tắc này.

### **AN ỦI và SÂU KHỔ**

Hai thuật ngữ thường xuất hiện song đôi trong bộ quy tắc phân định là “an ủi” (consolación) và “sầu khổ” (desolación). Trong số 31 lần xuất hiện của thuật ngữ “an ủi” ở toàn sách Linh Thao, có 21 lần thuật ngữ này tập trung ở bộ quy tắc phân định. Trong khi đó, thuật ngữ “sầu khổ” xuất hiện tất cả là 23 lần, trong đó có 15 lần xuất hiện ở bộ quy tắc phân định. Đây là những con số biết nói, chỉ ra cho chúng ta rằng tình trạng “an ủi” hay “sầu khổ” trong tâm hồn là chất liệu quan trọng nhất của việc phân định. Không thể phân định nếu không biết lắng nghe và nhận biết những chuyển động từ chính tâm hồn mình. Con đường Inhaxiô để vươn đến với Thiên Chúa là con đường ngang qua thế giới nội tâm của mỗi con người. Đây là một trong những con đường đã được chỉ ra bởi rất nhiều tác giả Kinh Thánh, để ngang qua an ủi hay sầu khổ có thể nhận ra một người đang được Thiên Chúa ở cùng hay không.

“An ủi”, với gốc động từ  $\alpha\gamma\alpha\iota\omega$ , là từ thường xuyên xuất hiện trong Kinh Thánh, ở những thời điểm đặc biệt. Có những an ủi đến từ tình người (St 37,35; 2Sm 10,2), từ tình bạn (G 2,11), nhưng thường những an ủi ấy không mang lại một hiệu quả nào đáng kể đối với những người đang gặp khó khăn và đau khổ.<sup>86</sup> Theo các tác giả Kinh Thánh, an ủi thật sự chỉ đến từ Thiên Chúa. Đây là một trong những xác tín nền tảng của Cựu Ước: chính Thiên Chúa mới là Đấng có thể an ủi dân người (Is 49,13; 51,3; 52,9), nhất là trong những tình cảnh bi thương và khốn khó. Cũng thế, trong Tân Ước, an ủi là một ơn thật sự chỉ có thể đến từ chính Đức Ki-tô (cf. 2Cr 1,5), từ sự liên kết mật thiết với Người (cf. Pl 2,1). Trong ngôn ngữ Tân Ước, nhất là trong bối cảnh của cộng đoàn hậu Phục Sinh, Đấng được hứa ban cho các môn đệ được gọi là Đấng An Ủi (cf. Ga 14,26; 15,26; 16,7).

Lỗi hiểu truyền thống này được Thánh Inhaxiô tiếp nối và phát triển bằng những phân tích rất chi tiết. Những phân tích ấy mang lại nhiều ánh sáng mới mẻ và làm phong phú hơn rất nhiều cho lỗi hiểu của chúng ta về những chuyển biến được gọi an ủi và sầu khổ trong thế giới nội tâm của con người.

Quả vậy, hoàn toàn tương hợp với Kinh Thánh, Thánh Inhaxiô xác định rằng: “Chỉ có Thiên Chúa, Chúa chúng ta, mới ban ơn an ủi cho

---

<sup>86</sup> Sự vô hiệu này được phản ánh rất rõ trong cuộc tranh luận của Gióp và ba người bạn của mình. Nghe tin bạn bị nạn, ba người bạn của Gióp đến viếng thăm trong tư cách của những người an ủi (G 2,11-13). Thế nhưng, Gióp nhanh chóng nhận ra vai trò chẳng những vô bổ mà còn phản chứng của họ: “Các anh muốn an ủi, nhưng tất cả chỉ gây thêm đau khổ” (G 16,2).

linh hồn mà không cần có nguyên do trước” (LT 330). Tuy nhiên, Thánh Inhaxiô cũng chỉ ra rằng không phải mọi sự an ủi của linh hồn đều đến từ thần lành: “Khi có nguyên do, cả thần lành lẫn thần dữ đều có thể an ủi linh hồn, nhưng nhằm những mục đích trái ngược nhau” (LT 331). Như thế, từ góc nhìn của Thánh Inhaxiô, an ủi và sầu khổ là những dấu hiệu để phân định chứ không phải để khẳng định cách dễ dàng và ngây thơ. Giữa đường lối hoạt động của thần lành và thần dữ có một sự phức hợp nhất định, tùy thuộc vào thực trạng của người đang bị tác động. Do đó, trong những điều được thúc đẩy, luôn cần xem xét thật kỹ trước khi hoàn toàn tin tưởng và đem ra thực hành (cf. LT 336). Chính Thánh Phao-lô là người đã chỉ ra trường hợp “thần dữ đội lốt thần lành” trong lời giảng dạy của mình: “Lạ gì đâu, bởi chính Sa-tan cũng đội lốt Thiên Thần ánh sáng” (2Cr 11,14). Trục giác này được Thánh Inhaxiô tiếp nối và phát triển chi tiết hơn rất nhiều “Đặc điểm của thần dữ là giả dạng thần lành đi vào theo chiều hướng của linh hồn trung tín để rồi kéo linh hồn ấy ra theo đường của nó...” (LT 332).

Khác với trường hợp của từ “an ủi”, trong Kinh Thánh không có một từ “sầu khổ” cụ thể, mặc dù có rất nhiều trường hợp trong Kinh Thánh nói về tình trạng tâm thần buồn phiền sâu nặng (cf. Is 61,3; G 7,11; Tv 18,7; 66,14, ect.). Thế nên thật đáng lưu ý khi trong bộ quy tắc phân định Thánh Inhaxiô chỉ dùng một quy tắc (LT 316) để giải nghĩa về an ủi, trong khi đó lại dùng đến 6 quy tắc để bàn về sầu khổ: từ việc định nghĩa sầu khổ là gì, lời khuyên nên làm gì trong thời gian sầu khổ, thái độ nào nên có trong thời gian sầu khổ, đâu là nguyên do của sầu khổ. Thánh Inhaxiô gọi sầu khổ là tất cả những gì trái ngược với an ủi “như sự tối tăm trong linh hồn, xao xuyến bề trong...” (LT 317). Tuy nhiên, điểm độc sáng của Thánh Inhaxiô nằm ở chỗ cả sự sầu khổ cũng có thể được gọi là “sầu khổ thiêng liêng”. Theo đó, những dấu hiệu của sầu khổ trong linh hồn không hẳn chỉ là tác động của thần dữ, nhưng có thể là của chính Thiên Chúa. “Để thử luyện ta, Chúa đã để ta với sức tự nhiên chống trả các xao động và cám dỗ của kẻ thù [...] Chúa rút bớt lòng sốt sắng nồng nàn...” (LT 322). Như thế, sầu khổ và những bút rứt trong lương tâm có thể là dấu hiệu Thiên Chúa dùng để nhắc nhở một linh hồn đang chìm trong tội (cf. LT 314.322), để dạy cho con người biết được đâu là khả năng thật sự của mình, và đâu là nguồn gốc thật sự của ơn an ủi (cf. LT 322).

Tóm lại, với Thánh Inhaxiô, cả an ủi lẫn sầu khổ đều cần được đón nhận như là những chất liệu cần thiết cho việc phân định, để giúp người

làm Linh Thao đọc ra tác động khác nhau của các thần. Ngang qua những chuyển biến của an ủi và sầu khổ, người làm Linh Thao có nhiệm vụ lần ra xem ai thực sự là tác giả của những chuyển biến ấy, để có thể đón nhận hoặc loại bỏ.

## THẦN LÀNH & THẦN DỮ

Cũng giống như trường hợp của “an ủi” và “sầu khổ”, hai cặp từ “thần lành” và “thần dữ” thường xuất hiện song đôi trong sách Linh Thao, nhất là trong bộ quy tắc phân định. Hai thuật ngữ “thần lành” (buen espíritu) và “thiên thần lành” (buen ángel) thường được sử dụng như hai từ đồng nghĩa, có thể hoán đổi cho nhau khá tự do. Cũng vậy đối với trường hợp của “thần dữ” (mal espíritu) và “thiên thần dữ” (mal ángel).

“Mỗi trang Kinh Thánh đều được đánh dấu bởi các thiên thần” (Thánh Gregorio Cả). Thuật ngữ “thiên thần” xuất hiện rất thường xuyên cả trong Cựu Ước lẫn Tân Ước. Các thiên thần là những người phục vụ và kẻ cận Thiên Chúa, xuất hiện đặc biệt thường xuyên trong dòng văn chương Khải Huyền. Họ là sức mạnh của Thiên Chúa, họ chiến đấu chống lại ác thần (Kh 12). Họ thường được sai đi như những sứ giả để loan báo kế hoạch của Thiên Chúa cho con người (Lc 1,5-38; Tl 13,2-7). Các thiên thần xuất hiện ở nhiều thời điểm và địa điểm khác nhau: từ ngoài sa mạc (St 21,8-21) đến trong Đền Thờ (Lc 1,8-23), từ giữa cuộc sống thường ngày (Tl 13) đến cả trong giấc mơ (Mt 1,18-24)... Các thiên thần được gọi đến để chúc lành (St 48,16), để chuyển cầu (Kh 8,4-5), để chữa lành, bảo vệ và chăm sóc cho con người (cf. sách Tô-bi-a). Trong cuộc đời trần thế của Đức Giê-su, những biến cố quan trọng đều được đánh dấu bởi sự xuất hiện của các thiên thần, từ Truyền Tin (Lc 1,23-38) đến Giáng Sinh (Lc 2,13-14), từ việc trốn sang Ai-cập (Mt 2,13) đến việc trở về Ít-ra-en (Mt 2,19) từ biến cố chịu cám dỗ trong hoang địa (Mt 4,11) đến đêm hấp hối trong Vườn Dầu (Lc 22,43)...

Nhìn chung, các thiên thần hay những “thần lành” là những cánh tay nối dài của Thiên Chúa để mang đến những điều tốt lành cho con người. Trong Kinh Thánh, có nhiều nơi các thiên thần này được đồng hóa với chính Thiên Chúa (cf. St 18,1-15; Xh 3,2; Tl 2,1-4; 6,11-24, etc.). Trong bộ quy tắc phân định, ở một vài chỗ, có vẻ như Thánh Inhaxiô nhìn nhận sự tương đồng này khi dùng một cụm từ chung cho cả hai “đặc điểm của Chúa và các thần” (cf. LT 329). Tuy nhiên, kinh nghiệm và trực giác của Thánh Inhaxiô chỉ ra rằng cách làm việc của riêng Thiên Chúa là rất

riêng, và có một sự phân biệt rõ ràng: “Chỉ có Thiên Chúa, Chúa chúng ta mới ban ơn an ủi cho linh hồn mà không cần có nguyên do trước; vì quyền riêng của Đấng Tạo Hóa là vào, ra, đánh động linh hồn, lôi cuốn trọn vẹn linh hồn vào lòng yêu mến Ngài” (LT 330).

Thuật ngữ “thiên thần dữ” được sử dụng nhiều trong truyền thống Ki-tô giáo, dù ít xuất hiện trong Kinh Thánh. Tuy nhiên, cũng có thể thấy rõ nguồn gốc Kinh Thánh của thuật ngữ này. Chẳng hạn, trong đoạn văn I-sa-ia về ngày tàn của vua Ba-by-lon, có câu: “Có sao người từ trời cao rơi xuống/ Lucifer (ללל), đứa con của bình minh” (Is 14,12). Câu này được nhiều học giả chú giải như là nguồn văn Kinh Thánh ám chỉ về học thuyết thiên thần sa ngã. Âm vọng của câu Kinh Thánh trên có thể được nghe thấy nơi chính lời của Đức Giê-su: “Thầy đã thấy Satan như một tia chớp từ trời sa xuống” (Lc 10,18). Ngoài ra, tác giả thư Phê-rô thì nhắc đến trường hợp các thiên thần có tội và bị trừng phạt (cf. 2Pr 2,4). Cùng một dòng tư tưởng như thế, có thể gặp nơi thư Giu-đa (cf. Gđ 1,6) hoặc sách Khải Huyền (cf. Kh 20,10).

Bản tính chung của các loại thần dữ như được đề cập trong Kinh Thánh là gian dối (cf. Ga 8,44), là kẻ tố cáo (cf. Dcr 3,1), xúi giục và xúc xiểm (cf. G 1,6-12; 2,1-7), đưa dẫn con người làm điều sai trái (cf. 1Sbn 21,1). Thế nên không lạ gì khi trong bộ quy tắc phân định của Thánh Inhaxiô, gắn liền với những thuật ngữ được dùng để chỉ về thần dữ là rất nhiều thuật ngữ tiêu cực khác nhau, được lặp lại nhiều lần, chẳng hạn như “cám dỗ” (tentacione – xuất hiện 13 lần, ở cả số ít lẫn số nhiều), “xấu xa” (malicia – 10 lần), “lừa bịp” (engaños – 5 lần), etc. Sự đa dạng trong lối sử dụng ấy phản ánh rất rõ sự đa dạng và phức tạp của các thuật ngữ này từ trong nguồn gốc Kinh Thánh.

Đồng nghĩa với “thần dữ” hay “thiên thần dữ”, Thánh Inhaxiô sử dụng rất thường xuyên thuật ngữ “kẻ thù” (enemigo). Thuật ngữ này xuất hiện 37 lần trong toàn sách Linh Thao. Ngoài một số ít lần chỉ về những con người thuộc phe đối lập với Đức Giê-su như quân dữ, Hê-rô-đê và Phi-la-tô (LT 196.201.291.295) hay chỉ về kẻ thù là những con người chung chung (LT 278), trong tất cả những lần xuất hiện còn lại, thuật ngữ “kẻ thù” hay “kẻ thù của bản tính loài người”<sup>87</sup> đều được dùng để chỉ về thần dữ. Đây là những “kẻ thù của sự tiến bộ và của ơn cứu độ của con người” (LT 333), những cản lực ngăn trở sự tiến bước trên đường thiêng liêng và trên hành trình theo Chúa.

---

<sup>87</sup> “Enemigo de natura humana” cf. Linh Thao, các số: 7.10.135.136.325.326.327 và 334.

Có thể thấy rằng Thánh Inhaxiô có lối sử dụng khá tự do và uyển chuyển các thuật ngữ đồng nghĩa này. Tùy theo mạch văn, có lúc tác giả dùng thuật ngữ “kẻ thù”, lúc thì “thần dữ”, lúc thì “thiên thần dữ”. Tương tự với việc dành nhiều thời gian để giải thích về “sâu khở”, ở đây Thánh Inhaxiô cũng dành nhiều thời gian để giải thích và vạch trần những chiến thuật lắt léo của thần dữ.

Tóm lại, từ việc phân tích từ ngữ, có thể nhận ra mục đích sóng đôi của bộ quy tắc phân định thần loại: “để cảm biết và nhận ra phần nào những thúc đẩy khác nhau trong linh hồn, điều tốt để đón nhận và điều xấu để loại bỏ” (LT 313). Nói cách khác, việc cảm biết và nhận ra những thúc đẩy khác nhau trong linh hồn phải đồng thời đi liền với việc nhạy bén để phân biệt những chiến thuật khác nhau của thần lành và thần dữ. Có thể nói rằng việc phân biệt này là hoa quả của một hành trình thiêng liêng lâu dài có nền tảng từ Kinh Thánh, kết hợp với những trực giác phân tích và tổng hợp đặc biệt của Thánh Inhaxiô. Chúng ta sẽ thấy rõ hơn nền tảng này ở những chi tiết gợi hứng cho bộ quy tắc phân định đến từ Kinh Thánh.

### **2.2.2 MỘT SỐ HÌNH ẢNH KINH THÁNH TRONG BỘ QUY TẮC PHÂN ĐỊNH**

Tính sóng đôi trong bộ quy tắc phân định được thể hiện không chỉ qua những cặp thuật ngữ đối kháng được đặt song hành như “an ủi” và “sâu khở”, “thần lành” và “thần dữ”. Có hai hình ảnh Kinh Thánh đối ngược nhau được sử dụng khéo léo trong bộ quy tắc này là hình ảnh “Đấng Tạo Hóa” và “cái đuôi rắn”, là hai hình ảnh có thể tổng hợp rất tốt tinh thần của bộ quy tắc phân định.

#### **ĐẰNG TẠO HÓA**

Trong bộ quy tắc phân định, thuật ngữ “Đấng Tạo Hóa và Chúa” (*Criador y Señor*) được sử dụng lặp lại 6 lần.<sup>88</sup> Tương hợp với tinh thần chung của toàn sách Linh Thao, trong bộ quy tắc phân định, Thiên Chúa được trình bày như là một Đấng hoàn toàn tự do, có trọn quyền của một Đấng Tạo Hóa và Chúa của muôn loài. Nếu Thiên Chúa được trình bày ngay từ khởi đầu của Kinh Thánh bằng hình ảnh một Đấng Tạo Hóa (בְּרֵאשִׁית בְּרָא אֱלֹהִים - St 1,1) của cả vũ trụ vạn vật và loài người, Thiên Chúa trong bộ quy tắc phân định của Thánh Inhaxiô là một Thiên Chúa vẫn

---

<sup>88</sup> Trong toàn sách Linh Thao thuật ngữ “Đấng Tạo Hóa xuất hiện tất cả 29 lần, trong đó có 17 lần xuất hiện với cụm từ “Đấng Tạo Hóa và Chúa”, 1 lần “Đấng Tạo Hóa và Đấng Cứu Chuộc” (*Criador y Redemptor*).

tiếp tục công trình sáng tạo của mình ngay trong chính thế giới nội tâm của con người. Thiên Chúa ấy là Đấng mà nội tâm con người “bừng cháy lửa yêu mến” (cf. LT 316). Trong Đấng ấy, con người được “ngủ ngơi an bình” (cf. LT 316), và tìm thấy sự trợ giúp và sức mạnh để chống trả mọi kẻ thù (cf. LT 324). Đấng ấy có quyền vào, ra và lôi cuốn trọn vẹn tâm hồn con người vào trong tương quan mật thiết và yêu thương (cf. LT 330).

Hiểu như thế, có thể thấy rằng dưới cái nhìn của Thánh Inhaxiô, công trình sáng tạo của Thiên Chúa là công trình vẫn đang còn tiếp diễn mỗi ngày ngay chính trong thế giới nội tâm của con người. Phân định theo phương pháp của Thánh Inhaxiô là cách thế để con người cộng tác với Thiên Chúa trong việc đồng sáng tạo chính cuộc đời của mình. Nếu ngay ở phần khởi đầu của sách Linh Thao, trong bài suy niệm về Nguyên Lý và Nền Tảng (LT 23), Thiên Chúa được Thánh Inhaxiô trình bày bằng hình ảnh vừa là một Đấng Tạo Hóa vừa là cùng đích cuộc đời của mỗi con người, hình ảnh ấy tiếp tục được sử dụng trong phần phân định được đặt ở gần cuối sách Linh Thao. Phân định giúp con người sống trọn vẹn hơn tinh thần của bài suy niệm về Nguyên Lý và Nền Tảng. Ngang qua việc phân định, con người đón nhận và hợp tác với những thúc đẩy tốt lành đến từ Thiên Chúa, để có thể tiến bước trên đường thiêng liêng và sống trong tương quan mật thiết với Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa là cội nguồn và là cùng đích của mình.

## CÁI ĐUÔI RẮN

Như đã đề cập ở trên, Thánh Phao-lô là người đã rao giảng về nguy cơ của việc thần dữ đội lốt thần lành. Lời rao giảng ấy được Thánh Inhaxiô đón nhận và diễn giải bằng những phân tích tỉ mỉ nhằm chỉ ra những chiến thuật lắt léo của thần dữ. Một trong những hình ảnh Kinh Thánh được Thánh Inhaxiô vận dụng để minh họa cho phân tích của mình là hình ảnh “cái đuôi rắn”: nhận ra cái đuôi rắn là nhận ra những mưu mô và mục đích xấu xa mà thần dữ muốn lèo lái và đưa dẫn con người bước vào (cf. LT 334).

Quả vậy, ngang qua những phân tích về chiến thuật của thần dữ, Thánh Inhaxiô chỉ ra rằng, rõ là thần dữ “khôn như rắn” (nhưng còn lâu mới “đơn sơ như bò câu”!) (cf. Mt 10,16). Thần dữ thường “bày ra những tư tưởng lành thánh hợp với tâm hồn công chính, rồi lần lần lôi kéo linh hồn ra theo những mưu mô ẩn kín và những ý đồ tội tệ của nó” (LT 332). Hình ảnh “cái đuôi rắn” và những diễn tả như thế không thể

không khơi gợi một sự liên tưởng và nối kết với hình ảnh của con rắn trong trình thuật Sáng Thế (cf. St 3,1-7). Trong trình thuật ấy, E-va thất bại vì đã bước vào cuộc đối thoại mà chỉ nhìn thấy cái đầu, chứ không nhìn thấy cái đuôi rắn. E-va là biểu tượng của người không biết phân định, đã để cho mình hoàn toàn bị lèo lái và bị sập bẫy cách dễ dàng.

Không chỉ nói cách chung chung về những quanh co lươn lẹo của thần dữ. Thánh Inhaxiô còn chỉ ra ba cách xử sự cụ thể của thần dữ: (1) như một người đàn bà, khi ta chống trả thì nó yếu, khi ta để mặc thì nó mạnh (quy tắc XII – LT 325); (2) như một kẻ si tình lẳng lơ, muốn giữ bí mật để khỏi bị bại lộ (quy tắc XIII– LT 326); (3) như một tướng công thành để thắng và cướp những gì nó muốn (quy tắc XIV– LT 327). Từ những phân tích này, chúng ta thử chọn đọc hai bản văn trần thuật tiêu biểu trong Kinh Thánh về cám dỗ, thử áp dụng những phân tích phức hợp của Thánh Inhaxiô trong bộ quy tắc phân định để nhận ra những bước đi cụ thể của thần dữ, để nhìn ra nguyên nhân thất bại của con người, và để học cách vượt thắng.

### **2.2.3 ĐỌC BẢN VĂN KINH THÁNH DƯỚI ÁNH SÁNG CỦA BỘ QUY TẮC PHÂN ĐỊNH**

Những trình thuật về cám dỗ xuất hiện từ rất sớm ở phần khởi đầu của Sách Thánh, cả Cựu Ước (cf. St 3,1-7) lẫn Tân Ước (cf. Mc 1,12; Mt 4,1-11; Lc 4,1-13). Các trình thuật này đều được Thánh Inhaxiô sử dụng làm chất liệu cho những bài gợi ý cầu nguyện của Linh Thao về tội (cf. LT 51), và về mâu nhiệm khởi đầu trong cuộc đời trần thế của Đức Ki-tô (cf. LT 274). Tuy nhiên, nhất quán với chủ trương của chính mình trong việc hướng dẫn cầu nguyện, Thánh Inhaxiô chỉ “kể một cách trung thành sự kiện để chiêm niệm hay suy gẫm, chỉ giải thích sơ lược và vắn tắt từng điểm”, (LT 2) nhằm giúp người làm Linh Thao tập trung vào điểm nhân của bài cầu nguyện. Chúng ta thử dừng lại để cùng đọc kỹ hơn hai bản văn này, dưới ánh sáng của bộ quy tắc phân định và dưới một vài hướng dẫn của khoa trần thuật Kinh Thánh.

#### **CUỘC CÁM DỠ THỨ NHẤT (St 3,1-7)**

Liên sau khi kể về việc Thiên Chúa sáng tạo vũ trụ và loài người, biến cố đầu tiên được các tác giả sách Sáng Thế tường thuật là việc con người bị cám dỗ và sa ngã. “Tên cám dỗ” mang hình hài của một con rắn (נחש - nāḥāš), biểu tượng quyền lực của sự dữ và của sự hỗn mang theo như ngôn ngữ văn chương của Ai-cập và vùng Lưỡng Hà. Đặc tính mưu mô và lươn lẹo của con rắn, như được miêu tả trong trình thuật

Sách Thánh có thể được khám phá rõ ràng hơn nữa với những chỉ dẫn của Thánh Inhaxiô.

- *St 3,1a: “Rắn [...] nói với người đàn bà...”*

Tại sao con rắn, kẻ cám dỗ, lại chọn nói với E-va chứ không phải với A-đam? Đây là chiến thuật của con rắn? Thánh Inhaxiô trả lời ở quy tắc XIV: “Kẻ thù xử sự như một tướng quân để thắng và cướp những gì nó muốn. Ví như một vị chỉ huy cầm đầu đội quân, sau khi đặt doanh trại và xem xét lực lượng hoặc cách bố trí của một thành trì, sẽ tấn công vào điểm yếu nhất” (LT 327). Với chiến thuật “xem xét lực lượng” rồi “tấn công vào điểm yếu nhất”, đương nhiên con rắn không thể chọn tấn công vào A-đam kẻ được chính Thiên Chúa ban cho quyền đặt tên và thống trị mọi loài cá biển chim trời (St 2,20). E-va là người “được gọi là đàn bà, vì được tạo ra từ đàn ông” (St 2,23). Trong cuộc đối thoại với Thiên Chúa, A-đam luôn là người phát ngôn, E-va chỉ là người đứng phía sau và lên tiếng sau. Trong toàn bộ trình thuật Sáng Thế, E-va chỉ có cơ hội lên tiếng một lần, để nói lời thú tội (St 3,13b). Khi con rắn muốn tấn công và làm sụp đổ thành trì con người, quả nhiên E-va là điểm yếu lý tưởng.

Tại sao con rắn lại chọn lúc E-va ở một mình chứ không nhằm lúc hai ông bà “đi về có nhau”? Chiến thuật cô lập, như được diễn giải bởi Thánh Inhaxiô ở quy tắc XIII, được con rắn áp dụng triệt để: “kẻ thù xử sự như một kẻ si tình lẳng lơ, muốn giữ bí mật để khỏi bị lộ” (LT 326). Trong cuộc cám dỗ thứ nhất, diễn giải bằng ngôn ngữ Inhaxiô, có thể thấy rằng con rắn đang đảm nhận vai trò như “một người đàn ông đòi bại, dùng lời xảo trá để quyến rũ”. Người bị cám dỗ bị con rắn dẫn dụ vào một cuộc đối thoại liên tục, không chừa cho bất cứ một cơ hội nào để có thể “tỏ ra” cho người khác biết. Từ khởi đầu cám dỗ cho đến lúc thất bại, con rắn không hề để cho E-va một cơ hội nào để thoát thân.

- *St 3,1b: “Có phải Thiên Chúa đã bảo...”*

Tại sao con rắn bắt đầu bằng việc gọi cho E-va nhớ lời của Thiên Chúa? Thánh Inhaxiô ghi nhận ở LT 332: “Đặc điểm của thần dữ là giả dạng thần lành đi vào theo chiều hướng của linh hồn trung tín...” Con rắn cần một khởi đầu đủ lành và đủ tốt để đi vào theo đúng chiều hướng của lòng E-va, để từ đó mới có thể dẫn E-va bước vào cuộc đối thoại. Nhắc lại lời Chúa là điểm khởi đầu lý tưởng để “bày ra những tư tưởng tốt lành thánh thiện hợp với tâm hồn công chính”.

Tuy nhiên, dưới ánh sáng của phân định, ngay lập tức con rắn để lộ cái đuôi ngay từ câu mào đầu của nó:

- *St 3,1b*: “...các người không được ăn hết mọi trái cây trong vườn?”

Thoạt nghe, có vẻ như con rắn đang lặp lại lệnh truyền của Chúa. Nhưng trong thực tế kiểu lặp lại này ẩn chứa “những mưu mô ẩn kín và những ý đồ tội tệ” (LT 332). Trong khi lời của Thiên Chúa bắt đầu bằng một câu khẳng định tuyệt đối: “מכל פֶּרֶץ הָאָרֶץ תֹּאכְלוּ” – “Tất cả mọi trái cây trong vườn các người cứ việc ăn thỏa sức” (St 2,16),<sup>89</sup> sau đó mới đến một luật trừ duy nhất: “nhưng trái của cây cho biết điều thiện điều ác thì người không được ăn” (St 2,17); con rắn lại bắt đầu bằng một câu phủ định tuyệt đối: “לֹא תֹאכְלוּ מִכָּל פֶּרֶץ הָאָרֶץ” - “các người không được ăn hết mọi trái cây trong vườn” (St 3,1b). Con rắn “lặp lại” theo cách làm cho ân sủng gần như vô hạn của Thiên Chúa bị lật ngược thành một lệnh cấm tuyệt đối. Nói cách khác, trong lời của Thiên Chúa, một trời ân sủng đi trước và một lệnh truyền theo sau; qua lời của con rắn, phần ân sủng hoàn toàn bị làm ngơ, phần lệnh cấm được khuếch đại đến mức tối đa.

- *St, 3,2-3*: “Trái của cây trong vườn thì chúng tôi được ăn. Còn trái trên cây ở giữa vườn, Thiên Chúa đã bảo: các người không được ăn, không được động tới, kéo phải chết.”

Đâu là cách E-va trả lời con rắn? Trong một mức độ nào đó, E-va có thể được gọi là “linh hồn trung tín” hay “tâm hồn công chính” theo ngôn ngữ của Thánh Inhaxiô, khi phủ nhận lời con rắn. Tuy nhiên E-va đã không thực sự thoát được cái bẫy tinh vi mà con rắn giăng ra. Trong câu trả lời của mình, E-va đã không thực sự lặp lại đúng lời của Thiên Chúa. Có ít nhất là hai chi tiết khác biệt:

---

<sup>89</sup> Động từ “ăn” ở đây được sử dụng bởi một cấu trúc nhấn mạnh đặc biệt: “תֹּאכְלוּ מִכָּל פֶּרֶץ הָאָרֶץ”. Trong cấu trúc này, một gốc động từ duy nhất được lặp lại hai lần ở hai dạng khác nhau: ở dạng thứ nhất động từ được chia theo đúng ngôi thứ, ở dạng thứ hai động từ được dùng ở dạng nguyên mẫu tuyệt đối (infinitive absolute). Để làm rõ nghĩa của những động từ được sử dụng theo loại cấu trúc này, trong dịch thuật, luôn cần đến sự hỗ trợ của các trạng từ có thể làm tăng cường độ của động từ, như “indeed”, “really”, “surely”, “absolutely”, “actually”, etc. tùy theo mạch văn. Cf. B.K.WALTKE-M.O’CONNOR, *An Introduction to Biblical Hebrew Syntax* (Eisenbrauns; Winona Lake 1990) 584-588. Bản CGKPV dịch: “các người cứ ăn”, bản dịch của Cha Nguyễn Thế Thuân: “người đều được ăn”. Thật ra, cần phải có một lời dịch mạnh hơn nữa thì mới nêu bật được tính nhưng không và quảng đại của ân sủng hàm chứa trong cấu trúc động từ này.

Thứ nhất, trong khi lời của Thiên Chúa “tất cả mọi trái cây trong vườn” (מִכָּל עֵץ הַגַּן) (2,16), được sử dụng ở số nhiều, với hàm nghĩa trọn vẹn, qua miệng của E-va lời ấy biến thành “trái của cây trong vườn” (מִפְּרֵי הַגַּן), sử dụng số ít, với hàm nghĩa chỉ một phần. Phần ấy có tỉ lệ cân bằng với “trái trên cây ở giữa vườn (וּמִפְּרֵי הָעֵץ אֲשֶׁר בְּתוֹךְ-הַגַּן). Lối lặp lại này ngầm chỉ rằng: hóa ra Thiên Chúa chỉ cho phép ăn một nửa và cấm ăn một nửa, tỉ lệ giữa ân sủng và lệnh cấm là ngang nhau! Đây đã là một cách bóp méo sự thật về lòng quảng đại và tình yêu nhưng không của Thiên Chúa.

Thứ hai, trong câu trả lời của mình, E-va còn thêm thắt một chi tiết không hề tồn tại trong lời của Thiên Chúa. Trong lời của Thiên Chúa có lệnh truyền “không được ăn”, chứ không hề có chi tiết “không được đụng tới”. Nọc độc của sự dối trá mặc nhiên từ con rắn trong câu hỏi khởi đầu đã lây lan đến câu trả lời của E-va và làm nảy sinh một sự dối trá mình nhiên.

Có thể thấy rằng hai khác biệt này không lớn, nhưng là dấu chỉ rất rõ của một sự nhượng bộ và yếu nhược. Theo ngôn ngữ của Thánh Inhaxiô, diễn tả ở quy tắc XII, đó là dấu chỉ của việc “bắt đầu sợ hãi và mất can đảm trước cơn cám dỗ”. Khi đó: “không có một vật nào hung dữ cho bằng kẻ thù của bản tính loài người trong việc theo đuổi ý định xấu xa của nó” (LT 325). Thế nên không có gì ngạc nhiên khi con rắn chuyển mình hoàn toàn từ tư thế thăm dò qua thế chủ động và tấn công trực diện:

- *St 3,4: Rắn nói với người đàn bà: chắc chắn là chẳng có chết chóc gì hết!*

Lời Chúa phán trước đó là thế này: “בְּיוֹם אֲכָלְךָ מִמֶּנּוּ מוֹת תָּמוּת” – “ngày nào người ăn, chắc chắn người sẽ phải chết” (St 2,17).<sup>90</sup> Theo đó, cái chết được nhắc đến như một lời cảnh cáo, với tất cả sức nặng và sự chắc chắn của nó. Con rắn lúc này hiện nguyên hình, trực tiếp phủ nhận hoàn toàn lời cảnh cáo ấy cũng bằng một cấu trúc nhấn mạnh: “לֹא-מוֹת תָּמוּתוּן” – “chắc chắn là chẳng có chết chóc gì hết!”

---

<sup>90</sup> Tương tự như động từ “ăn” bên trên, ở đây động từ “chết” cũng được sử dụng bởi cấu trúc nhấn mạnh đặc biệt với sự hiện diện của động từ ở dạng nguyên mẫu tuyệt đối “מוֹת תָּמוּת”. Cấu trúc ngữ pháp này đảm bảo tính chắc chắn và bất khả phủ nhận của cái chết, trong trường hợp con người bất tuân lệnh truyền của Thiên Chúa.

Và thế là E-va xuôi tay, hoàn toàn để cho con rắn dẫn ra theo đường của nó!

Tóm lại, trong các bản văn của Thánh Inhaxiô, những chiến thuật của thần dữ được phân tích và chia thành những quy tắc phân biệt rõ ràng, nhờ đó có thể được diễn giải theo một tiến trình sự phạm để hiểu và dễ nắm bắt. Tuy nhiên, có thể thấy rằng, trong thực tế không phải lúc nào thần dữ cũng chỉ sử dụng đơn thuần một chiến thuật. E-va, biểu tượng của người thất bại trước cám dỗ của thần dữ, bị hạ gục bởi một loạt những chiến thuật phức hợp và tinh vi. Từ vị thế khởi đầu là một nạn nhân, E-va đưa tay cho thần dữ dẫn dắt, dần dần đặt chân vào nẻo đường lắt léo của thần dữ, và cuối cùng trở thành người cộng tác đắc lực cho kế hoạch của thần dữ (St 3,6).

Câu hỏi đặt ra: chiến thuật của thần dữ tinh vi là vậy, liệu còn có “cửa” nào cho con người vượt thoát? Liệu có con người nào có khả năng chiến đấu và chiến thắng cám dỗ không? Các Sách Tân Ước khởi đầu với một câu chuyện cám dỗ khác, với một kết thúc có hậu và mở ra rất nhiều hy vọng cho con người.

## **CUỘC CÁM DỠ THỨ HAI (Mt 4,1-11; Lc 4,1-13)**

Sau việc Chúa Giê-su chịu phép rửa bên sông Gio-đan, các Tin Mừng Nhất Lãm đều kể về việc Chúa Giê-su chịu cám dỗ như là biến cố khởi đầu với rất nhiều bóng dáng tiên trưng cho sứ vụ tương lai của Người. Thánh Inhaxiô ghi lại vắn gọn việc Chúa Giê-su chịu cám dỗ trong Linh Thao số 274, với cấu trúc 3 điểm gợi ý như thường lệ. Chúng ta sẽ cùng nhau đọc bản văn Mt 4,1-11 và Lc 4,1-13, theo như đề nghị của Thánh Inhaxiô, để nhìn ra những chiến thuật phức hợp của thần dữ và cách mà Đức Giê-su bẻ gãy những chiến thuật ấy.

- *Mt 4,3: Bấy giờ tên cám dỗ đến gần Người...*

Tại sao tên cám dỗ lại đến đến gần Người lúc “bấy giờ” chứ không phải là lúc khác? Ngay trước đó, cả hai Thánh Sử đều kể về việc Đức Giê-su ăn chay ròng rã bốn mươi đêm ngày, và bấy giờ là lúc Người thấy đói. Rõ là kẻ thù đang sử dụng chiến thuật “đánh vào điểm yếu nhất” (LT 327). Có thể, như một tướng công thành, kẻ thù đã “lượn quanh để dò xét” trong một thời gian lâu dài, nhưng đã không “đến gần” Người trong những thời điểm không thích hợp như khi Người chịu phép rửa, hay khi người được đầy Thánh Thần và được dẫn đi vào hoang địa. Đánh vào cơn đói của một người đã nhịn ăn ròng rã bốn mươi đêm ngày, và chọn đúng thời điểm khi người ấy “đã hết thời gian” chay tịnh (cf. Lc

4,2), thần dữ quả nhiên là một chiến thuật gia kỳ tài trong việc “đánh vào điểm yếu nhất”!

- *Mt 4,3; Lc 4,3: Nếu ông là Con Thiên Chúa...*

Nếu chỉ đọc riêng rẽ câu này, có thể chúng ta sẽ không thấy được hết sức nặng của lời cám dỗ, nhưng nếu đọc chung với đoạn trình thuật liền trước, sẽ thấy ngay được cái đuôi con rắn. Quả vậy, cả trình thuật Mát-thêu lẫn Lu-ca khi kể lại biến cố chịu phép rửa của Đức Giê-su đều kết thúc với lời vang vọng từ trời “Οὗτός ἐστιν ὁ υἱός μου ὁ ἀγαπητός” - “Đây là Con Yêu Dấu của Ta” (Mt 3,17), “Σὺ εἶ ὁ υἱός μου ὁ ἀγαπητός” - “Con là Con Yêu Dấu của Ta” (Lc 3,22). Thần dữ rất biết cách “lấy lòng” người hấn muốn cám dỗ, bằng cách chọn điểm xuất hành là niềm xác tín mới mẻ trong căn tính của Đức Giê-su sau biến cố chịu phép rửa. Hấn đang muốn tìm đường “đi vào theo chiều hướng của linh hồn trung tín” (LT 332), nên lặp lại gần như nguyên văn niềm xác tín ấy, và hơn nữa còn giúp xác minh rõ tác giả của giọng nói vang vọng từ trời là chính Thiên Chúa: “Υἱὸς εἶ τοῦ θεοῦ (Mt 4,3)” - “Ông là Con Thiên Chúa”. Tuy nhiên, “mưu mô ẩn kín và ý đồ tội tệt” của thần dữ cũng được cài vào đó, hàm chứa trong một chữ khởi đầu: “εἰ” - “nếu”.

Nếu trong cuộc cám dỗ của E-va, lời khẳng định của Thiên Chúa bị lật ngược lại thành một câu nghi vấn phủ định, thì trong cuộc cám dỗ của Đức Giê-su lời của Thiên Chúa bị đặt thành một câu điều kiện: “Nếu ông là Con Thiên Chúa, hãy truyền cho những hòn đá này hóa bánh đi!” Hóa ra điểm yếu đầu tiên, con đỏi, chỉ là cái cớ để thần dữ tấn công vào chính niềm xác tín về căn tính “Con Thiên Chúa” của Đức Giê-su. Câu điều kiện tên cám dỗ đặt ra có thòng sẵn một chiếc bẫy: căn tính Con Thiên Chúa cần phải được xác minh ngang qua việc có khả năng làm phép lạ. Thần dữ đã giả dạng thần lành đi vào cửa nhà của người bị cám dỗ, và đã vẽ ra một con đường nghe có vẻ rất hợp lý. Liệu hấn có thể kéo người ấy ra theo đường của hấn không?

- *Mt 4,4: Nhưng Người đáp: “Đã có lời chép rằng: Người ta sống không chỉ nhờ cơm bánh, nhưng còn nhờ mọi lời miệng Thiên Chúa phán ra.”*

Có hai điểm lạ trong cách trả lời của Đức Giê-su.

Thứ nhất, chi tiết “Con Thiên Chúa” được đặt ra trong câu điều kiện của tên cám dỗ hoàn toàn bị làm ngơ. Chữ “nếu” của thần dữ trở nên vô giá trị. Không trả lời trong trường hợp này cũng là một cách trả lời, bởi

lẽ với Đức Giê-su căn tính “Con Thiên Chúa” đã là điều không cần phải đặt thành nghi vấn.

Thứ hai, Đức Giê-su trích dẫn lời trong Sách Thánh để chỉ ra đâu mới là nguồn sống thực sự của con người: không chỉ giới hạn trong vòng xoay cơm bánh, nguồn sống đích thực của con người hệ ở chính lời dạy bảo của Thiên Chúa (cf. Đnl 8,3). Do đó, con đói cơm bánh vật chất không thật sự là điều thiết yếu, và không có nghĩa là con người phải làm tất cả mọi sự có thể chỉ để thỏa cơn đói ấy. Bằng cách này, Đức Giê-su cho thấy rằng điều mà tên cám dỗ tưởng là điểm yếu đối với một người đang đói, thực sự không phải là điểm yếu.

Thất bại vì tấn công vào điểm tưởng yếu mà không yếu, thần dữ lại tiếp tục “lượn quanh dò xét”. Lần này tên cám dỗ chọn một điểm khác, với một chiến thuật vừa cũ vừa mới:

- *Mt 4,5-6: Sau đó, quỷ đem Người đến thành thánh, và đặt Người trên nó đền thờ, rồi nói với Người: “Nếu ông là con Thiên Chúa, hãy gieo mình xuống đi! Vì đã có lời chép rằng: “Thiên Chúa sẽ truyền cho thiên sứ lo cho bạn, và thiên sứ sẽ tay đỡ tay nâng, cho bạn khỏi vấp chân vào đá”.*”

Cái cũ trong chiến thuật của thần dữ lúc này là vẫn phải loay hoay tìm lối vào, bằng cách “bày ra những tư tưởng tốt lành thánh thiện hợp với tâm hồn công chính” (LT 332). Thần dữ vẫn tiếp tục lặp lại câu điều kiện: “Nếu ông là Con Thiên Chúa...” và đưa ra một thử thách về phép lạ.

Cái mới trong chiến thuật của thần dữ lúc này là việc bắt chước sử dụng cùng một phương pháp mà Đức Giê-su đã sử dụng. Nếu trước đó Đức Giê-su trích dẫn Sách Thánh để minh định chọn lựa của mình, là chọn lựa để cho mình được dẫn dắt bởi “mọi lời từ miệng Thiên Chúa phán ra”, lúc này sử dụng lời trong Sách Thánh là chọn lựa lý tưởng để tên cám dỗ có thể “đi vào theo chiều hướng của linh hồn trung tín”, đề nghị một con đường có vẻ hấp dẫn và mời người bị cám dỗ cộng tác. Thế nên tên cám dỗ không ngại trích dẫn Sách Thánh (cf. Tv 90,11-12) để biện minh cho ý đồ của mình.

Việc từ bỏ con đường đầu tiên để đi tìm một con đường khác nhằm tiếp tục kéo dài sự cám dỗ cho thấy sự dai dẳng của thần dữ. Tuy nhiên, việc phải thay đổi chiến thuật lại cho thấy rằng tên cám dỗ đã bắt đầu thể hiện sự yếu thế. Trong trường hợp này chính Đức Giê-su, người chịu

cám dỗ, mới là người làm chủ tình thế. Người đáp trả thẳng mặt tên cám dỗ:

- *Mt 4,7: Người chớ thử thách Đức Chúa là Thiên Chúa của ngươi!*

Câu này sử dụng một động từ đặc biệt, ἐκπειράσεις, từ gốc động từ ἐκπειράζω, vừa có nghĩa là “thử thách”, vừa có nghĩa là “cám dỗ”. Như thế, có thể dịch lại lời của Đức Giê-su: “Người chớ cám dỗ Đức Chúa là Thiên Chúa của ngươi”. Bằng cách này Đức Giê-su thẳng mặt chỉ ra căn tính xấu xa của kẻ đang đối thoại với mình: một tên cám dỗ. Nhưng mạnh hơn nữa, bằng việc trích dẫn một câu từ Sách Thánh (Đnl 6,16), áp dụng vào chính trường hợp của mình, Đức Giê-su còn chỉ ra cho thần dữ thấy đâu mới là căn tính thật sự của Người mà hắn đang tìm cách cám dỗ và thử thách: “Đức Chúa là Thiên Chúa của ngươi”.

Sau hai lần thất bại trong việc “giả dạng thần lành”, lần thứ ba thần dữ không còn kiêu che đậy lập lòe nữa. Ý đồ và lời cám dỗ tuôn ra cách trắng trợn:

- *Mt 4,8-9: Quỷ lại đem Người lên một ngọn núi rất cao, chỉ cho Người thấy tất cả các nước thế gian và vinh hoa lợi lộc của các nước ấy, và bảo rằng: “Tôi sẽ cho ông tất cả những thứ đó, nếu ông sấp mình bái lạy tôi!”*

Hóa ra tất cả những cố công của thần dữ đều chỉ nhắm vào một mục đích: được sấp mình bái lạy. Trong lần cám dỗ thứ ba này, phương tiện được tên cám dỗ sử dụng là sự dối trá và ngạo mạn trắng trợn.

Sự dối trá thể hiện trong nửa đầu của câu nói: “Tôi sẽ cho ông tất cả những thứ đó”, làm như thể chính ma quỷ mới là chủ tể của mọi loài thụ tạo chứ không phải Thiên Chúa, làm như thể ma quỷ tốt lành đến độ có thể làm người ban phát tất cả (πάντα δώσω).

Sự ngạo mạn thể hiện ở chỗ thần dữ đánh tráo nội dung theo sau chữ “nếu”. Trong hai cuộc cám dỗ trước, tên cám dỗ đã lặp lại hai lần câu khích tướng “nếu ông là Con Thiên Chúa”. Đức Giê-su xóa bỏ chữ “nếu”, đập tan chiếc bẫy bằng việc khẳng định rõ ràng căn tính của mình. Lần này tên cám dỗ chơi ván bài lật ngược: “Nếu ông sấp mình bái lạy tôi”. Đây không còn là cám dỗ nữa, mà là thách thức. Cái đuôi con rắn đã lòi ra, và thần dữ đã hiện nguyên hình.

Thế là Đức Giê-su thẳng tay đập tan và đuổi thẳng tên cám dỗ: “Cút đi, đồ Sa-tan!”

Xuyên suốt cuộc cám dỗ này, có thể thấy rất rõ năng động được phân tích bởi Thánh Inhaxiô ở quy tắc XII: “Kẻ thù xử sự như đàn bà, vì khi ta chống trả thì nó yếu, và khi ta để mặc thì nó mạnh [...] Đặc tính của kẻ thù là yếu nhược khiếp đảm và bỏ chạy với những chước cám dỗ của nó khi người tập tành trong đàng thiêng liêng thẳng tay chống trả các cám dỗ của nó bằng cách làm điều ngược hẳn lại” (LT 325). Nếu trong cuộc cám dỗ đầu tiên, E-va đã thất bại vì để mặc con rắn lộng hành, vì tỏ ra yếu nhược; trong cuộc cám dỗ thứ hai, chính tên cám dỗ mới là người thất bại, phải “yếu nhược khiếp đảm và bỏ chạy”, vì bị thẳng tay chống trả. Khi những mưu đồ lắt léo giả dạng thần lành bị vạch trần, thần dữ hiện nguyên hình là thần dữ, mọi vũ khí bị tước bỏ, tên cám dỗ chỉ còn cách bỏ đi.

Tuy nhiên, Thánh Luca để lại một chi tiết đặc biệt: “Sau khi đã xoay hết cách để cám dỗ Người, quỷ bỏ đi, chờ đợi thời cơ” (Lc 4,13). Cuộc chiến vẫn chưa kết thúc, và có nguy cơ tái diễn bất cứ lúc nào. Bởi vì “Sa-tan vẫn như sư tử gầm thét, rảo quanh tìm mồi cắn xé” (1 Pr 5,8)”. Bởi thế, lời cảnh giác của Thánh Inhaxiô trở nên thật đắt giá: “Khi được ơn an ủi, phải nghĩ tới cách xử sự trong cơn sầu khổ sẽ đến, đồng thời dành lấy sức cho lúc đó” (LT 323). Theo tinh thần đó, khi vượt thoát được cám dỗ một lần, điều người ta phải làm là học để lớn lên và tiếp tục chuẩn bị cho những cơn cám dỗ khác sẽ còn đến trong đời. Không ai có thể chiến thắng cám dỗ một lần cho tất cả. Để đứng vững và chiến thắng trong cuộc chiến liên li ấy, nhất định không thể thiếu vắng những hiểu biết về phân định thần loại.

### 3. KẾT LUẬN

Nếu “phân định” có chung một lớp nghĩa với các động từ “phân chia”, “phân rẽ”, chính Thiên Chúa là người đầu tiên thực hiện việc phân định. Thiên Chúa sáng tạo vũ trụ bằng việc phân rẽ giữa ánh sáng và bóng tối, đất với nước, trời với đất, etc. (cf. St 1). Phân rẽ đi liền với công trình sáng tạo thế giới vạn vật. Phân định đi liền với công trình sáng tạo vẫn còn tiếp diễn liên tục nơi cuộc đời của mỗi con người, trong thế giới nội tâm của con người.

Những quy tắc phân định của Thánh Inhaxiô nhắc nhở chúng ta về tính lưỡng cực rất quân bình trong thân phận, cuộc đời, và ơn gọi của con người theo tinh thần của Kinh Thánh: “ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa lấy bụi từ đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi, và con người trở nên một sinh vật” (St 2,17). Con người được tạo thành từ bụi đất và hơi thở của Thiên Chúa. Bụi đất thì trần tục, tạm bợ và thấp hèn. Hơi thở

của Thiên Chúa thì thiêng liêng, miên viễn và cao quý. Con người trở nên người nhờ cộng tác liên tục với Thiên Chúa để mỗi ngày có thể sống chính thực hơn căn tính của mình, căn tính của con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa. Nhờ biết phân định, con người được dự phần vào ơn gọi vô cùng nền tảng và cao quý: cộng tác với Thiên Chúa và trở nên người đồng sáng tạo đời đời của chính mình.

Lm Giuse Cao Gia An, SJ

## **Quan niệm về Ý Chúa và tự do con người trong phân định thiêng liêng**

Lm Francis Xavier Nguyễn Hai Tính, SJ

### **Vấn đề**

Trong tiến trình phân định thiêng liêng, với mục tiêu tìm ra Ý Chúa dành cho mình, nhiều người thường hay nghĩ về Ý Chúa như là một trong những khả thể có sẵn, và phân định là làm sao tìm chọn được khả thể đó trong số nhiều khả thể khác. Như vậy, hành vi phân định giống như hành vi chọn vé xổ số hay bốc thăm trúng thưởng; chủ thể sẽ trải qua tiến trình tìm chọn Ý Chúa tương tự như cách mà họ tập trung suy nghĩ, cân nhắc, dùng cả trực giác của mình (và rất nhiều khi là cùng với việc cầu may) trong sự hồi hộp tốt độ, nhằm làm sao chọn được con số thích hợp để trúng thưởng.

Với quan niệm đó, người phân định cảm thấy mình bị áp lực phải tìm chọn được khả thể đúng và luôn trong nỗi sợ phải chọn sai. Việc chọn được đúng Ý Chúa trở thành một việc khó khăn và một khả thể hiếm hoi như việc trúng xổ số, từ đó dẫn đến tâm lý ngại hoặc sợ phải đi vào tiến trình phân định, vốn được cho rằng chỉ dành cho những trường hợp rất đặc biệt của cuộc sống. Quan niệm như thế làm ta quên rằng phân định thiêng liêng còn phải trở nên như hơi thở, điều mà ta phải làm liên lỉ mỗi giây phút trong cuộc sống của ta.

Quan niệm như thế về phân định cũng gây khó khăn cho việc trả lời câu hỏi về trường hợp ta nhận ra – với tất cả sự chân thành, xác tín và ngay cả với sự chuẩn nhận đầy an ủi thiêng liêng – rằng Ý Chúa muốn cho ta bây giờ ngược lại với điều ta đã chọn trước đây sau khi đã nhận ra – cũng với tất cả sự chân thành, xác tín và an ủi thiêng liêng – rằng đó là Ý Chúa cho ta lúc đó. Cụ thể là trường hợp người trước đây đã nhận ra Chúa muốn họ sống đời tu trì và bây giờ lại nhận ra Ý Chúa muốn họ sống đời hôn nhân. Vậy đâu là Ý Chúa? Liệu Chúa có thay đổi Ý của Ngài qua thời gian chăng? Việc đổ lỗi cho tiến trình phân định hay chủ thể phân định như là nguyên nhân của sự sai lầm cũng không giải quyết vấn đề: nếu họ chọn sai (dù là lần trước hay là lần này, và nếu họ cứ lặp lại sai lầm hết lần này đến lần khác) thì họ sống làm sao được, cuộc đời họ sẽ có ý nghĩa gì khi mà họ không đi theo con đường mà Ý Chúa đã

dành sẵn? Liệu điều đó có nghĩa là chỉ cần họ chọn sai một điều cụ thể nào đó thì cuộc đời họ sẽ tiêu vong?

Nói cách khác, đó là một quan niệm quá hạn hẹp nếu không muốn nói là sai lầm về phân định. Nhưng sâu xa hơn, quan niệm như thế về phân định lại bắt nguồn từ quan niệm thần học sai lệch về Ý Chúa, về sự quan phòng của Thiên Chúa và mối tương quan giữa sự quan phòng đó với tự do con người. Bài viết này trình bày nền tảng thần học của quan niệm đúng đắn về Ý Chúa và mối tương tác giữa Ý Chúa và tự do con người, với dụng ý đóng góp phần nhỏ vào việc hiểu biết hơn về việc phân định thiêng liêng.

## **Ý Chúa**

Thần học Kinh Viện cho rằng Thiên Chúa có ngã vị, và vì thế Ngài có lý trí và tự do. Điều này, tuy rất đúng đắn và chí lý, lại thường dẫn đến quan niệm sai lầm nhân cách hoá Thiên Chúa, đồng hoá cách Ngài suy nghĩ và lựa chọn theo mẫu hành xử của con người. Bỏ qua chiều kích loại suy của khái niệm ngã vị khi nói về Thiên Chúa, quan niệm sai lầm này cho rằng Thiên Chúa cũng suy nghĩ và lựa chọn cách rời rạc như con người. Kế hoạch của Thiên Chúa được quan niệm như một loại kịch bản có sẵn, mà con người cần phải tuân theo, dù họ có tự do để chọn theo hay không.

Một quan niệm kiểu thuyết định mệnh như thế, ngoài khiếm khuyết đơn giản hoá thái quá Thiên Chúa cũng như hoạt động của Ngài, thất bại trong việc cho thấy con người, với tự do của mình, có thể viết lên vận mệnh của mình thế nào, và qua đó, thất bại trong việc cho thấy có sự tương tác giữa kế hoạch hay hoạt động của Thiên Chúa và tự do của con người thế nào.

Quan niệm đó đơn giản hoá thái quá Thiên Chúa là vì nó hàm ý rằng con người có thể hình dung và dự trù kịch bản của điều Thiên Chúa muốn. Như vậy, kế hoạch của Thiên Chúa cũng chỉ là điều nằm trong tầm nhận thức, phán đoán và dự kiến của con người. Thiên Chúa không còn là Đấng Siêu Việt nữa, mà cũng lắm chỉ là có bộ óc và cách suy nghĩ vượt trên con người về lượng chứ không hoàn toàn khác về phẩm.

Để hiểu đúng đắn hơn về Ý Chúa hay kế hoạch của Thiên Chúa, ta cần ý thức rằng Thiên Chúa không “suy nghĩ” kiểu rời rạc như con người, và vì thế, “kế hoạch” của Ngài không phải là một diễn tiến tuyến tính các biến cố nối tiếp nhau. Chúng ta không thực sự biết “suy nghĩ” của Thiên Chúa là thế nào, nhưng có thể nói cách loại suy rằng Ngài biết

mọi sự cùng một trật; đối với Ngài, quá khứ và tương lai đều như hiện tại.

Chắc hẳn Ngài biết rõ ràng, tường tận, chi tiết bối cảnh, con người và cuộc đời mỗi người chúng ta. Mọi điều xảy ra cho tôi, mọi lựa chọn tôi sẽ thực hiện đều không thể nằm ngoài Ý Chúa. Ngài cũng không chỉ “biết” về cuộc đời tôi như một người quan sát bên ngoài, nhưng chính Ngài “thiết kế” nên cuộc đời đó và hiện thực hoá nó qua tự do của tôi; Ngài “biết” về cuộc đời tôi như một người trong cuộc.

### **Tự do của con người**

Thường ta cũng hay quan niệm không chính xác về tự do như là một khả năng hay năng quyền có sẵn, tuy có thể tồn tại ở một lượng ít nhiều nào đó. Quan niệm này có hạn chế là không diễn tả được sự năng động của tự do; khó cho thấy tự do có thể lớn lên hay thui chột đi thế nào; mặt khác, nó cũng gợi lên hình ảnh về việc thực thi tự do như hoạt động có tính rời rạc, ngắt quãng bên trong hiện hữu con người chứ không phải liên tục trải dài, đan quyện cùng với và cấu thành chính hiện hữu ấy.

Thực ra, tự do không chỉ là một năng quyền tĩnh, một khả năng được quan niệm dưới dạng lượng, có sẵn đó trước khi vận hành, mà còn là một năng động vốn chỉ hiện hữu khi đang vận hành. Nói cách khác, không phải chỉ là con người có tự do rồi mới có thể hành động ngang qua những lựa chọn, mà chính trong khi họ thi hành những lựa chọn mà họ trở nên tự do. Tự do chỉ thực sự hiện hữu khi được sử dụng hay thực hành.

Thế nào là một lựa chọn và quyết định tự do? Đó là khi con người hành động phù hợp với âm giai nền tảng của hiện hữu mình, phù hợp với năng động căn bản của hiện hữu, là hướng về Thiên Chúa, Đấng làm nền cho hiện hữu của họ. Nói cách khác, khi họ chọn chính mình như chủ thể hướng về Thiên Chúa nơi Đức Kitô, là khi họ tự do nhất.

Tự do, tự bản chất, không chỉ là việc thực hiện những chọn lựa rời rạc nhỏ lẻ, mà là việc chọn lựa và hình thành chính mình trong khi quy hướng về Thiên Chúa như là Nền Tảng siêu việt của chính tự do đó<sup>91</sup>.

---

<sup>91</sup> X. K. Rahner, *Foundations of Christian Faith*, tr. William V. Dych (New York: Crossroad, 1987), 35-39; 93-97.

## **Ý Chúa trong tương tác với tự do con người**

Quan niệm hạn hẹp về Ý Chúa ở trên cũng làm mất đi tính siêu việt của Thiên Chúa, biến Ngài thành một tác nhân giới hạn, luôn trong thế cạnh tranh với ý thức tự do của con người.

Thực ra, Thiên Chúa không phải là một trong số các tác nhân của thế giới này, hoạt động trong sự cạnh tranh với các tác nhân khác<sup>92</sup>. Vì nếu như thế, Ngài cũng hữu hạn như các tác nhân đó và vì thế không phải là Thiên Chúa. Thiên Chúa có thể hoạt động, không phải trong sự cạnh tranh, nhưng thông qua các tác nhân của thế giới. Vì duy chỉ mình Ngài là nguồn cho sự hiện hữu và hoạt động của mọi thứ trên thế giới. Các tác nhân trong thế giới hoạt động được là do và nhờ nguyên lý và năng động hay sức sống đến từ Thiên Chúa.

Người thực hành phân định thiêng liêng theo tinh thần thánh Ignatio xác tín rằng Thiên Chúa sống động và không ngừng làm việc trong thế giới. Nhưng Ngài làm việc không trong thế cạnh tranh hay loại trừ nguyên nhân tính của tự do con người. Ngài đã dựng nên con người với tự do để họ hoàn toàn có thể trở thành tác nhân đích thực của thế giới và của chính vận mệnh mình. Việc Ngài hoạt động không ngừng là nhằm cổ vũ và hiện thực hoá điều đó, chứ không phải để ngăn cản hay miễn trừ điều đó, không cho nó xảy ra. Ngài hoạt động liên tục trong thế giới để bảo đảm con người trở nên tác nhân thực sự của chính thế giới ấy.

### **Phân định thiêng liêng**

Phân định thiêng liêng không hẳn là tìm chọn cho đúng (nhiều khi một cách may rủi) một trong những khả thể có sẵn. Phân định cũng không hẳn là tự mình hình thành vận mệnh của mình, như thể là không có Thiên Chúa hay Thiên Chúa đứng dưng trước sự vận hành của thế giới (quan điểm Deism)<sup>93</sup>. Phân định là cộng tác với Thiên Chúa, với “kế hoạch” của Ngài, để cùng Ngài hình thành vận mệnh của mình.

Phân định thiêng liêng là tiến trình hình thành và hiện thực hoá tự do, chứ không chỉ là hệ quả của tự do. Không chỉ là con người có tự do rồi mới phân định, nhưng chính trong khi phân định, họ trở nên tự do đích thực hơn. Phân định là cách con người sống hiện hữu tự do của mình

---

<sup>92</sup> X. K. Rahner, *Foundations of Christian Faith*, tr. William V. Dych (New York: Crossroad, 1987), 81-89.

<sup>93</sup> X. Tad Dunne, “Models of Discernment”, trong *The Way. Supplement 23* (1974), 18-26.

trong khi hướng về Siêu Việt như nền tảng của hiện hữu ấy. Phân định và chọn lựa là cách thức con người hiện thực hoá chính mình trong tự do.

Vận mệnh con người, một mặt đã nằm trong cung lòng của Thiên Chúa không như một kịch bản sẵn có, nhưng như một huyền nhiệm, bởi vì tất cả những gì nơi Thiên Chúa đều mang đặc tính mầu nhiệm; mặt khác, vận mệnh đó cũng cần phải được vẽ nên và hiện thực hoá cách cụ thể bởi con người tự do, qua những lựa chọn và quyết định đầy tính nhân linh (với lý trí và tự do) của mình.

Chính qua việc phân định mà Ý Chúa cũng như vận mệnh đời tôi được hình thành và trở nên hiện thực cho tôi ở đây và lúc này. Chính qua việc phân định mà Thiên Chúa, qua tự do của tôi, như món quà phát xuất từ Ngài, hình thành nên vận mệnh của tôi, không như một “kịch bản” trong tương tượng, mà cách hiện thực ở đây và lúc này. Hay nói cách khác, khi phân định, tôi cùng với Chúa đang xây dựng cuộc đời và vận mệnh của chính tôi.

Đây là một tiến trình sống hiện hữu của tôi cách chân thực với tự do lớn nhất, chứ không chỉ là hoạt động của trí óc để tìm chọn một trong các khả thể có sẵn. Đó chính là lý do tại sao thánh Ignatio yêu cầu trước khi đi vào phân định, ta cần tập cho có tự do bằng cách xin ơn bình tâm. Dĩ nhiên, ơn này chỉ có được khi một điều kiện tối quan trọng khác nữa được đáp ứng, đó là ta cần ở trong tương quan với Chúa. Chúng ta không thể phân định mà không trong bầu khí thiêng liêng, hay không có tương quan với Chúa. Nhiều người đi vào Linh Thao với mục đích là phân định lựa chọn (ơn gọi, chẳng hạn), mắc sai lầm quan niệm phân định như đơn thuần là một bài tập hay hoạt động của tâm trí, mà quên rằng họ cần phải gặp gỡ, kết hợp với Chúa trước tiên; họ cần phải tập trung cầu nguyện trước khi có thể phân định đích thực.

Nói cách khác, theo thánh Ignatio, phân định thiêng liêng là tiến trình con người hiện thực hoá tự do của mình, và cách thức để có được điều đó là đi vào và sống tương quan với Chúa, từ đó xin ơn và sống sự bình tâm. Đó là cái cốt lõi của tiến trình phân định, những việc cụ thể khác như suy nghĩ, lựa chọn là hệ quả của một tiến trình sống tự do, vốn phải là bối cảnh, điều kiện và giả định của việc suy nghĩ lựa chọn. Mục đích của việc phân định không hẳn là chọn điều gì đó cụ thể, mà là tiến trình giúp tôi sống cách hiện thực tự do của tôi, bằng cách hướng về Thiên Chúa và đi vào trong tương quan mật thiết với Ngài, từ đó đạt được sự bình tâm với mọi thứ khác.

Trở lại với hai vấn nạn ở đầu bài viết, khi phân định, tôi không đơn thuần chỉ chú ý đến **kết quả** của lựa chọn của tôi mà thôi, mà chủ yếu sống **tiến trình** phân định trong ý thức và tự do hướng về Thiên Chúa. Với cách thức đó, tôi sẽ tránh được sự lo lắng không cần thiết rằng không biết làm thế nào để chọn cho đúng khả thể có sẵn đang chờ tôi, mà dồn năng lượng thiêng liêng và trần thế của tôi vào việc sống cách chân thực hết sức có thể hiện hữu tự do của tôi trong tương quan với Thiên Chúa ở đây và lúc này.

Đối với vấn nạn thứ hai, nếu như trước đây tôi nhận ra Chúa muốn tôi đi tu mà bây giờ tôi lại nhận ra Ngài muốn tôi lập gia đình, thì không phải là Ngài sai lầm hay thay đổi ý muốn, kế hoạch của Ngài về cuộc đời tôi. Nếu trong cả hai trường hợp tôi đều thực sự phân định cách chân thực và đúng đắn, thì lý giải về hiện tượng này đơn giản chỉ là: tôi cùng với Thiên Chúa đang vẽ nên vận mệnh chính tôi qua những thay đổi thể này; đi tu đã từng là một phần của vận mệnh đó và bây giờ lập gia đình là một phần của vận mệnh đó. Vận mệnh đời tôi đi ngang qua cả việc đi tu cho tới ngày nay lẫn việc lập gia đình kể từ bây giờ.

### **Tài liệu tham khảo**

- Tad Dunne, “Models of Discernment”, trong *The Way. Supplement* 23 (1974), 18-26.
- Karl Rahner, *Foundations of Christian Faith*, tr. William V. Dych (New York: Crossroad, 1987).

Ngày 27.10.2018  
Lm Francis Xavier Nguyễn Hai Tính, SJ

**Tìm Ý Chúa:  
Diễn giải của Karl Rahner  
về việc chọn lựa theo Inhaxiô**

By Avery Dulles, SJ

Người dịch: Lm Anthony Nguyễn Hữu Khanh, SJ

Trong giảng trình nổi tiếng của mình, *Chủ Nghĩa Hiện Sinh là một Chủ Nghĩa Nhân Bản*,<sup>94</sup> Jean Paul Sartre đã cố công cho thấy khiếm khuyết của nền đạo đức Kitô giáo. Để minh họa, ông lấy ví dụ trường hợp một sinh viên của ông trong thời kỳ bị quân Đức chiếm đóng. Chàng sinh viên ấy cảm thấy lo lắng trước quyết định liệu có nên rời bỏ gia đình để gia nhập Quân Giải Phóng Pháp, hay ở nhà để chăm sóc mẹ, người phụ thuộc rất nhiều vào anh. Giáo thuyết Kitô giáo, Sartre nhấn mạnh, không thể nói gì với người thanh niên trẻ này, khi anh đang bị giằng co giữa các đòi hỏi trái ngược nhau, một bên là đạo hiếu với cha mẹ và bên kia là tình yêu đất nước. Không linh mục nào có thể giải quyết được vấn đề này, bởi nó tùy thuộc vào việc anh tham vấn với ai. Suy cho cùng, chàng sinh viên phải chịu trách nhiệm về chọn lựa mà người tư vấn đưa ra, mà chọn lựa của người tư vấn cũng bắt tất y hết như chọn lựa của chính chàng sinh viên nọ. Để kết luận, Sartre nói: “Anh là người tự do, vì thế hãy chọn lựa - điều đó có nghĩa là hãy sáng tạo. Không có quy tắc luân lý phổ quát nào có thể chỉ cho anh biết đâu là điều anh phải làm, không có dấu chỉ nào được ban tặng trong thế giới này.... Chính chúng ta phải quyết định về hiện hữu của chúng ta.”<sup>95</sup>

Ở đây, Sartre cho thấy một cảm thức ngày càng gia tăng giữa những Kitô hữu lẫn những người không phải là Kitô hữu, rằng trong nhiều quyết định sống còn của cuộc sống thực tế, những quy tắc luân lý phổ quát, dù hợp lý và có tính bó buộc thế nào đi nữa, không thể hướng dẫn

---

<sup>94</sup> Walter Kaufmann (ed.), *Existentialism from Dostoevsky to Sartre* (New York: Meridian Books, 1963), 287-331.

<sup>95</sup> *Ibid.*, 297f.

chúng ta một cách đầy đủ được. Dựa dẫm vào lời khuyên của người khác cũng không giúp một cá nhân thoát khỏi trách nhiệm tối hậu về hành động của mình. Do đó, mỗi cá nhân phải quyết định xem có nên làm theo chỉ dẫn của người khác hay không, và nếu theo thì theo chỉ dẫn của ai.

Vấn đề quyết định luân lý, vốn luôn luôn khó khăn, càng trở nên phức tạp hơn đối với con người trong thời đại chúng ta. Trong những giai đoạn trước, con người khá gần gũi với thiên nhiên; họ sống trong một môi trường văn hóa tương đối đồng nhất. Phạm vi chọn lựa của người xưa tương đối hạn hẹp, và trong phạm vi chọn lựa, phong tục và truyền thống đã đóng một vai trò quyết định. Nhưng công nghệ hiện đại đã giúp ta làm chủ một phần rất lớn các thế lực thiên nhiên và môi trường. Con người sống trong một xã hội đa nguyên về văn hóa, trong đó đủ loại thế giới quan và hệ thống đạo đức đang cạnh tranh nhau để giành lấy sự chú ý của con người. Các cấu trúc xã hội đang thay đổi nhanh chóng, những truyền thống cao quý trước đây giờ không tránh khỏi bị đặt thành vấn đề. Con người hiện đại vẫn đang khắc khoải tìm kiếm một phương pháp và một logic khả dĩ giúp mình tìm ra đâu là lối hành xử đúng đắn cho bản thân xét như một cá nhân đặc thù trong một hoàn cảnh đặc thù và đang đổi thay nhanh chóng. Nhu cầu này đặc biệt cấp bách, nhất là với những Kitô hữu nhiệt thành đang đứng trước những quyết định thiêng liêng lớn lao có ảnh hưởng đến cả cuộc đời. Làm sao họ biết chắc là có thể tìm thấy ý Chúa?

Karl Rahner, người vẫn thường tìm tòi tra vấn những vấn đề thần học và tôn giáo cấp bách nhất của thời đại, đã chú ý đến vấn đề này.<sup>96</sup> Thay vì bắt đầu bằng một khảo luận mới mẻ, ông lại bàn thảo vấn đề bằng cách bình luận về phương pháp chọn lựa được vạch ra trong cuốn *Linh Thao* của thánh Inhaxiô. Theo Rahner, nghệ thuật tìm ý Chúa dành cho cá nhân người thao viên chính là tâm điểm của toàn bộ *Linh Thao*. Và thánh Inhaxiô, sau khi vật lộn với vấn đề này, đã sáng tạo một kỹ thuật hoàn toàn mới, vượt xa rất nhiều so với thời đại của ngài. Theo Rahner,

---

<sup>96</sup>“The Logic of Concrete Individual Knowledge in Ignatius Loyola” in *The Dynamic Element in the Church* (trans. W. I. O’Hara; *Quaestiones Disputatae* 12; New York: Herder & Herder, 1964), pp. 84-170.

những tiền đề mà Inhaxiô đưa ra dường như đã che khuất ý tưởng thực thụ của ngài. Các nhà chú giải *Linh Thao*, vốn không thể vươn tới tầm cao của Inhaxiô, chỉ làm giản lược và làm biến dạng ý tưởng đó. Nghiên cứu của Rahner, vốn nhằm đảo ngược tình trạng này, chắc hẳn sẽ khơi gợi một niềm hứng thú mới nơi những người theo đuổi linh đạo Dòng Tên. Vì lập luận của Rahner khá dài dòng và có nhiều điểm khó nắm bắt, nên sẽ tốt hơn nếu ta tóm tắt và phân tích cách đầy đủ về lập luận của ông.

Về nền tảng để diễn giải việc chọn lựa, Rahner giả định những gì ông từng đâu đó nói liên hệ đến chiều kích cá vị của các quyết định luân lý.<sup>97</sup> Ông nhấn mạnh rằng có những nguyên tắc đạo đức bó buộc cách khách quan, mà lý trí con người có thể phát hiện ra, và người Kitô hữu có thể biết được nhờ vào giáo huấn của Giáo Hội. Nhưng sẽ thật sai lầm nếu tưởng tượng rằng mọi quyết định đạo đức của con người đều có thể đạt được bằng cách nại đến những nguyên lý phổ quát thuộc về nền luân lý tự nhiên và siêu nhiên, rồi đem áp dụng trong những hoàn cảnh cụ thể. Nhưng Rahner cũng nhấn mạnh rằng: dù hành động của tôi vào thời điểm này không hề bị định đoạt bởi những quy luật chung, thì điều đó không có nghĩa là tôi hoàn toàn tự do về mặt luân lý để làm bất cứ điều gì tôi muốn. Rahner dựa vào hai tiền đề để khẳng định điều này. Trước hết, Thiên Chúa hằng sống luôn luôn tự do đối với các tạo vật của Ngài, và vào bất cứ thời điểm nào, Ngài đều có thể tỏ lộ ước muốn của Ngài theo một cách thể mang tính bó buộc. Thứ hai, ngôi vị con người không đơn thuần là một đại biểu cho giống loại của mình; con người có cá thể tính tích cực đến độ không thể dò thấu được. “Nếu mỗi con người chính là một linh đạo cá nhân, thì hành động của con người ấy không bao giờ đơn thuần hệ tại ở việc áp dụng luật phổ quát vào cái hoàn cảnh cụ thể trong không gian và thời gian này. Những hành động ấy có đặc tính tích cực căn bản, có một sự độc đáo vốn không thể nào chuyển tải thành một

---

<sup>97</sup> “On the Question of Formal Existential Ethics,” *Theological Investigation* 2 (Baltimore, 1963), 217-34.

ý tưởng khô quát và một quy tắc khả dĩ diễn tả dưới dạng mệnh đề được dàn dựng từ những khái niệm phổ quát.”<sup>98</sup>

### Ba “Thời Kỳ”

Dưới ánh sáng của những điểm vừa được nói ở trên, Rahner đưa ra một diễn giải đầy mới mẻ về ba thời kỳ (hay ba “dịp,” như chúng ta quen gọi ngày nay) để chọn lựa, vốn chiếm một vị trí trọng yếu trong *Linh Thao*. Thì chọn lựa thứ nhất, như được Inhaxiô giải thích, xảy ra “khi Thiên Chúa Chúa chúng ta đánh động và lôi kéo ý chí đến nỗi linh hồn trung tín không hoài nghi, cũng không thể hoài nghi nhưng bước theo những gì được chỉ vẽ cho nó” (s. 175). Thời kỳ thứ hai được xác định như là thời kỳ trong đó “nhiều ánh sáng và hiểu biết phát xuất từ kinh nghiệm sâu khổ và an ủi cũng như việc phân định các thần loại khác nhau” (s.176). Thời kỳ thứ ba là “thời kỳ an tĩnh, tức là thời kỳ mà linh hồn không bị tác động bởi các thần khác nhau, được tự do và bình an để sử dụng các năng lực tự nhiên” (s. 177).

Suy nghĩ về ba thời kỳ này, Rahner nhấn mạnh rằng chúng rất khác nhau, bởi vì mỗi thời kỳ đều có đối tượng đặc thù riêng. Trong thời kỳ thứ nhất, đối tượng được biết đến là một phán quyết tự do của Thiên Chúa, vốn không thể hiểu thấu trừ ra bằng một tỏ lộ đặc biệt trong đó Thiên Chúa bày tỏ ý muốn của Ngài. Trên thực tế, sự tỏ lộ này hiện đến dưới dạng một mặc khải tư, như chúng ta đọc thấy trong đời sống của nhiều vị thánh, chẳng hạn thánh Catarina Sienna, thánh Magarita Maria, và nhiều vị khác được Thiên Chúa kêu gọi đi làm những nhiệm vụ khác nhau, và những nhiệm vụ ấy họ không thể nào phát hiện được nếu không có mặc khải. Khi bàn về chọn lựa ở thời kỳ này, Rahner nói rất ít, vì ông cho rằng loại chọn lựa này được đề cập trong *Linh Thao* đơn giản như là trường hợp hoạ hiếm, nhằm làm nổi bật hơn đặc nét của thời kỳ thứ hai. Chính Inhaxiô cũng chỉ nói rất vắn tắt về thời kỳ thứ nhất, giả định rằng nếu điều ấy được ban tặng, thì người nhận cũng không chút hoài nghi, rằng trong bất cứ trường hợp nào, nó đều nằm ngoài tầm kiểm soát của

---

<sup>98</sup> Ibid., 226.

mọi phương pháp. Rahner đã trình bày quan điểm về các tiêu chí và giá trị của mặc khải tư trong một tác phẩm khác.<sup>99</sup>

Thời kỳ thứ ba của việc chọn lựa, như Rahner diễn giải, là thời kỳ của lý trí Kitô giáo. Người ta đạt tới chính đích nhắm của thời kỳ này, khi nhận ra được mục tiêu luân lý, bằng cách quy chiếu đến các nguyên tắc đạo đức trừu tượng và các mệnh lệnh luân lý phổ quát của Tin Mừng lần của Giáo Hội, rồi áp dụng vào một hoàn cảnh cụ thể, nhờ suy xét và biện phân thông thường. Diễn giải của Rahner về tiến trình nhờ đó người ta đạt đến một phán đoán cần trọng cũng khá ngắn gọn. Những bình luận mang tính soi sáng nhất của Rahner về thời kỳ thứ ba đều gắn với việc bàn luận về thời kỳ thứ hai, là thời kỳ được ông chú ý nhất.

Đối tượng tự thân của thời kỳ thứ hai, như Rahner nhấn mạnh, không đồng nhất với đối tượng của thời kỳ thứ nhất và thứ ba. Như thế, nó không phải là một phán quyết tự do từ phía Thiên Chúa, vốn giới hạn lập tức phạm vi chọn lựa luân lý của một cá nhân thuộc thời kỳ thứ nhất. Nó cũng không phải là ý muốn phổ quát của Thiên Chúa, được thông truyền qua trật tự khách quan trong sáng tạo dưới ánh sáng của đức tin và lý trí thuộc thời kỳ thứ ba. Vậy thì nó là gì? Như Rahner cho thấy, khả thể duy nhất còn sót lại cho chọn lựa thuộc thời kỳ thứ hai chính là việc đảm nhận lấy ơn gọi độc đáo của mình, nhờ vào cá thể tính tích cực của mình. Tiếng gọi, mà Thiên Chúa ngỏ với khi biến một cá nhân cả về mặt tự nhiên và siêu nhiên thành chính con người mà kẻ ấy phải trở nên, chỉ có thể được nắm bắt nhờ nhận thức về khuynh chiều thiêng liêng của mình.

Trước khi diễn giải chi tiết việc đồng nhất chọn lựa của thời kỳ thứ hai với phạm vi quyết định luân lý của cá nhân, Rahner đã lập luận cách thuyết phục rằng thời kỳ thứ hai là thời kỳ phổ biến, ít nhất là với những người làm *Linh Thao*. Bởi vì thời kỳ thứ nhất khá ngoại thường, tranh cãi chỉ có thể nổ ra giữa thời kỳ thứ hai và thời kỳ thứ ba. Nhưng chính Inhaxiô nói rằng phương pháp của thời kỳ thứ ba chỉ được dùng trong trường hợp không có thời kỳ thứ nhất và thứ hai (s. 178). Thời kỳ thứ ba

---

<sup>99</sup> *Vision and Prophecies*. Quaestiones Disputatae 10 (New York: Herder and Herder, 1963).

này xảy ra khi linh hồn không bị đánh động bởi các thần loại khác nhau – một sự kiện cho thấy đây là thời kỳ không có dấu chỉ ưu việt (s. 6). Sau cùng, chủ đề đặc trưng trong chọn lựa Inhaxiô - tức là chọn lựa bậc sống dựa theo các lời khuyên Tin Mừng - là một vấn đề hết sức cá nhân, không thể rút tĩa được từ lời mời gọi phổ quát dành cho mọi Kitô hữu đang khi họ theo đuổi sự thánh thiện.

Về điểm này, Rahner đưa ra một số nhận xét thú vị về ơn gọi linh mục và tu sĩ. Hẳn nhiên, Rahner bất đồng với xu hướng của nhiều tác giả Công giáo, đặc biệt kể từ thời Canon Lahitton,<sup>100</sup> vốn quá nhấn mạnh đến các quy tắc phổ quát khách quan, và phó mặc bản thân cho các quyết định của thẩm quyền Giáo Hội. Dù các tiêu chuẩn của Lahitton trong một mức độ nào đó có thể đúng, Rahner muốn làm rõ một điều, là không phải ai cũng thích hợp với đời tu, trừ ra kể với tư cách cá nhân dấn thân vào đời tu, và được mời gọi đến với đời tu nhờ ơn Chúa. Một lời mời gọi như thế (được Inhaxiô nói đến ở số 98) không đơn thuần đồng nhất với sức khỏe tốt, có trí tuệ, và lòng đạo đức, càng không thể đánh đồng với bảng câu hỏi trắc nghiệm tâm lý khách quan. Ơn gọi cá nhân chỉ có thể phân định được nhờ một tiến trình tương tự như chọn lựa ở thời kỳ thứ hai, ngay cả khi các chỉ dẫn của Inhaxiô không được áp dụng một cách minh nhiên. Trong bối cảnh mà việc trắc nghiệm ơn gọi đang rất phổ biến, và chắc hẳn cũng cần thiết, thì việc Rahner nhấn mạnh đến chiều kích chủ quan và cá vị trong vấn đề ơn gọi quả là đáng hoan nghênh.

Khi tiếp tục trình bày quan điểm về tầm quan trọng hàng đầu của thời kỳ thứ hai, Rahner chỉ ra rằng ngay cả chọn lựa ở thời kỳ thứ ba, như Inhaxiô quan niệm, cũng không khả thi nếu chỉ nhờ đến những suy xét thuần túy khách quan. Bất chấp tính lý trí, thời kỳ thứ ba vẫn chứa đựng những yếu tố thuộc riêng về hai thời kỳ kia, đặc biệt là thời kỳ thứ hai. Do đó, người thao viên phải được hướng dẫn để cầu nguyện trước hầu Thiên Chúa sẽ “tỏ cho tôi thấy đâu là điều tôi phải làm” (s. 180). Thao viên phải chọn lựa bằng cách đáp lại tình yêu thuần khiết của Thiên Chúa đang “từ trên cao đổ xuống” (s. 184). Sau khi quyết định, người ấy

---

<sup>100</sup> J. Lahitton, *La vocation sacerdotale*. Nouvelle ed. Paris: Beauchesne, 1913.

phải mau mắn dâng chọn lựa của mình lên Chúa, “để Thiên Chúa Chí Tôn thương nhận và xác chuẩn nó hầu phục vụ và tôn vinh Ngài hơn” (s. 183). Dạng thức xứng hợp của sự xác nhận này được chỉ rõ ở số 213, khi Inhaxiô nói về “ánh sáng, các an ủi, và hứng khởi thiêng liêng.” Do đó, thời kỳ thứ ba được định đoạt bởi một chuyển động bên trong của Thần Khí vốn đang hoạt động trong tâm hồn, ngay cả khi chọn lựa được phân định nhờ những duyệt xét khách quan. Do đó thời kỳ thứ ba trong thực tế là một phiên bản khiếm khuyết của thời kỳ thứ hai.

Theo thiên ý, quan điểm của Rahner rằng chọn lựa ở thời kỳ thứ hai là phổ biến thì khá thuyết phục, dù một số nhà chuyên môn có tiếng về Linh Thao ủng hộ ý kiến rằng thánh Inhaxiô ưu tiên thời kỳ thứ ba.<sup>101</sup> Nhưng có lẽ Rahner, vì nhiệt tình phân biệt đối tượng mô thể của ba thời kỳ, nên đã nhấn mạnh quá mức tính khách quan của thời kỳ thứ ba. Nếu thời kỳ này chỉ áp dụng máy móc những quan niệm hiển nhiên thuộc luật tự nhiên hay luật tích cực, thì hầu chắc chắn có chỗ cho bất cứ chọn lựa nào. Còn nếu việc áp dụng ít nhiều tùy thuộc vào một phán đoán cẩn trọng và tinh tế, thì thời kỳ thứ ba tự thân nó đã chứa đựng một yếu tố chủ quan. Hợp tự nhiên và giàu cẩn trọng là đặc nét thuộc riêng thời kỳ thứ ba; nó không đơn thuần chỉ dự phần vào thời kỳ thứ hai như Rahner quan niệm. Rahner, sau khi đã xác định thời kỳ thứ ba hầu như chỉ là lý trí thuần túy, buộc phải thêm rằng đến thánh Inhaxiô cũng không thể áp dụng được thời kỳ này theo đúng nghĩa thuần lý trí.

## **Phân Định Thần Loại**

Một điểm quan trọng trong khảo cứu của Rahner mà chúng ta sẽ tập trung chú ý, là diễn giải của ông về vai trò của việc phân định thần loại trong chọn lựa thời kỳ thứ hai. Như chúng ta biết, thánh Inhaxiô tiếp thu truyền thống giáo phụ và trung cổ, rằng Thiên Chúa, các thiên thần, và ma quỷ cách nào đó thường xuyên xâm nhập vào ý thức con người, tạo ra những khuynh chiều đạo đức hay tội lỗi.<sup>102</sup> Để có thể xác định nguồn

---

<sup>101</sup> Chẳng hạn, Erich Przywara, S.J. cho rằng Inhaxiô ưu tiên thời kỳ thứ ba vì nó khiêm nhường hơn. *Deus Semper Maior* 2 (Freiburg i. B.: Herder, 1939), p. 189.

<sup>102</sup> Về lịch sử nguyên thủy của việc phân định thần loại, xem Hugo Rahner, S.J., “‘Werdet kundige Geldwechsler’—Zur Geschichte der Lehre des heiligen Ignatius

gốc của những thôi thúc này, việc phân định là cần thiết. Thánh Inhaxiô, dựa vào học thuyết cổ truyền, đã áp dụng các kỹ thuật phân tích vào việc chọn lựa. Đây là đóng góp rất riêng của Inhaxiô.

Nhưng toàn bộ phần phân định thiêng liêng khiến con người hiện đại cảm thấy khá mơ hồ. Khoa học hiện đại quy gán phần lớn những thúc đẩy từng được coi là của “các thần” vào các nguyên nhân mang tính thể lý hoặc tâm lý. Độc giả hiện đại bị thôi thúc để “giải huyền” học thuyết của Inhaxiô, ít nhất trong một mức độ nào đó. Liệu có thể gìn giữ được những điều căn bản trong việc phân định thần loại hay không? Rahner tin rằng có thể gìn giữ được.

Dựa vào nền tảng nhân học theo triết học của mình, Rahner giả định rằng nhân vị, dù được ban tặng một cá thể tính tích cực, vẫn không thể biết mình trong tính độc đáo của mình nếu chỉ dựa vào những tri thức mang tính khái niệm. Khi suy xét về thế giới xung quanh, con người đồng thời đạt tới một tri thức mặc nhiên về chính mình xét như một chủ thể thiêng liêng. Quan niệm về bản ngã như thế cho phép khẳng định về tiếng gọi của Thiên Chúa, vốn đến với mỗi người xét như một cá nhân ngang qua ân sủng được ban cho người đó.

Rahner hết sức nhấn mạnh rằng ân sủng xét như một thực tại thiêng liêng luôn được kinh nghiệm như một yếu tố thuộc ý thức. Nhưng nó không được kinh nghiệm một cách quá rõ ràng, tới độ cho phép chúng ta xác định được ân sủng như là ân sủng chỉ đơn thuần bằng việc nội quan. Vậy thì làm sao có thể xác định được thúc đẩy nào thực thụ đến từ Thiên Chúa hầu có thể bước theo? Đây chính là điểm mấu chốt của việc chọn lựa ở thời kỳ thứ hai.

Bằng cách nghiên cứu cẩn thận các bản văn của Inhaxiô, Rahner nghĩ rằng có thể tìm thấy một loại an ủi ưu tuyển vốn chắc chắn có nguồn gốc thần linh, là thứ có thể áp dụng xét như tiêu chuẩn và mẫu mực cho tất cả mọi chuyển động khác của ân sủng. Rahner phát hiện ra điều này trong quy tắc phân định thứ hai và thứ tám của Tuần Thứ Hai (s. 330 và

---

von der Unterscheidung der Geister,” in Friedrich Wulf, S.J. (ed.), *Ignatius von Loyola* (Wurzburg, 1956), pp. 301-41. Cũng tham khảo bài viết “Discernement des esprits” in *Dictionnaire de spiritualite* 3, cols. 1222-91

336). Loại an ủi có khả năng tự chứng thực này được mô tả với hai đặc tính, một tích cực và một tiêu cực. Về mặt tiêu cực, Inhaxiô gọi nó là an ủi “không có nguyên nhân đi trước,” tức là “không có bất cứ một suy nghĩ hay một hiểu biết liền trước nào về một chủ đề nhờ đó linh hồn có thể đạt tới một an ủi như thế nhờ vào các hoạt động của trí tuệ và ý chí” (s. 330). Về mặt tích cực, linh hồn thấy mình “hoàn toàn được lôi kéo đến việc yêu mến Thiên Chúa chí tôn.”

Nhưng những đặc tính này tự thân chúng làm nảy sinh những khó khăn. Lối diễn đạt “không có nguyên nhân đi trước,” như Rahner nhìn nhận, từng được truyền thống nói đến như thể một kinh nghiệm đột khởi, mà nguồn gốc thần linh của nó thì rõ ràng, bởi vì chỉ Thiên Chúa mới có thể hoạt động một cách trực tiếp trên ý chí. Tâm lý chiều sâu hiện đại biết rằng những kinh nghiệm đột ngột như thế đã được chuẩn bị từ rất lâu bên trong tiềm thức. Vậy thì đặc tính bất ngờ và đột ngột của nó khó có thể là bằng chứng vững chắc về sự can thiệp đặc biệt của Thiên Chúa.<sup>103</sup> Do đó ngược với phần lớn các nhà chú giải Linh Thao, Rahner đề nghị một lối diễn giải mới mẻ và độc đáo về loại kinh nghiệm an ủi có khả năng tự chứng thực này, là loại an ủi mà ông nghĩ hợp với tâm thức của chính thánh Inhaxiô. Theo lý thuyết của Rahner, đặc điểm chính [của loại an ủi này] là tích cực, tức là linh hồn thấy mình hoàn toàn được lôi kéo đến lòng mến Thiên Chúa. Theo Rahner, kinh nghiệm này giống với điều được mô tả trong bức thư nổi tiếng của thánh Inhaxiô gửi cho sơ Teresa Rejadelle: “Chính Thiên Chúa đánh động linh hồn chúng ta và bó buộc chúng ta làm điều này hay làm điều nọ, khi biến linh hồn chúng ta nên rộng mở. Điều đó có nghĩa là Ngài bắt đầu nói với chúng ta từ bên trong mà chẳng cần lời lẽ, Ngài lôi kéo linh hồn hoàn toàn đến tình yêu mến Ngài, và ban cho chúng ta một cảm thức về chính Ngài, đến độ ngay cả khi chúng ta muốn, chúng ta cũng không thể chống

---

<sup>103</sup> Để xác minh nhận định của Rahner về điểm này, có thể trích dẫn nhận định của W. W. Meissner, S.J., người phê phán các qui tắc phân định dưới ánh sáng của tâm lý bản ngã dựa trên phân tâm học đương đại. Ông nói: “Quan niệm rằng “an ủi không có nguyên nhân đi trước” là kết quả của ân sủng ít nhất cũng đáng bị đặt vấn đề, vì nó có thể được qui gán cho các nguyên nhân thuần túy tự nhiên, ẩn dưới động cơ vô thức.” “Psychological Notes on the Spiritual Exercises—III,” Woodstock Letters 93 (1964), 180; bản in lại, tr. 70.

lại nổi...” Trong phần mô tả này, không thấy nói đến tính chất đột ngột, ngỡ ngàng. Khi thánh Inhaxiô nói “chẳng cần lời lẽ,” chắc hẳn ngài có ý ám chỉ đến việc không có khái niệm nào làm nguồn cơn khiến chúng ta bị thu hút đến với Thiên Chúa.

Từ những điều này, Rahner kết luận rằng giai đoạn “không có nguyên nhân đi trước” trong các quy tắc thuộc Tuần Thứ Hai trên thực tế đồng nghĩa với việc không có đối tượng mang tính khái niệm. Nếu chúng ta hỏi câu hỏi của Suarez, “Nếu không có bất cứ đối tượng nào, thì tôi yêu mến và tin cậy cái gì đây?”, Rahner sẽ trả lời dựa theo tri thức luận siêu nghiệm của mình rằng: Thiên Chúa hiện diện trong ý thức không phải như một đối tượng, giống như kiểu chúng ta hiện diện nội tâm trước chính mình. Theo Rahner, trong mọi hoạt động có ý thức, con người luôn ngấm ngấm ý thức về Thiên Chúa như thể chân trời siêu nghiệm, nhưng ý thức này bình thường không trôi lên thành một ý thức rõ ràng.

Ơn an ủi thuần túy trôi lên khi ý thức [về Thiên Chúa] này trở thành minh nhiên. Linh hồn vào những thời điểm như thế “bùng cháy lửa yêu mến Đấng Tạo Hóa và Chúa mình, và do đó không thể yêu mến thụ tạo nào trên mặt đất này vì chính chúng, nhưng chỉ yêu mến trong Đấng Tạo Hóa của chúng mà thôi” (s. 316). Tuy nhiên, ngay cả loại an ủi này cũng có những mức độ khác nhau. Thua kém đôi chút so với kinh nghiệm thần bí thực thụ, điều có thể xảy ra là các đối tượng hữu hạn vốn từng hiện diện trong ý thức bỗng trở nên trong suốt, và bị lu mờ đi trước siêu việt tính của Thiên Chúa. Trong kinh nghiệm như thế, không thể có bất cứ đối trá nào. Nội dung của nó được ban tặng một cách trực tiếp. Bởi vì không một điều hữu hạn nào có thể tự trình bày về chính mình như thể là vô hạn, nên nguồn gốc thần linh của ơn an ủi này là chắc chắn.

## **Một Vài Câu Hỏi**

Ở đây cũng như ở nhiều điểm khác trong bài khảo luận này, độc giả ngỡ ngàng trước thành công của Rahner, khi ông có thể sử dụng thuyết Toma siêu nghiệm của mình để soi sáng những vấn đề phát sinh từ bản văn của thánh Inhaxiô. Có thể công nhận rằng: nếu đúng là chúng ta luôn ý thức trực tiếp về Thiên Chúa, thì chính Thiên Chúa phải thực sự

hiện diện bên trong chúng ta. Nhưng bất cứ điều gì thuộc về việc chọn lựa xảy ra liền sau đó, thì phải duyệt xét xem nó có phải là sự tự thông ban chính mình cách tự do trong ân sủng của Thiên Chúa không, hay đó chỉ là một hành vi mang tính huyền thoại kiểu Promethean, khi con người đối diện một cách có ý thức với nền tảng thiêng liêng thuộc về hữu thể của mình. Có hay không một nền thần bí tự nhiên, và liệu nền thần bí ấy có đủ để diễn giải loại an ủi được mô tả ở đây? Nếu câu trả lời là có, thì nhiều khi những sáng khoái trong kinh nghiệm an ủi như thế có thể đi ngược với ý Thiên Chúa.

Trong bài viết này, Rahner không giải quyết những khó khăn này một cách rõ ràng. Nhưng trong một bài viết ngắn khác bằng tiếng Đức,<sup>104</sup> Rahner có nhiều điều để nói. Ông chỉ ra rằng kinh nghiệm Kitô giáo về niềm vui siêu việt thường xảy ra vào những thời điểm người ta từ bỏ chính mình; nó lôi kéo linh hồn đến với nghèo khó, khiêm tốn, chịu đau khổ, thậm chí tử đạo. Thiên Chúa được biết đến như thể một niềm hạnh phúc vô biên không thể định danh, đến mức gần như không phải là thực thể. Tìm thấy sự trọn vẹn trong trống rỗng, sự sống trong chết chóc, niềm vui sướng đang khi chia sẻ chén đắng của Đức Kitô – những điều ấy thường không được ban cho con người, trừ ra trong một sự dân thân đầy tự do trong đức tin. Sự cuốn hút từ trên cao này quá diễm phúc, đến độ khiến cho người tín hữu biết đến nó thấm nhuần một lòng biết ơn sâu thẳm nhất. Vào những thời điểm như thế chúng ta, những người Kitô hữu, biết rằng chính Thần Khí đang hoạt động; chúng ta kinh nghiệm được thế nào là thời khắc của ân sủng.

Nhưng một khi chúng ta giả định rằng loại an ủi “không có nguyên nhân” này có khả năng tự chứng thực như thể ân huệ của Thiên Chúa, thì vẫn còn đó nhiệm vụ phải áp dụng nó vào trong việc chọn lựa. Làm sao để thiết lập một mối liên hệ tích cực giữa một bên là tiến trình hành động được bày ra cho ta, và bên kia là vị Thiên Chúa siêu việt trong Ngài linh hồn tìm thấy niềm vinh phúc của nó?

Bàn luận đầy đủ về câu hỏi này sẽ kéo theo cả một khảo luận chi tiết về nhiều quy tắc khác nhau liên hệ đến an ủi và sâu khổ trong Tuần Thứ

---

<sup>104</sup> “Kinh nghiệm ân sủng”, *Khảo Cứu Thần Học 3* (Einsiedeln, 1961), 105-10.

Nhất và Tuần Thứ Hai, là điều mà Rahner không muốn làm trong phạm vi của nghiên cứu này. Rahner hài lòng với việc đề ra ý tưởng căn bản nằm bên dưới việc chọn lựa ở thời kỳ thứ hai. Ông thấy ý tưởng này hệ tại ở mối liên thông căn bản giữa một người đang được ân sủng lôi kéo tới chỗ hoàn toàn cởi mở trước Thiên Chúa, và đối tượng khả thi cho người ấy chọn lựa. Quyết định đúng đắn dành cho một cá nhân chính là điều khiến cho ơn an ủi phát sinh từ sự hiệp nhất thuần khiết với Thiên Chúa được ổn định và thậm chí gia tăng, chứ không phải là cái làm suy yếu hay phá hủy sự hiệp nhất với Thiên Chúa.

Quyết định tối hậu trong thời kỳ thứ hai - và ít nhiều trong thời kỳ thứ ba, nếu thời kỳ thứ ba dự phần vào thời kỳ thứ hai - tùy thuộc vào độ bền của hoa trái phát xuất từ ơn an ủi thuần túy khi lý tính tập trung vào vấn đề chọn lựa. Độ bền này được phát hiện nhờ một tiến trình thực nghiệm kéo dài, mà nhiều thí dụ về một loại thực nghiệm như thế có thể được tìm thấy trong *Nhật Ký Thiêng Liêng* của thánh Inhaxiô. Thông thường, sự tương thích giữa đối tượng được chọn với linh hồn đang hoàn toàn dâng hiến chính mình sẽ xuất hiện dưới dạng một loại “nhập vai” hay “đóng kịch,” trong đó người thao viên nhờ trí tưởng tượng đặt mình vào hoàn cảnh mình đang chuẩn bị bước vào (s. 186-187). Nhờ một logic cụ thể như thế, chủ thể rất cuộc có thể phán đoán được liệu cái chọn lựa tiềm tàng kia có hòa hợp với đường hướng thiêng liêng nội tâm của mình, đến độ người ấy kinh nghiệm được “sự bình an, thư thái và tĩnh tại” (s. 333).

Phương pháp phân định thần loại như thế khá gần với điều mà Rahner gọi là “công thức căn bản của linh đạo Inhã,” - tìm thấy Chúa trong mọi sự. Theo quan điểm của Rahner, điều này đơn giản là “kiên trì áp dụng cái logic siêu nhiên đầy cụ thể của việc tìm ý Chúa, bằng cách thực hành việc duyệt xét lại các ơn an ủi.” Như thế, cái logic cảm tính trong việc chọn lựa ở thời kỳ thứ hai gắn chặt đến mức không thể tách rời với tổng hợp mang đặc trưng Inhaxiô, là chiêm niệm trong hoạt động, một dấu ấn của linh đạo Dòng Tên.

Vào cuối khảo luận, Rahner đặt câu hỏi liệu một cá nhân vốn không làm Tuần Thứ Hai của Linh Thao có thể phát hiện ra đâu là ý muốn cụ

thể của Thiên Chúa dành cho mình hay không? Liệu người ấy có nên hài lòng với việc tuân theo quy tắc chung thuộc địa hạt luân lý, rồi áp dụng vào hoàn cảnh mà mình đang sống? Rahner trả lời một cách khá thuyết phục rằng: giống như những người sử dụng văn xuôi mà không biết văn xuôi là gì, giống như những người sử dụng tam đoạn luận mà không hề biết về logic hình thức, cũng vậy, người ta có thể áp dụng trong cụ thể cái logic của việc tìm ý Chúa vừa được nêu trên vào trong những chọn lựa hiện sinh của mình, mà không cần phải nắm bắt các nguyên lý trừu tượng. Người Kitô hữu đạo đức mà đơn sơ, khi đối diện với một quyết định tôn giáo quan trọng mang tính cá nhân, thường suy nghĩ về quyết định ấy trong một thời gian. Cuối cùng người ấy chọn lựa điều khiến người ấy sáng khoái nhất về mặt nội tâm; người ấy chọn lựa tiếng gọi vốn làm thỏa mãn cái mà người ấy mơ hồ cảm nhận như là thôi thúc từ trên cao; người ấy giữ lấy một bậc sống trong đó người ấy cảm thấy thư thái nhất về tinh thần. Tiêu chuẩn ở đây chính là sự am hợp [của đối tượng được chọn lựa] với thái độ thiêng liêng sâu thẳm nhất của cá nhân. Như thế, các phương pháp chọn lựa trong sách *Linh Thao* chỉ là phát biểu minh nhiên và đậm chất kỹ thuật của điều mà lương tâm người Kitô hữu bình dân vẫn thường áp dụng một cách đầy bản năng, dưới một dạng thức đơn sơ.

Tóm lại, khảo cứu của Rahner về logic hiện sinh của Inhaxiô chính làm nên một đóng góp ấn tượng cho nền văn chương về việc chọn lựa. Trùm lên toàn bộ khảo cứu ấy là một cảm thức sống động về những ưu tư và giả định của con người đương đại. Lập luận của Rahner tiến triển ngang qua một loạt những “giảm lược” mang tính hệ thống, nhưng lại có sức soi sáng một cách đáng kinh ngạc. Sau khi giảm lược *Linh Thao* thành việc chọn lựa, Rahner tiến tục giảm lược việc chọn lựa thành chọn lựa thuộc thời kỳ thứ hai, và chọn lựa thuộc thời kỳ thứ hai thành quy tắc phân định thuộc Tuần Thứ Hai. Cuối cùng, Rahner cho thấy chính bộ quy tắc này có thể được giảm trừ thành “nguyên lý đệ nhất” là an ủi không có nguyên nhân, vốn có khả năng tự chứng thực. Một đặc điểm đáng kể khác trong khảo luận của Rahner là khả năng ông phát quang một loạt những vấn đề bằng cách áp dụng nền nhân học mang tính triết học của mình, bao gồm cả siêu hình học về tri thức lẫn nền đạo đức hiện

sinh của ông. Những giải đáp của Rahner rất thuyết phục với những ai căn bản chấp nhận lập trường triết lý và thần học của Rahner. Với những người không theo Rahner, sự kiện ông có thể áp dụng cách thành công các luận đề triết học của mình vào logic chọn lựa theo thánh Inhaxiô có thể là bằng chứng mạnh mẽ ủng hộ cho những luận đề này.

### **Một Chương Trình Cho Tương Lai**

Như thường thấy trong các bài viết của Rahner, khảo luận này, dù dài và đậm đặc, vẫn chẳng phải là một công trình đã hoàn tất, nhưng là bản phác thảo cho cả một chương trình còn nằm ở tương lai. Nó để ngỏ nhiều khoảng trống cho các nhà thần học thiêng liêng khác, những người muốn đắm mình vào các vấn đề mà Rahner còn chưa xử lý đầy đủ.

Một mặt, Rahner hài lòng với việc bước vào bầu khí đã được kiểm chứng của một lý thuyết. Ông hứng thú với việc kiến tạo một diễn giải mang tính lí thuyết cho logic về việc phân định theo kiểu Inhaxiô, nhưng bỏ ngỏ vấn đề áp dụng cụ thể logic này. Về việc áp dụng cụ thể, tôi đề nghị rằng thao viên chẳng cần phải kiểm chứng xem mình đã có hay chưa có kinh nghiệm về ơn an ủi thuần khiết có khả năng tự chứng thực, vốn nằm ở tâm điểm lý thuyết của Rahner.<sup>105</sup> Chỉ cần tuân theo “quy tắc chủ đạo” được đưa ra trong vô số các chỉ dẫn của thánh Inhaxiô là đủ để đạt được kết quả thích đáng rồi. Một người không có khả năng chứng minh các quy tắc trên bình diện lí thuyết vẫn hoàn toàn có khả năng là một bậc thầy trong việc áp dụng các quy tắc ấy vào thực tế; ngược lại cũng đúng.

Còn về việc áp dụng những nguyên tắc của thánh Inhaxiô, cần lưu ý một điểm khá hiển nhiên nhưng thường bị bỏ qua, đó là một quyết định

---

<sup>105</sup> M. A. Fiorito, S.J. [“Apuntes Para una Teologia del Discernimento de Espiritus,” *Ciencia y Fe* 19 (July-Dee., 1963) 401-15] nhấn mạnh nguy cơ là lý thuyết của Rahner trên thực tế giới hạn việc sử dụng các quy tắc chọn lựa vào những người đã tiến bộ đủ về thiêng liêng đến độ có thể nhận ra kinh nghiệm phi đối tượng mà Rahner mô tả. Fiorito đòi phải có một nghiên cứu chi tiết về việc thực hành chọn lựa. Về điểm này, xin xem Gaston Fessard, S.J., *Biện Chứng Linh Thao của Thánh Inhaxiô de Loyola* (Paris: Aubier, 1956), chap. 4.

cần trọng giả định phải có thông tin chính xác về điều mà quyết định ấy có liên quan xét về mặt thực tế. Chẳng hạn, nếu tôi tin rằng các cha dòng Phanxicô áo đen cũng sống y chang như các cha dòng Carthusian, thì quyết định gia nhập dòng Phanxicô áo đen của tôi, dù có làm cẩn thận chiếu theo các quy tắc chọn lựa, vẫn cứ là một thảm họa. Xét về mặt cảm tính, kĩ thuật phân định chỉ tỏ lộ sự hài hòa giữa chiều hướng tôn giáo cá nhân của tôi với ý tưởng của tôi về đối tượng mà tôi đang suy xét. Phớt lờ giới hạn này trong phương pháp phân định an ủi và sâu khỏ có nguy cơ phá hủy tính khả tín của chính phương pháp, khi đòi hỏi quá nhiều từ phương pháp ấy. Thường thì người ta hay nghĩ rằng phương pháp có thể miễn trừ cho người ta khỏi phải thu thập dữ liệu từ thực tế.

Trong phân tích mang tính lí thuyết về học thuyết của thánh Inhaxiô, đóng góp của Rahner chính yếu nằm ở khía cạnh triết học. Nhưng có một số điểm đòi hỏi phải xử lý nghiêm cẩn hơn về mặt thần học; nếu không, ý tưởng của thánh Inhaxiô có thể bị biến dạng. Dù đúng là siêu việt thuần túy có khả năng tự chứng thực, tôi vẫn không chắc liệu một phương châm mang tính triết học theo kiểu Rahner có phải là chìa khóa đích thực dẫn vào học thuyết về ơn an ủi của thánh Inhaxiô hay không. Thánh Inhaxiô chỉ đơn sơ và chắc chắn dựa vào nền tảng đức tin. Ngài biết rằng Thiên Chúa mời gọi chúng ta tới hạnh phúc vĩnh cửu. Ngài đã thấy một dự cảm chắc chắn về tình trạng vĩnh phúc này trong kinh nghiệm nội tâm của niềm vui thiêng liêng. Một thần học về niềm vui Kitô giáo - không biết đã có ai viết về một điều như thế hay chưa? - chắc hẳn sẽ cho thấy ân sủng xét *vinh phúc nguyên sơ* tự bản chất có sức bồi bổ làm tâm hồn cách bình an. Những trực giác triết học của Rahner hẳn có thể được xác chuẩn và đào sâu hơn nữa nếu tiếp cận hiện tượng an ủi từ góc độ thần học.

Điều cuối cùng mà bài viết của Rahner dường như thiếu sót, đó là nó không nêu bật chiều kích Kitô học của chọn lựa mang tính Inhaxiô. Phương pháp chọn lựa được mô tả trong *Linh Thao* đòi buộc [thao viên] phải thực hiện việc chọn lựa giữa một loạt các bài suy niệm về cuộc đời Chúa Kitô. Trong một bầu khí như thế, thao viên chắc hẳn sẽ không chọn lựa thuần túy dựa trên những điều phù hợp với tâm tính tự nhiên

của mình. Khi nhìn nhận hiện hữu của mình bằng con mắt đức tin trong mối tương quan với Chúa Kitô như thể người lãnh đạo và mẫu mực của mình, thao viên sẽ cảm nhận cách mạnh mẽ sức năng động từ trên cao ban xuống. Dưới ánh sáng Chúa Kitô, người ấy có khả năng cảm nhận một cách chắc chắn nhất liệu Thiên Chúa đang kêu gọi mình bày tỏ sự thánh thiện bằng cách phát triển một số tài năng tự nhiên, hay bằng cách hy sinh một số những khả thể tự nhiên, để có thể nên giống Đấng chịu đóng đinh một cách hoàn hảo hơn hay không.

Vai trò của Đức Kitô trong *Linh Thao*, như August Brunner nhìn nhận,<sup>106</sup> không chỉ nhằm cung cấp một thí dụ siêu việt về những nhân đức mà chúng ta tìm kiếm. Đức Kitô làm nên nguyên lý cụ thể, sống động, và cá vị. Xét như Trung Gian tuyệt đối của Thiên Chúa, Đức Kitô đến với chúng ta như hiện thân của tình yêu Thiên Chúa dưới dạng thức hữu hình, và khơi gợi một lời đáp trả của tình yêu nơi chúng ta. Tình hiệp nhất với Ngài, đạt được nhờ suy niệm về thái độ và hành vi của Ngài, làm bùng lên những thái độ tương tự nơi chúng ta. Vào thời điểm thực hiện việc chọn lựa, người thao viên phải có khả năng nói như thánh Phaolô: “Tôi sống, nhưng không phải là tôi, mà là Đức Kitô sống trong tôi” (Galat 2:20). Tình bạn thiêng liêng với Đức Kitô kích hoạt những tiềm năng thiêng liêng cao nhất của chúng ta, và giúp chúng ta có khả năng biến đời sống vâng phục, thờ phượng, và phục vụ của chính Chúa Kitô thành một thực tại lịch sử mới mẻ [nơi chúng ta]. Việc phân định thần loại, do đó, không chỉ là chuyện quan sát một đối tượng chọn lựa dưới ánh sáng của những khuynh chiều thiêng liêng cá nhân; quan trọng hơn thế, nó đòi phải được quy chiếu về Chúa Kitô như là chuẩn mực cụ thể sống động. Quyết định đúng đắn là quyết định cho phép tôi có khả năng tối đa để hoạt hóa những quyết định của chính Chúa Kitô trong thân thể của Ngài, là Giáo Hội.

Khảo luận tuyệt vời của Rahner về logic của thánh Inhaxiô, với điểm nhấn đầy sức nặng mang tính triết học, có lẽ sẽ đạt đến độ thành toàn khi chú ý hơn đến các điểm mang tính thần học. Tôi tin rằng một tiến trình

---

<sup>106</sup> “Die Erkenntnis des Willens Gottes nach den Geistlichen Übungen des hi. Ignatius von Loyola,” *Geist und Leben* 30 (1957) 199-222. Những câu tiếp theo đây đều chịu ảnh hưởng mạnh từ phần cuối của bài viết quan trọng này.

như thế sẽ không chống lại các kết luận chính yếu trong khảo luận ấy. Nó chắc chắn sẽ hội nhất rất nhiều điều mà Rahner từng nói đến trong các khảo luận khác liên hệ đến các mẫu nhiệm của cuộc đời Chúa Giêsu, cũng như chiều kích Giáo Hội của mọi nền linh đạo đích thực. Nhưng ngay cả khi đứng biệt lập với những bất toàn như hiện tại, thì nghiên cứu của Rahner về việc chọn lựa theo thánh Inhaxiô vẫn là một đột phá quan trọng trong thần học về *Linh Thao*.

Người dịch: Lm Anthony Nguyễn Hữu Khanh, SJ



### **Phần III**

**Phân định thiêng liêng trong đời sống Giáo Hội hôm nay, đời sống thiêng liêng, đời sống thánh hiến và trong huấn luyện.**

Đức Thánh Cha Phanxicô,

**TÔNG HUẤN *GAUDETE ET EXSULTATE* (HÃY VUI MỪNG VÀ HÂN HOAN)**

Về lời kêu gọi nên thánh trong thế giới hôm nay  
(19/03/2018)

#### **Giới thiệu**

#### **Nên thánh và phân định**

Tông Huấn “*Gaudete et Exsultate – Hãy Vui Mừng và Hân Hoan*”, nói về ơn gọi nên thánh trong thế giới hôm nay, được Đức Thánh Cha ký vào ngày 19/03/2018, nghĩa là sau đúng 5 năm đảm nhận sứ mạng của “Vị Đại Diện Đức Ki-tô” nơi trần gian; sau đó, Tông Huấn được công bố vào ngày Lễ Truyền Tin, thứ hai, ngày 09/04/2018.

Sự thánh thiện và một cách rất đặc biệt, lời mời gọi mọi người hướng tới sự thánh thiện, là một chủ đề thân quen đối với Đức Thánh Cha Phanxicô. Thật vậy, ngài đã nhiều lần nói về chủ đề này kể từ khởi đầu triều đại Giáo Hoàng của mình, vào những lúc ngài nói chuyện với đám đông, hoặc trong các bài giảng tại Nhà Thánh Mác-ta, hoặc nhất là trong 15 Thánh Lễ phong thánh mà ngài đã chủ sự. Vì thế, Tông Huấn là một giáo huấn thật vang vọng, ngỏ với tất cả mọi người Ki-tô hữu, là hãy coi trọng lời mời gọi sống sự thánh thiện trong mọi khía cạnh của cuộc sống hằng ngày.

Ngay từ những dòng đầu tiên của Tông Huấn, Đức Thánh Cha báo trước với chúng ta rằng, đừng mong đợi đây là một khảo luận về sự thánh thiện (Tông Huấn, số 2). Cung giọng của Tông Huấn thật giản dị đáng kinh ngạc. Ngài chuyển đạt cho chúng ta sứ điệp Tin Mừng trong

sự đơn sơ trọn vẹn của Tin Mừng, mà không nại đến những suy tư thần học to lớn. Ngài nói chuyện thân tình với người đọc và ngài nói với họ về « các vị thánh ở ngay bên cạnh » về sự thánh thiện mà Thần Linh làm lan tràn khắp nơi « ngay trong lòng Dân Chúa ». Nội dung của Tông huấn gồm 5 chương :

- Chương 1 : Thiên Chúa kêu gọi chúng ta nên thánh (số 3-34).
- Chương 2 : Hai kẻ thù tinh vi của sự thánh thiện (số 35-62).
- Chương 3 : Dưới ánh sáng của Thầy Giêsu (số 63-109).
- Chương 4 : Vài đặc nét của sự thánh thiện trong thế giới ngày nay (số 110-157).
- Chương 5 : Chiến đấu, tỉnh thức và phân định (số 158-177).

Trước tiên, Đức Thánh Cha nhắc lại rằng, nên thánh là lời mời gọi của chính Thiên Chúa (chương 1); và cách để nên thánh theo ý định của Người, là hiểu biết, yêu mến, đi theo và sống theo lời dạy của Thầy Giêsu, Con của Người (chương 3 và 4), nhằm để tránh những kẻ thù tinh vi của sự thánh thiện, luôn có mặt trong dòng lịch sử của Giáo Hội dưới những hình thức khác nhau (chương 2). Chương năm là chương cuối cùng, vì thế có thể được xem như là điểm tới của Tông Huấn, trình bày những phương thức cụ thể, trong đó có khả năng “phân định”, để sống sự thánh thiện trong thế giới hôm nay.

Trong chương này, sau khi đã mời gọi cách mạnh mẽ cả Giáo Hội hãy “chiến đấu và tỉnh thức”, vì đây không chỉ là một cuộc chiến chống lại thế gian và não trạng thế tục, và vì cuộc chiến đấu này cũng không giản lược vào cuộc chiến đấu chống lại những yếu đuối và những xu hướng xấu của con người, nhưng đây cũng là một cuộc chiến đấu thường xuyên chống lại ma quỷ, tên trùm của sự dữ, Đức Thánh Cha nêu ra vấn đề làm bận tâm tất cả những ai muốn nên thánh và đề nghị phân định, như cách thức duy nhất:

*“Làm thế nào để biết một điều đến từ Chúa Thánh Thần hay nó có nguồn gốc nơi tinh thần của thế gian hay nơi tinh thần của ma quỷ? Cách thức duy nhất, đó là phân định, vốn đòi hỏi không chỉ khả năng suy nghĩ hay lý lẽ thường tình. Đó cũng là một ân huệ phải nài xin. Nếu chúng ta xin Chúa Thánh Thần ơn huệ ấy với sự tin tưởng, và nếu chúng ta đồng thời nỗ lực phát triển ơn ấy nhờ cầu nguyện, suy nghĩ, đọc sách và lắng nghe những lời khuyên tốt lành, thì chắc chắn chúng ta sẽ lớn lên trong khả năng thiêng liêng này”.*

(số 166)

Trong phần nói về “phân định”, là phần cuối của chương cuối trong Tông Huấn, sau khi nói về tính cấp bách của phân định (số 167-168), Đức Thánh Cha mời mọi người Ki-tô hữu khi phân định, phải luôn đặt mình dưới ánh sáng của Chúa (số 169), vì đây là một ân huệ siêu nhiên (số 170-171); do đó, phải phân định trong cầu nguyện, để nài xin: “Lạy Chúa, xin hãy nói” (số 172-173), và hiểu mọi sự dưới ánh sáng của Mầu Nhiệm Thập Giá (số 174).

Đức Thánh Cha kết thúc phần nói về phân định, và đây cũng là những dòng cuối cùng của Tông Huấn, bằng cách nêu rõ chiều kích *phổ quát, thiêng liêng và thần học* của phân định:

*“Khi chúng ta dò dẫm trước nhan Thiên Chúa những con đường của cuộc sống, thì sẽ không có những phạm vi bị loại trừ...*

*Cần phải xin Chúa Thánh Thần giải thoát chúng ta và xua đuổi sự sợ hãi, vốn đưa chúng ta đến chỗ ngăn cản Ngài đi vào trong một số lãnh vực thuộc đời sống của chúng ta. Ngài là Đấng đòi hỏi mọi sự, nhưng cũng trao ban mọi sự, và Ngài không muốn đi vào trong chúng ta để làm tàn tật hay làm suy yếu, nhưng để mang vác chúng ta đến sự tròn đầy...*

*Điều này cho chúng ta thấy rằng, phân định... là một tiến trình đi ra đích thực khỏi chính mình, hướng về mầu nhiệm của Thiên Chúa, Đấng giúp chúng ta sống sứ mạng, mà Ngài đã mời gọi chúng ta, vì điều thiện hảo của anh chị em chúng ta.”*

(số 175)

\* \* \*

## Chương Năm

# CHIẾN ĐẤU, TÌNH THỨC và PHÂN ĐỊNH

158. Đời sống Kitô-hữu là một cuộc chiến đấu liên li. Cần phải có sức mạnh và can đảm, để chống lại các cám dỗ của ma quỷ và để loan báo Tin Mừng. Cuộc chiến này rất cao đẹp, vì cho phép chúng ta ăn mừng (*célébrer*) mỗi khi Chúa chiến thắng trong cuộc đời của chúng ta.

## I. CHIẾN ĐẤU và TÌNH THỨC

159. Đây không chỉ là một cuộc chiến chống lại thế gian và não trạng thế tục, vốn hay lừa dối chúng ta, khiến chúng ta u mê đàn độn và làm cho chúng ta biến thành những người tầm thường, thiếu dần thân và không niềm vui. Cuộc chiến đấu này cũng không giản lược vào cuộc chiến đấu chống lại những yếu đuối và những xu hướng xấu của con người (mỗi người đều có xu hướng xấu riêng: biếng nhác, xa hoa, ham muốn, ghen tị, những xu hướng khác nữa). Đây cũng là một cuộc chiến đấu thường xuyên chống lại ma quỷ, tên trùm của sự dữ. Chính Chúa Giêsu ăn mừng (*fêter*) chiến thắng của chúng ta. Ngài đã vui mừng khi các môn đệ của Ngài từ từ tiến bộ trong việc rao giảng Tin Mừng, khi vượt qua những chướng ngại của Ác Thần, và Ngài reo vui: “*Thầy thấy Satan như chóp từ trời sa xuống*” (Lc 10, 18).

*Hơn cả một thần thoại*

160. Chúng ta sẽ không nhìn nhận sự hiện hữu của ma quỷ, nếu chúng ta cố nhìn cuộc sống với những tiêu chuẩn thực nghiệm và không có cảm thức siêu nhiên. Một cách chính xác, xác tín rằng quyền lực thần dữ hiện diện ở giữa chúng ta, chính là điều cho phép chúng ta hiểu tại sao sự dữ đôi khi lại có sức mạnh tàn phá đến như thế. Các tác giả Thánh Kinh quả là có một hành trang khái niệm giới hạn, để diễn tả một số thực tại và vào thời của Đức Giêsu, người ta đã có thể lẫn lộn, chẳng hạn, bệnh động kinh với sự việc bị quỷ ám. Tuy nhiên, điều này không được dẫn chúng ta đến việc đơn giản hóa quá đáng thực tại, bằng cách

nói rằng, tất cả các trường hợp được tường thuật lại trong các sách Tin Mừng đều là những căn bệnh tâm thần và rớt cuộc cho rằng, không có ma quỷ hoặc ma quỷ không hoạt động. Sự hiện diện của nó được tìm thấy ngay trong trang đầu của Thánh Kinh, và trang này kết thúc với chiến thắng của Thiên Chúa trên ma quỷ [120]. Quả thật, khi dạy chúng ta Kinh Lạy Cha, Đức Giêsu đã yêu cầu chúng ta kết thúc bằng cách xin Chúa Cha giải thoát chúng ta khỏi mọi sự dữ. Hạn từ được sử dụng ở đây không qui chiếu về sự dữ trừu tượng và phiên dịch chính xác phải là “Ác Thần” (*le Malin*). Nó ám chỉ một cá thể (*être personnel*) phá rối chúng ta. Đức Giêsu đã dạy chúng ta mỗi ngày cầu xin ơn giải thoát này, để quyền năng của nó không thống trị chúng ta.

161. Như vậy, chúng ta đừng nghĩ rằng ma quỷ là một huyền thoại, một hình dung, một biểu tượng, một hình ảnh hay một ý tưởng [121]. Sai lầm này sẽ dẫn chúng ta đến việc buông tay, nói lỏng chú ý và để mình bị lộ ra hơn. Ma quỷ không cần chiếm hữu chúng ta, nó đầu độc chúng ta bằng hận thù, buồn sầu, ham muốn, những thói xấu. Nó phá hoại cuộc đời của chúng ta, gia đình và cộng đoàn của chúng ta, khi chúng ta mất cảnh giác, vì nó rình mò “*như sư tử gầm gừ, rảo quanh, tìm mọi căn xé*” (x. 1 Pr 5, 8).

### *Cảnh giác và tin tưởng*

162. Lời Chúa mời gọi ta một cách rõ ràng “*hãy chống lại những mưu chước của ma quỷ*” (Ep 6,11) và đập tắt “*mọi tên lừa của Ác Thần*” (Ep 6, 16). Cho cuộc chiến đấu này, chúng ta có những khí giới mạnh mẽ Chúa ban cho chúng ta: đức tin được diễn tả trong cầu nguyện, suy niệm Lời Chúa, cử hành Thánh lễ, tôn thờ Thánh thể, bí tích Hòa giải, các việc bác ái, đời sống cộng đoàn, dấn thân thi hành sứ vụ. Nếu chúng ta lơ là, những hứa hẹn lừa đảo của sự dữ sẽ dễ dàng quyến rũ chúng ta, như thánh linh mục Brochero đã nói: “Có quan trọng gì việc Lucifer hứa hẹn giải phóng chúng ta và ngay cả phủ lấp chúng ta bằng những lợi ích của nó, nếu đó là những lợi ích giả dối, nếu đó là những lợi ích độc hại?” [122].

163. Trên con đường này, phát triển điều tốt lành, trưởng thành thiêng liêng và lớn lên trong tình yêu là những đối trọng tốt nhất chống lại sự dữ. Không ai chống lại được, nếu dừng lại ở điểm chết, nếu hài

lòng với điều ít ỏi, nếu ngừng mơ ước dâng cho Chúa chính bản thân mình cách quảng đại hơn. Tệ hơn nữa, nếu họ rơi vào tình thần lụn bại, vì “ai khởi đầu mà không có niềm tin, thì đã thua trước một nửa trận chiến rồi, và vùi lấp những tài năng của mình [...] chiến thắng thuộc đức tin Kitô luôn là một thập giá, nhưng là một thập giá vốn đồng thời cũng là ngọn cờ chiến thắng, mà chúng ta dương cao với sự hiền lành (*tendresse*) chiến đấu, chống lại những tấn công của sự dữ” [123].

### *Hư hỏng thiêng liêng*

164. Con đường thánh thiện là nguồn của bình an và niềm vui, mà Thần Khí ban cho chúng ta, nhưng đồng thời Ngài cũng đòi hỏi chúng ta hiện hữu với “*những ngọn đèn cháy sáng*” (Lc 12, 35) và chúng ta phải chú ý: “*Anh em hãy giữ mình khỏi mọi hình thức của sự dữ*” (1Thes 5, 22). “*Vậy, anh em hãy tỉnh thức*” (Mt 24, 42; Mc 13, 35). “*Chúng ta đừng mê ngủ*” (1Thes 5, 6). Vì những ai nghĩ mình không có những lỗi nghiêm trọng chống lại Luật Thiên Chúa, có thể rơi vào tình trạng u mê hoặc mê ngủ. Vì chẳng thấy mình có gì nghiêm trọng đáng trách, nên họ không nhận ra sự nguội lạnh, dần dần xâm chiếm đời sống thiêng liêng của mình và họ rốt cuộc trở nên yếu nhược và hư hỏng.

Sự hư hỏng thiêng liêng thì tồi tệ hơn sự sa ngã của một tội nhân, vì đó là một sự mù quáng tiện nghi (*confortable*) và tự đủ, khi đó mọi sự cuối cùng dường như trở nên hợp lệ: lừa dối, vu khống, ích kỷ và những hình thức tinh vi khác của tính tự qui chiếu về bản thân (*auto-référentialité*), bởi vì “*chính Satan giả dạng thành thiên thần ánh sáng*” (2 Cr 11,14). Chính trong tình trạng như thế, mà vua Salômôn đã kết thúc những ngày của đời ông, khi mà vua Đavít “đại tội nhân” đã biết đưa mình ra khỏi cơn khốn khổ của mình. Trong một trình thuật, Đức Giêsu đã cảnh báo chúng ta chống lại sự cám dỗ lừa dối, làm cho chúng ta trôi dạt về phía sự hư đốn: Người nói về một người được giải thoát khỏi tay tên quỷ, rồi khi nghĩ rằng đời mình giờ đây đã tinh tuyền, lại kết thúc bởi tình trạng bị ám bởi bảy tên quỷ khác (xem Lc 11, 24-26). Một đoạn Thánh Kinh khác dùng một hình ảnh thật mạnh: “Con chó quay trở lại với đồ mửa của riêng nó” (2 Pr 2, 22; x. Cn 26, 11).

## **II. PHÂN ĐỊNH (*DISCERNEMENT*)**

166. Làm thế nào để biết một điều đến từ Chúa Thánh Thần hay nó có nguồn gốc nơi tinh thần của thế gian hay nơi tinh thần của ma quỷ? Cách thức duy nhất, đó là phân định, vốn đòi hỏi không chỉ khả năng suy nghĩ hay lý lẽ thường tình. Đó cũng là một ân huệ phải nài xin. Nếu chúng ta xin Chúa Thánh Thần ơn huệ ấy với sự tin tưởng, và nếu chúng ta đồng thời nỗ lực phát triển ơn ấy nhờ cầu nguyện, suy nghĩ, đọc sách và lắng nghe những lời khuyên tốt lành, thì chắc chắn chúng ta sẽ lớn lên trong khả năng thiêng liêng này.

*Một sự cần thiết cấp bách (nécessité impérieuse)*

167. Ngày nay, khả năng phân định lại trở nên cần thiết cách đặc biệt. Thực vậy, đời sống hiện nay cung cấp vô vàn những khả thể hành động, giải trí và thế giới trình bày chúng như thể tất cả chúng đều có giá trị và tốt đẹp. Mọi người, nhưng đặc biệt là giới trẻ, bị đưa vào *một nền văn hóa bấm nút chuyển kênh liên tục (zapping constant)*. Người ta có thể đồng thời lướt qua hai hoặc ba màn hình và tương tác đồng thời trên những nơi ảo khác nhau. Không có sự khôn ngoan phân định, chúng ta có thể dễ dàng biến thành những con rối, bị cuốn vào những xu hướng nhất thời.

168. Điều này đặc biệt quan trọng khi một sự mới mẻ xuất hiện trong đời sống của chúng ta, và khi lúc đó phải phân định xem đó có phải là rượu mới của Thiên Chúa hay đó là một thứ mới mẻ lừa dối của tinh thần thế tục hoặc của tinh thần ma quỷ. Trong những trường hợp khác, điều ngược lại có thể xảy ra, bởi vì các thế lực của sự dữ xui khiến chúng ta không thay đổi, cứ để yên mọi sự như chúng là, chọn lựa chủ nghĩa bất động hay sự cứng nhắc. Như thế, chúng ta ngăn chặn hơi thở của Chúa Thánh Thần hành động. Chúng ta được tự do, đến từ sự tự do của Đức Giêsu, nhưng Người mời gọi chúng ta kiểm tra những gì đang ở bên trong chúng ta - các ước muốn, lo âu, sợ hãi, những khao khát - và những gì xảy ra ở bên ngoài chúng ta - “các dấu chỉ của thời đại” - để nhận ra những nẻo đường của tự do tròn đầy. “*Anh em hãy xem xét mọi sự; điều gì là tốt, anh em hãy giữ lại*” (1 Tx 5, 21).

*Luôn luôn dưới ánh sáng của Chúa*

169. Sự phân định cần thiết không chỉ vào những thời điểm ngoại thường, hay khi chúng ta phải giải quyết các vấn đề nghiêm trọng hay

khi phải đưa ra một quyết định đặc biệt quan trọng. Đó là một công cụ chiến đấu để đi theo Chúa tốt hơn. Chúng ta luôn luôn cần phân định, để sẵn sàng nhận biết những thời điểm của Thiên Chúa và ân sủng của Ngài, để không lãng phí những gọi hứng của Chúa, để không bỏ qua lời mời gọi lớn lên của Người. Thường thường điều này diễn ra trong những việc bé nhỏ, trong điều không đáng lưu tâm, bởi vì sự lớn lao được tỏ lộ trong điều đơn sơ và hàng ngày [124]. Vấn đề là đừng có những giới hạn cho điều là lớn lao, cho điều gì là tốt hơn và đẹp hơn, nhưng đồng thời cũng chú ý đến những gì bé nhỏ, đến việc cho đi chính mình hôm nay. Vì thế, tôi yêu cầu tất cả các Kitô hữu thực hiện mỗi ngày việc đối thoại với Chúa, Đáng yêu thương chúng ta và thực hiện việc « xét mình » chân thành. Đồng thời, sự phân định dẫn chúng ta đến việc nhận ra những phương tiện cụ thể mà Chúa an bài trong kế hoạch yêu thương nhiệm mầu của Người, để chúng ta không chỉ dừng lại ở những ý định tốt lành.

### *Một ơn huệ siêu nhiên*

170. Đúng là sự phân định thiêng liêng không loại trừ những đóng góp của các hiểu biết về con người, cõi hiện sinh, tâm lý, xã hội hay luân lý. Nhưng nó vượt trên chúng. Cả những qui luật khôn ngoan của Hội Thánh cũng chưa đủ. Chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng phân định là một ân sủng. Mặc dù nó bao hàm lý trí và sự cẩn trọng, nó vẫn vượt trên chúng, vì đó là việc đoán ra mầu nhiệm của kế hoạch duy nhất và không thể bắt chước, mà Thiên Chúa dành cho mỗi người chúng ta, và mầu nhiệm này được thực hiện trong những bối cảnh và những giới hạn khác biệt nhất. Những gì được đặt cuộc trong phân định, không chỉ là một sự êm xuôi đời này (*bien-être temporel*), cũng không là sự hài lòng vì đã làm một điều gì hữu ích, hoặc cũng không là ước muốn có được một lương tâm thanh thản. Điều được hay mất trong phân định, là ý nghĩa của cuộc đời tôi trước mặt Chúa Cha, Đáng hiểu biết tôi và yêu thương tôi, là ý nghĩa thực sự của cuộc sống tôi, mà không ai biết rõ hơn Ngài. Hiểu ở mức độ tận cùng, phân định dẫn đến chính nguồn của sự sống không tan biến, nghĩa là, biết Chúa Cha, Thiên Chúa Chân Thật Duy Nhất, và Đáng mà Ngài đã sai đến, Đức Giêsu-Kitô (x. Ga 17, 3). Phân định không đòi hỏi những khả năng đặc biệt, cũng không chỉ dành cho

những người thông minh hơn hoặc học thức hơn, và Chúa Cha tự nguyện tỏ mình ra cho những người bé nhỏ (x. Mt 11, 25).

171. Cả khi Chúa nói với chúng ta bằng nhiều cách khác nhau, trong công việc, qua người khác và ở mọi lúc, thì chúng ta cũng không thể bỏ qua sự tỉnh lặng của cầu nguyện thật chú tâm, để nhận ra tốt hơn ngôn ngữ của Thiên Chúa, để giải thích ý nghĩa thực sự của những soi sáng mà chúng ta xác tín mình nhận được, để xoa dịu những lo âu và để tái cấu tạo toàn thể cuộc sống của mình dưới ánh sáng của Thiên Chúa. Như thế, chúng ta có thể làm phát sinh một tổng hợp mới mẻ, trào vọt ra từ sự sống được khai sáng bởi Chúa Thánh Thần.

*Lạy Chúa, xin hãy nói*

172. Tuy nhiên, có thể xảy ra là, ngay trong cầu nguyện, chúng ta né tránh việc để cho mình bị chất vấn bởi sự tự do của Chúa Thánh Thần, Đấng hành động như Ngài muốn. Chúng ta phải nhớ rằng, phân định cầu nguyện (*discernement priant*) phải tìm thấy nguồn của nó nơi sự sẵn sàng lắng nghe Chúa, lắng nghe người khác, lắng nghe chính thực tại, vốn luôn chất vấn chúng ta một cách mới mẻ. Chỉ có ai sẵn sàng lắng nghe, mới có được sự tự do để từ bỏ quan điểm phiến diện hay không đầy đủ của riêng của mình, từ bỏ những thói quen của mình, những sơ đồ của mình (*schémas*). Làm như thế, người này sẵn sàng để đón nhận tiếng gọi, tiếng gọi phá vỡ những an toàn của mình, nhưng lại dẫn đến một sự sống tuyệt hảo hơn, vì vẫn chưa đủ khi mọi sự đều xuôi chảy, mọi sự đều êm ả. Thiên Chúa có thể đang ban cho chúng ta điều gì đó hơn nữa, và vì sự thoải mái của chúng ta trong tiện nghi, chúng ta không để tâm.

173. Một thái độ lắng nghe như thế, chắc chắn bao hàm sự vâng phục đối với Tin Mừng như là tiêu chuẩn tối hậu, nhưng cũng vâng phục đối với Huấn Quyền, vốn gìn giữ Tin Mừng bằng cách tìm ra trong kho tàng của Hội Thánh điều phong nhiêu nhất cho thời điểm hôm nay của ơn cứu độ. Vấn đề không phải là áp dụng các công thức, cũng không phải là lặp lại quá khứ, bởi vì cùng những giải pháp không có giá trị trong mọi tình huống, và điều hữu ích trong một bối cảnh có thể không hữu ích trong một bối cảnh khác. Sự phân định các thần loại giải thoát chúng ta khỏi sự cứng nhắc, vốn không là điều không có chỗ đứng trước “ngày hôm nay vĩnh cửu” của Đấng Phục Sinh. Chỉ có Thần Khí mới biết thâm nhập vào những nếp gấp mịn mờ nhất của thực tại và để ý đến tất cả mọi

sắc thái của thực tại, để cho, vào một ngày mới, tính sự mới mẻ của Tin Mừng trời hiện lên.

### *Luận lý (logique) của ơn huệ và của Thập Giá*

174. Một điều kiện thiết yếu cho sự tiến bộ trong việc phân định, đó là tự giáo dục mình cho sự kiên nhẫn của Thiên Chúa và cho các thời điểm của Ngài, vốn không bao giờ là những thời điểm của chúng ta. Thiên Chúa không làm cho lửa ào xuống thiêu đốt những kẻ ngoại đạo (xem Lc 9, 54), cũng không cho phép “nhỏ cỏ lùng” đang mọc lên cùng với lúa mì (x. Mt 13, 29). Cũng cần có lòng quảng đại, vì “cho đi thì hạnh phúc hơn là tiếp nhận” (Cv 20, 35). Chúng ta không phân định để khám phá ra điều chúng ta có thể rút ra được hơn nữa từ cuộc sống này, nhưng để nhận biết làm sao chúng ta có thể hoàn tất tốt hơn sứ mạng được ủy thác cho chúng ta trong Phép Rửa, và điều đó bao hàm việc chúng ta phải sẵn sàng cho những từ bỏ, đến mức cho đi mọi sự. Thực vậy, hạnh phúc thì nghịch lý, và hạnh phúc mang lại cho chúng ta những kinh nghiệm tốt nhất khi chúng ta chấp nhận luận lý nhiệm mầu, vốn không thuộc về thế gian. Như Thánh Bonaventura đã xác quyết điều này, khi nói về thập giá: “Đây là luận lý của chúng ta” [125]. Nếu có ai đi vào trong năng động này, khi đó người này sẽ không để cho lương tâm của mình bị tê liệt và sẽ mở lòng ra cách quảng đại cho phân định.

175. Khi chúng ta dò dẫm trước nhan Thiên Chúa những con đường của cuộc sống, thì sẽ không có những phạm vi bị loại trừ. Trên mọi bình diện của cuộc sống, chúng ta có thể tiếp tục lớn lên và dâng hiến điều gì đó hơn nữa cho Thiên Chúa, bao gồm cả những bình diện mà ở đó chúng ta có kinh nghiệm về những khó khăn lớn lao nhất. Nhưng, cần phải xin Chúa Thánh Thần giải thoát chúng ta và xua đuổi sự sợ hãi, vốn đưa chúng ta đến chỗ ngăn cấm Ngài đi vào trong một số lãnh vực thuộc đời sống của chúng ta. Ngài là Đấng đòi hỏi mọi sự, nhưng cũng trao ban mọi sự, và Ngài không muốn đi vào trong chúng ta để làm tàn tật hay làm suy yếu, nhưng để mang vác chúng ta đến sự tròn đầy. Điều này cho chúng ta thấy rằng, phân định không phải là một thứ tự-phân tích duy ngã (*auto-analyse intimiste*), hay nội quan quy ngã (*introspection égoïste*), nhưng là một tiến trình đi ra đích thực khỏi chính mình, hướng về mầu nhiệm của Thiên Chúa, Đấng giúp chúng ta sống sứ mạng, mà Ngài đã mời gọi chúng ta, vì điều thiện hảo của anh chị em chúng ta.

**ĐTC Phanxicô**

(Người dịch: Lm Giuse Nguyễn Văn Lộc, SJ, từ bản Tiếng Pháp)

-----  
[120] X. “Bài giảng trong Thánh Lễ ở Nhà Santa Marta” (11/10/2013): *L'Osservatore Romano*, ấn bản Tiếng Pháp (17/10/2013), tr. 7.

[121] X. PHAOLÔ VI, *Bài Giáo Lý* (15/11/1972): *Insegnamenti X* (1972), tr. 1168-1170: “Một trong những nhu cầu chính yếu nhất của chúng ta là phòng thủ chống lại sự dữ mà chúng ta gọi là Quỷ Dữ [...] Sự dữ không đơn thuần là một sự khiếm khuyết nhưng là một năng lực, một hữu thể đang sống và thuộc bình diện tinh thần, bị hư hỏng và làm cho người khác ra hư hỏng. Một thực tế khủng khiếp, bí nhiệm và đáng sợ. Ai từ chối nhìn nhận nó đang hiện hữu, thì người này đi ra khỏi giáo huấn của Kinh Thánh và của Giáo Hội; hoặc ai biến nó thành một nguyên lý tự đứng vững bởi chính nó, không hề có nguồn gốc nơi Thiên Chúa, như mọi thụ tạo; hoặc ai giải thích nó như một nguy thực tại, một nhân cách hoá thuộc bình diện khái niệm và số phận, những nguyên nhân không được biết về những khiếm khuyết của chúng ta”.

[122] JOSÉ GABRIEL DEL ROSARIO BROCHERO, *Plática de las banderas*, in CONFERENCIA EPISCOPAL ARGENTINA, *El Cura Brochero. Cartas y sermones*, Buenos Aires 1999, tr. 71.

[123] Tông Huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11 năm 2013), 85: AAS 105 (2013), tr. 1056.

[124] Trên mộ phần của Thánh Ignatiô Loyola, có khắc hàng chữ đầy ý nghĩa: *Non coerceri a maximo, conteneri tamen a minimo divinum est* (“Điều là thần linh, thì không sợ những điều lớn lao, đồng thời lưu ý đến những điều nhỏ bé nhất”).

[125] *Collationes in Hexaemeron*, 1, 30.

**“Alargarnos en algún modo conveniente...”**  
**To stretch ourselves in some convenient manner**  
**[Spiritual Exercises 319]**

By Hung PHAM, SJ

“Penitential exercises of prayer and fasting” are the chief medicine which Pope Francis prescribes for the Church in his letter addressed to the People of God in dealing with the anguish and suffering of thousands “victims of sexual abuse, the abuse of power and of conscience at the hands of priests” and the ecclesial cover-up.<sup>107</sup> While supporters of the papal invitation have hailed what had been stated in the letter as the “boldest we have heard from the Vatican,”<sup>108</sup> critics have found it “frustrating and disappointing” due to its lack of concrete “plan of action.”<sup>109</sup> However, none seem to pay attention to the key reference which the author has made concerning the spiritual tradition within which these penitential exercises ought to be interpreted and carried out. Consequently, both have failed to fully comprehend the plan which the Pope has envisioned and called the Church to do. Given the exigency of the current crisis in the Church, a more thorough examination of the letter deems necessary.

In the letter, the pope mentions “prayer” eight times, “fasting” five times, and “penance” three times. In most of these occasions, the practice of “penance” and “fasting” are either preceded or followed by “prayer.” Most notably, the two references which the Pope make regarding these penitential practices direct one’s attention to the

---

<sup>107</sup> “Pope Francis: Letter to the People of God” assessed at [http://w2.vatican.va/content/francesco/en/letters/2018/documents/papa-francesco\\_20180820\\_lettera-popolo-didio.html](http://w2.vatican.va/content/francesco/en/letters/2018/documents/papa-francesco_20180820_lettera-popolo-didio.html) on October 28, 2018.

<sup>108</sup> E. M. Miller, “Critics say pope’s comments are both ‘bold’ and ‘too little, too late’,” *National Catholic Reporter* August 20, 2018 assessed at <https://www.ncronline.org/news/accountability/critics-say-popes-comments-are-both-bold-and-too-little-too-late> on October 28, 2018.

<sup>109</sup> H. Sherwood, “Pope on sexual abuse: ‘We showed no care for the little ones’” *The Guardian* August 20, 2018 assessed at <https://www.theguardian.com/world/2018/aug/20/pope-on-sex-abuse-we-showed-no-care-for-the-little-ones> on October 28, 2018.

scriptural foundation to which they are grounded as well as the spiritual tradition within which these exercises ought to be understood and implemented. Regarding the former, the reference of Matthew 17: 21 demonstrates the papal recognition of the crisis of sexual abuse and cover up as the “worst sort, a fierce and obstinate kind” of evil presently active in the Church.<sup>110</sup> According to the scriptures, Jesus instructed the disciples that such an evil could only be cast out by “fasting and prayer.” Therefore, as with the disciples, the current ecclesial situation necessitates an urgent call to all members of the Church to first and foremost commit themselves to the penitential practices which Jesus taught. Regarding the latter, the reference of number [319] of the Spiritual Exercises situates these religious commitments within what has become commonly referred to as Ignatian rules of discernment. More specifically, the reference called the readers’ attention to the sixth rule of discernment which offered various concrete exercises for the retreatants to do during time of desolation within the First Week of the Spiritual Exercises. Essentially, in order to comprehend the breadth and depth of the implication of the this particular reference from the papal letter, one must go back to re-examine not only what these Ignatius “rules of discernment” entails, but also different spiritual dynamics they embody. For this reason, the remainder of this paper will be dedicated to re-examine these penitential practices within the landscape of Ignatian discernment in order to understand and to appreciate the spiritual wisdom imbued in Ignatian tradition, so to appropriately fulfill them in the various pastoral situations as the Pope has intended.

The word “discernment,” whose Latin root *discernere* means to “separate,” has become one of the most commonly used terminologies not only in religious but also in secular settings. School administrators encourage students to “discern” during their voting process for Student Council President. Religious community dedicate themselves to a discernment process upon electing its leadership position or making certain decision. In general, the term “discernment” implies a time period dedicated for reflecting on a certain issue at hand, then weighing various possibilities and its consequences. All are designed to reach some kind of consensus before making a definite decision at the end. Most

---

<sup>110</sup> *John Gill’s Exposition of the Bible*, accessed online on December 8, 2018 at <https://www.biblestudytools.com/commentaries/gills-exposition-of-the-bible/matthew-17-21.html>.

often, the process involves series of discussion investigating and studying all related dimensions of the issue being discerned. Participants are encouraged to reflect, then to share ideas as well as to exchange insights freely with one another. However, the process of discernment that, on the one hand, places emphasis on having the final decision made by the majority risks ignoring prophetic voices of the few, subsequently, ending with what is considered as “tyranny of the masses.” On the other hand, the process which prioritizes on exploring all possible aspects of the issue as well as hearing all voices possible could end up in an interminable process of consultation without the issue ever being resolved in any form of decision. Thus, success of any type of discernment largely depends on how the process is able to incorporate the demand for effective consultation with a satisfactory final outcome. In all, attentive listening and prophetic audacity deem indispensable.

In religious setting, the process of discernment is further complicated by the “will of God.” In general, how people interpret the “will of God” often portray their understanding of how God operates, consequently, their ways of relating with the Divine. For most people, discerning the will of God is like participating in a game of hide-and-seek, where the all-knowing God hold all the solution in the divine hands. Those who discern would behave as those who engage in a guessing game trying desperately to figure out the already determined divine plan by all possible means. For others, the process of discerning the will of God functions like a process of solving a math equation. By religiously adhered to a certain set of rules or formula which have been previously agreed or determined, a solution is reached.  $A + B \rightarrow C$ . Still others who believe that the ability to discern belongs exclusively to a few gifted individuals who are able to detect or to foresee the will of God by their unique ability to communicate directly with the divine. Notice that in all of these cases human beings do not have any part to play in either shaping or influencing the divine plan. God has all figured out completely. Therefore, human agency, at best, serve as obedient subordinates strictly submitting themselves to a set of rules or teachings or authority which have been previously determined, interpreted and accepted as the will of God. At worst, they consider themselves as victims whose lives have been somehow determined by fate. Misfortunes as well as happiness are results of luck. I have nothing to do with my own happiness. Sufferings is meant to be endured, somehow a way to merit divine rewards in the life to come. Underneath of these

thinkings, God is perceived as distant and disinterested towards human beings and their world.

On the contrary, for the author of the Spiritual Exercises, God as the Creator remains active, constantly taking initiatives to communicate with creatures. Therefore, those who accompany or direct others through the spiritual exercises are instructed not to interfere but to “allow the Creator to work (obrar) immediately with the creature and the creature with its Creator and Lord” [15]. Consequently, creation can be considered as “one action of God” whose “unitary intention is constituted by all the actions of every created agent and all the events that will ever occur in the universe.”<sup>111</sup> In other words, the Creator and creatures are intimately related with one another. Consequently, such an intimate relationship between God and creation is manifested and evolved through a long history of communication where God has constantly and continually “spoken through the prophets,... and in the last day to us through his Son” (Hebrews 1: 1). Therefore, since God has constantly taken the initiative to communicate God’s very self to creation, to be able to listen to the divine language remains essential in the process of encountering the divine Life. Thus, the first and most important questions which one ought to constantly keep in mind and heart during the process of discernment is NOT “what am I to do?” but rather “what is God doing in this situation?” and “what is God communicating to me? To us?”

To learn the language of God remains at the heart of discernment. To seek the will of God means to get in tune with the Divine action and intention for me, for community, and for creation. It is intriguing to note that the term “discernment” does not appear in the Spiritual Exercises. What has become commonly known as Ignatian “rules of discernment” is actually entitled “rules by which to perceive (sentir) and understand (conocer) to some extent the various movements produced in the soul: The good that they may be accepted (recibir), and the bad, that they may be ejected (lanzar).”<sup>112</sup> Accordingly, learning the language of God and seeking the divine will necessitate an arduous process of examining the “various movements produced in the soul” within one’s personal

---

<sup>111</sup> W. Barry, “Towards a Theology of Discernment” in the *Way Supplement* 64 (1989) 129 – 140, 133.

<sup>112</sup> M. Ivens SJ, *Understanding the Spiritual Exercises: Text and Commentary. A Handbook for Retreat Directors* Leominster: Gracewing 1998, 210.

experience. Grounded in the experience, the process continues to the level of the intellect – reflecting, studying, and consulting with various sources of knowledge and wisdom – so to gain one’s own knowledge. Only after having followed these steps in the prescribed order, appropriate action of either acceptance or ejection will be taken. Perhaps, one of Ignatius’ earliest experience serves as a concrete example to illuminate the process better.

While being restrained in bed during his convalescence in Loyola in 1521, Ignatius asked for some “tales of chivalry” to read to pass the time. However, none was to be found. Instead of these “wordly books,” he was given the Life of Christ and a book of the lives of the saints [Au 5]. As he read these stories and paid careful attention to all the interior movements that were taking place, he noticed a fundamental difference. On the one hand, when he was thinking of worldly affairs, he took much delight in them. However, when he was tired and putting these thoughts aside, he found himself dry and discontented. Later, he would describe this spiritual condition as desolation. On the other hand, when he was thinking about imitating Christ and the saints, not only was he consoled when he had these thoughts, but even after putting them aside he remained content and joyful [8]. Here, Ignatius was in consolation. Notice the direction where Ignatius was thinking and daydreaming and its respective consequences. Reflecting on these interior movements and observing the different reactions which they aroused in him, little by little, Ignatius was able to not only separate the different kind of spirits, but also gain deeper knowledge on how these spirits operates. Eventually, he was drawn by consolation to pursue the path that was leading him to imitate Christ and the saints.

Through the grammar of “consolation” and “desolation” which were grounded in his own experience of the various interior movements and his understanding of the respective spirits that caused them, Ignatius systematically constructed the “rules” (reglas) for the retreatants to learn the language of God, the process commonly referred to as discernment. Similar to the process of learning any new language, the individual person starts first with simple vocabularies and syntax, then moves to a more complex sentences and grammar. For the instructors, monitoring progress of students is crucial because the effectiveness of the lesson depends mainly on the level of readiness and competency of the students. Consequently, as students progress in their level of fluency of

the language both in term of acquiring new vocabularies and being well grounded in the new syntax and grammar, they are encouraged to be more creative and empowered to communicate more freely in the new language through different genres of prose or poetry of their choice.

For the author of the Spiritual Exercises, two sets of rules or syntax are set up to learn the language of God. Although they embody the same spiritual dynamic, each is meant to be applied according to where the individual retreatants are in their spiritual journey. The first set which consists of fourteen rules is designed for those who are undergoing the First Week. This is the period in the exercises when the individual enters into the first stage of conversion, that is, moving from perceiving and understanding him/herself as well as the surrounding world through the his/her own narrow and limited perspective to doing so through the eyes of the God of unconditional love, so to center his/her life on the Divine. For Ignatius, this stage of conversion is fundamental in the spiritual growth and maturation of an individual person independent of their faith tradition or religious affiliation. Thus, everyone must go through it and return to it over and over again in their spiritual journey.<sup>113</sup> The second set of rules which consists of eight rules concerns those who are in the Second Week. This is the period in the exercises where the individual retreatant after having centered his/her life on God considers not his/her own interest or agenda, but that of a follower or discipleship.<sup>114</sup> Instead of being self-assertive or “pulling of one’s own string,” the retreatant looks beyond him/herself and fixes his/her gaze on the life of the incarnated Divine so to know Him more intimately, and to love Him more dearly, so to follow Him ever more closely [104]. Ultimately, contemplations which take place within the Second Week and their grace are meant to move the person into falling in love ever more deeply with the Word-make-flesh, so to become drawn into joining Him and His redemptive agenda as friend and companion. It is a mutual relationship where “I need him and been sweetly surprised that he needs me too.”<sup>115</sup> Having realized the distinct dynamics in each of these weeks, it is essential for the directors to

---

<sup>113</sup> D. Fleming, “Ignatian Exercises and Conversion” in *Ignatian Exercises: Contemporary Annotations - The Best of the Review*. Saint Louis: Review of Religious 1996, 72 – 85, 78.

<sup>114</sup> Ibid. 79.

<sup>115</sup> R. Marsh, “Id Quod Volo: The Erotic Grace of the Second Week” in *The Way* 45/4 (October 2006) 7 – 19, 8.

recognize where the retreatant is spiritually, so to administer these rules accordingly. Simply put, the rules for the First Week is only meant for the First Week; the rules of the Second Week only for the Second Week. Failing to do so is harmful [9]. The author of the Spiritual Exercises even goes so far as to say that “it is helpful for the person receiving the exercises of the First Week know nothing about what to be done in the Second” [11].

Having set up the basic grammar and structure as well as the spiritual dynamics they embody, Ignatius further defines “consolation” and “desolation” and what they imply. According to the third rule of the First Week, consolation refers to three instances: the first, when “any interior movement is produced in the soul which lead [it] to become inflamed with the love of her Creator and Lord;” the second, “when a person sheds tears which lead to the love of our Lord whether these arise from grief over sins, or over the passion of Christ our Lord”; lastly, when “every increase of hope, faith, and charity, to all interior happiness... leaving the soul quiet and at peace in her Creator and Lord” [316]. As indicated, consolation represents more than an emotional state of human feeling, but a spirit dynamic which has its origin in the living God, continues flowing out into creation to break it open to yield fruits for a new life. In other words, consolation manifests the divine initiation and ongoing labor constantly involving human co-laboration in the divine plan of redeeming the world. Working in the opposite direction, desolation “represents everything contrary” to what has been described as consolation. If the individual is inspired and drawn to what is above during time of consolation, desolation pulls the person “to what is low and of the earth” [317]. If consolation breaks open kindling the individual’s desires to the fullness of life, desolation fills the person with “darkness and disturbances” leading him/her to “a lack of confidence in which [he/she] feels [him/herself] without hope and without love,” ultimately death.

Having arranged the first four rules of the First Week to set up the basic spiritual movements together with their respective favoring and opposing spirits as well as to define “consolation” and “desolation,” the next three rules of the First Week proposes ways of dealing with desolation [318 – 321]. One rule offers explanation for the cause of desolation [322]. Two rules insinuate the attitudes which ought to be observed towards consolation and desolation [323 – 325]. The last three

rules are spent to expose some common tactics of the evil spirit [326 – 328]. The papal recommendation of “penitential exercises of prayers and fasting,” which remains as the topic of investigation for this article, is part of Ignatius’ intended ways of how to deal with desolation.

In time of desolation, the author of the Spiritual Exercises directs the individual retreatant to confront the evil spirit by actions that are both passive and active in nature. Passively, Ignatius asks the person to “never make any change but stand firm and constant” [318] as well as to “remain in patience” [321]. Both of these tactics serve as weapon to fight against the spirit of “agitation” and “annoyances” as desolation is defined and understood. Naturally, time of desolation is like time of muddy water. The more one attempts to act, the muddier the water becomes. The best way to deal with muddy water is, not to do anything, but patiently let the water sit untouched. The dirt will settle. Eventually, clarity will return.

Sandwiching between the instructions for the individual to not making any changes and enduring patiently during time of desolation, the author of the Spiritual Exercises rigorously insists on active “prayer and meditation, by much examination and to stretch ourselves in some convenient ways (*alargarnos en algún modo conveniente*) by doing penance” [319]. The order presented in the rule is significant. First and foremost, Ignatius always relies on God and the divine grace in confronting the evil spirit through prayers. Only after having been empowered by the divine assistance, the person patiently examine him/herself exploring and investigating the root cause of the present desolate situation. Is it caused by one’s own “lukewarm, lazy or careless in the practice of spiritual life”? Or is it a way which the Lord “tests” the individual’s strength and maturation in faith? Or is it a moment of “tough grace” where the person comes to the true knowledge and understanding that “all is a gift and grace from God our Lord” [322]? Thus, examination begins with one’s own experience, his/her responsibility and accountability for the spiritual life, then moves to the realm of the divine.

Regarding the penitential practice of penance, it is shocking to learn that some of the most influential writers in the English speaking world such as Michael Ivens SJ, and George Gans SJ, have left the crucial phrase, “*alargarnos en algún modo conveniente*” out of their translation

of the sixth rule which is found in the original Spanish.<sup>116</sup> The omission of what is translated into English as “to stretch ourselves in some convenient manner by doing penance” fails to uphold the central purpose of doing penance. Without a direction or a projected end goal, practices of penitential prayers and fasting risk drawing attention onto themselves as well as performing them for their own sake. The individual appears to be remorseful on the surface but at the structural level, nothing changes. Even worst, the practice is prone to misinterpretation and turns into various abusive behaviors. On the contrary, while the tactic of the enemy is to cripple the individual by reducing his/her life smaller and smaller, drowning him/her in the darkness of fear, secrecy, and insecurity [326 – 328], penitential practices of prayers and fasting are aimed to open up, to stretch wider the space of encounter, so to be deeply transformed.

The current sexual abuse as well as the ecclesial cover up remains symptoms of a much deeper crisis in the life of the Church. As the Pope acknowledges in the letter, “the heart-wrench pain of victims which cries out to heaven, was long ignored, kept quiet or silenced” by the destructive power of fear and secrecy entrenched and embedded in clericalism, abuse of power and authority, sexual transgression, powermongers, etc.. For the author of the Spiritual Exercises, being committed oneself to the penitential exercises of prayer, self-examination and penance, as indicated in the sixth rule, serves as holistic approach to break down the wall of fear as well as to dispel the darkness of secrecy at their root causes. On the one hand, prayers and self-examination must stretch us and our ways of thinking so that new structures could be emerged and realized. On the other hand, pastoral discussion and apostolic planning for any type of change or transformation in the Church must be rooted in prayers as well as sufficient level of examination both on the individual and communal level. In doing so, the profound desolation which the current sexual

---

<sup>116</sup> Michael Ivens simply stated, “... by doing penance in some suitable way” (*Understanding the Spiritual Exercises*, 219). Joseph Munitiz and Philip Endean’s translation reads, “increasing our practice of penance in some suitable way” (*Saint Ignatius of Loyola: Personal Writings. Reminiscences, Spiritual Diary, Select Letters including the text of the Spiritual Exercises* London: Penguin 1996, 349). Similarly, George Ganss simply translated as “... and some suitable way of doing penance” (*The Spiritual Exercises of Saint Ignatius* Saint Louis: Institute of Jesuit Sources 1992, 123).

abuse crisis and the ecclesial cover-up exhibits, could and should turn into an opportunity for the renewal of the Church. Ultimately, the penitential practices of “prayers, self-examination, and penance” serve as concrete means to stretch the Church ever so widely and expansively to encounter the Divine more personally and intimately, so to be transformed.

Hung PHAM, SJ

## Vươn Mình Thư Thái

“Alargarnos en algún modo conveniente...”  
To stretch ourselves in some convenient manner  
[Spiritual Exercises 319]

Hung Phạm, SJ

Người dịch: Lm Anthony Nguyễn Hữu Khanh, SJ

“Thực thi sám hối bằng cầu nguyện và ăn chay” là toa thuốc chính yếu mà Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô đã kê trong bức thư gửi cộng đoàn Dân Chúa, khi Giáo Hội phải đối diện với những đau thương của hàng ngàn “nạn nhân của lạm dụng tính dục, lạm dụng quyền bính, lạm dụng lương tâm do các linh mục gây ra” lẫn những che đậy của Giáo Hội.<sup>117</sup> Trong khi những người ủng hộ lời mời gọi của Đức Giáo Hoàng vui vẻ đón nhận những điều được trình bày trong bức thư như thể “sự can đảm lớn nhất mà chúng ta từng nghe biết kể từ [Công Đồng] Vatican,”<sup>118</sup> thì những người chỉ trích lại coi đó là điều đáng chán nản và thất vọng, bởi vì nó thiếu một “kế hoạch hành động” cụ thể.<sup>119</sup> Tuy nhiên, dường như chẳng ai để tâm đến những điểm quy chiếu quan trọng của tác giả bức thư, vốn liên quan tới truyền thống thiêng liêng trong đó những việc sám hối này được diễn giải và thực hiện. Do đó, cả hai phía đều không hoàn toàn hiểu kế hoạch mà Đức Giáo Hoàng đã nhắm đến và kêu gọi Giáo

---

<sup>117</sup> “Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô: Thư Gửi Dân Chúa,” truy cập vào 28/10/2018 tại [http://w2.vatican.va/content/francesco/en/letters/2018/documents/papa-francesco\\_20180820\\_lettera-popolo-didido.html](http://w2.vatican.va/content/francesco/en/letters/2018/documents/papa-francesco_20180820_lettera-popolo-didido.html)

<sup>118</sup> E. M. Miller, “Giới Phê Bình Nói Bình Luận của Đức Giáo Hoàng là ‘Can Đảm’ nhưng ‘Quá Ít và Quá Muộn,’” *National Catholic Reporter* 20/08/2018, truy cập tại <https://www.ncronline.org/news/accountability/critics-say-popes-comments-are-both-bold-and-too-little-too-late>

<sup>119</sup> H. Sherhood, “Giáo Hoàng nói về Lạm Dụng Tính Dục: ‘Chúng Ta Đã Không Chăm Sóc Những Người Bé Mọn,’” <https://www.theguardian.com/world/2018/aug/20/pope-on-sex-abuse-we-showed-no-care-for-the-little-ones> on October 28

Hội thực hiện. Giữa bối cảnh của cuộc khủng hoảng trong Giáo Hội hiện nay, một khảo cứu đầy đủ về bức thư là cần thiết.

Trong bức thư, Đức Giáo Hoàng đề cập đến “cầu nguyện” tám lần, “ăn chay” năm lần, “đền tội” ba lần. Trong phần lớn trường hợp, thực hành “đền tội” và “ăn chay” đi liền trước hoặc liền sau việc “cầu nguyện.” Đáng chú ý nhất, hai quy chiếu liên quan đến việc sám hối mà Đức Giáo Hoàng thực hiện hướng người ta chú tâm đến nền tảng kinh thánh lẫn bối cảnh truyền thống thiêng liêng trong đó việc thực hành này được hiểu và thực hành. Quy chiếu thứ nhất, Mt 17:21, cho thấy Đức Giáo Hoàng nhìn nhận cuộc khủng hoảng lạm dụng tính dục và che đậy là loại quỷ dữ “đáng ghê tởm, dữ dằn, và lì lợm nhất” hiện còn hoạt động trong Giáo Hội.<sup>120</sup> Theo Kinh Thánh, Đức Giêsu đã hướng dẫn các môn đệ rằng thứ quỷ này chỉ có thể trừ được bằng “ăn chay và cầu nguyện.” Do đó, cùng với các môn đệ xưa, tình trạng Giáo Hội hiện nay đòi buộc [Đức Giáo Hoàng] phải khẩn trương kêu gọi mọi thành viên trong Giáo Hội tới chỗ dấn thân thực hành các việc sám hối như Đức Giêsu đã dạy. Quy chiếu thứ hai, nhắm đến số [319] của *Linh Thao*, đặt những dấn thân sám hối này vào trong cái mà người ta vẫn quen gọi là các quy tắc phân định Inhã. Cụ thể hơn, quy chiếu này mời gọi độc giả chú ý đến quy tắc phân định thứ sáu, là quy tắc đưa ra nhiều thực hành cụ thể mà người làm Linh Thao phải thực hiện trong giai đoạn sâu khổ trong Tuần Thứ Nhất của *Linh Thao*. Một cách thiết yếu, để hiểu hết âm hưởng dài rộng cao sâu trong quy chiếu từ bức thư của Đức Giáo Hoàng, ta phải quay trở lại để tìm hiểu không chỉ những gì các quy tắc phân định của thánh Inhaxiô hàm ẩn, mà cả những năng động thiêng liêng khác chứa đựng nơi chúng. Vì lý do này, phần còn lại của bài viết sẽ được dành để duyệt lại những thực hành sám hối trong khung cảnh phân định Inhã, hầu có thể hiểu và trân trọng sự khôn ngoan thiêng liêng ẩn chứa trong truyền thống này, để có thể hoàn thành chúng một cách thích hợp trong những hoàn cảnh mục vụ khác nhau, như Đức Giáo Hoàng có ý nói tới.

---

<sup>120</sup> John Gill’s Diễn Giải Kinh Thánh, truy cập ngày 8/12/2018 tại <https://www.biblestudytools.com/commentaries/gills-exposition-of-the-bible/matthew-17-21.html>.

Hai chữ “phân định,” nguyên gốc La Tinh *discernere* có nghĩa là “phân tách,” đã trở thành một trong những thuật ngữ phổ biến nhất không chỉ trong bối cảnh tôn giáo mà cả trong bối cảnh đời thường. Những nhà quản trị học đường khuyến khích sinh viên “phân định” trong tiến trình bỏ phiếu bầu Chủ Tịch Hội Sinh Viên. Cộng đoàn tu dành thời gian phân định để bầu người lãnh đạo hay thực hiện một quyết định nào đó. Nói chung thuật ngữ phân định ám chỉ một thời điểm được dành riêng cho việc phản tỉnh về một vấn đề cụ thể nào đó, rồi cân nhắc các khả thể khác nhau lẫn hệ quả của chúng. Tất cả đều nhằm đạt tới một sự đồng thuận, trước khi thực hiện một quyết định chung cuộc. Thông thường, tiến trình này liên hệ một loạt những trao đổi để tìm hiểu và nghiên cứu tất cả những khía cạnh có liên quan đến vấn đề được phân định. Những người dự phần phân định được khuyến khích suy tư, rồi sau đó chia sẻ ý kiến và trao đổi suy nghĩ với nhau một cách tự do. Tuy nhiên, nếu một tiến trình phân định đặt nặng việc phải ra quyết định dựa theo số đông, thì nó có nguy cơ bỏ sót những tiếng nói ngôn sứ của nhóm thiểu số, và do đó kết thúc với cái mà chúng ta gọi là “lấy thịt đè người.” Mặt khác, một tiến trình vừa ưu tiên tra vấn những khía cạnh khả thi của vấn đề, vừa lắng nghe đủ mọi thứ ý kiến, thì dễ có khả năng dẫn đến một tiến trình trao đổi dài dòng, rút cuộc chẳng giải quyết được vấn đề gì, cũng chẳng thực hiện được quyết định nào. Do đó, thành bại của việc phân định tùy thuộc rất lớn vào tiến trình hội nhất giữa một bên là tham vấn hiệu quả với bên kia là một kết quả chung cuộc thích đáng. Dù gì đi nữa, chú ý lắng nghe và can đảm ngôn sứ là không thể thiếu.

Trong bối cảnh tôn giáo, tiến trình phân định càng trở nên phức tạp bởi vì còn có “ý Chúa.” Nói chung, diễn giải thế nào là “ý Chúa” phản ánh lối người ta hiểu về cách thức Thiên Chúa hoạt động, lẫn cách thức họ tương quan với Thiên Chúa. Với đa số người, phân định ý Chúa giống như chơi trò trốn-tìm, trong đó vị Thiên Chúa toàn tri nắm giữ hết mọi giải pháp trong bàn tay thần linh. Người phân định sẽ hành xử như thể họ đang dự phần vào một trò đánh đố, cố gắng hết sức để tìm ra cái kế hoạch mà Thiên Chúa đã định trước trong số các phương án khả thi. Với một số người khác, tiến trình phân định ý Chúa giống như giải một phương trình toán học. Bằng cách vận dụng một số quy tắc hay công

thức nào đó đã được tiên nhân nhìn nhận hay xác định, đáp số sẽ được tìm ra.  $A + B \Rightarrow C$ . Cũng có những người tin rằng khả năng phân định thuộc riêng về một thiểu số những cá nhân ưu tuyển, những người có thể phát hiện hay tiên liệu được ý Chúa năng lực đặc biệt là thông truyền trực tiếp với Thiên Chúa. Hãy để ý: trong tất cả những trường hợp này, con người không có bất cứ tiếng nói nào trong việc định hình hay tác động đến kế hoạch của Thiên Chúa. Chúa đã đặt để hết mọi sự rồi. Do đó, hoạt động tối đa của con người là hạ mình quy thuận, bằng cách triệt để tuân theo một hệ thống luật lệ, giáo huấn, hay quyền bính vốn từ trước đến giờ vẫn được xác định, diễn giải, và nhìn nhận như thể là ý Chúa. Tệ hơn nữa, họ coi mình như nạn nhân mà cuộc đời cách nào đó đã được định sẵn bởi số mệnh. Bất hạnh hay sung sướng là kết quả của vận may. Tôi chẳng liên quan gì đến hạnh phúc của tôi. Đau khổ có nghĩa là phải chịu đựng, cách nào đó để tạo công nghiệp cho đời sống mai sau. Ẩn dưới những suy nghĩ này là vị Thiên Chúa xa xăm, vô cảm trước thế nhân lẫn thế trần.

Ngược lại, đối với tác giả sách *Linh Thao*, Thiên Chúa với tư cách Tạo Hóa vẫn luôn luôn hoạt động, không ngừng đưa ra những sáng kiến và thông truyền cho tạo vật của Ngài. Do đó, người đồng hành hay hướng dẫn Linh Thao được yêu cầu không can thiệp, nhưng “để cho Tạo Hóa làm việc một cách trực tiếp với tạo vật, và tạo vật một cách trực tiếp với Tạo Hóa và Chúa của nó” [LT, s.15]. Do đó, sáng tạo có thể được coi như “một hoạt động của Thiên Chúa” mà “ý hướng đơn nhất của Ngài được cấu thành bởi hành động của tất cả các tác nhân tạo vật lẫn mọi biến cố xảy ra trong vũ trụ.”<sup>121</sup> Nói cách khác, Đấng Tạo Hóa và tạo vật liên hệ mật thiết với nhau. Do đó, tương quan thiết thân giữa Thiên Chúa và thọ tạo được diễn tả và phát triển ngang qua một lịch sử truyền thông thật dài trong đó Thiên Chúa không ngừng tiếp tục “nói ngang qua các ngôn sứ... và vào thời sau hết này [Ngài] nói với chúng ta qua Thánh Tử” [Thư gửi tín hữu Do Thái, 1:1]. Vì Thiên Chúa không ngừng sáng kiến để thông truyền chính bản thân Ngài cho tạo vật, việc học cách lắng nghe ngôn ngữ thần linh là điều thiết yếu trong tiến trình gặp

---

<sup>121</sup> W. Barry, “Hướng Tới một nền Thần Học về Phân Định” trong *Way Supplement* 64 (1989) 129-140, 133.

gỡ sự sống thần linh. Do đó, câu hỏi trước hết và trên hết mà ta phải ghi nhớ trong suốt tiến trình phân định KHÔNG phải là “Tôi phải làm gì?”, nhưng đúng hơn “Thiên Chúa đang làm gì trong hoàn cảnh này?”, và “Thiên Chúa muốn thông truyền điều gì cho tôi? Cho chúng ta?”

Học ngôn ngữ của Thiên Chúa là tâm điểm của phân định. Tìm ý Chúa đồng nghĩa với việc hòa điệu với hoạt động và ý định mà Thiên Chúa dành cho tôi, cho cộng đoàn, cho toàn thể tạo thành. Điều đáng lưu ý là hai chữ “phân định” không hề xuất hiện trong sách *Linh Thao*. Cái mà chúng ta thường biết đến như là các quy tắc phân định Inhã thực chất có tên là “các quy tắc nhờ đó phần nào cảm nhận (*sentir*) và hiểu biết (*conocer*) những chuyển động khác nhau được tạo ra trong tâm hồn, điều tốt để đón nhận (*recibir*), và điều xấu để loại bỏ (*lanzar*).”<sup>122</sup> Do đó, học ngôn ngữ của Thiên Chúa và tìm kiếm ý Chúa thiết yếu là một tiến trình tận tâm duyệt xét “những chuyển động khác nhau được tạo ra trong tâm hồn” chiếu theo kinh nghiệm cá vị của một người. Từ nền tảng kinh nghiệm, tiến trình này tiếp tục vươn lên tầm mức trí tuệ - phản tỉnh, nghiên cứu và tham vấn với những nguồn tri thức và khôn ngoan khác nhau - nhờ đó người ta đạt tới sự thông suốt. Chỉ sau khi đã tuân tữ tuân theo các bước được mô tả trong tiến trình này, người ta mới đi đến quyết định chấp thuận hay loại bỏ. Có lẽ, những kinh nghiệm sơ khởi nhất của thánh Inhaxiô có thể minh họa cụ thể, và soi sáng hơn cho tiến trình này.

Khi đang dưỡng thương ở Loyola vào năm 1521, Inhaxiô đã xin một vài cuốn tiểu thuyết kiếm hiệp để đọc hầu giết thời gian. Tuy nhiên, người ta chẳng tìm được cuốn tiểu thuyết nào. Thay vì những cuốn sách trần tục, Inhaxiô lại được trao cuốn *Gương Chúa Giêsu* và hạnh các thánh. Khi đọc những chuyện này, và cẩn thận chú ý đến những chuyển động đang diễn ra trong lòng, Inhaxiô nhận thấy một khác biệt căn bản. Một mặt, khi đang nghĩ đến những chuyện trần thế, ngài cảm thấy nhiều vui sướng. Tuy nhiên, khi đã mệt và đặt những suy nghĩ này qua một bên, ngài cảm thấy khô khan và chán nản. Sau này, ngài đã mô tả tình trạng thiêng liêng này là sâu khổ. Mặt khác, khi nghĩ về việc bắt chước

---

<sup>122</sup> M. Ivens SJ, *Hiểu Linh Thao: Bản Văn và Chú Giải. Cẩm Nang cho Người Hướng Dẫn Tĩnh Tâm* (Leominster: Gracewing, 1998) 210.

Đức Kitô và các thánh, Inhaxiô được an ủi không chỉ trong lúc đang có những suy nghĩ này, mà còn cảm thấy thỏa mãn và vui tươi ngay cả khi đã đặt những suy nghĩ ấy qua một bên. Ở đây, Inhaxiô đang được an ủi. Hãy để ý đến hướng đi trong đó Inhaxiô đang suy nghĩ, đang mơ mộng viễn vông, và những hệ quả lập tức của nó. Khi phản tỉnh về những chuyển động bên trong và quan sát những phản ứng khác nhau mà chúng tạo ra nơi mình, Inhaxiô dần dần có khả năng không chỉ phân biệt được những “tinh thần” khác nhau, nhưng còn hiểu biết sâu sắc về cách thức mà các “tinh thần” này hoạt động. Chung cuộc, ngài bị ơn an ủi lôi kéo vào con đường vốn sẽ dẫn ngài đến chỗ bắt chước Đức Kitô và các thánh.

Nhờ ngữ pháp “an ủi” và “sâu khổ” vốn được đặt nền trên kinh nghiệm cá nhân về những chuyển động nội tâm khác nhau, và hiểu biết về các “tinh thần” đã tạo ra chúng, Inhaxiô đã kiến tạo một cách có hệ thống các quy tắc dành cho thao viên để học ngôn ngữ của Thiên Chúa. Đó là tiến trình chúng ta thường gọi là phân định. Giống như tiến trình học một ngôn ngữ mới, người ta thường bắt đầu với từ vựng và cú pháp đơn giản trước, rồi sau đó mới học những ngữ pháp và cấu trúc phức tạp hơn. Với người hướng dẫn, tiến trình giám sát học viên là quan trọng, bởi vì hiệu quả của các bài tập tùy thuộc chính yếu vào mức độ sẵn sàng cũng như khả năng của học viên. Do đó, khi học viên tiến bộ đến độ thành thạo ngôn ngữ mới cả về mặt từ vựng lẫn cú pháp và ngữ pháp, họ được khuyến khích để sáng tạo và thông tri một cách tự do hơn bằng chính ngôn ngữ mới, ngang qua các hình thức văn chương lẫn thi ca, tùy theo ý họ.

Với tác giả của sách *Linh Thao*, hai bộ quy tắc hay cú pháp đã được viết để giúp cho việc học ngôn ngữ của Thiên Chúa. Dù chúng hàm chứa cùng một năng động thiêng liêng, mỗi bộ phải được áp dụng tùy theo vị trí của từng thao viên trong hành trình thiêng liêng của họ. Bộ thứ nhất chứa được 14 quy tắc được thiết kế cho những người đang ở Tuần Thứ Nhất. Đây là giai đoạn thao viên bắt đầu bước vào tiến trình hoán cải, tức là chuyển từ lối cảm nhận và hiểu biết về chính mình lẫn thế giới xung quanh ngang qua một nhãn quan chật hẹp của cái tôi cá nhân, đến

chỗ hiểu và cảm nhận bằng đôi mắt yêu thương vô điều kiện của Thiên Chúa, nhờ đó qui hướng đời mình vào chính Thiên Chúa. Với thánh Inhaxiô, giai đoạn hoán cải này là căn bản trong sự lớn lên và trưởng thành thiêng liêng của một cá nhân, bất kể truyền thống đức tin hay tôn giáo của họ là gì. Do đó, mọi người phải không ngừng hoán cải, hết lần này đến lần khác, trong suốt hành trình thiêng liêng.<sup>123</sup> Bộ quy tắc thứ hai bao gồm tám quy tắc liên hệ đến những người đang ở Tuần Thứ Hai. Đây là thời kỳ linh thao trong đó cá nhân người thao viên sau khi đã qui hướng đời mình vào Thiên Chúa sẽ duyệt xét không chỉ những sở thích hay chương trình riêng của mình nhưng là chương trình và sở thích của người theo Chúa trong đời môn đệ.<sup>124</sup> Thay vì khẳng định mình hay “tự giặt dây chính mình,” người thao viên vượt lên chính mình và tập trung chú ý vào đời sống của vị Thiên Chúa nhập thể, hầu hiểu biết Ngài thâm sâu hơn, yêu mến Ngài nồng nàn hơn, để theo Ngài sát gần hơn [LT, s. 104]. Rốt cuộc, các bài chiêm niệm trong Tuần Thứ Hai và ân sủng của chúng phải hướng tới việc đánh động nơi người thao viên, hướng đến một tình yêu thâm sâu hơn dành cho Ngôi Lời Nhập Thể nhờ đó được lôi kéo đến chỗ dự phần với Ngài trong chương trình cứu độ của Ngài, với tư cách một người bạn và một người đồng chí. Đây là một mối tương quan hai chiều trong đó “tôi cần Ngài và thật ngỡ ngàng dịu ngọt biết bao khi chính Ngài cũng cần tôi.”<sup>125</sup> Một khi đã nhận ra năng động đặc thù của mỗi tuần Linh Thao, điều thiết yếu dành cho người hướng dẫn là nhận ra thao viên đang ở đâu về mặt thiêng liêng, để cung cấp cho họ những quy tắc phù hợp. Nói đơn giản, các quy tắc của Tuần Thứ Nhất thì chỉ dành cho Tuần Thứ Nhất; các quy tắc của Tuần Thứ Hai chỉ dành cho Tuần Thứ Hai. Không làm như thế sẽ gây hại [LT, s. 9]. Tác giả sách *Linh Thao* thậm chí còn nhấn mạnh khi nói rằng “tốt hơn là người nhận các bài linh thao trong Tuần Thứ Nhất không biết gì về những điều sẽ được làm trong Tuần Thứ Hai [LT, s. 11].

---

<sup>123</sup> D. Fleming, “Thao Luyện Inhaxiô và Hoán Cải” trong *Thao Luyện Inhaxiô: Các Chú Giải Đương Đại – Các Nhận Định Hay Nhất* (St Louis: Review of Religious 1996) 72-85, 78.

<sup>124</sup> Ibid., 79.

<sup>125</sup> R. Marsh, “Ai Muốn: Ôn Đam Mê trong Tuần Thứ Hai” trong *The Way* 45/4 (10/2006) 7-19, 8.

Sau khi đã thiết lập cấu trúc và ngữ pháp căn bản cũng như năng động thiêng liêng mà chúng chứa đựng, Inhaxiô xác định rõ hơn về “an ủi” và “sầu khổ” lẫn những gì chúng hàm ngụ. Theo quy tắc thứ ba của Tuần Thứ Nhất, an ủi chỉ về ba điều sau: trước hết, khi “chuyển động nội tâm khởi phát trong tâm hồn dẫn [tâm hồn] đến chỗ bùng cháy lửa yêu mến Đáng Tạo Hóa và Chúa mình; thứ hai, “khi người ta chảy nước mắt vì lòng yêu mến Chúa, hoặc do ăn năn đau đớn vì tội, hoặc vì cuộc khổ nạn của Đức Kitô Chúa chúng ta,” sau cùng, khi “mọi gia tăng về lòng tin cậy mến cũng như mọi niềm vui bề trong... làm cho linh hồn tĩnh lặng và an bình trong Đáng Tạo Hóa và Chúa mình [LT, s. 316]. Như đã nói, ơn an ủi không chỉ là một tình trạng cảm xúc của con người, nhưng là một năng động tinh thần bắt nguồn từ Thiên Chúa hằng sống, tiếp tục tuôn chảy đến tạo vật, mở tung để nó sinh hoa trái trong đời sống mới. Nói cách khác, an ủi cho thấy khởi hứng thần linh và hoạt động không ngừng của Thiên Chúa lẫn sự cộng tác của con người trong kế hoạch cứu độ trần thế. Theo hướng ngược lại, sầu khổ “đại diện cho tất cả những gì trái ngược” với điều mà chúng ta mô tả về an ủi. Nếu cá nhân được gọi hứng và được lôi kéo tới những sự trên cao trong gian đoạn an ủi, thì sầu khổ kéo người ta xuống tới “những gì là thấp hèn và trần tục [LT, s. 317]. Nếu an ủi thổi bùng nơi cá nhân niềm khát khao sống sao cho trọn vẹn nhất, thì sầu khổ khiến người ta ngập tràn “tối tăm và hỗn loạn” khiến người ta “thiếu tự tin vào điều mình cảm nhận, như thể mất hết hy vọng và yêu mến,” tới độ chết đi được.

Sau khi đã sắp đặt bốn quy tắc đầu tiên của Tuần Thứ Nhất liên quan đến những chuyển động thiêng liêng căn bản cùng với các thần lành hay thần dữ tương ứng với chúng, cũng như định nghĩa về “an ủi” và “sầu khổ,” ba quy tắc kế tiếp của Tuần Thứ Nhất trình bày các phương thế để đối phó với sầu khổ [LT, s. 318-321]. Một quy tắc giải thích nguyên nhân sầu khổ [LT, s. 322]. Hai quy tắc nêu bật những thái độ cần phải tuân theo liên quan đến an ủi và sầu khổ [LT, s. 323-325]. Đề nghị của Đức Giáo Hoàng về việc thực hành sám hối bằng cầu nguyện và ăn chay, vốn vẫn là chủ đề khảo cứu của bài viết này, là một phần trong những hướng dẫn mà Inhaxiô nhắm tới, hầu đối phó với sầu khổ.

Trong thời gian sâu khổ, tác giả sách *Linh Thao* hướng dẫn cá nhân thao viên đối mặt với thần dữ bằng các hành động thụ động lẫn chủ động xét về bản chất. Cách thụ động, Inhaxiô yêu cầu người thao viên “không được thay đổi bất cứ quyết định nào, nhưng phải vững vàng và cương quyết” [LT, s. 318], đồng thời “giữ sự kiên nhẫn” [LT, s. 321]. Cả hai chiến thuật này đều là vũ khí để chống lại thứ thần chuyên “gây rối” và “chọc ngoáy” như chúng ta hiểu và trình bày về sâu khổ. Một cách tự nhiên, thời gian sâu khổ cũng giống như thời điểm nước đục. Càng vùng vẫy bao nhiêu thì nước càng đục bấy nhiêu. Cách tốt nhất để đối phó với vũng nước đục là không làm gì cả, nhưng kiên nhẫn để cho nước đứng yên. Bùn đất sẽ chìm xuống. Rốt cuộc, nước sẽ trong trở lại.

Xen giữa những chỉ dẫn để cá nhân thao viên không thay đổi bất cứ điều gì và tiếp tục kiên nhẫn trong thời gian sâu khổ, tác giả *Linh Thao* cương quyết nhấn mạnh về việc chủ động “câu nguyện và suy gẫm, bằng cách xét mình để vươn mình lên cách thư thái (*alarganos en algun modo conveniente*) qua đền tội” [LT, s. 319]. Trình tự được trình bày trong quy tắc này rất quan trọng. Trước hết và trên hết, Inhaxiô luôn dựa vào Thiên Chúa và ân sủng thần thiêng để đối phó với thần dữ qua cầu nguyện. Chỉ sau khi đã được trợ lực thần thiêng nâng đỡ, thao viên mới kiên nhẫn xét mình để tìm hiểu nguồn cơn gây ra tình trạng sâu khổ hiện giờ. Liệu nguyên nhân có phải do “chênh mảng, lười nhác hay bất cẩn trong việc thực hành đời sống thiêng liêng”? Hay đó là cách Thiên Chúa “thử thách” sức mạnh và sự trưởng thành đức tin của kẻ ấy, hay đó là một thời điểm được ban ân sủng là thứ “đồ ăn cứng” nhờ đó người ta chân nhận và hiểu rằng mọi sự đều là quà tặng và ơn ban của Thiên Chúa, Chúa chúng ta [LT, s. 322]. Như thế, hồi tâm bắt đầu với kinh nghiệm riêng của mỗi người, rồi đến trách nhiệm và giải thích của người ấy về đời sống thiêng liêng, rồi hướng tới địa hạt thần linh.

Liên hệ đến sám hối bằng việc đền tội, thật ngỡ ngàng khi biết rằng một số tác giả thế giá bậc nhất trong thế giới nói tiếng Anh như Michael Ivens, SJ hay George Gans SJ đã bỏ qua, không dịch cụ từ quan trọng, “*alarganos en algun modo conveniente*” thuộc quy tắc thứ sáu, là cụm

từ được tìm thấy trong nguyên bản tiếng Tây Ban Nha.<sup>126</sup> Việc bỏ sót cụm từ được dịch ra là “vươn mình thư thái nhờ làm việc đền tội” đã làm mất đi mục đích chính yếu của việc thực hành này. Thiếu hướng đi hay thiếu đích nhắm xác định, việc thực thi sám hối bằng cầu nguyện và ăn chay có nguy cơ chỉ tập trung vào chính nó, hay chỉ làm theo chiều lệ. Người ta tỏ vẻ sám hối trên bề mặt nhưng ở mức độ cấu trúc, chẳng có gì thay đổi. Tệ hơn nữa việc thực hành này có nguy cơ bị hiểu sai và biến thành đủ thứ hành vi mang tính lạm dụng. Ngược lại, khi chiến thuật của kẻ thù là làm tê liệt người ta bằng cách khiến cho đời sống của kẻ ấy mỗi ngày một nhỏ lại, rồi nhấn chìm người ấy trong tăm tối của sợ hãi, che giấu, và bất an [LT, s. 326-328], việc thực hành sám hối bằng cầu nguyện và ăn chay nhắm đến chỗ làm cho người ta mở ra, vươn mình lên, tới không gian của sự gặp gỡ [Thiên Chúa và con người], để được đổi mới sâu xa.

Tình trạng lạm dụng tính dục hiện nay cũng như những che đậy của Giáo Hội chỉ là triệu chứng của một cuộc khủng hoảng sâu hơn rất nhiều trong đời sống của Giáo Hội. Như Đức Giáo Hoàng chỉ ra trong bức thư, “những nỗi đau xuyên thấu tâm can của các nạn nhân vốn đã kêu thấu tới trời, nhưng lại bị phớt lờ quá lâu, bị giữ kín, hay bịt miệng” bởi thứ quyền lực chỉ mang tính huỷ diệt là sự sợ hãi và che giấu, vốn tiềm ẩn và lan rộng trong chủ nghĩa giáo sĩ trị, trong việc lạm dụng sức mạnh và quyền bính, vi phạm tính dục, và thèm khát quyền lực, v.v. Với tác giả sách *Linh Thao*, dẫn thân sám hối bằng cầu nguyện, xét mình, và đền tội, như được chỉ dẫn trong quy tắc thứ sáu, là một lối tiếp cận bao quát nhằm phá đổ bức tường sợ hãi cũng như xua tan bóng tối che đậy ở tận gốc rễ của chúng. Mặt khác cầu nguyện và xét mình phải trải rộng chúng ta cũng như lối suy nghĩ của chúng ta, nhờ đó những cấu trúc mới có thể trôi hiện và trở thành hiện thực. Bên cạnh đó, thảo luận mang tính mục

---

<sup>126</sup> Michael Ivens chỉ nói đơn giản: “bằng cách làm việc đền tội theo cách thích hợp” (*Hiểu Linh Thao*, 219). Joseph Munitiz và Philip Endean dịch như sau: “gia tăng làm việc đền tội theo cách thích hợp” (*Thánh Inhaxiô Loyola: Bút Tích. Tự Thuật, Nhật Ký Thiêng Liêng. Các Thư Có Chọn Lọc, bao gồm Linh Thao*, London: Penguin 1996, 349). Tương tự, George Ganss chỉ dịch đơn giản là: “và một cách thể thích hợp để đền tội” (*Linh Thao của Thánh Inhaxiô*, (St. Louis: Institute of Jesuit Sources, 1992, 123).

vụ và lập kế hoạch tông đồ hướng tới bất cứ thay đổi hay biến đổi nào trong Giáo Hội đều phải bắt nguồn từ cầu nguyện cũng như duyệt xét thấu đáo cả ở tầm mức cá nhân lẫn cộng đoàn. Làm như thế, thứ sâu khổ sâu xa, mà cuộc khủng hoảng lạm dụng tính dục hiện giờ lẫn những che đậy của Giáo Hội chỉ là hình thức, có thể và phải trở thành một cơ hội để đổi mới Giáo Hội. Rốt cuộc, việc thực hành sám hối bằng cầu nguyện, xét mình và đền tội chỉ là những phương thế cụ thể để Giáo Hội vươn mình trải rộng, đến chỗ gặp gỡ Thiên Chúa một cách cá vị hơn và thân tình hơn, nhờ đó được ơn biến hình đổi dạng.

Hung PHẠM, SJ

(Người dịch: Lm Anthony Nguyễn Hữu Khanh, SJ)



## PHÂN ĐỊNH ĐỂ NHẬN BIẾT THÁNH Ý THIÊN CHÚA

Lm Giuse Phạm Thanh Liêm, SJ

Ý muốn của Thiên Chúa được thể hiện qua lời và trong lịch sử cứu độ. Thiên Chúa thông tri ý định của Ngài cho Adam và Eva: đừng ăn cây ở giữa vườn, ăn thì chết. Thánh ý Thiên Chúa được thể hiện qua tiếng nói của lương tâm, qua các biến cố, qua thập giới, qua Lời Chúa nơi Kinh Thánh, và đặc biệt nơi Đức Giêsu, Lời Thiên Chúa nhập thể.

Thiên Chúa là tình yêu. Chính vì yêu thương mà Ngài đã tạo dựng vạn sự vạn vật, đặc biệt là con người. Thiên Chúa muốn con người yêu thương nhau như chính bản thân họ (Lv 19:18). Đức Giêsu muốn con người yêu thương nhau như Đức Giêsu yêu thương con người (Ga 13:34-35). Thiên Chúa muốn mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý (1Tm 2:4). Thiên Chúa muốn cho mọi người bình an (Ga 20:19.21; Rm 15:33.13), tươi vui (Pl 4:4), triển nở (Ga 10:10) và hạnh phúc. Đó là thánh ý Thiên Chúa cho mọi người; và điều này cũng là tiêu chuẩn để nhận biết thánh ý Thiên Chúa nơi những trường hợp cụ thể.

Với tôi, trong trường hợp cụ thể này, Ngài muốn tôi suy nghĩ phán đoán như thế nào? Ngài muốn tôi chọn gì? Thiên Chúa muốn tôi làm gì? Ngài muốn tôi sống như thế nào? Bằng việc phân định ta có thể nhận biết thánh ý Thiên Chúa.

### *Tác động của các thần*

Eva trúng bẫy thần dữ. Thần dữ xuyên tạc: “Có phải Thiên Chúa cấm các người ăn trái cây trong vườn?” Thần dữ muốn con người nói chuyện với nó, để nó có thể cám dỗ con người. Nó dựa vào lời của con người, để cám dỗ: “Không chết chóc gì đâu. Sở dĩ Thiên Chúa cấm ăn trái cây đó, vì khi ăn thì người thành thần” (St 3:4). Adam Eva đã thiếu nhận định, không ý thức rõ bản chất của kẻ đang nói chuyện với mình để có phản ứng đúng đắn, để rồi nghi ngờ không tin Thiên Chúa yêu thương mình, rồi làm điều nghịch với ý định của Thiên Chúa.

Thần lành truyền tải cho con người ý định của Thiên Chúa (Lc 1:11-21. 26-38) và con người tự do đáp trả. Thái độ đúng đắn của con người

đôi với Thiên Chúa, là vâng phục. “Xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần truyền” (Lc 1:38).

Đức Giêsu luôn nói không với thần dữ. Khi bị cám dỗ trong hoang địa, biến đá thành bánh, Ngài trả lời: “con người không chỉ sống nhờ bánh mà còn bởi mọi Lời Thiên Chúa phán” (Mt 4:4); khi bị cám dỗ nhảy từ đỉnh đền thờ xuống, Ngài trả lời: “chớ thử thách Đức Chúa là Thiên Chúa ngươi” (Mt 4:7); khi bị cám dỗ bái thờ thần dữ, Ngài đã nói: “xéo đi, Satan, vì chỉ phải thờ lạy một Thiên Chúa mà thôi” (Mt 4:10). Satan xuất hiện với Đức Giêsu như kẻ luôn chống lại Thiên Chúa.

Đức Giêsu đã thắng thần chống trả. Thánh Inhaxiô dạy phải làm ngược lại (*agere contra*) điều thần dữ muốn (LT 350).

### ***Xưa cũng như nay phân định luôn là điều cần thiết***

Đức Giêsu trách người đương thời: thời tiết mây mưa các người biết nhận định, nhưng những dấu chỉ Con Người làm, các người lại không biết nhận định<sup>127</sup>.

Đức Giêsu đã phân định khi bị cám dỗ trong hoang địa (Mt 4:1-11; Lc 4:1-13), tại vườn dầu: xin đừng theo ý con nhưng Ý Cha nên trọn (Mt 26:36-46). Chính vì giờ này mà con đến (Ga 12:27).

Thời thánh Gioan Tông Đồ, việc phân định đã là việc khẩn thiết. Một số người đã giảng dạy không đúng về Đức Giêsu. Vì thế không phải thần khí nào cũng tin, nhưng phải cân nhắc, phân định<sup>128</sup>.

Ngay cả khi yêu cũng phải phân định (*discreta caritas*) vì nếu không, thay vì giúp người thì lại hại người. Nhìn em bé khốn khổ trong tay một người ăn xin, ta dễ động lòng thương bố thí; nhưng có biết đâu làm vậy đã làm bao em bé bị hành khổ vì những người lợi dụng em bé để ăn xin.

---

<sup>127</sup> Lc 12: 54 Đức Giê-su cũng nói với đám đông rằng: "Khi các người thấy mây kéo lên ở phía tây, các người nói ngay: "Mưa đến nơi rồi," và xảy ra đúng như vậy.<sup>55</sup> Khi thấy gió nồm thổi, các người nói: "Trời sẽ oi bức," và xảy ra đúng như vậy.<sup>56</sup> Những kẻ đạo đức giả kia, cảnh sắc đất trời, thì các người biết nhận xét, còn thời đại này, sao các người lại không biết nhận xét?

<sup>128</sup> 1Ga 4: 1 Anh em thân mến, anh em đừng cứ thần khí nào cũng tin, nhưng hãy cân nhắc các thần khí xem có phải bởi Thiên Chúa hay không, vì đã có nhiều ngôn sứ giả lan tràn khắp thế gian. 2 Căn cứ vào điều này, anh em nhận ra thần khí của Thiên Chúa: thần khí nào tuyên xưng Đức Giê-su Ki-tô là Đấng đã đến và trở nên người phạm, thì thần khí ấy bởi Thiên Chúa; 3 còn thần khí nào không tuyên xưng Đức Giê-su, thì không bởi Thiên Chúa; đó là thần khí của tên phản Ki-tô. Anh em đã nghe nói là nó đang tới, và hiện nay nó ở trong thế gian rồi.

Cần phân định (LT 328-336) vì quỷ cũng đội lột thiên thần sáng láng (2Co 11:14), vì có những ngôn sứ giả đội lột chiên mà đến (Mt 7:15), vì ma quỷ thế gian xác thịt ảnh hưởng trên con người (1Ga 2:15-17; 5:18-19), vì có những tông đồ giả, thợ gian xảo đội lột tông đồ<sup>129</sup>.

Cần phân định vì cỏ lùng lẫn với lúa, người dữ lẫn kẻ lành lẫn lộn<sup>130</sup>.

### ***Điều kiện cần để có thể làm phân định***

Để có thể phân định nhận biết thánh ý Thiên Chúa, cần người đó phải biết Thiên Chúa và thân quen với đường lối của Thiên Chúa. Người phân định cần có tương quan thân thiết với Thiên Chúa, luôn nhìn ngắm Thiên Chúa để biết đường lối của Thiên Chúa, biết cung cách hành xử của Đức Giêsu-Thiên Chúa nhập thể. Đường lối của Ta không như đường lối của các người, tư tưởng của Ta cũng không như tư tưởng của các người. Như trời cao hơn đất bao nhiêu, đường lối của Ta cũng vượt trên đường lối của các người (Is 55:8-9).

Người phân định cũng phải là người muốn và sẵn sàng thực thi thánh ý Thiên Chúa (bình tâm). Như thế, họ phải là người giữ các giới răn (1Ga 2:3-5), đặc biệt giới răn yêu thương (1Ga 2:9-10), phải đi con đường Đức Giêsu đã đi (1Ga 2:6), và tin Đức Giêsu (1Ga 4:2-3). Theo thư Do Thái, người trưởng thành là người có thể phân biệt điều lành điều dữ<sup>131</sup>.

---

<sup>129</sup> 2Co 11: 12 Điều tôi làm, tôi sẽ tiếp tục làm, để những kẻ muốn có cơ hội tự phụ là những người ngang hàng với chúng tôi, không còn cơ hội đó nữa.<sup>13</sup> Vì những kẻ đó là tông đồ giả, là thợ gian xảo, đội lột tông đồ của Đức Ki-tô.<sup>14</sup> Lạ gì đâu! Vì chính Xa-tan cũng đội lột thiên thần sáng láng!<sup>15</sup> Vậy có gì là khác thường khi kẻ phục vụ nó đội lột người phục vụ sự công chính. Chung cục, chúng sẽ lãnh nhận hậu quả công việc chúng đã làm.

<sup>130</sup> Mt 13: 24 Đức Giê-su trình bày cho dân chúng nghe một dụ ngôn khác: "Nước Trời ví như chuyện người kia gieo giống tốt trong ruộng mình.<sup>25</sup> Khi mọi người đang ngủ, thì kẻ thù của ông đến gieo thêm cỏ lùng vào giữa lúa, rồi đi mất.<sup>26</sup> Khi lúa mọc lên và trở bông, thì cỏ lùng cũng xuất hiện.<sup>27</sup> Đây tớ mới đến thưa chủ nhà rằng: "Thưa ông, không phải ông đã gieo giống tốt trong ruộng ông sao? Thế thì cỏ lùng ở đâu mà ra vậy? " Ông đáp: "Kẻ thù đã làm đó! " Đây tớ nói: "Vậy ông có muốn chúng tôi ra đi gom lại không? " 29 Ông đáp: "Đừng, sợ rằng khi gom cỏ lùng, các anh làm bật luôn rễ lúa. 30 Cứ để cả hai cùng lớn lên cho tới mùa gặt. Đến ngày mùa, tôi sẽ bảo thợ gặt: hãy gom cỏ lùng lại, bó thành bó mà đốt đi, còn lúa, thì hãy thu vào kho lẫm cho tôi."

<sup>131</sup> Dt 5: 11 Về vấn đề này, chúng tôi còn có nhiều điều phải nói, nhưng khó mà cắt nghĩa, vì anh em đã trở nên uể oải không muốn nghe.<sup>12</sup> Quả thật, với thời gian, đáng lẽ anh em đã phải là những bậc thầy, thế mà anh em lại cần phải để cho

Đề phân định, người ta cũng phải sống theo Thần Khí<sup>132</sup>. “Gió muốn thổi đâu thì thổi; ông nghe tiếng gió, nhưng không biết gió từ đâu đến và thổi đi đâu” (Ga 3:8); Người phân định cần có thái độ sẵn sàng lắng nghe và đón nhận thánh ý Thiên Chúa ngay cả điều đó theo cảm tính họ không muốn.

Nên giống Thiên Chúa, đồng hình đồng dạng với Đức Giêsu, được Thánh Thần giúp đỡ, người ta sẽ suy nghĩ và chọn lựa như Thiên Chúa<sup>133</sup>. Nếu người ta không là một với Thiên Chúa trong phán đoán, lời

---

*người ta dạy anh em những điều sơ đẳng về các sấm ngôn của Thiên Chúa: thay vì thức ăn đặc, anh em lại phải cần dùng sữa.<sup>13</sup> Thật vậy, phàm ai còn phải dùng đến sữa, thì không hiểu gì về đạo lý liên quan đến sự công chính, vì người ấy vẫn là trẻ con.<sup>14</sup> Thức ăn đặc thì dành cho những người đã trưởng thành, những người nhờ thực hành mà rèn luyện được khả năng phân biệt điều lành điều dữ.*

<sup>132</sup> Gal 5: <sup>16</sup> Tôi xin nói với anh em là hãy sống theo Thần Khí, và như vậy, anh em sẽ không còn thoả mãn đam mê của tính xác thịt nữa.<sup>17</sup> Vì tính xác thịt thì ước muốn những điều trái ngược với Thần Khí, còn Thần Khí lại ước muốn những điều trái ngược với tính xác thịt, đôi bên kinh địch nhau, khiến anh em không làm được điều anh em muốn.<sup>18</sup> Nếu anh em để cho Thần Khí hướng dẫn, thì anh em không còn lệ thuộc Lễ Luật nữa.<sup>19</sup> Những việc do tính xác thịt gây ra thì ai cũng rõ, đó là: dâm bôn, ô uế, phóng dăng,<sup>20</sup> thờ quấy, phù phép, hận thù, bất hoà, ghen tuông, nóng giận, tranh chấp, chia rẽ, bè phái,<sup>21</sup> ganh tỵ, say sưa, chè chén, và những điều khác giống như vậy. Tôi bảo trước cho mà biết, như tôi đã từng bảo: những kẻ làm các điều đó sẽ không được thừa hưởng Nước Thiên Chúa.<sup>22</sup> Còn hoa quả của Thần Khí là: bác ái, hoan lạc, bình an, nhân nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín,<sup>23</sup> hiền hoà, tiết độ. Không có luật nào chống lại những điều như thế.<sup>24</sup> Những ai thuộc về Đức Ki-tô Giê-su thì đã đóng đinh tính xác thịt vào thập giá cùng với các dục vọng và đam mê. <sup>25</sup> Nếu chúng ta sống nhờ Thần Khí, thì cũng hãy nhờ Thần Khí mà tiến bước.<sup>26</sup> Chúng ta đừng có tìm hư danh, đừng khiêu khích nhau, đừng ganh tỵ nhau.

<sup>133</sup> 1Co 2: <sup>6</sup>Thế mà điều chúng tôi giảng dạy cho các tín hữu trưởng thành cũng là một lẽ khôn ngoan, nhưng không phải là lẽ khôn ngoan của thế gian, cũng không phải của các thủ lãnh thế gian này, là những kẻ sớm muộn gì cũng phải diệt vong.<sup>7</sup> Trái lại, chúng tôi giảng dạy lẽ khôn ngoan nhiệm mầu của Thiên Chúa đã được giữ bí mật, lẽ khôn ngoan mà Thiên Chúa đã tiên định từ trước muôn đời, cho chúng ta được vinh hiển... <sup>10</sup> Còn chúng ta, chúng ta đã được Thiên Chúa mặc khải cho, nhờ Thần Khí. Thật vậy, Thần Khí thấu suốt mọi sự, ngay cả những gì sâu thẳm nơi Thiên Chúa... Cũng thế, không ai biết được những gì nơi Thiên Chúa, nếu không phải là Thần Khí của Thiên Chúa... <sup>13</sup>chúng tôi không dùng những lời lẽ đã học được nơi trí khôn ngoan của loài người, nhưng dùng những lời lẽ học được nơi Thần Khí; chúng tôi dùng những lời lẽ Thần Khí linh hứng để diễn tả thực tại thuộc về Thần Khí.<sup>14</sup> Con người sống theo tính tự nhiên thì không đón nhận những gì của Thần Khí Thiên Chúa, vì cho đó là sự điên rồ; họ không thể biết được, bởi

nói, hành động, lối sống, thì khó có thể, nếu không muốn nói là không thể, nhận ra ý định của Thiên Chúa. Ai nói yêu Chúa mà ghét anh em mình, thì đó là kẻ nói dối (1Ga 4:20; 2:9; 3:10).

### ***Phân định lành dữ là một ơn***

Vua Salomôn đã được ơn khôn ngoan để phân biệt lành dữ, tốt xấu. Biện phân là một ơn Thiên Chúa ban. “Xin Chúa ban cho tôi tớ Chúa tâm hồn ngoan ngoãn (biết lắng nghe) để đoán xét dân Chúa, và phân biệt lành dữ” (1V 3:9). “Người đã không xin ... nhưng xin cho được tài phân biệt để xét xử, thì Ta ban cho người một tâm hồn khôn ngoan minh mẫn...” (1V 3:11-12). Phân định các thần là một ơn<sup>134</sup>.

Salomôn dù được trí thông minh nhưng vẫn phạm tội. Con người luôn luôn tự do. Nơi con người tại thế, biết và muốn không luôn đi với nhau. Tri và hành không luôn đồng nhất nơi con người.

Môsê đã dạy người ta biết nhận ra thánh ý Thiên Chúa, rồi chọn người tài đức giúp dân nhận ra thánh ý Thiên Chúa<sup>135</sup>. Người ta có thể

---

*vì phải nhờ Thần Khí mới có thể xét đoán.<sup>15</sup> Nhưng con người sống theo Thần Khí thì xét đoán được mọi sự, mà chẳng có ai xét đoán được người đó.<sup>16</sup> Thật vậy, ai đã biết tư tưởng của Chúa, để chỉ vẽ cho Người? Còn chúng tôi, chúng tôi biết được tư tưởng của Đức Ki-tô.*

<sup>134</sup> 1Cor 12: 4 Có nhiều đặc sủng khác nhau, nhưng chỉ có một Thần Khí.<sup>5</sup> Có nhiều việc phục vụ khác nhau, nhưng chỉ có một Chúa.<sup>6</sup> Có nhiều hoạt động khác nhau, nhưng vẫn chỉ có một Thiên Chúa làm mọi sự trong mọi người.<sup>7</sup> Thần Khí tỏ mình ra nơi mỗi người một cách, là vì ích chung.<sup>8</sup> Người thì được Thần Khí ban cho ơn khôn ngoan để giảng dạy, người thì được Thần Khí ban cho ơn hiểu biết để trình bày.<sup>9</sup> Kẻ thì được Thần Khí ban cho lòng tin; kẻ thì cũng được chính Thần Khí duy nhất ấy ban cho những đặc sủng để chữa bệnh.<sup>10</sup> Người thì được ơn làm phép lạ, người thì được ơn nói tiên tri; kẻ thì được ơn phân định thần khí; kẻ khác thì được ơn nói các thứ tiếng lạ; kẻ khác nữa lại được ơn giải thích các tiếng lạ.<sup>11</sup> Nhưng chính Thần Khí duy nhất ấy làm ra tất cả những điều đó và phân chia cho mỗi người mỗi cách, tùy theo ý của Người.

<sup>135</sup> Xh 18: "Ấy là vì dân đến với con để thỉnh ý Thiên Chúa.<sup>16</sup> Khi họ có việc gì, họ đến với con; con phân xử cho đôi bên và cho biết những thánh chỉ và lề luật của Thiên Chúa." .... chính anh sẽ trình các việc lên Thiên Chúa,<sup>20</sup> sẽ dạy cho họ các thánh chỉ, các lề luật, và cho họ biết đường lối phải đi và cách phải xử sự.<sup>21</sup> Rồi anh hãy xem trong toàn dân những ai là người có tài, biết kính sợ Thiên Chúa, đáng tin cậy, không ham của bất chính, thì đặt họ làm người chỉ huy....<sup>22</sup> Họ sẽ thường trực xử kiện cho dân; việc nào lớn thì họ trình lên anh, còn việc nào nhỏ thì chính họ xử lý: hãy làm như vậy để nhẹ gánh cho anh. Họ phải gánh việc đỡ anh.

giúp nhau nhận ra thánh ý Thiên Chúa cho mình, chẳng hạn nơi linh hướng hay đồng hành thiêng liêng.

### ***Dấu chỉ cho thấy việc phân định được làm đúng***

Làm sao để biết một người phân định đúng hay sai? Đây là dấu chỉ cho biết một người đã làm việc phân định đúng đắn? Một khi phân định đúng, người ấy sẽ sống yêu thương (Ga 13:35) như Chúa dạy, sẽ được bình an (Ga 14:27), sẽ sống bình an hoan lạc nhân hậu tiết độ (Gl 5:22-23), và tin Đức Giêsu là Thiên Chúa (1Ga 4:2).

Ước gì mỗi người thực hành việc phân định để nhận ra thánh ý Thiên Chúa, và rồi thi hành điều Thiên Chúa muốn về mình, để mỗi người trở nên người như Thiên Chúa mong muốn: bình an, tươi vui, triển nở, và hạnh phúc.

Lm Giuse Phạm Thanh Liêm, SJ

# ĐIỀU KIỆN CẦN ĐỂ LÀM PHÂN ĐỊNH THIÊNG LIÊNG

Lm Giuse Phạm Thanh Liêm, SJ

Phân định thiêng liêng là tiến trình gồm những hành vi nhằm nhận ra tác động của các thần, để nhận biết thánh ý Thiên Chúa trong trường hợp cụ thể và thi hành, hầu trở nên người như Thiên Chúa mong muốn mỗi ngày hơn.

Ở cuối tuần thứ hai của Linh Thao, thánh Inhaxiô đề nghị người làm Linh Thao làm chọn lựa bậc sống (LT 169.170-177.178-183) hay làm cải thiện đời sống (LT 189). Để có thể chọn lựa (nhận ra thánh ý Thiên Chúa và chọn) cần người ta phải bình tâm (LT 179). Không bình tâm, không sẵn sàng chọn Thiên Chúa trên hết và muốn làm theo ý Thiên Chúa, thì không thể làm chọn lựa được. Một người yêu mến và chọn nên giống Đức Giêsu ở bậc khiêm nhường thứ ba, thì có tâm thế để làm chọn lựa (LT 164.168).

Theo thánh Inhaxiô, không phải ai cũng có thể làm trọn Linh Thao được. Có những người chỉ nên cho làm tuần thứ nhất, không nên dẫn họ vào tuần thứ hai (LT 18). Cũng tương tự vậy với việc phân định thiêng liêng, vậy đâu là điều kiện cần để có thể làm phân định thiêng liêng?

Trong bài viết này, đầu tiên xác định phân định thiêng liêng không chỉ là hành vi của lý trí nhưng còn là hành vi của ý chí nữa, sau đó đề cập đến những tri thức nền tảng về Thiên Chúa hầu có thể giúp làm phân định, kế tới là thái độ sẵn sàng lắng nghe Thánh Thần như tâm thế cần thiết để làm phân định thiêng liêng.

## **1. Phân định thiêng liêng là hành vi của cả lý trí lẫn ý chí**

Sau mỗi bài cầu nguyện, người làm Linh Thao xét gẫm (LT 77). Khi làm xét gẫm, người cầu nguyện cố gắng nhận ra những ơn đã lãnh nhận cũng như tác động của các thần ngăn trở cầu nguyện để rồi chỉnh sửa mình như Chúa mời gọi. Các bộ quy luật Phân Định Các Thần (LT 313-327.328-336) là những hướng dẫn giúp người linh thao làm phân định thiêng liêng.

Đối tượng của việc phân định thiêng liêng là biết: biết thánh ý Thiên Chúa. Biết, cứ như hiểu bình thường, là lãnh vực của lý trí; thế nhưng để nhận biết Thiên Chúa và thánh ý Ngài, thì ý chí cũng đóng vai trò quan trọng.

### *a. Biết là hành vi của lý trí*

Với con người trong hoàn cảnh tại thế, biết là hành vi của lý trí. Chúng ta thường nghe những câu: “ $2+2=4$ ,” “theo luận lý thì phải vậy, không thể khác,” v.v.

#### *i. Biết Thiên Chúa qua vạn sự vạn vật như lời*

Trong điều kiện tại thế, con người biết qua lý trí nhờ những dấu chỉ hữu hình (vũ trụ vạn vật) hoặc nhờ tin. Với những gì thuộc trật tự vật lý tự nhiên, thì con người biết qua lý trí của mình. Với những gì thuộc bình diện siêu hình, thì ý chí ảnh hưởng đến lý trí.

Với con người như lời hay dấu chỉ, (lý trí) con người có thể nhận biết có Thiên Chúa, và biết Thiên Chúa là Đấng khôn ngoan, Đấng yêu thương (vì con người có trí khôn, vì con người biết yêu thương nhau).

#### *ii. Biết Thiên Chúa nhờ tin*

Với mặc khải huyền bí (cho một ai đó, hay một tập thể nào đó) người ta có thể biết hơn về Thiên Chúa. Chẳng hạn qua lịch sử dân Do Thái, người ta biết hơn về Thiên Chúa.

Người ta chỉ biết Đức Giêsu đã phục sinh và là Thiên Chúa nếu người ta tin vào các tông đồ (mặc khải siêu nhiên), tin vào lời chứng của các tông đồ (Cv2: 32.36; 10:39-43).

Biết Đức Giêsu là Thiên Chúa, không chỉ là hành vi của lý trí, nhưng còn là hành vi của ý chí nữa. Người ta chỉ biết (lý trí) nếu người ta tin vào (lời chứng của) các tông đồ (ý chí).

### *b. Bình tâm để nhận biết Thánh Ý Thiên Chúa*

Điều kiện để phân định, để có thể nhận ra thánh ý Thiên Chúa, là bình tâm. Bình tâm là chọn Thiên Chúa trên hết, chọn thánh ý Thiên Chúa trên hết, còn những điều khác thì sao cũng được. Một người khi biết Thiên Chúa yêu thương mình, thì nhận ra những gì Thiên Chúa muốn cho mình là điều tốt nhất cho mình.

#### *i. Thiên Chúa Trên Hết*

Thiên Chúa là nhất, thứ đến là con người. Con người phải yêu mến Thiên Chúa hết linh hồn hết trí khôn hết sức lực, và yêu mến anh em như chính mình (Mc 12:28-32).

*Mc 12: 29 Đức Giê-su trả lời: "Điều răn đứng đầu là: Nghe đây, hỡi Ít-ra-en, Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Đức*

*Chúa duy nhất.<sup>30</sup> Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn và hết sức lực người.<sup>31</sup> Điều răn thứ hai là: Người phải yêu người thân cận như chính mình. Chẳng có điều răn nào khác lớn hơn các điều răn đó."*

## ii. Thánh Ý Thiên Chúa

Ý muốn của Thiên Chúa được thể hiện trong lịch sử cứu độ. Thiên Chúa thông tri ý định của Ngài cho Adam và Eva: đừng ăn cây ở giữa vườn, ăn thì chết. Tuy nhiên cần lưu ý: tư tưởng của Thiên Chúa không giống tư tưởng của con người.

*"Đường lối của Ta không như đường lối của các người, tư tưởng của Ta cũng không như tư tưởng của các người. Như trời cao hơn đất thế nào, thì tư tưởng của Ta cũng vượt xa tư tưởng của các người" (Is 55:8-9).*

Để có thể nhận biết thánh ý Thiên Chúa, cần biết Thiên Chúa và quen biết cung cách hành xử của Ngài trong dòng lịch sử cứu độ; hơn nữa cần khao khát là một với Thiên Chúa, chọn Thiên Chúa trên hết và khao khát biết thánh ý Thiên Chúa.

## 2. Biết Thiên Chúa và thánh ý Ngài

Phân định thiêng liêng để nhận ra thánh ý Thiên Chúa và thực hiện. Để có thể nhận ra thánh ý Thiên Chúa trong trường hợp cụ thể, người ta cần biết Thiên Chúa và thánh ý Ngài trong những trường hợp tổng quát. Biết đúng về Thiên Chúa (trong trường hợp tổng quát) giúp người ta biết ý định của Thiên Chúa trong trường hợp cụ thể.

### a. Thập giới

Thiên Chúa tạo dựng con người. Thiên Chúa tạo dựng con người giống hình ảnh Thiên Chúa, nghĩa là, con người có tri thức, biết yêu thương, bá chủ cá biển chim trời, làm chủ vũ trụ vạn vật chứ không làm nô lệ tạo vật.

*St 1: 26 Thiên Chúa phán: "Chúng ta hãy làm ra con người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta, để con người làm bá chủ cá biển, chim trời, gia súc, dã thú, tất cả mặt đất và mọi giống vật bò dưới đất." 27 Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình, Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa, Thiên Chúa sáng tạo con*

*người có nam có nữ. 28 Thiên Chúa ban phúc lành cho họ, và Thiên Chúa phán với họ: "Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất. Hãy làm bá chủ cá biển, chim trời, và mọi giống vật bò trên mặt đất."*

i. Thập giới diễn tả thánh Ý Thiên Chúa

Con người đã phạm tội. Để cứu độ con người, Thiên Chúa đã tuyển chọn Abraham và dân tộc Do Thái. Qua việc can thiệp vào lịch sử dân Do Thái, Thiên Chúa tỏ cho thấy Ngài yêu thương dân Do Thái cách đặc biệt: Ngài đưa dân Do Thái ra khỏi Ai Cập và dẫn đưa họ vào Đất Hứa.

Thiên Chúa ban luật cho dân Do Thái qua Môsê trên núi Sinai.

*Xh 20: 1 Thiên Chúa phán tất cả những lời sau đây: 2 "Ta là ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của ngươi, đã đưa ngươi ra khỏi đất Ai-cập, khỏi cảnh nô lệ. 3 Ngươi không được có thần nào khác đối nghịch với Ta. 4 Ngươi không được tạc tượng, vẽ hình bất cứ vật gì ở trên trời cao, cũng như dưới đất thấp, hoặc ở trong nước phía dưới mặt đất, để mà thờ... 7 Ngươi không được dùng danh ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của ngươi, một cách bất xứng ... 8 Ngươi hãy nhớ ngày sa-bát, mà coi đó là ngày thánh... 12 Ngươi hãy thờ cha kính mẹ, để được sống lâu trên đất mà ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của ngươi, ban cho ngươi. 13 Ngươi không được giết người. 14 Ngươi không được ngoại tình. 15 Ngươi không được trộm cắp. 16 Ngươi không được làm chứng gian hại người. 17 Ngươi không được ham muốn nhà người ta, người không được ham muốn vợ người ta, tôi tớ nam nữ, con bò con lừa, hay bất cứ vật gì của người ta."*

Luật Chúa bảo vệ con người. Luật thập giới, mười Lời Thiên Chúa ban cho dân Do Thái, là quà tặng vô giá Thiên Chúa ban cho con người. Thập giới bảo vệ sinh mạng và quyền lợi của con người, của mỗi người, của tôi. Không chỉ là tôi không được giết người, mà người khác không được làm tổn thương tôi và không được xâm phạm quyền lợi của tôi.

Thập giới là thánh ý Thiên Chúa cho dân Do Thái và cho mọi người. Giữ thập giới là vâng nghe thánh ý Thiên Chúa. Thánh ý Thiên Chúa trong bất cứ trường hợp nào cũng không đi ngược lại thập giới.

ii. Thiên Chúa muốn người ta yêu thương nhau như chính mình

Thiên Chúa yêu thương dân Ngài. Ngài sai gọi các tiên tri, tư tế, và các vua để đại diện Ngài dạy dỗ, chúc lành, và quản trị dân. Con người cần nhận ra Thiên Chúa là tuyệt đối đối với họ:

*Đnl 6: 4 Nghe đây, hỡi Ít-ra-en! ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa chúng ta, là ĐỨC CHÚA duy nhất.<sup>5</sup> Hãy yêu mến ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của anh (em), hết lòng hết dạ, hết sức anh (em).<sup>6</sup> Những lời này tôi truyền cho anh (em) hôm nay, anh (em) phải ghi tạc vào lòng.<sup>7</sup> Anh (em) phải lặp lại những lời ấy cho con cái, ...*

Thiên Chúa muốn con người yêu thương nhau: yêu thương nhau như yêu thương chính mình.

*Lv 19: 17 Người không được để lòng ghét người anh em, nhưng phải mạnh dạn quở trách người đồng bào, như thế, người sẽ khỏi mang tội vì nó.<sup>18</sup> Người không được trả thù, không được oán hận những người thuộc về dân người. Người phải yêu đồng loại như chính mình. Ta là ĐỨC CHÚA.*

Các ngôn sứ, là những người nói Lời Chúa cho dân. Thiên Chúa muốn sao, các ngôn sứ nói như vậy với dân. Các ngôn sứ giúp dân Chúa hiểu biết hơn về Thiên Chúa tình yêu, Đăng ký kết và luôn giữ giao ước với Dân. Ngôn sứ cũng giúp dân biết về chính họ hơn, đặc biệt khi họ không tuân giữ giao ước, không tuân giữ thập giới như điều kiện giao ước.

#### *b. Đức Giêsu và cung cách hành xử của Ngài*

Từ dân được chọn, Thiên Chúa đã cho Con Một Ngài được sinh ra. Đức Giêsu là Lời Thiên Chúa nhập thể. Đức Giêsu đã sống thời gian dài ở Nadarét, đã rao giảng và mặc khải Ngài có quyền tha tội, có trước Abraham, là một với Cha, và sẽ ngự bên hữu Cha... Sau biến cố phục sinh, với ơn của Thánh Thần, các tông đồ nhớ lại lời Đức Giêsu mặc khải khi tại thế, để rồi các tông đồ nhận biết Đức Giêsu là Con Thiên Chúa, là Thiên Chúa nhập thể.

Đức Giêsu là Thiên Chúa nhập thể. Sứ mạng của Ngài là cứu độ con người. Ngài đã giảng dạy con người con đường cứu độ, và đã sống như người mẫu để con người bắt chước sống, để được hạnh phúc vĩnh cửu đời sau và cả ở đời này nữa. Đức Giêsu là người mẫu. Biết Đức Giêsu,

biết cách hành xử của Đức Giêsu, cũng là biết thánh ý Thiên Chúa cho con người.

#### i. Tự hủy để yêu thương phục vụ

Đức Giêsu dạy người ta tám mối phúc (Mt 5:1-12). Người đời cho rằng giàu có địa vị là mối phúc, còn Đức Giêsu lại cho rằng nghèo, đặc biệt là tinh thần nghèo khó, không bám víu vào của cải hoặc tạo vật, mới là mối phúc. Ngài có cha có mẹ thuộc thành phần nghèo, là Đức Mẹ và thánh Giuse; Ngài sinh ra trong cảnh nghèo hèn nơi chuồng chiên cừu ở Bê Lem; Ngài phải đói phải khát khi rao giảng, chết trên thập giá, chôn nhờ mộ của người ta...

“Phúc cho kẻ bị bách hại vì sống công chính, vì nước trời là của họ. Phúc cho các con khi vì Thầy mà bị xỉ nhục khinh chê, hãy vui mừng...” Đức Giêsu không chỉ dạy mà Ngài còn sống điều Ngài dạy. Đức Giêsu đã bị người ta kết tội phạm thượng khi chữa người bại liệt và nói “tội anh đã được tha” (Mc 2:5-7), khi nhận mình có trước Abraham (Ga 8:58), khi nói Ngài và Cha là một (Ga 10:30), khi nhận mình ngang hàng với Thiên Chúa (Mc 14:62).

Đức Giêsu bị người ta ghét muốn giết (Mc 3:6); Ngài bị nói là người quỷ ám (Mc 3:22), người mất trí (Mc 3:21), kẻ tội lỗi (Ga 9:24). Con đường Đức Giêsu đi là con đường thập giá. Chấp nhận xỉ nhục khinh chê, là đi trên con đường Đức Giêsu đã đi, là đang đi trên đường thập giá với Đức Giêsu. Đức Giêsu không đi tìm thập giá. Thập giá là cây gỗ người ta đặt lên vai Đức Giêsu và Ngài phải vác, không thể không vác. Thập giá không chỉ được hiểu là cây gỗ người ta đặt lên vai Đức Giêsu và Ngài phải vác, nhưng cũng được hiểu là những trái ý trong cuộc sống, những hành vi và cách cư xử không tốt hoặc ác ý của người đương thời đối với Đức Giêsu. Đức Giêsu cũng đã phải chấp nhận thập giá. Muốn hay không điều đó vẫn xảy ra, không thể tránh khỏi khi đang sống trên dương thế. Đó là thân phận của con người với thân xác và không ai thoát được. Đức Giêsu đã chấp nhận tất cả những điều ấy.

Đức Giêsu, phận là phận Thiên Chúa nhưng đã không đòi ngang bằng Thiên Chúa, mà đã tự hủy ra không... Ngài đã hạ mình cho đến bằng lòng chịu chết, và chết trên thập giá (Pl 2:6-11). Con người đến không phải để được phục vụ nhưng để phục vụ và hiến mạng làm giá chuộc muôn người (Mc 10:45).

#### ii. Yêu như Chúa yêu

Khi Đức Giêsu rao giảng, Ngài dạy người ta yêu thương. Không chỉ yêu thương tha nhân như yêu thương chính mình (Lv 19:18.21; Mt 22:39) mà yêu thương tha nhân như Đức Giêsu đã yêu thương: “anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em” (Ga 13:34).

Thập giới được tóm gọn và diễn tả bằng giới răn duy nhất: yêu thương. Giữ các giới răn, là yêu thương con người, là yêu thương Thiên Chúa. Ai yêu thương thì biết Thiên Chúa, ai không yêu thương thì không biết Thiên Chúa. Người trưởng thành là người giữ các giới răn (1Ga 2:3-5), đặc biệt giới răn yêu thương (1Ga 2:9-10), đi con đường Đức Giêsu đã đi (1Ga 2:6), và tin Đức Giêsu (1Ga 4:2-3).

### *c. Thiên Chúa Yêu Thương*

Qua vũ trụ vạn vật như mặc khải tự nhiên, lý trí nhận biết Đấng Tuyệt Đối, Tự Hữu, Toàn Tri, Toàn Năng, Đấng Yêu Thương. Qua lịch sử dân Do Thái, ta nhận biết Thiên Chúa can thiệp vào lịch sử để cứu độ dân Do Thái và con người. Với biến cố Giêsu Kitô, Thiên Chúa mặc khải Ngài là Đấng yêu thương con người vô cùng...

#### *i. Thiên Chúa yêu thương con người vô cùng*

Với biến cố Đức Giêsu, và với niềm tin Đức Giêsu là Thiên Chúa nhập thể, các tông đồ tin rằng “Thiên Chúa đã yêu thế gian đến nỗi đã cho Con Ngài nhập thể để những ai tin vào Người Con đó, sẽ được sống muôn đời” (Ga 3:16).

Thiên Chúa là tình yêu (1Ga 4:8.16). Chính cái biết, tri thức “Thiên Chúa yêu thương con người vô cùng” làm cho con người tin tưởng vào Thiên Chúa, và con người được bình an, tươi vui, hạnh phúc. Không có cái biết này, con người khó có thể sống trong an bình hạnh phúc.

#### *ii. Thiên Chúa muốn mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý*

Thiên Chúa yêu thương con người. Ngài muốn cho mọi người được cứu độ và nhận biết Thiên Chúa (1Tm 2:4). Sự sống đời đời là chúng nhận biết Thiên Chúa và Đấng Ngài sai là Đức Giêsu Kitô (Ga 17:3).

## **3. Lắng nghe và sống theo Thánh Thần**

Để có thể nhận ra thánh ý Thiên Chúa, người ta cần biết và thân quen đường lối của Thiên Chúa; hơn nữa người ta cần khao khát nhận biết thánh ý Thiên Chúa. Chính lòng khao khát muốn biết thánh ý Thiên Chúa, mới giúp người ta nhận ra thánh ý Thiên Chúa trong cuộc sống của mình.

Đức Giêsu đã mặc khải Thánh Thần. Thánh Thần luôn ở với chúng ta: “Thầy sẽ xin Chúa Cha, và Ngài sẽ ban cho anh em một Đấng Bảo Trợ khác, để Ngài ở với anh em luôn mãi” (Ga 14:16). Chúa Giêsu Phục Sinh đã ban Thánh Thần cho các tông đồ ngay buổi chiều thứ nhất khi Ngài sống lại (Ga 20:22). Chúa Thánh Thần giúp các tông đồ nhớ lại những gì Đức Giêsu khi còn sống đời tại thế đã mặc khải cho các tông đồ mà các Ngài chưa hiểu (Ga 14:26; 16:12-13). Chính Thánh Thần cũng biến đổi các tông đồ, và làm các tông đồ làm chứng Đức Giêsu đã phục sinh, làm chứng Đức Giêsu là Thiên Chúa (Cv 2:1-18.22-24.32-36).

Nhờ Thánh Thần, tín hữu tin Đức Giêsu là Thiên Chúa (1Cor 12:3). Chúa Thánh Thần cũng giúp họ nhận ra tiếng Chúa mời gọi, và giúp họ sống như Thiên Chúa mong muốn.

#### *a. Chúa nói qua tiếng lương tâm*

Làm lành, lánh dữ. Đó là tiếng lương tâm, tiếng Chúa đặt nơi tâm hồn mỗi người mà chúng ta phải vâng nghe. Không được làm trái tiếng lương tâm.

Thiên Chúa cũng đã nói với con người qua lịch sử dân Do Thái, qua thập giới được ban trên núi Sinai. Thập giới, mười lời, là giới răn, là luật Chúa truyền cho con người. Ai cũng phải tuân giữ thập giới. Lương tâm và thập giới không mâu thuẫn nhau.

#### *b. Qua Kinh Thánh như Lời Nhập Thể*

Thiên Chúa đã can thiệp vào dòng lịch sử của dân tộc Do Thái khi giải phóng dân Do Thái khỏi ách nô lệ bên Ai Cập. Vào thời cánh chung, Ngài đã cho Con Ngài nhập thể làm người: “Ngày xưa nhiều lần nhiều cách Thiên Chúa nói với chúng ta qua các tiên tri nhưng đến thời sau hết Ngài nói với chúng ta qua người Con” (Dt 1:1-2).

Kinh Thánh, Lời Chúa được ghi lại cho con người, cho thấy Thiên Chúa nói với người ngày xưa, và cũng nói với con người hôm nay. Qua Lời Chúa một người đọc hôm nay cũng có thể Chúa đang mời gọi chúng ta.

#### *c. Gió muốn thổi đâu thì thổi*

Những biến cố xảy tới, lời của người này người kia, có thể diễn tả thánh ý của Thiên Chúa cho con người. Để có thể nhận ra thánh ý Thiên

Chúa, con người cần đồng hình đồng dạng với Đức Giêsu, cần nên một với Thiên Chúa, cần Thánh Thần giúp đỡ.

Chúa Thánh Thần luôn ở trong tâm hồn chúng ta (1Cor 3:15-16; 6:19) Ngài dạy chúng ta cầu nguyện (Rm 8:26), Ngài dạy chúng ta phải nói gì (Mc 13:11), Ngài trợ giúp chúng ta.

Thiên Chúa mặc khải cho chúng ta nhờ Thần Khí; Nhờ Thần Khí chúng ta xét đoán được mọi sự (1Cor 2:10.13-15):

*1Co 2: 10 Còn chúng ta, chúng ta đã được Thiên Chúa mặc khải cho, nhờ Thần Khí. Thật vậy, Thần Khí thấu suốt mọi sự, ngay cả những gì sâu thẳm nơi Thiên Chúa... Cũng thế, không ai biết được những gì nơi Thiên Chúa, nếu không phải là Thần Khí của Thiên Chúa... 13 chúng tôi không dùng những lời lẽ đã học được nơi trí khôn ngoan của loài người, nhưng dùng những lời lẽ học được nơi Thần Khí; chúng tôi dùng những lời lẽ Thần Khí linh hứng để diễn tả thực tại thuộc về Thần Khí. 14 Con người sống theo tính tự nhiên thì không đón nhận những gì của Thần Khí Thiên Chúa, vì cho đó là sự điên rồ; họ không thể biết được, bởi vì phải nhờ Thần Khí mới có thể xét đoán. 15 Nhưng con người sống theo Thần Khí thì xét đoán được mọi sự, mà chẳng có ai xét đoán được người đó. 16 Thật vậy, ai đã biết tư tưởng của Chúa, để chỉ vẽ cho Người? Còn chúng tôi, chúng tôi biết được tư tưởng của Đức Ki-tô.*

Chúng ta được mời gọi để lắng nghe và sống theo Thần Khí:

*Gal 5: 16 Tôi xin nói với anh em là hãy sống theo Thần Khí, và như vậy, anh em sẽ không còn thoả mãn đam mê của tính xác thịt nữa. 17 Vì tính xác thịt thì ước muốn những điều trái ngược với Thần Khí, còn Thần Khí lại ước muốn những điều trái ngược với tính xác thịt, đôi bên kinh địch nhau, khiến anh em không làm được điều anh em muốn... 22 Còn hoa quả của Thần Khí là: bác ái, hoan lạc, bình an, nhân hậu, từ tâm, trung tín, 23 hiền hoà, tiết độ. Không có luật nào chống lại những điều như thế. 24 Những ai thuộc về Đức Ki-tô Giê-su thì đã đóng đinh tính xác thịt vào thập giá cùng với các dục vọng và đam mê. 25 Nếu chúng ta sống nhờ Thần Khí, thì cũng hãy nhờ Thần Khí mà tiến bước.*

Chúa Giêsu nói: “Gió muốn thổi đâu thì thổi; ông nghe tiếng gió, nhưng không biết gió từ đâu đến và thổi đi đâu. Ai bởi Thần Khí mà sinh ra thì cũng vậy” (Ga 3:8). Thiên Chúa tự do, Ngài có cách của Ngài. Chúng ta cần luôn lắng nghe để nhận ra điều Thiên Chúa muốn về chúng ta, để rồi đem ra thực hành. Thiên Chúa không bị lệ thuộc vào khuôn khổ do con người định đoạt.

Về phương diện lý trí, để biết thánh ý Thiên Chúa trong trường hợp cụ thể, cần biết và thân quen với Thiên Chúa và thánh ý Ngài trong lịch sử cứu độ; về phương diện ý chí, cần tâm thế chọn Thiên Chúa trên hết và muốn thực hiện thánh ý Thiên Chúa. Như vậy, để làm phân định thiêng liêng “đúng đắn” không chỉ là biết phương pháp phân định nhưng chính yếu là biết và thân quen đường lối của Thiên Chúa cũng như bình tâm.

Linh Thao là phương thế rất tốt để làm phân định thiêng liêng, nghĩa là, Linh Thao giúp người ta quen biết Thiên Chúa và đường lối Ngài, cũng như giúp người ta bình tâm (chọn Thiên Chúa và thánh ý Ngài trên hết). Cuối tuần II của Linh Thao, thánh Inhaxiô hướng dẫn người ta làm chọn lựa, làm phân định thiêng liêng (LT 175-177.178-183.184-187.188).

Lm Giuse Phạm Thanh Liêm, S.J.

# XÉT GÃM NHƯ PHÂN ĐỊNH THIÊN LIÊNG

## Theo thánh Inhaxiô Loyola

### (LT 313-327.328-336)

Lm Giuse Phạm Thanh Liêm, SJ

Trong Linh Thao, sau khi cầu nguyện một giờ (LT 12), thánh Inhaxiô đề nghị người làm Linh Thao dùng 15 phút để làm xét gẫm (LT 77), hay còn gọi là lượng giá cầu nguyện. Mười lăm phút xét gẫm, là 15 phút phân định thiêng liêng và cầu nguyện, là những phút phản tỉnh để biết mình và biết Thiên Chúa hơn.

## 1. Vài tiêu chuẩn tổng quát giúp phân định

### *a. Thiên Chúa muốn tôi sống hạnh phúc*

Thiên Chúa tạo dựng con người để con người được sống hạnh phúc với Thiên Chúa. Thiên Chúa không bao giờ muốn sự dữ cho con người, Ngài không bao giờ muốn con người phạm tội<sup>136</sup> dù Ngài ban cho con người được tự do. Thiên Chúa muốn con người hạnh phúc không chỉ ở đời sau nhưng ngay cả ở đời này; Ngài không chỉ muốn con người hạnh phúc trong cầu nguyện mà còn cả trong cuộc sống thường ngày nữa.

Thiên Chúa muốn con người cảm nghiệm hạnh phúc khi sống đặc biệt với Ngài. Cụ thể trong cầu nguyện, Ngài muốn con người được bình an thư thái, được thêm lòng tin cậy yêu mến Ngài.

### *b. Các thần lành giúp tôi sống như Thiên Chúa muốn*

Các thần lành là các vị sống trong tình yêu của Thiên Chúa; các ngài sống hạnh phúc trong tình yêu và các ngài cũng muốn con người sống trong tình yêu và hạnh phúc như các ngài.

### *c. Thần dữ không muốn tôi sống hạnh phúc với Thiên Chúa*

Thần dữ là các thiên thần kiêu ngạo chống đối Thiên Chúa, và không muốn chúng ta sống hạnh phúc trong tình yêu của Thiên Chúa. Hơn nữa, thần dữ còn tìm mọi cách làm chúng ta xa lìa và chống đối Thiên Chúa.

---

<sup>136</sup> "Ta không muốn kẻ gian ác phải chết, nhưng muốn nó ăn năn sám hối và được sống" (Ed 33:11).

"Thiên Chúa muốn cho mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý" (1Tm 2:4).

## 2. An ủi hay sầu khổ

Thiên Chúa muốn chúng ta sống hạnh phúc, trong cuộc sống thường ngày và đặc biệt trong giờ cầu nguyện; cụ thể, ít nhất, chúng ta được bình an thư thái trong cuộc sống và trong giờ cầu nguyện.

### a. An ủi thiêng liêng

An ủi là tình trạng bình thường trong giờ cầu nguyện nếu chúng ta sống tương quan tốt với Thiên Chúa. Thánh Inhaxiô viết:

"Gọi là an ủi khi trong tâm hồn có một thúc đẩy nội tâm, làm linh hồn cảm thấy bùng cháy lửa yêu mến Tạo Hóa và Chúa mình, và rồi linh hồn cảm thấy không còn có thể yêu mến bất cứ tạo vật nào trên mặt đất này vì chính nó, nhưng chỉ yêu trong Đấng Tạo Hóa mà thôi.

"Tương tự, khi linh hồn chảy nước mắt trước tình yêu Thiên Chúa, do cảm nghiệm tội lỗi của mình hay do cảm nghiệm cuộc thương khó của Chúa, hay do cảm nghiệm những sự khác hướng về việc phụng sự và ngợi khen Thiên Chúa.

"Sau cùng, gọi là an ủi khi linh hồn cảm nghiệm sự gia tăng đức cậy đức tin và đức mến, và niềm thanh thản thâm sâu mời gọi và lôi kéo đến những sự trên trời và phần rỗi của linh hồn, làm linh hồn cảm thấy thư thái và bình an trong Tạo Hóa và Chúa mình" (LT 316).

Phần lớn khi được an ủi là do thần lành hướng dẫn<sup>137</sup> (LT 318), và nếu khi xét gẫm mình đã nhận ra đó là ơn Chúa thì hãy tạ ơn Chúa.

### b. Sầu khổ thiêng liêng

Sầu khổ là do tác động của thần dữ (LT 318). Thánh Inhaxiô viết:

"Gọi là sầu khổ tất cả những gì trái ngược với quy tắc thứ ba. Chẳng hạn, sự tối tăm trong tâm hồn, xao xuyến bên trong, thúc đẩy về những gì thấp hèn và phàm tục, bất an trước những xáo động và cảm dỗ xúi ta mất tin tưởng, trông cậy và tình yêu; linh hồn cảm thấy lười biếng, khô nhạt, buồn rầu và như bị lìa xa Đấng Tạo Hóa và Chúa mình" (LT 317).

### c. Cách thức chống trả với sầu khổ

---

<sup>137</sup> Cũng xảy ra trường hợp **có vẻ** được an ủi, nhưng không phải là an ủi thực; trường hợp này là do ma quỷ giả dạng thần lành để đánh lừa người ta (2Cor 11,14), làm người ta đi theo đường của nó, nhưng nếu theo nó, người ta sẽ cảm thấy bất an bối rối, vì không đi trên con đường Thiên Chúa muốn (LT 332-333).

Vì sâu khổ là do tác động của thần dữ, mà nếu chúng ta theo nó thì không thể đến với Thiên Chúa được; thế nên "chúng ta luôn luôn làm ngược lại điều mà quỷ hay thần dữ muốn" (LT 351).

Nếu thần dữ muốn chúng ta bỏ cuộc, thì chúng ta sẽ không thay đổi quyết định (LT 318), mà hơn nữa còn phải làm ngược lại điều thần dữ muốn, nghĩa là, chúng ta sẽ chăm chỉ cầu nguyện hơn, xét mình kỹ hơn, hy sinh hãm mình hơn (LT 319), thái độ dứt khoát với thần dữ (LT 325), từ bỏ mình hơn bằng việc hy sinh hãm mình và cởi mở lương tâm với những người đạo đức có kinh nghiệm (LT 326).

Nếu nguyên do làm chúng ta cầu nguyện không được tốt, là bởi chúng ta còn chia trí về những vướng bận hay lệch lạc nào đó, hay bởi chúng ta còn có một ngăn trở nào đó với Thiên Chúa và với con người, thì phải lo thống hối và hoán cải (LT 321bc).

### **3. Vài điều cần lưu ý**

Một vài ghi chú để dễ dàng giúp nhận ra tác động của các thần trên chúng ta.

#### *a. Người thường sống trong tình trạng tội*

Thiên Chúa muốn người đang ở trong tình trạng tội trở về với Ngài, Ngài luôn hành động trong thâm sâu tâm hồn mỗi người để làm họ trở về với Ngài, qua tiếng nói của lương tâm và qua những dấu chỉ hữu hình.

Thần dữ hành động ngược lại. Nó tìm mọi cách để người đó ở lại trong tội, chẳng hạn bằng gợi lên những hình ảnh gây vui thú giác quan...

#### *b. Người đang tiến trên đường thiêng liêng*

Thiên Chúa vẫn tiếp tục lôi kéo mỗi người, để họ tiến tới hơn trên đường phụng sự Chúa. Các thần lành cũng trợ giúp, để con người cảm nhận bình an và hạnh phúc, để họ vui tiến trên đường thiêng liêng.

Thần dữ tìm mọi cách và mọi lý do "ngụy biện" để ngăn cản con người tiến tới, gây bất an và xáo động nơi tâm hồn con người.

#### *c. An ủi không qua trung gian*

Thiên Chúa muốn con người được sống trong tình yêu và hạnh phúc với Ngài; thần lành cũng muốn chúng ta sống trong hạnh phúc với Thiên Chúa như các ngài; còn thần dữ thì luôn chống đối Thiên Chúa và tìm mọi cách để làm con người sống xa Thiên Chúa.

Khi có nguyên do, cả thần lành lẫn thần dữ đều có thể "an ủi", nhưng nhằm mục đích trái ngược (LT 331). Chỉ có Thiên Chúa mới có thể tác động trực tiếp trên con người không cần trung gian; Điểm đặc biệt của Thiên Chúa là có thể lôi kéo con người đến với Ngài không qua trung gian, mà con người hoàn toàn tự do (LT 330).

Chỉ có Thiên Chúa có thể can thiệp trên tự do con người; đó là lý do tại sao chúng ta cầu nguyện xin Thiên Chúa biến đổi một người, xin cho người nào đó trở lại. Làm một người trở lại, đó là khả năng chỉ có một Thiên Chúa mới có thể làm được (mà người đó vẫn hoàn toàn tự do).

Thiên Chúa có thể dùng trung gian để biến đổi một người, và Ngài cũng có thể biến đổi một người không cần dùng trung gian, mà con người vẫn hoàn toàn tự do<sup>138</sup>.

#### **4. Nguyên nhân cầu nguyện không được tốt hay bị sa sút**

Sau cầu nguyện, người cầu nguyện dùng một thời gian ngắn để xét gẫm, xem giờ cầu nguyện của mình thế nào! Nếu không tốt<sup>139</sup> hoặc không tốt lắm, thì đâu là nguyên do? Và một khi đã nhận ra thì cố gắng sửa đổi (chính mình), để giờ cầu nguyện tiếp sau được tốt đẹp hơn.

Nếu tìm đúng nguyên do và được chỉnh đốn, thì giờ cầu nguyện tiếp sau sẽ tốt đẹp hơn. Có thể nhờ người có kinh nghiệm thiêng liêng cùng nhận định với mình, bằng cách chia sẻ kinh nghiệm xét gẫm cho họ nghe, để họ giúp mình tìm được nguyên do đã làm mình cầu nguyện không được, cách chính xác và chắc chắn hơn.

##### *a. Do thiếu quảng đại*

Có thể do mình thiếu quảng đại với Chúa trong giờ cầu nguyện hay trong cả ngày sống, mà mình cầu nguyện không được tốt.

Nếu mình không cố gắng tập trung để cầu nguyện, hoặc nếu không xua đuổi ngay các chia trí đến trong giờ cầu nguyện, không đặt Thiên Chúa lên trên hết, thì cũng khó cầu nguyện "tốt".

---

<sup>138</sup> Với tác động của Thiên Chúa, tự do của con người luôn được bảo toàn.

"Xin thánh ... làm cho người em con trở lại". Thánh... không thể làm được điều này nếu "em con" không đồng ý; nhưng Thiên Chúa có thể làm được mà người "em con" vẫn hoàn toàn tự do.

<sup>139</sup> Giờ cầu nguyện không tốt, tốt, hay tốt lắm, là đánh giá chủ quan hay khách quan của người cầu nguyện hay của người hướng dẫn.

Nếu trong ngày mình không hy sinh và kết hiệp với Thiên Chúa liên li, thì cũng khó cầu nguyện. Để dễ dàng cầu nguyện, con người cần luôn kết hiệp với Thiên Chúa trong suốt ngày sống.

*b. Do còn bám víu vào tạo vật (tình cảm lệch lạc)*

Có thể do còn bám víu vào một tạo vật nào đó, mà mình cầu nguyện không được "tốt".

Khi ta còn đặt một tạo vật nào trên hoặc bằng Thiên Chúa, dù ý thức hay không ý thức, thì cũng khó cầu nguyện. Như vậy nếu mình cầu nguyện không được, hãy xem mình có cố gắng quảng đại hết sức để cầu nguyện chưa; nếu đã cố gắng "hết sức" rồi mà vẫn cầu nguyện không được, thì xem mình còn quyến luyến điều gì cách lệch lạc không, và khi nhận ra thì hãy quảng đại để chinh đốn lại.

*c. Nhận thức sai lầm*

Một người có thể không cầu nguyện được, vì họ nhận thức sai lầm: họ tưởng rằng cầu nguyện được hay không là do sức con người. Vì vậy, Thiên Chúa có thể để họ cầu nguyện không được, nhằm giúp họ nhận ra một sự thật: "cầu nguyện được, là một ơn Thiên Chúa ban cho con người".

*d. Trúng bẫy thần dữ giả dạng thần lành*

Đối với một người đang tiến tới trên đường thiêng liêng, nếu người đó biết điều gì đó là do thần dữ thì chắc chắn người đó sẽ không theo; như vậy, để làm con người đi theo đường lối tà vạy của mình, thần dữ thường hay giả dạng thần lành để dẫn đưa người đó theo lối đồi tệ của nó (LT 332).

Nếu một ý tưởng hay một điều nào đó lúc đầu có vẻ tốt lành thánh thiện, nhưng sau đó lại làm chúng ta cầu nguyện không được: như làm chúng ta chia trí phân tâm trong cầu nguyện, làm việc cầu nguyện bị giảm sút, chúng ta thấy bối rối, không được bình an như trước, thì đó là dấu chỉ cho thấy ý tưởng hay điều đó là do thần dữ (LT 333); chúng ta hãy duyệt xét lại để rút kinh nghiệm cho lần tới, để không trúng bẫy thần dữ nữa (LT 334).

*e. Để tôi luyện mình*

Một người có thể bị sâu khổ thiêng liêng mà không phải do lỗi của họ (LT 322b).

Nếu mình cầu nguyện không được, bị sâu khổ thiêng liêng, mà không tại lỗi mình, thì hãy kiên trì và quảng đại. Lúc đó chủ quan mình thấy mình cầu nguyện không được tốt lắm, nhưng khách quan thì vẫn tốt, vì lúc đó Thiên Chúa đang tôi luyện mình, Ngài tập cho mình đến với Ngài vì chính Ngài chứ không phải vì mình được an ủi; tuy chủ quan mình thấy mình cầu nguyện không được sốt mến, nhưng khách quan thì mình vẫn trưởng thành hơn về đức tin đức cậy và đức mến.

## 5. Tại sao tôi bị cám dỗ nhiều và mãnh liệt về điều nào đó

Có thể có những lúc trong đời, chúng ta cảm thấy mình bị cám dỗ nhiều, và cảm thấy bị cám dỗ nhiều về điều này hơn điều kia. Tại sao vậy?

a. Đây là điểm yếu của tôi

Có thể đó là điểm yếu của tôi. Thánh Inhaxiô viết:

*"Thần dữ xử sự như một tướng quân để thắng và cướp những gì nó muốn. Bởi vì, một vị chỉ huy hoặc thủ lĩnh của một đạo quân, sau khi đặt doanh trại và quan sát lực lượng hay cách bố trí của một thành trì, sẽ tấn công vào điểm yếu nhất."*

*"Cũng vậy, kẻ thù của bản tính loài người cũng lượn quanh để quan sát các nhân đức đối thần, các nhân đức trụ và luân lý, và nơi nào nó nhận thấy ta yếu nhất và dễ nguy hiểm nhất cho phần rỗi đời đời của ta, nó sẽ tấn công vào đó để cố hạ ta" (LT 327).*

Nếu tôi bị tấn công nhiều ở điểm nào, có thể đó là điểm yếu (nhược điểm) nhất của tôi chẳng?

b. Tôi chưa dứt khoát chống trả với cám dỗ

Nếu tôi bị tấn công hay bị cám dỗ dữ dội ở điểm nào đó, có thể tại vì tôi chưa dứt khoát thái độ ở điểm này, tại tôi chưa dứt khoát chống trả thần dữ và những chước cám dỗ của nó chẳng? Thánh Inhaxiô viết:

*"Kẻ thù xử sự như đàn bà, vì nó yếu khi ta chống trả, và nó mạnh khi ta buông xuôi. Thực vậy, đặc điểm của đàn bà khi gây gổ với đàn ông, là mất can đảm và chạy trốn khi đàn ông thẳng tay chống trả. Còn ngược lại nếu người đàn ông bắt đầu chạy trốn và mất can đảm, thì cơn giận sự trả thù và sự hung dữ của đàn bà thật lớn và không sao lường được."*

*“Cũng vậy, đặc điểm của kẻ thù là yếu nhược và mất can đảm cùng chạy trốn với những cám dỗ của nó, khi người tập tành trong đường thiêng liêng thẳng tay chống trả các chước cám dỗ của kẻ thù và làm ngược lại với các cám dỗ. Nhưng trái lại nếu kẻ bắt đầu tập tành trên đường nhân đức lại sợ hãi và mất can đảm trước cuộc tấn công của cám dỗ, thì trên mặt đất này không có con vật nào hung dữ cho bằng kẻ thù của bản tính loài người nhằm theo đuổi ý hướng xấu xa và vô cùng đê tiện của nó” (LT 325).*

Có thể bởi vì mình thiếu dứt khoát trong việc chống trả với chước cám dỗ, và như vậy tình yêu của mình đối với Thiên Chúa đã bị giảm sút. Trong trường hợp này hãy xin lỗi Chúa, và bắt đầu sống quảng đại hơn với Chúa trong từng giây phút sống.

### *c. Tình yêu với Chúa đã bị suy giảm*

Khi tôi bị cám dỗ nhiều hoặc mạnh, cũng có thể Thiên Chúa để tôi bị cám dỗ nhiều, để tôi có nhiều dịp lập công và trưởng thành cùng cứng cáp hơn (LT 33-34.322b); nhưng có thể đó là dấu chỉ cho thấy lòng mến của tôi đối với Thiên Chúa đã bị giảm sút.

Tình yêu được biểu lộ qua khát vọng nên thánh và những hành động cụ thể.

### Lòng khao khát nên thánh

Yêu là hành vi tự do. Sống theo bản năng, không được lý trí hướng dẫn, thì không phải là hành vi tự do, và như vậy không là yêu thương.

Khao khát nên thánh<sup>140</sup>, ao ước thuộc trọn về Thiên Chúa, là hành vi tình yêu.

Cứ xem chúng ta khao khát thuộc về Chúa, khao khát nên thánh đến mức độ nào, để biết chúng ta yêu Chúa như thế nào. Nếu khi xét gẫm mà nhận thấy chúng ta còn thiếu tình yêu đối với Thiên Chúa hay thiếu lòng khao khát Thiên Chúa, thì hãy khiêm tốn xin Thiên Chúa ban tình yêu của Ngài cho chúng ta.

Yêu Chúa, đó là điều chúng ta cần khiêm tốn nài xin liên lỉ (Xem LT 234).

### Quảng đại trong từng chọn lựa thường ngày

---

<sup>140</sup> Khao khát nên thánh, là hành vi đã được lý trí tự do hướng dẫn.

Từ ngữ "tình yêu" là từ ngữ trừu tượng. Dù là từ ngữ trừu tượng, nó vẫn diễn tả một thực tại vô cùng phong phú được biểu lộ bằng nhiều hành vi cụ thể.

Yêu Thiên Chúa, là sẵn sàng để tùy Ngài xếp đặt về con người và cuộc đời mình. Sẵn sàng dâng tất cả cho Chúa, để Chúa hoàn toàn tự do quyết định.

Yêu Thiên Chúa, là chọn Thiên Chúa và những gì thuộc về Thiên Chúa trên hết. Chẳng hạn trong thời gian Linh Thao, dành tất cả thời giờ cho Thiên Chúa và cụ thể là cầu nguyện; luôn sống với ý thức Thiên Chúa hiện diện với mình và yêu thương mình, luôn sống trong tâm tình của chủ đề mình đang cầu nguyện; luôn giữ gìn ngũ quan để tập trung cầu nguyện và không làm người khác bị phân tâm chia trí; hy sinh hãm mình như dấu chỉ muốn thuộc về Thiên Chúa hơn nữa.

#### *d. Có thể đó là dịp để lập công, để nên thánh hơn*

Khi còn sống trong thân xác, chúng ta còn bị cám dỗ và thử thách; những cám dỗ đó có thể là những dịp để chúng ta diễn tả tình yêu của mình với Thiên Chúa cách cụ thể hơn.

Không ai được miễn trừ khỏi bị cám dỗ và thử thách:

- Đức Giêsu không chỉ bị cám dỗ trong hoang địa (Mt 4,1-11), Ngài còn bị thách thức để làm những phép lạ từ trời, bị cám dỗ và thử thách trong vườn dầu (Mc 14,32tt), bị thử thách cả về đức tin ngay trên thập giá (Mc 15,34);
- Đức Maria không chỉ thưa tiếng xin vâng trong biến cố truyền tin (Lc 1,26tt), nhưng còn thưa tiếng xin vâng trong suốt cuộc đời, đặc biệt trong biến cố Mẹ đứng dưới chân thập giá;
- Thánh Phaolô đã ba lần xin Chúa cắt cái dằm ra khỏi xác thịt Ngài, nhưng Ngài được trả lời "on Ta đủ cho con" (2Cor 12,7-9).

Thử thách và cám dỗ trong cuộc sống tại thế, là thuộc thân phận làm người của chúng ta; chúng ta hãy chấp nhận, và can đảm đương đầu để vượt qua. Chúa không miễn trừ cho chúng ta khỏi bị cám dỗ, nhưng Chúa bảo đảm rằng nếu chúng ta tin tưởng và cậy dựa vào Ngài, thì chúng ta sẽ chiến thắng: "Các con hãy tin tưởng, Ta đã thắng thế gian" (Ga 16,33).

Nếu trong xét gẫm người ta nhận ra lời mời gọi của Thiên Chúa và đáp trả, thì người ta sẽ cầu nguyện dễ dàng hơn, trở nên tuyệt vời hơn

từng ngày. Việc gặp gỡ người đồng hành thiêng liêng cũng giúp người ta biết mình cách chắc chắn hơn và tiến bộ hơn trong đời sống thiêng liêng.

Lm Giuse Phạm Thanh Liêm, SJ

# VIỆC PHÂN ĐỊNH CỦA VỊ LINH HƯỚNG TRONG ĐỒNG HÀNH & TRỢ GIÚP PHÂN ĐỊNH

Lm Trương Thanh Tùng, SJ

Phân định để nhận biết và sống theo Ý Chúa là một nét trọng điểm của đời sống Kitô-hữu. Đối với người Kitô-hữu thông thường, tiêu chuẩn phân định căn bản có thể chỉ là sống theo các điều răn để được phần rỗi như câu trả lời của Chúa Giêsu với chàng thanh niên giàu có (Mt 19,16-22). Trong linh đạo Inhã, phân định thiêng liêng được nhấn mạnh nhiều hơn và được khai triển xa hơn, thể hiện qua các thực hành dành cho các cá nhân như: *xét mình chung và riêng* hàng ngày (LT 24-44), *xét nguyện* sau mỗi bài nguyện gẫm (LT 77), *sự phạm lựa chọn* (LT 169-189) và *quy tắc phân biệt tác động của các thần* (LT 313-336).

Tuy nhiên, bài viết này không đề cập đến sự phân định của các cá nhân, nhưng bàn về đòi buộc phân định đối với vị linh hướng khi đồng hành và trợ giúp phân định theo sự phạm Inhã. Cụ thể, bài viết sẽ đề cập các chủ đề sau:

- Sự cần thiết của sự phân định nơi vị linh hướng;
- Các yếu tố cần phân định nơi người thụ hướng;
- Các yếu tố cần phân định nơi vị linh hướng;
- Các dấu chỉ xác chuẩn việc lựa chọn của người thụ hướng.

## I. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC PHÂN ĐỊNH NƠI VỊ LINH HƯỚNG

### *Linh hướng hay đồng hành thiêng liêng*

Mô hình “linh hướng” xưa (*spiritual direction*) có nguyên mẫu từ vai trò của ông Môsê trên Dân Do Thái trong Cựu ước, theo đó một vị thầy về đàng thiêng liêng thay mặt Thiên Chúa dẫn dắt một tập thể hay cá nhân ngang qua sự chỉ đạo một chiều, mà ít để ý đến tác động của Thánh Thần nơi tâm hồn người thụ hướng hay khả năng của người ấy trực tiếp mở ra với Thánh Thần. Tuy vậy, lối dẫn dắt này lại phù hợp với những cá nhân chỉ dừng lại ở việc “giữ” đạo qua việc chu toàn Lễ luật và các bổn phận, chưa có kinh nghiệm cá vị với Thiên Chúa, chưa quen với

việc lắng nghe Thánh Thần. Tuy mô hình linh hướng này ít nhấn mạnh đến vai trò phân định của các cá nhân, nhưng sự phân định của vị hướng dẫn lại là điều cần thiết, để bảo đảm rằng vị ấy không dẫn dắt các cá nhân theo ý của mình, nhưng là đi trong đường lối Chúa muốn với từng cá nhân.

Đổi lại, mô hình “đồng hành thiêng liêng” ngày nay (*spiritual accompaniment*) thì đề cập đầy đủ hơn đến “mối tương quan bộ tam” (*triple relationship*) giữa Thánh Thần, người thụ hưởng và vị hướng dẫn, trong đó Thánh Thần mới là *Thầy dạy đích thực và tối thượng* mà cả người thụ hưởng lẫn vị linh hướng đều phải mở lòng lắng nghe và vâng theo trong việc tìm kiếm Ý Chúa trên người thụ hưởng. Cũng trong mối tương quan bộ tam này, Thánh Thần và người thụ hưởng mới là hai tác nhân chính yếu: Thánh Thần bày tỏ ý muốn của Người trên người thụ hưởng, còn người thụ hưởng thì tiến bước trong sự soi dẫn của Thánh Thần; riêng vị linh hướng, với kinh nghiệm dày dặn hơn về đàng thiêng liêng, chỉ giữ vai trò tháp tùng viên hay “người đồng hành”<sup>141</sup>, nhằm xúc tác cho mối tương quan giữa người thụ hưởng với Thánh Thần được dễ dàng hơn và thuận lợi hơn. Chính vì thế, khi thi hành tác vụ trung gian dẫn dắt, “vị linh hướng nhân loại” không thể thiếu câu nguyện và phân định để tham vấn “*Vị linh hướng đích thực và tối thượng*” là Thánh Thần.

### ***Đặc sủng và sứ vụ***

Thứ đến, khác với tư vấn tâm lý hay trị liệu tâm lý là những bộ môn nhân loại chỉ dựa vào kỹ năng của người trợ giúp, hoặc ai đó cứ có chuyên môn và được bổ nhiệm là làm được, tác vụ linh hướng hay đồng hành thiêng liêng thuộc *đặc sủng dạy bảo và khuyên nhủ* trong Giáo Hội (Rm 12,7-8) và dự phần vào “*sứ vụ chăm sóc các linh hồn*” (*cura animarum*) cùng với các thừa tác vụ bí tích, rao giảng và mục vụ khác. Vì là một *đặc sủng*, vị linh hướng không thể không mở ra để tìm kiếm sự khôn ngoan và sức mạnh từ Thánh Thần; vì là một *sứ vụ*, vị linh hướng phải luôn phân định để “*thỉnh ý*” của Thánh Thần là Đấng sai phái anh.

---

<sup>141</sup> Tuy nhiên, để tiện dụng và tương ứng với từ “*người thụ hưởng*”, bài viết vẫn dùng từ “*vị linh hướng*” nhưng theo nghĩa “*vị đồng hành thiêng liêng*”.

## ***Mục tiêu phân định của vị linh hướng***

Trong tương quan đồng hành, hai con người có đức tin (thụ hướng và linh hướng) cùng đặt mình lắng nghe tiếng nói của Thánh Thần nơi các biến cố cuộc sống và nơi các chuyển động nội tâm của người thụ hướng liên quan đến câu hỏi cần phân định của người ấy. Trong cuộc tìm kiếm chung này, người thụ hướng sẽ đưa ra lựa chọn hay quyết định cho bản thân dưới ánh sáng của Thánh Thần, còn vị linh hướng giữ vai trò kiểm chứng thực tiễn (*reality check*)<sup>142</sup>, bao gồm việc soi sáng, giám sát và xác chuẩn việc lựa chọn hay quyết định vừa nói của người thụ hướng.

## ***Phân định trong phân định***

Đặc biệt hơn, khi trợ giúp người khác phân định, vị linh hướng càng không thể bỏ quên việc phân định về phía mình: “*mù*” mà dẫu “*mù*” làm sao được! (Lc 6,39)

Thần học gia Karl Rahner SJ từng miêu tả bản chất của việc phân định thiêng liêng nơi một cá nhân như sau: “*Phân định là cái biết ngang qua kinh nghiệm (experiential knowledge) về chính bản thân, trong sự tương hợp giữa đối tượng lựa chọn với định hướng tôn giáo nền tảng của mỗi người.*”<sup>143</sup> Như vậy, hai vế quan trọng cần đối chiếu trong phân định bao gồm “*đối tượng lựa chọn*” và “*định hướng tôn giáo nền tảng cá nhân*”, trong đó định hướng tôn giáo là điểm quy chiếu quyết định việc lựa chọn.

Ví dụ khi một bạn trẻ phân định về bậc sống, chỉ có bạn ấy - căn cứ vào tiêu chí tôn giáo nội tâm riêng tư - mới nhận ra bậc sống nào tương thích với niềm tin của anh. Hay như Mẹ Têrêsa Calcutta, với sự xác chuẩn của cha linh hướng, đã đi đến xác tín rằng: “*Tôi phải rời tu viện để giúp đỡ người nghèo và sống chung với họ. Đó là mệnh lệnh. Không chịu tuân theo có nghĩa là đánh đổ đức tin.*”<sup>144</sup> Từ xác tín ấy, Mẹ đã can đảm rời Dòng Loreto mà Mẹ từng theo đuổi ơn gọi trong 20 năm để đi

---

<sup>142</sup> Judith Roemer OSF, “*Discernment in the Director*”, trong Tạp chí *Review for Religious*, số 34, năm 1975, Saint Louis, Missouri, trang 949.

<sup>143</sup> Judith Roemer OSF, *sđđ*, trang 949. Trong tiếng Anh: “*Discernment is an experiential knowledge of self in the congruence of the object of choice with one’s fundamental religious orientation.*”

<sup>144</sup> Joan G. Clucas, *Mother Teresa*, Chelsea House, New York, 1988, trang 35.

theo một định hướng tông đồ mới dù hãy còn vô định: đó là phục vụ người nghèo ở đáy cùng xã hội Ấn Độ, rồi lập ra Dòng Thừa sai Bác ái sau này.

Qua định nghĩa trên của Karl Rahner, rõ ràng vị linh hướng không làm thay công việc phân định của một cá nhân; nhưng khởi từ kinh nghiệm thiêng liêng cá nhân và cái nhìn khách quan từ bên ngoài, vị ấy có thể soi sáng, hỗ trợ, góp ý cho cá nhân tiến hành phân định trong đường hướng của Thánh Thần. Vì thế, có thể gọi việc phân định của vị linh hướng là “phân định trong phân định” hay “giám sát phân định”.

## **II. CÁC YẾU TỐ CẦN PHÂN ĐỊNH NƠI NGƯỜI THỤ HƯỚNG**

### ***Các chuyển động nội tâm***

Như đã nói, các biến cố cuộc sống và những chuyển động nội tâm là hai mảng chất liệu quan trọng giúp mỗi người thụ hướng tiến hành phân định: thực tế cuộc sống thì liên quan đến “đối tượng lựa chọn”, còn các chuyển động thiêng liêng thì liên quan đến “định hướng tôn giáo căn bản”, tiêu chí cho việc phân định.

Nếu thực tế cuộc sống thì khách quan và dễ nhận biết, thì các an ủi và sâu khổ thiêng liêng nơi nội tâm đương sự - biểu hiện tiếng nói của các thần loại - lại là chất liệu mà cả người thụ hướng lẫn vị linh hướng phải lưu tâm phân định. Vì thế người thụ hướng trước tiên cần học thói quen chú ý đến diễn biến của các chuyển động nội tâm, phân định nguồn gốc xem chúng đến từ Thiên Chúa, ma quỷ, thế gian hay xác thịt, đồng thời mạnh dạn chia sẻ ra với vị linh hướng. Về phần vị linh hướng, ngoài việc lắng nghe những chia sẻ trực tiếp của người thụ hướng, vị ấy còn phải biết cách nhận diện các chuyển động ấy cách gián tiếp ngang qua thái độ, cử chỉ, biểu hiện tâm trạng của người thụ hướng.

### ***Sự phạm đồng hành liên quan đến chuyển động nội tâm***

Linh Thao hàm chứa một sự phạm đồng hành liên quan đến các chuyển động nội tâm. Ví dụ các chú dẫn mở đầu (LT 1-20) chỉ cho vị linh hướng phân định xem nên có thái độ hay cách cư xử nào khi thao viên gặp sâu khổ hay an ủi thiêng liêng, hoặc không có chuyển động nào. Còn bộ quy tắc phân biệt thần loại Tuần Thứ Nhất và Thứ Hai Linh

Thao<sup>145</sup> đưa ra một cảm nang tinh tế về cách nhận diện tác động của các thần và cách cư xử tương ứng dành cho người thụ hưởng và linh hướng (LT 313-336).

Sau đây là một vài can thiệp cần thiết của vị linh hướng liên quan đến các chuyển động nội tâm của người thụ hưởng.

- Để cho Thiên Chúa trực tiếp tác động trên người thụ hưởng, không gây nhiễu hay thao túng dù dưới bất kỳ hình thức can thiệp nào. Chẳng hạn khi trình bày các đề tài suy gẫm, vị hướng dẫn chỉ cắt nghĩa hết sức ngắn gọn và súc tích (LT 2).

- Tập cho người thụ hưởng thói quen quan sát chuyển biến của các chuyển động an ủi hay sầu khổ thiêng liêng (LT 17). Nếu đương sự không có các chuyển động nội tâm, cần giúp họ sắp xếp lại cách cầu nguyện để lắng nghe Thánh Thần (LT 6).

- Dạy phân biệt tác động của các thần và cách đáp trả ở mỗi Tuần Linh Thao (LT 8-10). Ví dụ, tác động của thần dữ trong Tuần Thứ Nhất thì thô thiển (LT 313), nhưng khi qua Tuần Thứ Hai, thần dữ lại hay giả dạng thần lành để lừa phỉnh (LT 332), do vậy việc phân định ở Tuần Thứ Hai càng phải tinh tế hơn.

- An ủi, nâng đỡ khi người thụ hưởng gặp sầu khổ thiêng liêng; chỉ dẫn cho họ biết mưu kế của kẻ thù (LT 7); khuyên họ không khấn hứa cách nóng vội điều gì khi sốt sắng (LT 14); không thúc đẩy họ khấn hứa hay nghiêng về lựa chọn điều gì (LT 15); dạy cách chống trả khi linh hồn hướng chiều đến những xu hướng lệch lạc (LT 16).

### ***Sự phạm lựa chọn dựa vào các chuyển động nội tâm***

Khi đồng hành lựa chọn, không ít vị linh hướng non kinh nghiệm đã phạm sai lầm này, là đề xuất ngay với người thụ hưởng liệt kê các yếu tố thuận và nghịch của mỗi vé lựa chọn, rồi khuyên dùng lý trí cân nhắc và lựa chọn vé nào xét thấy giúp tôn vinh Chúa và giúp ích cho phần rỗi hơn. Thật ra đây không hề là cách lựa chọn được Linh Thao đề cao, mà

---

<sup>145</sup> Thánh Inhaxiô dùng từ “Tuần Thứ Nhất Linh Thao” để chỉ những người đang trong đàng tội lỗi cần hoán cải và canh tân đời sống (LT 314), và từ “Tuần Thứ Hai” để chỉ những người đã tiến mạnh trong việc diệt trừ tội lỗi và đang tiến bước trên đường phụng sự Thiên Chúa (LT 315).

chỉ là “giải pháp tình huống” khi cá nhân không có những tác động nội tâm từ các thần.

Trái lại, ở cuối Tuần Hai Linh Thao (175-188), Thánh Inhaxiô đề xuất thứ tự ưu tiên của ba thời kỳ thích hợp để thao viên làm việc lựa chọn tốt lành dựa trên các chuyển động nội tâm. Sư phạm này cũng áp dụng được cho phân định trong đời thường:

- Trường hợp thứ nhất: Khi Ý Chúa biểu hiện quá tỏ tường và không thể hồ nghi, hoặc qua một tiếng biển cố minh nhiên bên ngoài như trường hợp của Mátthêu, hay qua một xác chuẩn nội tâm sâu xa như trường hợp của Phaolô, cá nhân chỉ có cách làm theo mệnh lệnh tỏ tường của Chúa mà thôi (LT 175).
- Trường hợp thứ hai: Đây là tình huống của phân định thần loại đúng nghĩa. Đó là khi cá nhân không có được xác tín rõ nét như trường hợp trước, nhưng được đủ ánh sáng và sự hiểu biết bởi những kinh nghiệm an ủi và sâu khổ, cũng như bởi kinh nghiệm phân biệt thần lành và thần dữ, để lựa chọn điều đến từ Thiên Chúa (LT 176).
- Trường hợp thứ ba: Khi tâm hồn người thụ hưởng trầm lặng, không có những chuyển động nội tâm rõ nét nào, thì được mời gọi phân định theo một trong hai cách thức sau (LT 177).

Cách 1: Dùng lý trí được soi dẫn bởi đức tin và “Nguyên lý và nền tảng” để suy xét, tuân theo sáu bước sau:

- Xác định hai vế của việc lựa chọn (LT 178);
- giữ lòng bình tâm và đặt mục tiêu tôn vinh Thiên Chúa và phần rỗi lên trên hết (LT 179);
- xin Chúa đoái thương đánh động ý chí chỉ tìm kiếm điều tôn vinh Chúa hơn (LT 180);
- suy xét các yếu tố thuận và nghịch của từng vế lựa chọn đối với việc tôn vinh Chúa và phần rỗi (LT 181);
- lựa chọn theo thúc đẩy mạnh nhất của lý trí đức tin chứ không theo tình cảm (LT 182);
- đến dâng cho Chúa lựa chọn vừa thực hiện và xin ơn xác chuẩn (LT 183).

Cách 2: Đặt mình vào một trong bốn tình huống sau để khách quan hóa việc lựa chọn:

- Với tình yêu tinh ròng với Thiên Chúa và để quy hướng hoàn toàn về Chúa, tôi nên chọn vé nào? (LT 184)
- Giả như cần khuyên điều tốt nhất cho phần rỗi của một người bạn thân, thì tôi sẽ khuyên người ấy chọn vé nào? (LT 185)
- Giả như khi tôi chọn xong thì Chúa gọi về và phải bỏ lại tất cả, thì tôi sẽ chọn vé nào tốt nhất cho phần rỗi? (LT 186)
- Hình dung đến ngày phán xét chung, tôi phải trả lễ thế nào với Chúa về lựa chọn lúc này của tôi? (LT 187)

***Một số thông tin hữu ích khác cần tìm hiểu***

(1) *Tình trạng đức tin của người thụ hưởng.* Đức tin Kitô-giáo có một nội dung, một truyền thống. Đức tin ấy cũng là khung quy chiếu và nền tảng cho việc linh hướng. Trong các tình huống trợ giúp, vị linh hướng cần hiểu biết về tình trạng đức tin, đời sống luân lý và cách sống đạo của người thụ hưởng; vì nếu một người không có đức tin, hoặc sai lạc trầm trọng về giáo thuyết hay luân lý thì không thể giúp linh hướng được.

(2) *Đời sống cầu nguyện của người thụ hưởng.* Một trong các chức năng của linh hướng là dạy cầu nguyện và đồng hành trong lãnh vực cầu nguyện. Hơn nữa, đời sống cầu nguyện của người thụ hưởng cũng là môi trường cần thiết để phân định thiêng liêng. Vì thế vị linh hướng cần hỏi xem thói quen cầu nguyện, tần suất cầu nguyện và chất lượng của việc cầu nguyện của người thụ hưởng thế nào; họ có những kinh nghiệm gặp gỡ Chúa trong cầu nguyện ra sao.

(3) *Sức khỏe thể lý của người thụ hưởng.* Sức khỏe thể lý tác động trực tiếp đến tinh thần. Qua chào hỏi ban đầu, quan sát ngoại diện, hoặc qua các câu chuyện gián tiếp, vị linh hướng cần nắm thông tin về tình trạng thể lý và sức khỏe hiện tại của người thụ hưởng: Người ấy có mệt mỏi, thiếu thốn hay đang uống thuốc gì gây xáo trộn không? Người ấy có nghiện ngập gì không?

(4) *Tình trạng tâm cảm của người thụ hưởng.* Các yếu tố tâm cảm luôn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của buổi

đồng hành. Vì thế trong mọi buổi tiếp xúc, vị linh hướng cần tìm biết người thụ hướng có tâm trạng nào (vui tươi, phấn khởi; sợ hãi, thiếu an toàn, hoang mang, phiền muộn, bế tắc...); họ có đủ sức khỏe thể lý và tâm cảm để nhận diện chính xác những an ủi và sâu khổ nội tâm đến đâu để theo đuổi cuộc linh hướng. Vị linh hướng cũng xét xem người thụ hướng có trả lời chân thật hay chỉ cốt trả lời để làm vui lòng người nghe, bởi lẽ những lớp “mặt nạ” từ cả hai phía đều làm thiên lệch nội dung trao đổi.

### III. CÁC YẾU TỐ CẦN PHÂN ĐỊNH NƠI VỊ LINH HƯỚNG<sup>146</sup>

Trong đồng hành, vị linh hướng cần thường xuyên duyệt xét và điều chỉnh bản thân hầu trở nên khí cụ trung tín hơn trong tay Thánh Thần. Có bốn yếu tố cần phân định liên quan đến bản thân vị linh hướng (1-4) và một yếu tố liên quan đến cách thức đồng hành (5). Tuy nhiên, vị linh hướng không buộc phải duyệt xét tất cả, mà chỉ cần chọn lọc những yếu tố nào xét thấy cần thiết cho từng trường hợp trợ giúp. Trước tiên hãy bàn đến bốn yếu tố cần phân định nơi bản thân vị linh hướng.

#### *Thái độ và bầu khí đức tin*

Để giúp người khác tăng trưởng trong sự sống của Thiên Chúa, vị linh hướng trước hết phải là con người của niềm tin, có kinh nghiệm được Thiên Chúa yêu thương và cứu chuộc, được Thiên Chúa cuốn hút mạnh mẽ để có sức lôi kéo người khác đến với Chúa; có kinh nghiệm xây dựng đời sống Giáo Hội sống động, yêu thương, hòa giải, cùng nhau tìm kiếm Thiên Chúa trong niềm vui và bình an.

Trong tương tác với người thụ hướng, vị linh hướng cũng cần duyệt xét xem các soi sáng và can thiệp của mình diễn ra với bầu khí đức tin thế nào; các vị sẽ không đưa ra những hướng dẫn lý thuyết suông, nhưng khởi từ kinh nghiệm đức tin của bản thân và có sức cảm hóa: “*Điều chúng tôi đã thấy và đã nghe, chúng tôi loan báo cho cả anh em nữa...*” (1Ga 1,3).

#### *Cầu nguyện*

Như đã nói, linh hướng không là một nghề nhưng là một đặc sủng và tác vụ nhận lãnh từ Thiên Chúa. Do vậy vị linh hướng cần có đời sống

---

<sup>146</sup> x. Judith Roemer OSF, *sđđ*, trang 950-956.

cầu nguyện cá nhân sâu xa và kiên định; tham vấn và lắng nghe Thánh Thần khi thi hành tác vụ; cầu nguyện cho công việc đang linh hướng và cho người thụ hưởng.

Bên cạnh đó, do còn có nhiệm vụ giúp các cá nhân tìm ra cách cầu nguyện hợp với tính cách và nhu cầu riêng của mỗi người, các vị linh hướng cần được đào tạo về sự phạm cầu nguyện Kitô-giáo; hiểu biết căn bản về các bậc thầy về đời sống thiêng liêng trong Giáo hội (như các vị thánh Têrêsa Avila, Gioan Thánh giá...); vận dụng có chọn lọc các phương pháp cầu nguyện Kitô-giáo mới (như cầu nguyện đặc sủng, chia sẻ Lời Chúa...) cũng như các kỹ thuật thiền định ngoài-Kitô giáo giúp tập trung tâm trí để cầu nguyện sâu (như thiền, yoga...) Riêng các vị linh hướng theo truyền thống Inhã cần hiểu biết về các phương pháp cầu nguyện và các thực hành khác của Linh Thao, cách đồng hành tĩnh tâm và hướng dẫn đời sống thiêng liêng theo sự phạm của Linh Thao.

### *Ý thức về những rào cản tâm lý*

Cần nhớ rằng mọi giới hạn về tâm cảm, tính cách hay nhân bản nơi vị linh hướng - dù ý thức hay vô thức - đều có thể theo chân vào trong mối tương quan đồng hành, tác động tiêu cực trên người thụ hưởng, hoặc gây cản trở và làm thiên lệch (*bias*) công việc trợ giúp. Vì thế, mọi vị linh hướng đều cần duyệt xét những rào cản tâm lý nơi bản thân, ý thức về tác hại của chúng đối với tác vụ đồng hành và, trong mức độ có thể, nỗ lực loại trừ chúng khỏi bản thân, hay ít là khỏi tương quan công việc. Sau đây là một số rào cản tâm lý đáng lưu ý đối với mọi vị linh hướng.

#### *(1) Các xu hướng tìm kiếm bù trừ vô thức*

Gọi là xu hướng vô thức, vì trong ý thức không ai chấp nhận hay tự cho phép mình tìm kiếm các bù trừ ấy, nhưng trong thực tế họ vẫn vướng phải. Thế mà các tìm kiếm quy ngã ấy lại làm lệch mối tương quan trợ giúp của họ.

- Bù trừ quyền bính: Điều này xảy ra nơi người có nhu cầu thi thố, khẳng định bản thân; nhu cầu thể hiện sự ảnh hưởng và uy quyền trên người khác. Từ đó dẫn đến những sai lệch trong cách đồng hành: chỉ đạo, áp đặt các giải pháp, quyết định thay người thụ hưởng, tự xem mình như “cha mẹ” thiêng liêng... khiến tạo ra sự lệ thuộc nơi người

thụ hướng, làm thui chột tự do và ngăn trở sự tăng trưởng thiêng liêng của họ.

- Bù trừ tình cảm: Điều này xảy ra nơi các vị thiếu thốn tình cảm và ít cơ hội tương giao. Do thúc đẩy của vô thức, một số vị vô tình biến các buổi gặp gỡ thành cơ hội tìm thỏa mãn nhu cầu tình bạn, nhu cầu trò chuyện và tìm kiếm thông tin, khiến cho các vấn đề và lợi ích của người thụ hướng không còn là trọng tâm của mối tương quan đồng hành.

(2) *Định kiến, yên trí, kỳ vọng sai lạc về các nhóm người*

Các lệch lạc tâm trí này ngăn cản tiếp cận cá nhân như họ là, nhưng qua lăng kính định kiến về tập thể họ thuộc về, từ đó không thể trợ giúp hữu hiệu mỗi người theo nhu cầu riêng của họ. Điều này đi ngược với nguyên tắc căn bản trong tư vấn “lấy thân chủ làm trọng tâm” (*client-centered*). Ví dụ về một số định kiến:

- Cụ này già rồi, chắc là đãng trí và không thể tiếp thu sâu, vì thế chỉ cần an ủi qua loa cho xong chuyện (!)
- Các linh mục đều thông thái, họ có thể tự lo liệu (!)
- Các tu sĩ chiêm niệm niệm thì chỉ bận tâm đến chuyện thiêng liêng mà thôi, không cần đề cập đến các lãnh vực khác (!)
- Những người trẻ thì chỉ mới tập tành vào đảng thiêng liêng mà thôi, vì thế chỉ cần nói về những điều căn bản (!)

(3) *Chuyển dịch tình cảm (transference)*

Hiện tượng này rất dễ xảy ra khi hai con người gặp gỡ nhau ở chiều sâu của tâm hồn, vì thế mọi nhà tư vấn và trị liệu đều phải tỉnh táo nhận diện. Trong vô thức, một trong hai con người - *thụ hướng hay linh hướng* - vô tình tìm bù trừ tình cảm, hoặc phóng chiếu một cách không phù hợp vào đối tác những tình cảm, xúc cảm hay lối cư xử có trước với ai đó. Ví dụ khi vị linh hướng cảm thấy bị cuốn hút quý mến thái quá hay dị ứng vô cớ với người thụ hướng; mất tự nhiên hay không tự do trong lối suy nghĩ, tình cảm và hành vi của mình trước một người thụ hướng. Tệ hơn, giữa vị linh hướng và thụ hướng khác phái lại nảy sinh một tương quan tình cảm sai lệch. Các chuyển dịch tình cảm như vừa nói sẽ làm lệch hướng mối tương quan trợ giúp chuyên môn và cản trở

người trợ giúp (chuyên viên tâm lý hay vị linh hướng) thi hành tác vụ chuyên môn của mình một cách khách quan.

(4) *Xu hướng áp đặt các sở thích hay bận tâm cá nhân*

Đây là biểu hiện của những người quy kỷ, bị ám ảnh bởi những bận tâm của mình mà quên rằng người thụ hướng và vấn đề của họ mới là trọng tâm. Chẳng hạn một vị linh hướng thích thú với Kinh Mân Côi, nên tuyệt đối hóa thực hành đạo đức này trong mọi cuộc trao đổi; hoặc có vị bận tâm nhiều về các vấn đề xã hội, nên có xu hướng chính trị hóa mọi cái nhìn và mọi giải pháp trong đồng hành. Cần nhớ rằng, chủ đề của mỗi buổi đồng hành phải luôn khởi từ nội dung tìm kiếm của người thụ hướng; mục tiêu của buổi đồng hành là giúp người thụ hướng thêm mở mang tâm nhìn và nâng cao ý thức trách nhiệm của người Kitô-hữu; và giải pháp cho các vấn đề ấy phải đến từ đường sự ngang qua việc trao đổi phân định thiêng liêng chung giữa hai người.

(5) *Nóng vội hoặc kỳ vọng kết quả phải như ý mình*

Có vị linh hướng nôn nóng khi người thụ hướng biến chuyển chậm, hoặc không đạt kết quả theo ý mình. Từ đó vị ấy gia tăng tác động trên người thụ hướng để thúc đẩy. Làm như thế là “cướp” quyền dẫn dắt của Thánh Thần. Trái lại, cần tôn trọng tình trạng nội tâm của mỗi người, và tôn trọng tác động của Thánh Thần trên họ, vì Người biết điều gì là tốt nhất cho mỗi cá nhân và Người có cách tác động riêng của Người.

***Bình tâm hay tự do nội tâm***

Bình tâm hay tự do nội tâm là thái độ tiên quyết ở khởi đầu mọi cuộc phân định, giống như ta phải chỉnh kim bàn cân cho thật chuẩn trước khi thực hiện mọi việc cân đo đong đếm. Thái độ bình tâm này cần thiết cho cả người thụ hướng lẫn vị linh hướng, vì thế vị linh hướng cần kiểm tra hai tiêu chuẩn này nơi bản thân trước mỗi buổi tiếp xúc. Sự bình tâm này không chỉ là thái độ của ý thức hay lý trí mà còn phải là sự siêu thoát thật sự trong con tim.

(1) *Bình tâm trên mọi tìm kiếm quy kỷ.* Vị linh hướng không tìm kiếm hay chiếm hữu bất cứ điều gì trong tương quan đồng hành, dù là lợi lộc vật chất hay tâm cảm.

(2) *Bình tâm với người thụ hưởng.* Linh hướng là một sứ vụ không được lựa chọn; vị linh hướng chỉ là khí cụ của Thánh Thần, cùng đi với người thụ hưởng vì lợi ích thiêng liêng của họ mà thôi. Vì thế vị linh hướng không lựa chọn người thụ hưởng có lợi cho danh giá hay vật chất cho mình; cũng không tìm cách gây ảnh hưởng trên người thụ hưởng hay “cầm giữ” họ.

(3) *Bình tâm với mọi “khuôn khổ” (formalism).* Vị linh hướng không bám vào một khung đồng hành dọn sẵn nào. Trái lại, phải đặt mình trong tình huống của mỗi cuộc tiếp xúc: lắng nghe, trao đổi, cùng phân định để đi đến những đề xuất giải pháp. Mọi sắp xếp một kế hoạch tiên thiên đều là “vượt mặt” Thánh Thần.

(4) *Bình tâm cả với những rụt rè, sợ sệt.* Đôi khi có thể vì cảm phục hay tự ti trước một người thụ hưởng nổi nang, vị linh hướng e ngại không dám dẫn thân. Trái lại, vị ấy cần mạnh dạn, kiên định, vận dụng mọi khả năng và ơn huệ Chúa ban để thi hành sứ mạng soi sáng và giúp phân định.

### ***Tôn trọng tính khách quan***

Đây là yếu tố phân định liên quan đến cung cách trợ giúp của vị linh hướng. Nếu trong các tình huống thông thường của cuộc sống, chúng ta đã phải xem xét cả hai mặt của vấn đề để có cái nhìn khách quan, thì hướng hồ là trong phân định. Hơn thế, mục tiêu cuối cùng trong phân định thiêng liêng không phải là dùng lý trí và kinh nghiệm để chọn điều nào lợi hơn, nhưng cốt là tìm kiếm vinh danh Chúa và lợi ích linh hồn nhiều hơn làm tiêu chuẩn cho việc lựa chọn. Vì thế, trong đồng hành, vị linh hướng cần kiểm tra tính khách quan trong cách thức lắng nghe, suy xét, tương tác và phản hồi với người thụ hưởng dựa trên các tiêu chí sau:

(1) *Cái nhìn đa chiều:* Cần xét kỹ cả hai khía cạnh thuận và chống của mỗi vế lựa chọn; chất lọc những gì là tốt, có giá trị, dẫn đến với Chúa; sẵn sàng loại bỏ những gì kéo xa khỏi Chúa.

(2) *Lắng nghe khách quan:* Để nắm được thông tin chân xác, vị linh hướng cần lắng nghe người thụ hưởng như họ là; nắm bắt được các khung quy chiếu của họ; nỗ lực để hiểu họ hết sức có thể, dẫu biết rằng không thể biết hết về một con người.

(3) *Lắng nghe thấu cảm*: Lắng nghe với trọn con người, không chỉ bằng trí hiểu, mà bằng cả xúc cảm con tim và đức tin:

- Nắm bắt bằng trí hiểu (*facts*): *Điều gì đã xảy ra?*

- Chú ý những cảm xúc khi nghe chia sẻ của người thụ hưởng (*feelings*): *vui buồn, cảm phục, e ngại...?*

- Phản tỉnh của đức tin (*faith*): *các chia sẻ của họ am hợp thể nào với đức tin; tôi nên hỏi ứng lại thế nào theo đức tin?*

(4) *Cách phản hồi*: Từ hai kết quả lắng nghe trên, vị linh hướng đưa ra ý kiến phản hồi phù hợp nhất thể theo lý trí, con tim và đức tin (*head, heart, faith*) của mình. Đồng thời vị ấy cũng cần cân nhắc xem đâu là thời điểm thích hợp để phản hồi mà không làm hạn chế sự chủ động của người thụ hưởng.

(5) *Tôn trọng quyết định của người thụ hưởng*, được phân định từ góc độ của riêng họ dưới ánh sáng của Thánh Thần.

#### **IV. CÁC DẤU CHỈ XÁC CHUẨN KẾT QUẢ LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI THỤ HƯỚNG**

Thật ra, chỉ một mình Thiên Chúa - *Đấng mà người thụ hưởng tìm kiếm* - mới có thẩm quyền xác chuẩn kết quả lựa chọn của anh.<sup>147</sup> Tuy nhiên, trong vai trò người dẫn dắt trung gian và bằng sự phân định dựa trên kinh nghiệm thiêng liêng cá nhân, vị linh hướng có thể giúp kiểm chứng tính xác thực của kết quả lựa chọn ấy.

##### *(1) Dấu chỉ xác chuẩn từ Thiên Chúa*

Sự xác chuẩn của Chúa thể hiện qua hai loạt ơn hay hai loạt *dấu chỉ nội tại* trong tâm hồn của người thụ hưởng và *dấu chỉ ngoại tại* nơi hoàn cảnh của người ấy: “*Ơn Ta đủ cho con!*” (2Cr 12,9) Vị linh hướng có thể nhận biết các dấu chỉ này ngang qua chia sẻ kinh nghiệm nội tâm của người thụ hưởng

- Dấu chỉ xác chuẩn nội tại: “*Tôi đã chọn đúng Ý Chúa!*”

Có khi dưới dạng đánh động nội tâm mãnh liệt hoặc các ơn thần bí (*ơn nước mắt, tiếng nói nội tâm, an ủi sâu thẳm, Chúa thăm viếng tâm*

---

<sup>147</sup> Trong Linh Thao, thánh Inhaxiô khuyên thảo viên khi lựa chọn xong thì đến dâng quyết định của mình cho Chúa để xin Người xác chuẩn (LT 183).

*hồn, thị kiến, gia tăng tin cậy mến*) khiến cá nhân tin chắc “Chúa ở với quyết định của mình” như trong kinh nghiệm của Thánh Inhaxiô khi ngài phân định 40 ngày để viết về đức khó nghèo trong Hiến Pháp Dòng Tên.<sup>148</sup>

Tuy nhiên các dấu chỉ xác chuẩn nội tại thường gặp nhất nơi người thụ hưởng gồm: xác tín sâu thẳm rằng tôi đã lựa chọn đúng; cá nhân cảm thấy bình an và hạnh phúc sâu thẳm trong Chúa; cảm nhận sự thống nhất nơi bản thân; nhận thấy lựa chọn ấy vừa sức và khả thi; có nội lực, tin tưởng, phó thác, hăng say sống lựa chọn ấy bất chấp mọi khó khăn hay cản trở.<sup>149</sup>

- Dấu chỉ ngoại tại: “*Chúa ủng hộ lựa chọn của tôi!*”

Người thụ hưởng nhận thấy Chúa ban cho họ các hoàn cảnh thuận lợi (*về bản thân, gia đình, Giáo hội, xã hội*) để thi hành lựa chọn của mình hầu tôn vinh danh Chúa và lợi ích cho phần rỗi hơn. Ví dụ, với một người chọn đời tu, thì dấu chỉ xác chuẩn ngoại tại tỏ tường nhất là họ được bề trên hay giáo quyền tuyển nhận.

## (2) Sự đúng đắn trong cách phân định của người thụ hưởng

- Dấu chỉ nội tại: *Ý hướng ngay lành và sự thống nhất*

Người thụ hưởng có ý hướng ngay lành (*rightness*) và có sự thống nhất (*togetherness*) giữa những chia sẻ nội tâm trong quá trình phân định với quyết định cuối cùng của anh. Về dấu chỉ nội tâm nơi vị linh hướng, vị ấy cảm nhận sự an tâm và niềm vui trong Chúa về quyết định của người thụ hưởng; cảm giác mãn nguyện vì đã hoàn tất sứ mạng dìu dắt cá nhân đến với Ý Chúa.

- Dấu chỉ ngoại tại: *Tính thực tiễn của lựa chọn*

- Quyết định của người thụ hưởng đúng theo các tiêu chuẩn đức tin và giáo huấn của Hội Thánh.
- Quyết định ấy tương hợp và không đứt đoạn với “định hướng tôn giáo nền tảng” của người thụ hưởng, giúp người thụ hưởng tăng tiến hơn trong ơn gọi nền tảng của mình.

---

<sup>148</sup> Thánh Inhaxiô, *Nhật ký thiêng liêng* (1544)

<sup>149</sup> x. Christine Gizard, *Confirmation and Definitive Character of Choice*, Tạp chí *Review of Ignatian Spirituality*, số 34, tháng 1/2008, trang 78-86.

- Quyết định ấy đem lại ánh sáng giúp người thụ hưởng tự do hơn với những giằng co nội tâm hay “chưa bình tâm” trước đó.
- Quyết định ấy phù hợp với hoàn cảnh sống của người thụ hưởng, và khả thi trong thời gian lâu dài.

## KẾT LUẬN

Việc phân định của vị linh hướng là điều không thể thiếu trong đồng hành và trợ giúp phân định theo sự phạm của Thánh Inhaxiô. Để dễ hình dung mối liên hệ giữa “phân định” và “linh hướng” (tức các can thiệp trên người thụ hưởng), có thể ví phân định giống như “phần chìm” của tảng băng trôi, làm nền tảng cho “phần nổi” là linh hướng. Không thể có phần nổi của tảng băng nếu không tồn tại phần chìm to lớn. Vì thế, trong mỗi “tương quan bộ tam” của đồng hành thiêng liêng (*Thánh Thần, người thụ hưởng, vị linh hướng*), việc linh hướng sẽ trở thành vô nghĩa nếu vị linh hướng thiếu tham vấn với Thánh Thần ngang qua cầu nguyện và phân định, một sự cầu nguyện và phân định liên tục.

Còn trong tương quan với người thụ hưởng, việc phân định của vị linh hướng *phân biệt* nhưng *không tách biệt* với sự phân định của người thụ hưởng.

- *Phân biệt*, vì mục tiêu phân định của người thụ hưởng là tìm kiếm ý Chúa đối với bản thân, còn mục tiêu phân định của vị linh hướng lại liên quan đến chức năng đồng hành: *Tôi cần làm gì để là khí cụ trung tín và không thiên lệch (unbiased) trong tay Thánh Thần? Các can thiệp của tôi hỗ trợ hay cản trở người thụ hưởng tiến bước trong con đường của Thánh Thần?*

- *Không tách biệt*, vì cả hai tiến trình phân định đều hướng đến đề tài tìm kiếm của người thụ hưởng; diễn ra song song với nhau và tương tác lẫn nhau; cùng tiến hành theo các quy tắc phân định của Linh Thao; và nhất là việc phân định của vị linh hướng góp phần bổ túc quan trọng cho việc phân định của người thụ hưởng.

Lm Trương Thanh Tùng, SJ

## THỬ ĐỀ NGHỊ MỘT CUỘC NHẬN ĐỊNH CỘNG ĐOÀN

Lm Giuse Lê Quang Chung, SJ

Chúng ta đã bàn đến sự cần thiết của việc nhận định cộng đoàn trong Giáo hội và đặc biệt trong đời sống tu trì trong thời đại của chúng ta. Chúng ta cũng đã nhận ra nền tảng của việc nhận định cộng đoàn này trong Kinh Thánh, đặc biệt với Công đồng Yêrusalem của các Tông đồ. Và việc nhận định này được thực hiện một cách có phương pháp nơi thánh Inhaxiô và các bạn của ngài. Qua những dữ kiện ấy, chúng ta thấy được những nét chính yếu trong một cuộc nhận định cộng đoàn. Bây giờ, chúng ta thử đề nghị ra một hình thức tổ chức cuộc nhận định cộng đoàn trong đời sống tu trì dựa vào cách tổ chức của Thánh Inhaxiô đã đề ra.

Trong các tài liệu hiện thời của Giáo hội, không chỉ có Công đồng Vatican II mà cả Giáo luật cũng đã đề ra cho chúng ta một cách điều hành mới trong đời tu vốn mang sắc thái của việc nhận định cộng đoàn nhiều hơn. Bộ Giáo luật viết: “Trong tinh thần phục vụ, các bề trên hãy hành xử quyền hành đã lãnh nhận từ Thiên Chúa qua tác vụ của Giáo hội. Vì vậy, các vị hãy tỏ ra ngoan ngoãn với ý Chúa trong khi chu toàn nhiệm vụ cai trị những người thuộc quyền như những người con của Chúa, biết tôn trọng nhân vị của các người ấy qua việc xúc tiến sự vâng lời tự nguyện, vui lòng lắng nghe họ và cổ xúy sáng kiến của họ nhằm thiện ích của Giáo hội, tuy vẫn duy trì quyền của bề trên quyết định và truyền khiến những điều gì phải làm<sup>150</sup>.”

Thiết tưởng rằng chúng ta không cần đào sâu bộ Giáo luật, nhưng chỉ cần ghi nhận một số thành ngữ được nhấn mạnh, xúc tiến sự vâng lời tự nguyện, vui lòng lắng nghe bề dưới và cổ xúy sáng kiến của họ, nhưng vẫn duy trì quyền hành của bề trên. Các thành ngữ này giúp cho chúng ta ý thức và phải áp dụng cách điều hành đời tu thế nào để đem

---

<sup>150</sup> Giáo luật 1983, Bản Việt ngữ Nguyễn Văn Phương, ĐMHCG, số 618.

lại lợi ích cho cá nhân, cho Dòng và cho Giáo Hội.

Đề bàn về việc nhận định cộng đoàn trong đời tu, và làm nổi bật cách thức điều hành này, chúng ta đề cập trước hết về những điều kiện tiên quyết của việc nhận định, sau nữa chúng ta nói đến những công việc chuẩn bị cho một cuộc nhận định cộng đoàn và sau cùng, là các giai đoạn của nó.

## **I. Các Điều Kiện Tiên Quyết Cho Cuộc Nhận Định Cộng Đoàn**

Những điều kiện tiên quyết cho cuộc nhận định ở đây được hiểu là những sự chuẩn bị xa để có thể thực hiện việc nhận định cộng đoàn. Có ba yếu tố liên hệ đến việc chuẩn bị xa ấy: sự trưởng thành cá nhân, điều kiện cộng đoàn và vai trò của bề trên.

### **1. Sự trưởng thành cá nhân**

Trong một cuộc nhận định cộng đoàn, nếu không có sự trưởng thành cá nhân của người tu sĩ trong đời sống thiêng liêng thì không thể có nhận định cộng đoàn theo đúng nghĩa và ngược lại, nếu đời sống tu trì không cung cấp một sự trưởng thành cho mỗi thành viên về mọi mặt thì cũng không thể thực hiện được cuộc nhận định cộng đoàn. Vậy có những điều kiện căn bản để người tu sĩ đạt đến sự trưởng thành và tháp nhập vào đời sống dòng tu trong đó có việc nhận định cộng đoàn. Các điều kiện đó gồm:

#### **1.1. Một sự hiểu biết chính xác về đặc sủng của mình**

Đây chính là nền tảng, vì nó là điểm qui chiếu chính xác cho việc nhận định cộng đoàn. Chính thánh I- nhã và các bạn của ngài đã phải dựa vào đó để tìm kiếm các phương thế tốt nhất hầu có thể đạt tới ơn gọi của các ngài. Một sự hiểu biết chính xác về đặc sủng của mình quan trọng đến nỗi cha Jean Claude Dhôtel nói ‘không có thể có cuộc nhận định cộng đoàn nếu tất cả mọi thành viên không cùng nhất trí về một mục đích chung.’

Quả vậy, mỗi đặc sủng của một Dòng tu đều phát sinh do tác động của Chúa Thánh Thần trước một nhu cầu thực tế của Giáo hội. Nhìn vào lịch sử Giáo hội, chúng ta thấy được sự phong phú muôn màu của các đặc sủng ấy. Mỗi đặc sủng đều có sắc thái khác biệt nhau

nhằm xây dựng Giáo hội (1Cr 12-14). Mỗi vị sáng lập dòng tu đều có một kinh nghiệm thâm sâu của mình về Thiên Chúa và về thời đại của các ngài, để nhờ Chúa Thánh Thần tác động, các ngài diễn tả một khía cạnh, một nét độc đáo riêng để tỏ bày khuôn mặt Đức Ki-tô cho thế giới: chân dung Đức Ki-tô tự hủy nơi thánh I- nhã, chân dung Đức Ki-tô nghèo khó nơi thánh Phanxicô Assisi...

Các chân dung ấy nhiều khi rất gần gũi nhau, nhưng vẫn được diễn tả một cách rất khác biệt nhau: quan niệm diễn đạt sự nghèo khó nơi các tu sĩ dòng Phan-xi-cô hẳn là phải khác với quan niệm ấy nơi những tu sĩ dòng Tên. Thế nên, ngay từ khi bắt đầu gia nhập một cộng đoàn dòng tu, người tập sinh đã phải được đào luyện để thấu hiểu đặc sủng của mình giữa bao đặc sủng khác, đồng thời diễn đạt đặc sủng ấy bằng chính lối sống của mình. Một sự lây nhiễm đặc sủng khác vào đặc sủng của mình hay ngược lại áp đặt đặc sủng của mình vào một đặc sủng khác là làm sai lệch mục đích và như thế không thể có được một việc nhận định cộng đoàn chính xác.

Chính vì viễn tượng này, mà công đồng Vatican II đã mời gọi các dòng tu phải canh tân và thích nghi đời sống dâng hiến của mình cho am hợp với náo trạng thời đại, nhưng Công đồng cũng đòi buộc các dòng tu ấy phải liên tục trở về nguồn mạch của đời sống Ki-tô hữu và ơn linh ứng nguyên thủy của hội dòng (DT 2), thì điều ấy không hề có sự mâu thuẫn: canh tân và thích nghi là việc tìm kiếm những phương tiện, nhưng việc tìm kiếm này chỉ có giá trị khi dựa vào đặc sủng ban đầu, nếu không, việc canh tân và thích nghi sẽ mất phương hướng và đặc sủng cũng không còn tinh tuyền nữa.

Vậy, một sự hiểu biết chính xác về đặc sủng của mỗi hội dòng là điều thiết yếu không thể bỏ qua được.

## 1.2. Một sự trưởng thành trong đời sống thiêng liêng

Đạt được sự trưởng thành thiêng liêng chính là đạt được một sự tự do nội tâm. Các việc tham dự thánh lễ, cầu nguyện riêng, xét mình hằng ngày, sách thiêng liêng,...chính là những phương tiện giúp người tu sĩ có được một sự gắn bó có tính cách cá nhân với Đức Ki-tô và đạt tới một kinh nghiệm nhận định thần loại, để nhờ ơn sủng của

Chúa, người tu sĩ được thanh luyện khỏi những đam mê vô trật tự hay những quyến luyến lệch lạc và có thể thể hiện thánh ý Thiên Chúa cách chính xác hơn.

Đó là một sự tự do trong Thánh Thần mà người tu sĩ cần đạt đến trong đời sống thiêng liêng của họ. Thế nên khi nói về việc huấn luyện các tu sĩ trẻ Dòng Tên, Tổng Hội XXXI đã viết như sau: ‘Đối với chúng ta, việc gắn bó với Đức Ki-tô càng thân tình và càng đích thực bao nhiêu, thì chúng ta càng nỗ lực, với cả tâm hồn chúng ta, đảm nhận hình thức riêng về việc phục vụ Đức Ki-tô vốn là đặc điểm của Dòng bấy nhiêu... Lúc đó, họ nỗ lực phát triển nơi họ những thái độ thiêng liêng này vốn được thánh Inhaxiô rất quý chuộng... Thái độ tìm kiếm Thiên Chúa trong mọi sự, kinh nghiệm về việc nhận định thần loại’ (TH XXXI, SL.8,3).

Sự tăng trưởng thiêng liêng còn được thực hiện bằng những phương tiện khách quan qua việc bàn hỏi với cha linh hướng (TH XXXII, 240), việc bày tỏ lương tâm với bề trên (HP 278), hoặc qua những trung gian của cộng đoàn như việc bố thí thiêng liêng, thực hành việc bác ái (HP 63)... Các phương tiện khách quan này giúp cho người tu sĩ có thể nhận thức được sở trường và sở đoản của mình để với ơn Chúa, họ có thể canh tân cuộc sống mình nhằm đạt tới sự tự do nội tâm hơn.

Sự tự do nội tâm này rất cần thiết cho việc nhận định cộng đoàn, vì bao lâu người tu sĩ chưa lột bỏ con người cũ của mình, chưa thanh luyện mình khỏi những đam mê vô trật tự, thì bấy lâu họ chưa có thể ngoan ngoãn với những tác động của Thánh Thần và vì thế những ý kiến đóng góp của họ trong việc nhận định chỉ dừng lại ở mức độ tình cảm, diễn tả ý riêng của con người nhân bản thuần túy, hoặc tệ hơn họ sẽ có thái độ bóp méo ý Chúa trong việc nhận định.

### 1.3. Một sự hội nhập vào đời sống chung

Một nét độc đáo của đời sống tu trì là diễn tả cho thế gian sự hiện diện của Nước Trời ngay trong cuộc sống lữ hành này (Vat II, GH, 44). Hình ảnh lý tưởng mà thánh Luca diễn tả về đời sống Giáo hội sơ khai cho chúng ta thấy điều đó: Họ chuyên cần với giáo huấn của các

Tông đồ, và sự hiệp thông, việc bẻ bánh, và kinh nguyện... Các tín hữu hết thảy đều coi mọi sự như của chung: đất đai, của cải thì họ bán đi mà phân phát cho mọi người, ai nấy tùy theo nhu cầu của mình... (Cv 2, 42-44).

Việc hội nhập vào đời sống chung này giả thiết mỗi người tu sĩ phải biết thắng vượt mọi hình thức chủ nghĩa cá nhân (individualisme) vốn không thể được chấp nhận trong đời tu, thái độ bỏ mặc người khác mà không cần quan tâm đến họ hay ngược lại thái độ sống khắt khe với tha nhân vốn gây nên những trục trặc trong đời sống chung (1). Trái lại, việc hội nhập này mời gọi người tu sĩ biết trao đổi kinh nghiệm thiêng liêng với nhau trong tình bác ái và huynh đệ, biết tôn trọng ý kiến và lập trường của người khác và đồng thời biết khám phá ra nơi những ý kiến đó một sự tác động của Thánh Thần vốn muốn thổi nơi nào Ngài muốn. Hơn nữa tình bác ái huynh đệ này còn bao hàm nơi họ một thái độ biết gánh lấy những gánh nặng của nhau, mang lấy những yếu đuối của nhau để tiến lên con đường trọn lành.

Thái độ cởi mở và đối thoại với bề trên hay với những vị linh hướng cũng góp phần giúp người tu sĩ lớn lên trong sự trao đổi huynh đệ, trong trách nhiệm chung của sứ vụ. Chính trong chiều hướng này mà ngay trong giai đoạn thụ huấn, Tổng hội XXXI đã khuyên: mọi người chúng ta phải cộng tác tích cực vào sự tiến bộ thiêng liêng của mỗi người trong tinh thần bác ái huynh đệ, bằng cách biết mang lấy những gánh nặng của nhau, tùy theo mức độ về ơn sủng riêng của chúng ta và tùy theo chức năng mà Dòng trao phó cho chúng ta. Ước gì mọi người chúng ta hãy tận tâm thực hiện cách đích thực cho bề trên một sự tỏ bày lương tâm vốn có một vị trí quan trọng rất lớn lao trong truyền thống thiêng liêng của Dòng. Họ cũng hãy tìm những cuộc tiếp xúc với cha linh hướng và tìm kiếm những cuộc gặp gỡ huynh đệ giữa chúng ta, ở một mức độ nào đó những cuộc gặp gỡ ấy có mục đích cùng nhau tìm ý Chúa thì sẽ đem đến cho mọi người niềm vui thiêng liêng, sự khích lệ tâm hồn và sự phong phú trong việc tông đồ' (TH XXXI, SL.8,5).

Nếu không có sự hội nhập vào đời sống chung như thế, việc nhận

định cộng đoàn trong đời tu sẽ chỉ còn là những hình thức bảo vệ ý riêng bằng việc lán át người khác, hay ngược lại là những thái độ a tòng vốn chỉ muốn cậy dựa và lệ thuộc người khác. Lối sống thực dân hay lối sống tha hóa đó thôi!

#### 1.4. Một sự hiểu biết về não trạng thời đại

Những thay đổi về não trạng của con người thời đại chính là những dấu chỉ của Thánh Thần, Đấng luôn hành động và bày tỏ trong lòng thế giới. Người tu sĩ đích thực phải là người biết đọc ra những dấu chỉ ấy để có thể cụ thể hóa sứ điệp Tin Mừng. Ngược lại, một khi đã biết hiện thực hóa Tin Mừng, người tu sĩ lại trở nên dấu chỉ cho thế gian. Chính vì thế mà người tu sĩ không thể không biết đến các dấu chỉ thời đại, trái lại, ‘một sự hiểu biết đầy đủ về thời đại, về cảm thức của con người ngày nay... sẽ giúp cho họ diễn tả đặc sủng của mình cho thời đại một cách thích hợp hơn. Bởi lẽ ‘Giáo Hội đã tự định nghĩa mình là Ánh Sáng muôn dân’ (GH 1) ở đó, đối với con người ngày nay thì ‘Vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của họ cũng phải là vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của chính Giáo Hội (MV 1). Thế nên, người tu sĩ, nhất là những tu sĩ sống trong đặc sủng tông đồ không được xa cách với điều mà Giáo Hội đang rung cảm.

Trong ý nghĩa này, Công đồng khuyến ‘các dòng tu phải thúc đẩy các tu sĩ tìm hiểu đầy đủ về hiện trạng của con người, của thời thế và về nhu cầu của Giáo Hội, làm sao để một khi biết khôn ngoan nhận định những hoàn cảnh của thế giới ngày nay trong ánh sáng đức tin và biết nung nấu nhiệt tâm truyền giáo, họ có thể nâng đỡ con người cách hữu hiệu hơn’ (DT 2,d).

Đối với các dòng hoạt động tông đồ thì sự hiểu biết về cảm thức con người, một sự tìm hiểu sâu xa về các nền văn hóa mình đang sống lại càng cần thiết. Chính sự hiểu biết ấy khiến con người tu sĩ phải thay đổi cách suy nghĩ của mình và thích nghi Tin Mừng vào nền văn hóa đó. Nếu không có điều ấy, công việc truyền giáo vốn là điều tốt lành lại bị người khác chỉ trích là một hình thức thực dân thiêng liêng. Tổng hội XXXIII cũng đã nhấn mạnh về điều này và nói ‘...Trong số các điều kiện này, chỗ thứ nhất phải dành cho việc sống gần gũi hơn

với con người, trong đời sống hằng ngày, để vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của con người ngày nay, nhất là của người nghèo và những ai đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của các môn đệ Chúa Ki-tô'. Sau đó, chúng ta phải đều đặn diễn tả bản thân bằng những hoàn cảnh mới mà người ta sống và nghĩ, để cuối cùng tập hợp cách nhìn và cách phán đoán đã quen mà đặt lại vấn đề. Một lần nữa, chúng ta phải vun xới việc sở hữu hóa từ từ khoa sự phạm tông đồ của thánh Inhaxiô. Cũng không được bỏ qua việc phân tích xã hội và văn hóa, và việc nhập hóa đức tin. Việc phân tích xã hội và văn hóa phải dựa trên sự hiểu biết thực về hoàn cảnh. Việc nhập hóa đức tin mở ra cho chúng ta nhận biết Lời Chúa đang hành động trong sự tiến triển của các dân tộc khác nhau, để chúng ta khỏi coi những cách nhận xét và hành động của chúng ta là tuyệt đối (TH XXXIII, SL 1,41).

Vậy một cuộc nhận định cộng đoàn giả thiết một sự thay đổi hoặc canh tân nào đó về phương tiện khi qui chiếu vào đặc sủng nguyên thủy của dòng tu. Sự thay đổi hay canh tân này mời gọi người tu sĩ đọc lại đặc sủng nhờ vào dấu chỉ của thời đại. Nhưng không có sự hiểu biết đầy đủ về dấu chỉ ấy, thì cũng chẳng có sự thích nghi trọn vẹn nếu không muốn nói là tiếp tục bước đi trong sự xa cách con người thay vì mưu ích lợi cho họ về phần rồi.

## **2. Điều kiện cộng đoàn**

Để có thể tạo cho người tu sĩ đạt được một sự trưởng thành trong cuộc sống thiêng liêng và nhân bản, và để cho họ góp phần tích cực vào những công việc chung, đặc biệt về việc nhận định cộng đoàn, thì cộng đoàn tu trì phải cung cấp và huấn luyện những thành viên của mình về những điều kiện thích hợp cho sự tăng trưởng ấy.

Trước hết, vì được qui tụ với nhau nhân danh Chúa và nhờ Thánh Thần của Ngài, cộng đoàn dòng tu phải được đặt nền tảng trên đức ái và trên những ơn huệ và ơn sủng thần linh<sup>151</sup>.<sup>14</sup> Những phương tiện thiêng liêng nối kết nhau lại trong đức ái rất cần thiết cho đời sống cộng đoàn: Thánh lễ được coi là tâm điểm, việc cầu nguyện chung,

---

<sup>151</sup> P.H. Kolvenbach, ActaRomana S.I., Vol. XIX, 1986, trang 754.

việc chia sẻ thiêng liêng và cả đến những cơ hội tinh tâm chung trong đó có việc xét mình cộng đoàn về lối sống và việc tông đồ... đều là những cơ hội thuận tiện giúp cho người tu sĩ tập sống việc nhận định thiêng liêng, tập lắng nghe và tôn trọng những nhận định và cảm thức của người khác. Vì thế, việc tổ chức và nhà ở phải tạo cho cộng đoàn có được đời sống nội tâm, đồng thời giúp đỡ tất cả anh em tiến bộ về đời sống thiêng liêng, trí thức và văn hóa. Đó là những điều kiện giúp cho việc thực hiện sứ mạng tông đồ được hữu hiệu hơn (TH XXXII, SL 11,52).

Thứ đến, cộng đoàn phải nỗ lực làm tăng trưởng tình bằng hữu và mối dây thân ái giữa những người tu sĩ đang sống trong đó. Tình thân hữu và mối dây thân ái này phải được bén rễ và phải được diễn tả trong sự tin tưởng hoàn toàn lẫn nhau, trong sự mưu cầu lợi ích cho nhau và trong sự tôn trọng lẫn nhau. Cụ thể tình thân ái được tỏ lộ trong những cuộc trao đổi, trong những việc cộng tác chung và cả đến những thời gian giải trí, nghỉ ngơi cũng đều là những cơ hội để các tu sĩ biết lưu tâm đến con người của nhau hơn là đến những sự thành tựu của công việc. Một cộng đoàn yêu thương còn là cộng đoàn biết chia sẻ niềm vui và sự đau khổ của mỗi thành viên của mình. Chính qua mối dây yêu thương và thân ái đó mà mỗi tu sĩ tập cho mình biết tương đối hóa ý kiến và lập trường của mình khi nhận ra những giá trị cao đẹp và tốt lành của người khác trong những cuộc tiếp xúc và đối thoại. Như thế bầu khí cộng đoàn sẽ thanh luyện từ từ khỏi những dấu vết của sự gâý hấn vốn dễ xảy ra trong cuộc sống chung. Tóm lại ‘... Một cộng đoàn thiếu thành thực và cởi mở trong khi giao tiếp với nhau, không bao lâu sẽ co lại trong những cơ cấu thuần hình thức, không thể đáp ứng nổi những nhu cầu rộng lớn ngày nay nữa, hoặc sẽ tiêu tán hoàn toàn’ (TH XXXII, SL 11,32).

Sau cùng, đối với các Dòng tông đồ, cộng đoàn còn phải huấn luyện người tu sĩ biết cộng tác và đối thoại với những người bên ngoài, cả đến giáo dân, người ngoại và với những tu sĩ không thuộc Dòng của mình để hiệu quả tông đồ được thành tựu và phong phú hơn. ‘Trong viễn tượng này, việc huấn luyện phải chuẩn bị những chứng tá cũng như những người phục vụ đức tin, để với tư cách là những tu sĩ Dòng

Tên, họ có thể được cử đến những nơi khó khăn mà phục vụ Giáo Hội đặc lực hơn. Cũng phải đào tạo cho anh em chúng ta khả năng đối thoại với mọi người, và biết đương đầu với những vấn đề của nền văn hóa thời đại, ngõ hầu trong chính môi trường sống ấy, họ phục vụ cho tiến bộ tinh thần của tha nhân, theo đúng truyền thống Dòng' (TH XXXII, 138).

### 3. Vai trò của Bề trên

#### 3.1. Đối với cộng đoàn

Sứ mạng của bề trên phải là môi dây liên kết các thành viên trong cộng đoàn và là tâm điểm phát sinh ra sự đồng tâm nhất trí của các thành viên thuộc quyền mình. Thế nên để có thể chuẩn bị cho các tu sĩ thuộc quyền có thể đóng góp tích cực vào những việc nhận định cộng đoàn khi có dịp, 'các anh trưởng có trọng trách phải hết sức xây dựng một cộng đoàn tông đồ theo tinh thần thánh Inhaxiô, ở đó họ có được những điều kiện giúp anh em tin cậy và thân ái trao đổi thiêng liêng qua nhiều hình thức. Khi đề cập đến những vấn đề quan trọng và sau khi hội đủ những điều kiện cần thiết, nên dùng việc nhận định thiêng liêng cộng đoàn như phương thế đặc biệt để tìm thánh ý Chúa' (TH XXXII, 251).

Không chỉ ở bình diện rộng lớn của cộng đoàn, bề trên còn phải lưu tâm đến sự trưởng thành nơi từng thành viên của mình. Chính qua những trao đổi trong sự thân ái, qua việc bày tỏ lương tâm, bề trên có thể thấu hiểu những khó khăn của họ để có thể hướng dẫn họ nhận ra những ưu điểm của họ và củng cố họ, đồng thời nhận biết những yếu đuối của họ để nâng đỡ họ với lòng nhân ái và với sự thẳng thắn của đức ái có nhận định, 'discreta caritas'. Như thế, bề trên có thể giúp cho từng thành viên được tăng trưởng trong ơn gọi và giúp họ dần thân hơn vào việc mưu ích chung của Dòng và của Giáo hội, đồng thời không một tu sĩ nào cảm thấy mình bị bỏ rơi hoặc bị coi thường.

#### 3.2. Đối với chính việc nhận định cộng đoàn

Trên đây, chúng ta đã đề cập về vai trò của vị bề trên trong công cuộc chuẩn bị cộng đoàn và tu sĩ hội đủ những điều kiện cần thiết cho việc nhận định cộng đoàn. Tới đây, chúng ta bàn luận đến vai trò của

ngài trong chính việc nhận định cộng đoàn.

Là bề trên của một hội dòng có nghĩa là nhận lãnh một bồn phận, một sứ mạng đối với hội Dòng ấy. Vì vậy, bề trên có trách nhiệm đặc biệt về việc xây dựng cộng đoàn dòng tu của mình và hơn nữa đối với nỗ lực nhận định mà ngài được mời gọi sống chung về việc tông đồ của Dòng. Tuy nhiên, như chúng ta đã đề cập, việc nhận định cộng đoàn không những không vi phạm đến quyết định sau cùng của ngài, nhưng còn củng cố hơn vai trò tỏ lộ thánh ý Thiên Chúa vốn đã được Thiên Chúa ủy thác cho ngài. Vậy, việc nhận định cộng đoàn có giá trị của một sự chuẩn bị cho những quyết định sau cùng của bề trên có tầm quyền bằng cách cung ứng những dữ kiện rất có giá trị để ngài có thể thực hiện sứ mạng của ngài một cách chính xác nhất.

Quả vậy, bề trên là người tỏ lộ ý Chúa qua quyết định cuối cùng của ngài. Nhưng để có thể tỏ lộ ý Chúa một cách chính xác nhất, chính ngài cũng phải là người trước tiên phải nỗ lực tìm kiếm ý Chúa. Trong việc tìm kiếm để bày tỏ thánh ý Thiên Chúa này, vị bề trên nhiều khi nhận ra những giới hạn và cả đến những thiếu sót của mình trong trách nhiệm của ngài, nên việc nhận định cộng đoàn càng cần thiết nhằm bù đắp cho những giới hạn và thiếu sót đó. Trong cuộc nhận định cộng đoàn, nếu những thành viên phải nỗ lực vượt thắng những khó khăn, những thử thách, thì hơn nữa, chính bề trên cũng chia sẻ cùng một khó khăn và thử thách ấy, nếu chúng ta xét rằng cộng đoàn là chủ thể của cuộc nhận định. Vậy bề trên không những không tách biệt mà còn gắn liền với chính cuộc nhận định cộng đoàn ấy.

Thế nên, nếu một sự trưởng thành thiêng liêng nơi các tu sĩ đòi phải có để khả dĩ có việc nhận định cộng đoàn thì điều đó lại càng đòi hỏi hơn nơi vị bề trên. Có thể nói, hình ảnh lý tưởng của vị bề trên là phải 'bon bon' trên đường thiêng liêng qua việc làm quen với việc nhận định, qua việc hiểu biết sâu rộng về đặc sủng của Dòng và về tình trạng xã hội, văn hóa của thời đại. Nhờ thái độ thiêng liêng và sự hiểu biết ấy, vị bề trên có thể tham dự tích cực và dẫn dắt việc nhận định đạt đến kết quả tốt hơn, đồng thời có thể sáng suốt, nhờ ánh sáng của Thánh Thần, chọn lựa một đường lối thích hợp hơn trước những

dữ kiện mà cộng đoàn đã cung cấp cho ngài.

## **II. Chuẩn Bị Cuộc Nhận Định Cộng Đoàn**

Sau khi đã đưa ra những điều kiện tiên quyết khả dĩ có được một cuộc nhận định cộng đoàn, chúng ta bắt đầu tiến dần vào chính cuộc nhận định cộng đoàn. Vì cuộc nhận định cộng đoàn trong đời tu thường có được quyết định cuối cùng nơi vị bề trên thẩm quyền vốn cũng là thành viên của chính cuộc nhận định cộng đoàn ấy, nên quyết định của ngài cũng chính là sự phê chuẩn. Vì thế cuộc nhận định cộng đoàn này còn lại ba giai đoạn chính: giai đoạn đặt vấn đề, giai đoạn thảo luận và quyết định chung quyết.

Tuy nhiên trước khi đi vào ba giai đoạn chính yếu này, thiết tưởng chúng ta nên đề cập đến sự chuẩn bị cho chính cuộc nhận định. Sự chuẩn bị này có mục đích để thực hiện cuộc nhận định có phương pháp và dẫn tới kết quả cho cuộc nhận định được chính xác. Thế nên giai đoạn chuẩn bị này bao gồm một số yếu tố sau:

### **1. Hình thức tổ chức**

Ngoài những hình thức đơn giản có liên quan đến cá nhân hay cộng đoàn được thực hiện bằng con đường đối thoại thiêng liêng và bày tỏ lương tâm giữa vị bề trên với người tu sĩ, hoặc bằng con đường tham khảo của bề trên với ban cố vấn, ta nói đến hình thức được tổ chức chặt chẽ ở đây. Hình thức này có những thành viên liên quan của một tổ chức của một nhà, một miền, một tỉnh... tham dự: chẳng hạn, cuộc nhận định cộng đoàn của một nhà liên quan đến việc tông đồ của nhà ấy, hoặc xác định một cách sống nghèo khó cho một nhà... Như thế các hình thức được thay đổi tùy theo vấn đề có liên quan đến cấp độ nào của nhà dòng.

### **2. Thành viên tham dự**

Tùy theo tầm quan trọng về cấp độ của vấn đề được đề ra mà người ta xác định số thành viên theo cấp độ đó tham dự. Chẳng hạn những công tác tông đồ chuyên môn chỉ cần những thành viên của công tác đó tham dự và tùy theo cấp độ liên quan đến một nhà hay một miền dòng... Có thể vấn đề chỉ liên quan đến đời sống của một

nhà của dòng thì phạm vi nhận định bao gồm các thành viên của cơ sở ấy. Nếu vấn đề liên quan đến cả hội dòng thì việc tổ chức nhận định được thông báo đến toàn dòng và việc nhận định được khởi đi từ các nhà, các miền, các tỉnh và sau cùng đến toàn thể dòng. Thường thì trong các cuộc nhận định như thế đều có sự hiện diện của các bề trên liên hệ của mỗi cấp độ.

### 3. Ban thư ký

Để việc tiến hành cuộc nhận định cộng đoàn được chính xác và rõ ràng, trong giai đoạn chuẩn bị đã phải thiết lập một ban thư ký. Ban này cùng làm việc bên cạnh vị bề trên liên hệ. Ngay từ đầu, ủy ban này có vai trò soạn thảo những vấn đề được đặt ra một cách rõ ràng để mọi thành viên tham dự đều hiểu chính xác các vấn đề được nêu ra. Ủy ban này sẽ làm việc trong suốt thời gian nhận định để đúc kết các ý kiến và hướng dẫn vấn đề thảo luận cùng với bề trên.

Chúng ta cần ghi nhận rằng vị bề trên điều hành việc nhận định và ban thư ký đúc kết các ý kiến chỉ có mục đích hướng dẫn cuộc nhận định đi đúng hướng và theo đúng phương pháp để có thể đạt đến kết quả cuối cùng của việc nhận định chứ không phải uốn nắn cuộc nhận định đi theo ý hướng của mình đã vạch sẵn.

### 4. Phương pháp đề nghị

Phương pháp chúng ta đề nghị ở đây chính là phương pháp nhận định cộng đoàn của thánh Inhaxiô và các bạn của ngài đã thực hiện về việc thành lập Dòng. Đó chính là việc áp dụng việc chọn lựa ơn gọi của các cá nhân nơi việc chọn lựa có thể thay đổi vào bình diện cộng đoàn: thì thứ ba của việc chọn lựa theo những điểm của cách thứ nhất và một qui tắc khách quan của cách thứ hai (LT 177-183 và 185).

Phương pháp này gồm ba giai đoạn tổng quát như đã nói:

- Giai đoạn 1: đặt vấn đề và nhận định cá nhân.
- Giai đoạn 2: lắng nghe và thảo luận.
- Giai đoạn 3: quyết định chung quyết của bề trên.

Thực ra trong Linh thao, thánh Inhaxiô đã đề nghị ba phương pháp chọn lựa mà ngài gọi là ba thời kỳ chọn lựa: thời kỳ thứ nhất dựa trên

tình yêu (LT 175), thời lý thứ hai dựa vào kinh nghiệm tác động của thần loại (LT 176) và thời kỳ thứ ba dựa vào lý trí tự nhiên suy xét dưới ánh sáng đức tin (LT177). Chúng ta đã nói đến việc chọn lựa cá nhân rằng theo thánh Inhaxiô, mỗi thì của sự chọn lựa đã có giá trị đầy đủ cho cuộc chọn lựa (LT 178) và việc chọn lựa theo thời kỳ thứ ba có tính phổ thông nhất, nghĩa là mọi người đều có thể thực hiện được với điều kiện của sự bình tâm đòi hỏi. Vì thế khi áp dụng vào việc nhận định cộng đoàn, chúng ta chỉ sử dụng những qui tắc thích hợp của thời kỳ thứ ba miễn là mọi thành viên có được thái độ bình tâm với sự việc và thấm nhuần lối sống thập giá của Đức Ki-tô dành cho người môn đệ.

Tóm lại, giai đoạn chuẩn bị càng chu đáo thì việc nhận định cộng đoàn càng được tiến hành tốt, càng có hệ thống và phương pháp thì việc nhận định càng chính xác và không trở nên nặng nề cho các thành viên tham dự.

### Giai Đoạn 1

#### Đặt Vấn Đề Và Nhận Định Cá Nhân

Sau khi đã có một sự chuẩn bị kỹ càng, chúng ta bước vào giai đoạn thứ nhất của cuộc nhận định. Giai đoạn này có hai yếu tố chính là việc đặt vấn đề và việc nhận định cá nhân.

#### **1. Vấn đề đặt ra**

Như chúng ta đã nói đến, vấn đề được đặt ra ở đây là những câu hỏi do bề trên trực thuộc và ban thư ký soạn thảo. Những câu hỏi phải có tính rõ ràng và chính xác. Ngoài ra để có thể là một cuộc nhận định cộng đoàn, vấn đề nêu lên phải có một tầm quan trọng đáng kể<sup>152</sup>. Quả thế, nếu một vấn đề được nêu ra không khó khăn hoặc chỉ liên hệ đến cá nhân thì chúng ta đã có hình thức đơn giản để thực hiện: việc bàn hỏi một số người đáng tin cậy hay ban cố vấn. Mặt khác nếu một vấn đề có tầm quan trọng nhưng chắc chắn sẽ có một sự nhất trí chung thì cũng không cần đến việc nhận định cộng đoàn. Vì thế vấn đề cần đến cuộc nhận định cộng đoàn phải là vấn đề có tầm quan trọng và dẫn đến

---

<sup>152</sup> P.H. Kolvenbach, tác phẩm đã trích, trang 760.

những sự lựa chọn khác nhau. Sự chọn lựa có khi là đối nghịch, có khi là đa dạng nên vấn đề được đặt ra cũng thuộc về những hình thức ấy. Có hai hình thức của câu hỏi: A và Phi A hoặc A có B,C,D,E giải đáp.

Thường thì vấn đề được đặt ra có liên quan đến tình trạng cụ thể. Vì thế chúng ta cần lưu ý đến một yếu tố khác quan trọng khi đặt vấn đề: vấn đề được đặt ra luôn phải có một tương quan chặt chẽ với mục đích. Ở đây, mục đích chính là đặc sủng nguyên thủy của Dòng. Hoặc ít ra vấn đề đặt ra phải được mọi thành viên tìm kiếm sự chọn lựa dựa vào đặc sủng ấy. Nhờ vậy, khi nỗ lực tìm kiếm sự chọn lựa, những thành viên không đánh mất cứ điểm của mình để lao vào những đòi hỏi của tình trạng cụ thể.

Sau cùng vấn đề đặt ra cũng phải có đủ thời gian cho các thành viên suy nghĩ và tìm kiếm. Nếu không việc nhận định sẽ chỉ có tính hình thức và hình thức mà thôi. Thời gian suy nghĩ lâu mau tùy theo tầm quan trọng của vấn đề

## **2. Việc nhận định cá nhân**

Trong việc nhận định cá nhân, có hai yếu tố đòi buộc là suy nghĩ trong cầu nguyện và sự độc lập của mỗi cá nhân.

### **2.1. Suy nghĩ trong cầu nguyện:**

Vì việc nhận định cộng đoàn là việc nhận định trong Thánh Thần và chỉ nhận lãnh ánh sáng từ Ngài, nên muốn cho việc nhận định ấy khỏi rơi vào nguy cơ trở thành một cuộc thảo luận thuần túy nhân bản như những cuộc hội nghị, thì điều tiên quyết là mọi suy xét đều phải được thực hiện trong tinh thần cầu nguyện. Tùy ở vấn đề liên hệ mà cộng đoàn miền, Tỉnh... phải dấn thân vào việc suy nghĩ ngay từ khi bắt đầu việc chuẩn bị. Ngoài những hình thức cầu nguyện chung: thánh lễ, giờ kinh phụng vụ chung, dịp tĩnh tâm chung... mọi thành viên tham dự và cả những người khác đều phải qui hướng về đó và xin ơn Thánh Thần soi sáng cho vấn đề, mỗi thành viên còn có bổn phận tìm kiếm ánh sáng của Thánh Thần trong việc cầu nguyện, xét mình, sách thiêng liêng... Tóm lại, cả cộng đoàn lẫn từng cá nhân đều phải sống trong bầu khí cầu nguyện và suy nghĩ trong mọi việc làm của mình.

Để có thể nhận được ánh sáng của Thánh Thần trong cầu nguyện, mỗi thành viên tham dự phải thanh luyện mình khỏi mọi đam mê vô trật tự, nghĩa là họ phải đặt việc ca ngợi, tôn kính và phụng sự Thiên Chúa làm nguyên lý và nền tảng (LT 23), còn các điều khác phải được coi là phương tiện để đạt tới nguyên lý ấy. Đó chính là thái độ bình tâm phải có trong tất cả mọi việc chọn lựa theo quan niệm của thánh Inhaxiô. Như thế, vấn đề được đặt ra cho việc chọn lựa ‘có’ hay ‘không’ hoặc ‘cách này’ hay ‘cách khác’ đều phải được cân nhắc kỹ lưỡng theo ‘Nguyên lý và Nền tảng’.

Mặt khác, mỗi thành viên tham dự còn phải đào sâu vấn đề ở mọi bình diện, từ một ý kiến tổng quát đến sự xem xét sự vật và cảm nghiệm sâu xa về vấn đề. Làm như thế việc nhận định được mọi người suy xét ở mọi bình diện và ở tận chiều sâu của nó, chứ không chỉ là một sự suy nghĩ nông cạn và hời hợt ở bề ngoài của vấn đề mà thôi.

Sau cùng, nếu các tu sĩ tham dự chỉ đi tìm sự lựa chọn dựa vào sự bình tâm thôi thì chưa đủ. Đời sống dâng hiến của họ là một lối sống anh hùng vốn triệt để noi gương Đức Ki-tô. Điều này được biểu lộ qua những lời khấn của họ. Thế nên, nếu một người tín hữu chân chính bước vào cuộc chọn lựa, họ cũng được mời gọi để ôm ấp Đức Ki-tô vác thập giá, thì điều này càng thúc bách những người sống trong đời tu hơn nữa. Vì thế vấn đề của cuộc nhận định còn phải đặt dưới ánh sáng của những bài cầu nguyện ‘tiếng gọi’ (LT 91-98), ‘Hai cờ hiệu’ (LT 136-148) và ‘Ba bậc khiêm nhường’ (LT 165-168) để giúp cho mỗi thành viên tìm phương tiện nào am hợp nhất với những sự chọn lựa của Đức Ki-tô. Đó là một sự chọn lựa của con đường thập giá để nên giống Ngài hơn và bắt chước Ngài hơn. Mọi sự chọn lựa khác với cách chọn lựa của Đức Ki-tô đều không diễn tả căn tính đời tu và đều đáng nghi ngờ.

## 2.2. Trong sự độc lập

Yếu tố thứ hai trong việc nhận định cá nhân là sự độc lập, nghĩa là mỗi cá nhân chỉ suy xét dưới ánh sáng và sự tác động của Thánh Thần chứ không chịu một sức ép nào từ bất cứ nơi đâu. Điều này tuyệt đối phải tuân giữ, nếu không sẽ biến cuộc nhận định thiêng liêng

thành một cuộc vận động cho một lập trường hay cho một phe nhóm. Và đó là dấu vết của ma quỷ đồng thời ai thực hiện điều này là thuộc về quyền lực của nó.

Thực vậy, nếu chủ thể của việc nhận định cộng đoàn là chính cộng đoàn, mà việc nhận định đó được thực hiện bởi các cá nhân của cộng đoàn đó, thì ánh sáng của Thánh Thần cũng chỉ được tỏ lộ qua việc tìm kiếm của những cá nhân ấy. Một khi có được sự độc lập như thế thì qua những ý kiến khác nhau, có khi đối nghịch nhau, chính Thánh Thần sẽ cho thấy cần tiến đến một chọn lựa nào am hợp cho vấn đề được nêu ra. Vậy mọi hình thức tạo ảnh hưởng, vận động kẻ khác về phe của mình để có số đông gây áp lực đối với bề trên đều là những hình thức bóp méo việc nhận định thiêng liêng, và như thế là chống lại Thánh Thần.

Trong đời sống tu trì, chính Thiên Chúa là Đấng khởi xướng và qui tụ những tu sĩ lại với nhau trong một ơn gọi, một đặc sủng duy nhất. Nhưng những tu sĩ này lại có những sự khác biệt nhau về nguồn gốc, tính tình, tuổi tác và cả đến thời gian thụ huấn trong Dòng... Tuy nhiên, những khác biệt đó không thể phá hủy sự hiệp nhất, trái lại chúng còn củng cố sự hiệp nhất trong Thánh Thần, một sự hiệp nhất trong đa dạng. Điều ấy tạo nên nét phong phú và tính sáng tạo trong đời tu ngõ hầu lời chứng của họ về Đức Ki-tô thêm sống động.

Quả vậy, trong việc nhận định cộng đoàn, những khác biệt đó nơi mỗi cá nhân được biểu lộ một cách rõ nét. Những lập trường khác nhau, đôi khi đối nghịch nhau bày tỏ sự đa dạng của việc nhận định. Nhưng chính trong sự khác biệt đó mà Thánh Thần liên kết họ lại: mỗi lập trường đều có thể có một khía cạnh của sự thật tùy ở cách họ cảm nhận được tiếng nói của Thánh Thần mà người khác không nhận ra. Điều ấy muốn nói rằng có thể có những nhận định sai lầm ở một vài cá nhân. Tuy nhiên, tất cả những khía cạnh của sự thật và cả đến những sai lầm có thể có đều được Thánh Thần thanh luyện và canh tân để qui kết vào một con đường thích hợp nhất. Đó cũng là ý nghĩa 'vì ích chung' mà thánh Phao-lô muốn nhắm đến.

Cả đến những khả năng học vấn cũng được hiểu như vậy. Quả

thể, trong việc nhận định cộng đoàn, ý kiến cá nhân không thuộc vào khả năng tự nhiên của con người mà tùy thuộc vào việc cởi mở ra với tác động của Thánh Thần. Chúng ta cần xác định rằng không phải kẻ có kiến thức sâu rộng là người đưa ra ý kiến đúng nhất mà người đưa ra ý kiến có giá trị nhất và đúng nhất là người có sự trong sáng của con tim trong việc nhận định. Dĩ nhiên trong việc nhận định cộng đoàn, người ta cần đến một mức độ hiểu biết tối thiểu nào đó để có thể tham dự và đóng góp vào việc nhận định. Nhưng một việc nhận định cộng đoàn chỉ dựa vào những người trỗi vượt về trí thức, thì việc nhận định ấy rất có thể có nguy cơ rơi vào một sự lựa chọn thuần túy nhân loại, nếu những người này không thực sự mở lòng ra với Thánh Thần mà chỉ muốn tìm một sự ảnh hưởng trên người khác.

Tóm lại, sự suy nghĩ của mỗi thành viên trong việc nhận định phải tuyệt đối có sự độc lập và chỉ dựa vào sự tác động của Thánh Thần chứ không dựa vào đâu khác.

## Giai Đoạn 2

### Lắng Nghe Và Thảo Luận

Sau giai đoạn thứ nhất được hiểu là giai đoạn suy nghĩ và cầu nguyện của mỗi thành viên, chúng ta bước vào giai đoạn thứ hai, giai đoạn của sự lắng nghe và thảo luận. Đây là giai đoạn chính của cuộc nhận định cộng đoàn để dẫn đến quyết định chung quyết của bề trên. Bởi lẽ chính trong sự lắng nghe và thảo luận dưới ánh sáng của Thánh Thần mà ý Chúa được tỏ lộ. Chúng ta bắt đầu tìm hiểu giai đoạn này.

#### **1. Trình bày và lắng nghe**

##### **1.1. Cách thức tiến hành**

Chúng ta đã nói đến vấn đề đặt ra cho cuộc nhận định cộng đoàn: Nếu vấn đề thuộc hệ thống A hay Phi A, thì tùy ở tầm quan trọng của vấn đề mà mỗi thành viên có thể trình bày ý kiến của mình. Nếu vấn đề ít quan trọng, mỗi thành viên có thể trình bày những lý do ủng hộ và chống lại Phi A rồi tiếp ngay sau đó, trình bày những lý do ủng hộ và chống lại A. Ngược lại, nếu vấn đề có một tầm quan trọng lớn hơn, người ta có thể tổ chức làm 2 lần biệt lập: một lần cho những lý do

ủng hộ và chống lại Phi A rồi một lần khác cho những lý do ủng hộ và chống lại A. Phi A trước hay A trước không quan trọng, nhưng theo bài học của thánh Inhaxiô và các bạn điều chống lại con đường thập giá Đức Ki-tô được trình bày trước: Phi A rồi sau đó là điều ôm áp con đường Đức Ki-tô: A. Có lẽ cách tiến hành này làm nổi bật chân dung Đức Ki-tô trong cuộc nhận định chẳng.

Cũng tương tự đối với vấn đề A có B, C, D, E... giải đáp. Nếu vấn đề ít quan trọng, mỗi thành viên có thể trình bày thứ tự B, C, D, E... giải đáp với những lý do thuận nghịch rồi sau đó mình chọn ý kiến nào am hợp. Còn vấn đề quan trọng, người ta phải tiến hành từng giải đáp cho mỗi lần trình bày.

Trong việc trình bày, ban thư ký có nhiệm vụ ghi lại một cách rõ ràng và chính xác những ý kiến và giải đáp của từng cá nhân, đúc kết giải đáp thuận nghịch và sau đó công bố lại đúc kết của mình vào cuối cuộc trình bày để mỗi thành viên nắm vững những dữ kiện để trở về suy nghĩ trong cầu nguyện và để chuẩn bị bước vào cuộc thảo luận.

## 1.2. Quy luật của việc trình bày và lắng nghe

Chúng ta cần nắm vững quy luật của việc trình bày và lắng nghe này: Việc trình bày và lắng nghe của mỗi cá nhân trong việc nhận định cộng đoàn có hai mục tiêu chính: Trước hết là bày tỏ ý kiến của mỗi cá nhân về vấn đề sau khi đã suy nghĩ, cân nhắc và chọn lựa dưới ánh sáng của Chúa Thánh Thần; sau nữa là biết mở lòng ra để đón nhận những tác động khác mà Thánh Thần khơi động nơi những kẻ khác. Vậy đây không còn là sự bình tâm của một mỗi cá nhân với vấn đề nhận định mà còn là sự bình tâm của mỗi cá nhân với những việc nhận định khác nhau mà người khác đem đến. Nghĩa là điều mà tôi trình bày cho cộng đoàn và những điều mà những người khác trình bày cho tôi đều phải được lắng nghe và tôn trọng như nhau. Bởi lẽ Thánh Thành muốn thối nơi nào Ngài muốn (Ga 3,8). Chẳng hạn, một người hay có thái độ chỉ trích hoặc phản kháng trong cộng đoàn, khi bước vào cuộc nhận định họ có thể trình bày ý kiến theo cách diễn tả này và dễ bị người khác phủ quyết theo thành kiến sẵn có. Tuy nhiên, nếu người ấy thực sự sống dưới ánh sáng của Thánh Thần trong cuộc nhận

định, biết đâu Thánh Thần có thể sử dụng họ để đưa ra một ý kiến vững chắc nhất.

Nếu không có sự tôn trọng và cởi mở của sự bình tâm này nơi mỗi thành viên, mỗi người sẽ dễ đóng khung lại nhằm bảo vệ lập trường của mình và dễ có thái độ phán đoán tiêu cực về những ý kiến của người khác. Chính vì thế, trong cuộc tập luyện Linh thao, thánh Inhaxiô đã xác định rõ điều kiện tiên quyết này cho người bước vào cuộc thao luyện như sau: ‘muốn cho vị hướng dẫn và người tập luyện Linh thao được nhiều ích lợi hơn, phải tiên nhận rằng: mọi giáo hữu tốt nhất phải mau mắn cứu vãn ý kiến của người khác hơn là lên án nó. Nếu không cứu vãn được, phải hỏi xem người ta có hiểu ý kiến ấy thế nào, và nếu họ hiểu sai, phải sửa chữa với tình thương yêu, nếu làm như thế không đủ phải tìm mọi phương thế thích hợp để họ được hiểu đúng và khỏi sai lầm’(LT 22).

Chúng ta nên nhớ rằng thánh Inhaxiô nhấn mạnh đến ích lợi của cả hai phía: người hướng dẫn và cả người tập luyện để cả hai đều mở ra và đón nhận tác động của Thánh Thần. Vì thế, trong việc trình bày của các thành viên, ý kiến của họ phải được cộng đoàn hiểu biết một cách chính xác. Ban thư ký cũng phải đúc kết ý kiến ấy một cách chính xác. Nếu việc trình bày còn khúc mắc ở điểm nào, các thành viên khác và ban thư ký có thể đòi họ diễn tả lại để lập trường của họ thông đạt cho cộng đoàn được thỏa mãn.

### 1.3. Suy nghĩ và cầu nguyện của mỗi thành viên

Trên đây là cuộc gặp gỡ đầu tiên để các thành viên nhận ánh sáng mà Thánh Thần đã khơi dậy nơi người khác, đồng thời họ tiếp tục suy nghĩ trong cầu nguyện về chính những ý kiến đó khi đối chiếu với ý kiến của mình. Vậy trước những ý kiến khác nhau đó, mỗi thành viên lại trở về trong cầu nguyện để khám phá ra chiều sâu của những chọn lựa mà mỗi người đã đưa ra. Chính trong khi trở về này mà Thánh Thần sẽ tác động và thanh luyện họ trên cơ sở của ‘Nguyên lý và nền tảng’ và của sự ‘bình tâm’ để tiếp nhận một sự chọn lựa thích hợp nhất. Sự thanh luyện này của Thánh Thần đòi họ phải loại bỏ quan điểm chủ quan của mình hoặc củng cố quan điểm ấy. Sự thanh luyện

ấy cũng đòi họ nhìn nhận những nét đặc sắc mà Thánh Thần đã tác động nơi người khác cùng với những khía cạnh bất tương hợp của họ.

Vậy đây là một thời gian quan trọng, để một lần nữa, mỗi thành viên có thể sửa đổi lập trường của mình hay củng cố lập trường ấy dưới ánh sáng của Chúa Thánh Thần và theo những dữ kiện phong phú của các thành viên khác.

Chúng ta cần nhắc lại, điều suy nghĩ lại sau việc trình bày không có nghĩa là nhằm mục đích tương đối hóa các ý kiến, mà ngược lại qua những ý kiến khác biệt nhau và có khi đối kháng nhau, Thánh Thần sẽ soi sáng, tác động và đòi buộc mỗi cá nhân hướng đến một sự chọn lựa thích hợp nhất giữa những ý kiến khác nhau đó. Có thể có sự tương đối hóa nhưng tương đối hóa ở đây vẫn là sự vâng theo Thánh Thần chứ không phải là sự thỏa hiệp.

## **2. Việc đối thoại**

### **2.1. Cách thức tiến hành**

Sau cuộc trình bày và lắng nghe vốn đã được các thành viên có thời gian suy nghĩ trong cầu nguyện về những ý kiến hơn kém hoặc những thuận nghịch cho vấn đề nhận định, bây giờ chúng ta bước vào một tiến trình sâu hơn để đạt đến chọn lựa sau cùng, đó là tiến trình đối thoại.

Trong tiến trình này, trước hết ban thư ký sẽ nhắc lại cho cộng đoàn tất cả những ý kiến khác nhau đã được tóm tắt lại trong cuộc gặp gỡ đầu tiên. Tiếp đến là việc trình bày các ý kiến của các thành viên sau khi đã lắng nghe các ý kiến trước trong cầu nguyện và nhận định.

Trong tiến trình này, ban thư ký cũng ghi chép các ý kiến của họ. Lúc này mọi thành viên có thể sẽ thay đổi lập trường và chọn lựa một trong số những ý kiến khác mà họ cho là thích hợp nhất; hoặc giả họ vẫn duy trì ý kiến của mình sau khi đã suy xét trong cầu nguyện và đã đối chiếu ý kiến của mình với các ý kiến khác; hoặc nữa có khi qua những dữ kiện của họ và của những thành viên khác, họ có thể phát hiện ra một chọn lựa hoàn toàn mới so với các ý kiến trước đây. Tất cả những điều này đều được ban thư ký cùng với bề trên đúc kết lại thành nhóm ý kiến để đưa vào cuộc thảo luận chung.

## 2.2. Cuộc thảo luận chung

Một số vấn đề có tầm quan trọng ít hơn, người ta đã có thể tiến hành việc thảo luận chung ngay sau việc trình bày của mỗi thành viên. Tuy nhiên có những vấn đề hệ trọng người ta có thể tiến hành theo cách thức này. Vì thế, ta cần đưa ra nguyên tắc cho cuộc thảo luận chung.

Về điều này, chúng ta có thể dựa vào ý kiến của cha J.J. Toner trong bài viết '*A method for communal Discernment of God's will*'<sup>153</sup>. Trong việc nhận định cộng đoàn cuộc thảo luận chung đặt nền trên sự đối thoại chứ không trên việc tranh luận. Quả vậy, việc tranh luận hoàn toàn không thích hợp, cho dù cuộc tranh luận đó được thực hiện một cách có trật tự và chính thức như trong các cuộc hội nghị thượng viện, hay một cuộc tranh luận không chính thức vốn được tiến hành theo kiểu nói chuyện. Thế nên ta cần đưa ra ánh sáng ý nghĩa của việc tranh luận và của việc đối thoại.

Trong cuộc tranh luận, những thành viên tham dự đã khẳng định những xác tín của mình và đã có một lập trường chắc chắn đối với vấn đề được nêu ra. Chính từ sự xác tín và sự chọn lựa lập trường như thế khiến cho họ tìm cách bênh vực ý kiến của mình bằng mọi giá và tìm mọi cách để phi bác những ý kiến đối lập. Vậy ở họ không còn việc lắng nghe và đón nhận những người không cùng lập trường với mình mà là nghe để loại bỏ những ý kiến đó. Một cuộc tranh luận như thế sẽ là một sự xung đột, một cuộc chiến đấu về tâm trí. Hiểu như thế ta có thể đồng hóa cuộc tranh luận với sự đóng kín và không còn khả năng mở ra với tác động của Thánh Thần nơi người khác.

Chắc chắn có thể xảy ra một sự tranh luận nào đó ở trong việc nhận định cộng đoàn. Chúng ta thấy điều này đã được diễn tả một cách rất rõ ràng trong cuộc nhận định của các Tông đồ tại Công đồng Giê-ru-sa-lem (Cv 15,7), nhưng đó là cuộc tranh luận trong tình bạn hữu nhằm mục đích duy nhất là hướng đến chân lý. Chính vì thế mà dù có một lập trường bảo thủ và đối nghịch, thánh Gia-cô-bê và nhóm Do-thái phiệt đã thay đổi quan điểm của họ, loại bỏ ý kiến riêng của mình

---

<sup>153</sup> JJ Toner, trong *Studies in the SP of Jesuits*, Vol.II, 1970, trg 137-139.

và đón nhận lập trường của thánh Phao-lô. Ngược lại, trong một cuộc tranh luận để chỉ tranh luận, người ta vốn đã có sẵn một thái độ phản kháng, gây hấn và nỗ lực tìm cách đánh bại người khác bằng những sự biện hộ của mình, bởi lẽ lập trường chọn lựa của họ đã là một ‘chân lý’ buộc họ phải đi đến chiến thắng cuối cùng bất khả khoan nhượng. Như thế cuối cùng, trong cuộc tranh luận sẽ chỉ còn một bên thắng và một bên thua cuộc.

Trong cuộc nhận định, vấn đề hoàn toàn khác. Nhận định hàm chứa ý nghĩa không biết rõ được chân lý. Bởi lẽ, như chúng ta đã nói, nếu đã có sự giải đáp thì cho dù vấn đề khó khăn đến đâu, nó cũng không còn là một vấn đề nhận định nữa. Qua vậy, trong nhận định cộng đoàn, ta thấy không một ai đã có một sự xác tín chắc chắn về câu trả lời cho vấn đề. Thế nên thái độ của thành viên phải là thái độ của sự ‘bình tâm’ để có thể mở lòng mình ra với mọi ý kiến của những thành viên khác. Có thể nói, đó là một thái độ tìm kiếm trong sự đối thoại, trong sự rộng mở với những sự giúp đỡ của người khác để cho chân lý xuất hiện, chứ không phải để cho xác tín riêng của mình được củng cố bằng cách loại bỏ những ý kiến khác. Vì chủ thể của việc nhận định cộng đoàn là cộng đoàn nên chính trong cuộc đối thoại đó mà mọi người đạt đến thành công hay thất bại.

Với thái độ bình tâm như thế mỗi thành viên buộc phải sẵn sàng từ bỏ xác tín riêng của mình khi thấy xác tín ấy không còn am hợp đủ với ánh sáng của Thánh Thần, nhưng đồng thời ý kiến của mình cũng có thể được củng cố thêm nhờ những soi sáng của người khác. Đó là ý nghĩa của sự biện chứng trong đối thoại, một sự biện chứng không theo nghĩa là một sự tổng hợp của các ý kiến đối lập mà là biện chứng của tác động Thánh Thần nhằm dẫn mọi thành viên đến chân lý trong một sự hiệp nhất và bình an. Cũng chính lúc đó, những ý kiến bị loại bỏ không có nghĩa là một sự bại trận, nhưng là những nhân tố để soi sáng cho quyết định cuối cùng được chính xác hơn. Hiểu như thế những người có ý kiến không được chấp nhận cũng không phải là những kẻ chiến bại.

### Giai Đoạn 3 Quyết Định Của Bề Trên

Tất cả tiến trình đối thoại mà chúng ta đã đề cập ở trên nhằm mục đích để chọn lựa lập trường nào hay ý kiến nào có lý lẽ vững mạnh nhất vừa đáp ứng được những nhu cầu thực tế, vừa duy trì đặc sủng của Dòng. Đó chính là điều mà trong chính tiến trình đối thoại, Thánh Thần hoạt động và dẫn dắt cuộc nhận định tới giai đoạn kết thúc.

#### **1. Quyết định của bề trên:**

Trong quyết định chung quyết này, nếu cuộc nhận định cộng đoàn là cuộc nhận định theo nghĩa nghị luận, người ta đã có thể tiến hành cuộc đầu phiếu. Cuộc đầu phiếu được thực hiện theo đa số tương đối. Nếu vấn đề đặt ra là A và Phi A thì đa số phiếu quá bán đủ để làm nên quyết định chung cuộc. Còn nếu vấn đề A có B,C,D,E... giải đáp, thì giải đáp nào có số phiếu cao nhất đủ để trở thành quyết định chung cuộc. Thái độ của những lập trường có số phiếu ít là thái độ của sự vâng phục mà chúng ta đã bàn đến, nghĩa là lấy ý chí để mong muốn và lấy lý trí để bênh vực cho quyết định đã được chọn lựa.

Cuộc nhận định cộng đoàn theo nghĩa tư vấn không có nghĩa như thế. Mọi lập trường được nêu lên đều có nghĩa tư vấn đối với vị bề trên liên hệ. Thế nên dù đa số hay thiểu số đối với ngài chỉ có giá trị để ngài tham khảo và để ngài nói lên tiếng nói chung quyết mà thôi. Ngài có thể quyết định theo đa số, nhưng ngài cũng có thể quyết định ngược lại, hoặc theo một cách khác mà ngài thấy là cần phải quyết định. Như thế cả đa số lẫn thiểu số đều phải có thái độ của sự vâng phục như nhau trước quyết định chung cuộc của ngài. Chính ngài đảm nhận lấy quyết định ấy do sứ mạng của ngài đã được Thiên Chúa ủy thác cho.

#### **2. Khi gặp sâu khổ:**

Tuy nhiên, trong trường hợp tất cả cộng đoàn đều không tìm ra được giải đáp một cách rõ ràng trong cuộc nhận định cộng đoàn theo nghĩa nghị luận, và cả đến vị bề trên cũng không thấy sáng tỏ để có thể đưa ra một quyết định cuối cùng trong cuộc nhận định cộng đoàn tư vấn. Đó là những lúc mà chúng ta gọi là cuộc nhận định gặp sâu

khô ở bình diện cộng đoàn. Để vượt qua sự sâu khô thiêng liêng này, mọi thành viên sẽ áp dụng nguyên tắc *agere contra* của thánh Inhaxiô về việc nhận định thân loại. Nguyên tắc hành động ngược lại này được nói đến trong Linh thao một cách rõ ràng (LT 318- 319).

### 2.1. *Agere contra* ở đối tượng

Thánh Inhaxiô nói: ‘Trong thời gian sâu khô đừng bao giờ thay đổi, những cương quyết bền vững trong những quyết định và dốc lòng đã có trước khi gặp sâu khô hoặc điều dốc lòng đã có khi gặp an ủi trước đó’ (LT 318). Lý do như chúng ta đã nói: kẻ thù có thể lợi dụng gây ra sự nản chí để thay đổi hay hủy bỏ điều đã quyết định hay khởi sự.

Ở đây, qua vị bề trên và ban thư ký, mọi thành viên xem xét những vấn đề được quyết định tới đâu và phải kiên trì trong những quyết định hợp lý đó. Hành động ngược lại là rơi vào cạm bẫy của kẻ thù và làm cho cuộc nhận định lệch hướng.

### 2.2. *Agere contra* ở chủ thể

Trong cơn sâu khô, nếu như không nên thay đổi các điều đã quyết định, thì lại rất nên cương quyết thay đổi chính mình để chống lại cơn sâu khô ấy, chẳng hạn bằng cách chăm chú cầu nguyện, suy gẫm hơn, xét mình nhiều hơn và gia tăng sự hãm mình theo cách nào thích hợp (LT 319).

Trên bình diện cộng đoàn cũng thế, hành động ngược lại chính là dẫn thân vào việc thiêng liêng hơn. Trong biên bản cuộc nghị luận thành lập Dòng, Thánh I- nhã đề ra ba thái độ mà mỗi thành viên phải có

- Mỗi người chuyên chăm vào việc thiêng liêng nhiều hơn trong cầu nguyện, suy gẫm, xét mình để khám phá ý Chúa cách hoàn hảo hơn.

- Mỗi người phải suy nghĩ trong cầu nguyện một cách độc lập hơn để chỉ nhận lãnh những ánh sáng của Thánh Thần soi cho chứ không tìm ở đâu khác.

- Và mỗi người phải coi mình như xa lạ với Dòng mình để có thể

khuyến bảo người khác một cách khách quan đồng thời áp dụng nguyên tắc đó vào cuộc nhận định cộng đoàn.

### 2.3. Hoàn thiện phương pháp

Vì việc nhận định nằm ở chiều kích cộng đoàn nên khi gặp sâu khổ, chính cộng đoàn phải xem xét lại tổ chức và đồng thời áp dụng phương pháp chọn lựa của thánh Inhaxiô một cách triệt để hơn. Theo biên bản của cuộc nghị luận, ta có thể đưa ra một số hình thức tổ chức sau đây:

- Hoặc dứt bỏ mọi việc bên ngoài để mỗi thành viên khỏi bị bận tâm và dành một thời gian cần thiết cho việc nhận định một cách trọn vẹn.

- Hoặc giảm bớt các việc bên ngoài và việc tông đồ để có thể dành nhiều thời gian hơn cho việc nhận định.

- Hoặc trao phó việc nhận định cho một số người cùng với bề trên để họ chuyên tâm vào việc nhận định và quyết định sau cùng của các ngài được chấp nhận như của tất cả.

Sau khi mọi thành viên đã có *agere contra* đối với sự sâu khổ, và sau khi hoàn thiện cách tổ chức cho am hợp với hoàn cảnh cụ thể đồng thời áp dụng phương pháp nhận định của thánh Inhaxiô một cách chặt chẽ thì các dữ kiện của cuộc nhận định có thể giúp cho bề trên đi tới quyết định cuối cùng.

Tuy nhiên, thánh Inhaxiô vẫn còn dự phòng một trường hợp có thể xảy ra: nếu cách tổ chức thứ nhất và thứ hai vẫn chưa thể đi đến chung quyết thì người ta áp dụng cách tổ chức cuối cùng. Điều này được ngài nói đến trong đề mục về việc tổ chức tổng hội ở chương 7 của phần thứ 8 trong Hiến Pháp. Ở đó ngài nói đến ‘cách quyết định khi không bàn về việc bầu tổng quản nhưng về các việc khác’. Việc dự phòng này chính là việc trao phó cho một số người cùng với bề trên thực hiện quyết định chung quyết. Ngài nói:

‘Khi có những điều được bàn luận mặt này mặt khác trong một hay nhiều lần họp, nếu mỗi người hay hầu hết mọi người có cảm tưởng chung là không thấy tỏ tường phải giải quyết thế nào, thì phải

chọn lựa theo đa số phiếu bốn giám định trong số những người có mặt và có quyền bầu phiếu ở đại hội. Những người này sẽ họp với Tổng quản (những người khác sẽ phó thác cho họ) cần bao nhiêu lần họp thì bấy nhiêu lần để kết luận tất cả những điều cần phải bàn luận. Nếu mọi người không cùng ý kiến với nhau, đa số phiếu nghiêng về phía nào thì phía đó ưu thắng và toàn thể đại hội sẽ chấp nhận điều đó như từ tay Thiên Chúa là Chúa chúng ta' (HP 715).

Áp dụng vào những cuộc nhận định ở cấp nhà, miền... người ta có thể chọn bốn người trong ban cố vấn hay được mọi người chấp nhận để thực hiện cuộc nhận định sau cùng này. Các tổ chức này có thể thực hiện sau cuộc thảo luận chung giai đoạn hai hay sau một hoặc hai lần đã thay đổi cách tổ chức. Dầu sao thì việc áp dụng này là cách tổ chức sau cùng.

### **Kết Luận về Nhận Định Cộng Đoàn Trong Đời Tu**

Tới đây, chúng ta đã có thể tóm kết về việc nhận định cộng đoàn trong đời tu. Chúng ta có thể nói, nhờ chiều hướng canh tân và thích nghi của công đồng Vatican II mà chúng ta nhận ra vai trò và giá trị của việc nhận định cộng đoàn trong đời tu. Việc nhận định này giúp cho người tu sĩ có được một sự vâng phục có trách nhiệm. Bởi lẽ chính họ nhận thấy mình có trách nhiệm tìm kiếm và thi hành ý Chúa một cách tích cực hơn. Việc nhận định này cũng giúp cho bề trên thi hành sứ mạng của mình một cách hoàn hảo hơn mà không mất đi ý nghĩa đích thực của sứ mạng ấy. Nói cách khác, ý Chúa là mệnh lệnh sau cùng mà cả bề trên lẫn tu sĩ đều phải tuân phục, chỉ có một điều khác là bề trên có vai trò truyền đạt thánh ý đó, còn bề dưới thực hiện thánh ý đó với tinh thần tự do và trách nhiệm.

### **ĐỨC MA-RI-A, MẪU GƯƠNG TUYỆT HẢO VỀ NHẬN ĐỊNH THẦN LOẠI**

Như trong nhập đề, chúng ta giới thiệu việc nhận định thần loại là yếu tố cần thiết cho việc đào luyện về đời sống thiêng liêng của mỗi cá nhân và cho sự phát triển của Giáo Hội. Việc tìm hiểu của chúng ta đã chứng minh điều ấy một cách rất rõ ràng, nhất là trong thời đại của

chúng ta. Trong phần kết luận này, chúng ta có thể nêu lên một mẫu gương hoàn hảo về việc nhận định thần loại. Đó chính là Đức Ma-ri-a, Mẹ Thiên Chúa, Mẹ Giáo Hội và là Mẹ của tất cả mọi người chúng ta. Mẹ đã sống và thực thi việc nhận định thần loại cả ở 2 bình diện: cá nhân và cộng đoàn.

- Ở bình diện cá nhân: Ngay trong truyền tin, Mẹ đã đón nhận thánh ý Chúa một cách quảng đại cho dù thánh ý Chúa luôn mờ tối (Lc 2,34). Lời ‘Fiat’ của Mẹ được hiện thực bằng cuộc sống của Mẹ: khi Chúa sinh ra (Lc 2,1-11) khi Chúa lạc mất tại Đền Thờ (Lc 2,41-51), khi Chúa đi rao giảng (Lc 8,19) và cả khi Chúa ở trên thập giá (Ga 19,25-27). Mẹ đã dấn thân trọn vẹn với Đức Ki-tô cho dù Mẹ biết rõ những đau khổ sẽ đến với Mẹ (Lc 2,35). Trước sự mờ tối của ý Chúa, Mẹ luôn là người biết sống thái độ nhận định bằng việc cầu nguyện. Kinh Thánh nói: Mẹ ‘luôn giữ hết các điều trong lòng’ của Mẹ (Lc 2,51) để suy đi nghĩ lại (Lc 2,19).

- Ở bình diện cộng đoàn: Với kinh nghiệm gắn bó thiết thân với Đức Ki-tô như thế, Mẹ đem áp dụng vào trong Giáo Hội. Sách tông đồ công vụ nói đến sự hiện diện của Mẹ trong Giáo Hội bằng một câu duy nhất, ngắn gọn: ‘Hết thầy họ đều đồng tâm nhất trí chuyên cần cầu nguyện cùng với các phụ nữ, và Ma-ri-a, mẹ Đức Giê-su và các anh em của Ngài’ (Cv 1,14). Tuy chỉ có một lần duy nhất nhắc đến Mẹ với một vai trò khiêm tốn như thế, nhưng sự hiện diện của Mẹ lại nằm ở chính tâm điểm của đời sống Giáo hội: Chuẩn bị lãnh nhận Thánh Thần trong cầu nguyện (Cv 2,1-11) để mỗi người tín hữu và cả Giáo hội sau này được Ngài soi sáng và hướng dẫn. Chính nhờ sự hiện diện của Mẹ như thành viên âm thầm và đồng thời như người Mẹ của Giáo hội mà Mẹ có thể dạy dỗ cho cả Giáo hội cách thức gắn bó với Đức Ki-tô vác thập giá một cách thực tiễn nhất, sống động nhất và hoàn hảo nhất.

Bây giờ đang ở trong vinh quang Thiên Chúa, chắc chắn Mẹ vẫn tiếp tục dạy mỗi người chúng ta biết sống lời xin vâng như Mẹ và dạy cho Giáo hội những cách thức gắn bó với Con của Mẹ để làm chứng cho ơn huệ cứu độ mà Ngài đã đem đến và làm vinh danh Thiên Chúa

hơn.

Lm Giuse Lê Quang Chủng, SJ

## PHÂN ĐỊNH CHUNG TÓM LƯỢC THƯ CỦA CHA BÈ TRÊN CÁ GỬI TOÀN DÒNG NGÀY 27.9.2017 <sup>154</sup>

### *Lời mời gọi phân định*

Tổng Hội 36 khẳng định phân định chung là một thực hành cốt lõi trong cung cách hành xử của Dòng Tên. Cuộc bàn định (*deliberation*) của các bạn đường đầu tiên ở Venezia (1539) cho thấy sự thuận thực mà các vị đã đạt đến trong việc phân định chung dưới sự soi dẫn của Thánh Thần, mặc dù nhóm bao gồm những thành viên khác biệt nhau về văn hóa (quốc tịch).

Ngày nay, trong lúc cùng với những người khác cộng tác vào sứ mạng hòa giải mọi người trong Chúa Kitô của Giáo Hội, Dòng Tên cũng đối mặt với thách đố phải phân định chung ở mọi cấp độ của Dòng trước những quyết định quan trọng nhất. Đồng thời, Dòng phải cổ võ sự tham gia của toàn thân thể tông đồ của Dòng, vốn được kêu gọi *lựa chọn* (*elect*) những phương thế tốt nhất có thể, để góp phần vào việc loan báo Tin Mừng và biến đổi thế giới trong một thời đại với những thay đổi mau chóng và sâu sắc hôm nay.

### *Phân định chung và việc lập kế hoạch tông đồ*

Có thể tiến hành *Phân định chung* trong các cộng đoàn lẫn các tổ chức tông đồ của Dòng, với sự tham gia năng động của các cộng tác viên của chúng ta trong sứ mạng... hầu có thể đạt đến một quyết định chung cục tương hợp với Ý Chúa mà nhóm đang dốc sức tìm kiếm. Cũng có thể áp dụng một cách hữu hiệu *Phân định chung* vào các cuộc họp của Tư vấn Tỉnh, của Ban điều hành các tổ chức có liên quan đến Dòng Tên, và trong mọi tình huống quản trị về mặt tông đồ.

*Phân định chung* là điều kiện đi trước của việc *lập kế hoạch tông đồ* ở mọi cấp độ cơ cấu tổ chức của Dòng. Hai hoạt động này - *tức phân định chung và lập kế hoạch tông đồ* - phải gắn kết với nhau, hầu bảo đảm rằng các quyết định sẽ được đưa ra trong ánh sáng kinh nghiệm từ

---

<sup>154</sup> Bản dịch tóm lược của Thư do Lm Trương Thanh Tùng, SJ.

Thiên Chúa, và sẽ được đưa vào thực hành đúng Ý Chúa và đạt được hiệu năng theo Tin Mừng.

### ***Thực hành phân định chung***

Tiền giả định của phân định chung đặt nền trên xác tín rằng Thiên Chúa đang hành động trong lịch sử và liên lý thông đạt với con người. Vì lý do đó, chúng ta cần tìm kiếm những điều kiện giúp nghe được tiếng của Thánh Thần và đặt mình cho Thánh Thần dẫn dắt trong “đời sống-sứ mạng” (*life-mission*) của chúng ta.

Phân định chung không là điều hoàn toàn mới mẻ, vì trong truyền thống lẫn trong đời sống hiện tại của Dòng đã có không ít những kinh nghiệm quý giá về thực hành này. Vì thế các tổ chức tông đồ, các Tỉnh Dòng hay Miền Dòng và các Liên hiệp Bề trên Thượng cấp cần tiến hành thu thập các thực hành tốt nhất về đề tài này, soạn thảo ra những tiến trình đào tạo về phân định chung cho tất cả những người chia sẻ sứ mạng với chúng ta.

### ***Các yếu tố chính yếu của một cuộc phân định chung***

Không có ý thay thế các phương thế trợ giúp tốt lành khác hay các nghiên cứu xuất sắc về chủ đề này, nhưng với mong ước thúc đẩy việc thực hành phân định chung trong đời sống của Dòng, tôi muốn chỉ ra ở đây các yếu tố chính yếu cần phải có để tiến hành phân định chung. Tuy nhiên, trong thực hành phân định, cần vận dụng một cách uyển chuyển những yếu tố này tùy theo *nơi chốn, thời điểm và con người*.

**1. Chọn lựa cẩn thận đề tài phân định.** Không phải quyết định nào cũng cần nài đến phân định chung. Mục đích của phân định chung là *tìm kiếm và nhận biết Ý Chúa* đối với những vấn đề quan trọng mà ta chưa hoàn toàn rõ phải làm gì hay làm như thế nào, hoặc đâu là điều tốt nhất hay cách làm tốt nhất có thể. Do đó, điều quan trọng là biết chọn đúng vấn đề hay xét xem những vấn đề nào thực sự phải được *tiến hành lựa chọn (election)* thông qua phương pháp phân định chung.

**2. Xác định rõ thành phần tham gia.** *Những ai* nên tham gia tiến trình phân định, *tại sao* họ nên tham gia, và họ sẽ tham gia *với những điều kiện nào?* Có thể cân nhắc mời cả những người ngoài nhóm có

thể giúp thắp bùng tiến trình hoặc có thể đóng góp khả năng chuyên môn cho đề tài đang xem xét tham gia vào tiến trình.

**3. Tự do nội tâm.** Sự *bình tâm* của mỗi thành viên là điều kiện thiết yếu để đạt đến một lựa chọn ngay lành (*good election*). Những người chia sẻ sứ mạng với chúng ta nhưng không cùng niềm tin Kitô giáo vẫn có thể và cần phải đạt đến tự do nội tâm ấy, bằng cách gỡ mình khỏi mọi tình yêu vị kỷ, ý riêng hay tư lợi, nhưng chỉ tìm kiếm thiện ích lớn lao hơn cho mọi người đứng theo tôn chỉ và sứ mạng của tổ chức.

**4. Sự đồng tâm nhất trí.** Sự đồng tâm nhất trí này chỉ có được khi mọi thành viên của nhóm có cùng một cảm thức chung về cùng đích, thông hiểu lẫn nhau, tin tưởng lẫn nhau và thúc đẩy sự tham gia tích cực của mỗi người.

**5. Biết thể thức phân định thiêng liêng** (LT 169-189). Trong phân định chung, tuy cũng cần các thông tin tốt và khả năng lập luận hữu lý nhưng không được dừng lại ở đó, nhưng còn phải là dựa vào những chuyển động nội tâm của mỗi thành viên nói riêng cũng như chuyển động thiêng liêng trong nhóm nói chung liên quan đến đề tài phân định. n.

Vì thế phân định chung chính yếu sử dụng *thời kỳ chọn lựa thứ hai* (LT 176), tức phân định nguồn gốc của các chuyển động thiêng liêng riêng của các cá nhân và chung của cả nhóm để quyết định đứng theo Thánh Thần. Nhưng nếu các chuyển động ấy không rõ ràng, thì nhóm sẽ phân định theo *thời kỳ chọn lựa thứ ba* (LT 178-182), tức dựa trên những chất liệu mà lý trí xét thấy là đem đến lòng yêu mến Chúa hơn và tôn vinh Chúa hơn. Bước cuối cùng trong cả hai trường hợp là phải tìm ơn xác chuẩn từ Chúa (LT 183).

**6. Cầu nguyện trong tiến trình phân định.** Đây là một điều kiện thiết yếu khác của một phân định tốt lành, vì cầu nguyện là nơi chốn tốt nhất để cá nhân và nhóm lắng nghe và bàn hỏi với Chúa. Vì thế phải sắp xếp không gian và những khoảng thời gian cầu nguyện riêng và chung trong lịch trình phân định, trong đó Thánh Lễ là phương thế cầu nguyện chung ưu tiên hàng đầu.

**7. Kỹ năng trò chuyện thiêng liêng.** Đây là một đặc nét của phân định chung. Trò chuyện thiêng liêng thì khác với bàn luận trong kinh doanh cốt để đưa ra những quyết định hợp lý về quản trị, cũng không giống với bàn thảo nghị trường bị chi phối bởi những lợi ích cá nhân hay lợi ích nhóm. Trái lại, trò chuyện thiêng liêng bao gồm thái độ "lắng nghe người khác" cách tôn trọng; không phi bác các chuyển động thiêng liêng mà người khác cảm nhận trong nội tâm của họ; có khả năng diễn đạt một cách giản dị và rõ ràng các kinh nghiệm và ý tưởng của bản thân.

Vì thế, trong tiến trình phân định chung, phải sắp xếp thời gian cho việc trò chuyện này, sao cho mỗi cá nhân đều có cơ hội trình bày cho người khác một cách giản dị về các hoa trái cầu nguyện, những tác động của Thánh Thần mà họ cảm nhận, hoặc về các hoa trái của suy tư cá nhân liên quan đến vấn đề mà nhóm đang suy xét.

**8. Thực hành một cách có hệ thống việc *xét mình* (examen) trong tiến trình phân định chung.** Điều này cho phép chúng ta đi từ chỗ *tìm kiếm* đến chỗ *nhận biết Ý Chúa*. Việc *xét mình* giúp nhận ra chân tướng của tác động của các thần và giúp xác chuẩn việc phân định có đi đúng hướng hay không. Cần kết hợp việc *xét mình riêng* của mỗi thành viên với việc *duyệt xét chung* những gì đang diễn ra trong nhóm xét như một toàn thể. Nhờ biết duyệt xét các chuyển động của nhóm sẽ cho phép chúng ta nắm được đà tiến của tiến trình phân định hoặc xác chuẩn tiến trình ấy, từ đó chúng ta có thể biết được có nên tiếp tục tiến tới theo hướng nào, hoặc theo cách thức thế nào dưới sự hướng dẫn của Thánh Thần.

**9. Thiết lập cách thức ấn định quyết định cuối cùng.** Phải cùng nhau ấn định rõ điều này ở khởi đầu tiến trình phân định. Chẳng hạn các quyết định cuối cùng trong Tổng Hội thì dựa trên đa số phiếu biểu quyết, trừ những trường hợp Định thức Tổng Hội ấn định cách khác; các quyết định của Tỉnh hay Miền Dòng thì thuộc trách nhiệm của Bề trên Thượng cấp, và trong cuộc phân định cộng đoàn Giêsu-hữu, quyết định cuối cùng thuộc về bề trên địa phương, chiếu theo

luật riêng của Dòng.<sup>155</sup> Còn cách thức đi đến quyết định của các tổ chức tông đồ thì sẽ tuân theo quy chế và luật riêng của mỗi tổ chức.

### ***Đặt trọn niềm tin tưởng vào Thiên Chúa***

Việc đẩy mạnh phân định chung là một trực giác của Tổng Hội 36, khi Tổng Hội này tìm kiếm những cách thể cải thiện đời sống chung của Dòng bằng cách dựa vào cầu nguyện cá nhân sâu xa hơn, cũng như vào việc chia sẻ đức tin và đời sống của chúng ta một cách phong phú hơn.

Huấn từ của Đức Thánh Cha Phanxicô tại Tổng Hội 36 ngày 24.10.2016 kết thúc với lời nguyện: "*Chúng ta hãy nài xin Mẹ chúng ta hướng dẫn và đồng hành với từng Giêsu-hữu, cũng như với thành phần Dân Chúa mà anh được sai đến, trên những con đường của ơn an ủi, của lòng trắc ẩn, và của phân định.*" Đó cũng là ơn mà chúng ta cần nài xin cho bản thân, cho các cộng đoàn, và cho các tổ chức tông đồ mà ngang qua đó chúng ta thi hành sứ mạng tông đồ của mình.

Arturo Sosa, SJ  
Bề trên Tổng quyền  
Rôma, ngày 27.9.2017

---

<sup>155</sup> Luật Bổ sung của Hiến Pháp Dòng Tên, số 151 §3

# **PHÂN ĐỊNH**

## **Trong tiến trình đào tạo Linh Mục theo Giáo Hội**

Lm Giuse Trịnh Duy Suýt, S.J.

Phân định ơn gọi luôn là một điều quan trọng và rất cần thiết cho đời sống. Chính việc phân định cho phép một người khám phá ra ơn gọi của mình, giúp mình tiến bước một cách hạnh phúc và tròn đầy trong Chúa. Tuy nhiên, việc phân định ơn gọi không phải là điều dễ dàng. Nó đòi người làm phân định phải đi sâu vào thế giới nội tâm để lắng nghe tiếng Chúa thúc đẩy trong chính tâm hồn mình, và cân nhắc tất cả thực tại và khả năng của mình trong việc đáp trả tiếng thúc đẩy đó.

Phân định ơn gọi trong quá trình đào tạo linh mục cũng không là một ngoại lệ đối với hành trình khám phá này. Và có sự may mắn hơn các việc phân định khác, phân định ơn gọi trong hành trình đào tạo linh mục được ưu tiên nhiều về thời gian và nhân lực và trí lực, tạo điều kiện thuận lợi cho ứng viên linh mục đi sâu vào hành trình lắng nghe và phân định này.

Trong bài viết này, tôi muốn gọi lên quá trình giúp phân định ơn gọi linh mục mà tôi được trực tiếp thực hành trong sứ mạng linh hướng tại Đại chủng viện. Sứ mạng linh hướng nuôi dưỡng và đào sâu đời sống thiêng liêng của tôi rất nhiều. Tôi cảm tạ Chúa về sứ mạng hồng ân này, và tôi cũng biết ơn các bề trên đã tín nhiệm trao cho tôi công việc quan trọng này.

### **Khởi đầu phân định: quy hướng về Chúa**

Đời tu không phải là một kế hoạch riêng của con người, nhưng là sự đáp trả lời mời của Thiên Chúa. Để bước vào hành trình phân định cho đúng, điều trước hết có tính quyết định là ứng viên phải quy hướng tâm hồn về Chúa. Trong sách Linh thao, chúng ta có thể tìm thấy nhiều phương thế phân định ơn gọi, thánh Inhaxiô đã đặt “Nguyên Lý và Nền Tảng” (Lt 23) trước khi bước vào các cuộc thao luyện thiêng liêng. Nguyên lý này đưa thao viên vào viễn tượng sống quy hướng mọi sự về Chúa. Sự quy hướng này giúp xây dựng và tái tạo cuộc đời trong Chúa, và giúp thao viên đạt được ơn cứu độ. Ứng viên linh mục phải ý thức và

xác tín “ở cội nguồn của ơn gọi linh mục, có ơn ban là ân sủng của Thiên Chúa được trở nên cụ thể sau đó trong bí tích truyền chức”<sup>156</sup>. Vì thế, quy hướng về Chúa như là điều kiện tiên quyết để khởi đầu hành trình phân định.

Nếu không quy hướng về Chúa, sự phân định sẽ bị giảm thiểu vào việc tính toán thiệt hơn dưới nhiều góc cạnh, theo tiêu chuẩn nhân văn, và có nguy cơ chạy theo các nấc thang giá trị trần thế. Khi ấy, việc phân định chỉ còn là một cân nhắc nhắm tới thực hiện một ước muốn, một kế hoạch sống của riêng mình. Như vậy, chọn sống đời linh mục sẽ không phải là một sự đáp trả tiếng Chúa mời gọi, nhưng chỉ là chọn một nghề nghiệp ổn định, dễ dãi cho việc kiếm sống mà thôi.

Việc quy hướng về Chúa phải trở nên viễn tượng sống. Viễn tượng đặt để trọn vẹn đời sống con người vào trong sự quan phòng yêu thương của Thiên Chúa, luôn nhắm đến Chúa như cùng đích của đời sống. Nó hướng dẫn mọi hành động và suy nghĩ giúp con người thực sự sống trong tương quan sống động với Thiên Chúa.

Khi đã xác định rõ ràng cùng đích và viễn tượng của đời mình rồi, người ứng viên sẽ không bị vướng mắc bởi nhiều nấc thang giá trị cuộc sống, sẽ được tự do hơn để cân nhắc, lựa chọn và xây dựng cuộc đời. Chính sự tự do này mới cho phép ứng viên đi vào hành trình phân định đúng. Sự tự do này cũng là một biểu hiện cụ thể của động cơ ngay lành giúp phân định tốt.

Quy hướng về Chúa là một thái độ đức tin. Nó vừa là một ơn Chúa ban cần đón nhận, vừa là một hành trình tăng trưởng cần cố gắng, nhờ sự gặp gỡ Chúa mỗi ngày. Gặp Chúa trong thinh lặng và cầu nguyện cho phép người một người lắng nghe rõ hơn lời Chúa thúc đẩy và nghe được sức đáp trả của lòng mình. Vì vậy, việc phân định ơn gọi linh mục cần nhấn mạnh tới việc lắng nghe Chúa mỗi ngày. Nghe Chúa là phương thế không thể thiếu cho việc phân định đúng.

### **Hành trình phân định: lắng nghe Chúa mỗi ngày**

Mục tiêu của đào tạo linh mục là biến đổi một con người trở thành hiện thân của chính Chúa Giêsu Kitô giàu lòng thương xót, Đấng “động lòng trắc ẩn nên chia sẻ sự đau khổ và cái chết với nhân loại, đến nỗi

---

<sup>156</sup> *Đào tạo linh mục*, hồng ân ơn gọi linh mục, Bộ giáo sĩ 2016, số 34. (xin viết tắt là *Ratio 2016*, số 34).

trao hiến chính mạng sống mình trên thập giá”<sup>157</sup>. Mục tiêu này được thực hiện qua nhiều giai đoạn: trước hết là trở thành người môn đệ của Chúa và sau đó trở nên đồng hình đồng dạng với Chúa, từ trong con tim tới cuộc sống. Sự biến đổi này chỉ có thể đạt được nhờ việc kết hợp mật thiết với Chúa Kitô, trong sự lắng nghe Lời Chúa. Một sự kết hợp liên lỉ mỗi ngày, cá vị và bền vững với Chúa để nội tâm hóa tinh thần Tin mừng của Chúa.

Việc kết hợp với Chúa trong sự lắng nghe Lời cho phép người ứng viên linh mục khám phá ra tâm hồn và con tim của Chúa Giêsu, cảm nhận năng động tình yêu của một Thiên Chúa nhập thể đối xử với con người, thấy được ưu tư của Ngài muốn giải thoát nhân loại khỏi sự ràng buộc của tội lỗi và sự chết. Một khi khám phá được trái tim và tâm hồn của vị Thiên Chúa nhập thể đó, người ứng viên sẽ bước vào hành trình biến đổi nội tâm hầu trở nên giống Ngài, vì lòng yêu mến Ngài.

Đứng trước lời mời gọi của Thiên Chúa, và đối diện với mẫu gương của hiện thân của Ngài là đức Giêsu Kitô, ứng viên linh mục bước vào hành trình lắng nghe nội tâm của mình, để cảm nhận được sự thúc đẩy của Chúa và nhận ra cách thức phản ứng của mình trước những thúc đẩy đó. Hành trình phân định diễn ra khi ứng viên linh mục cân nhắc và xem xét cách thức đáp trả của mình, tính tương thích nơi lối sống của mình và xem mình phải thay đổi như thế nào để trở nên phù hợp hơn với ơn gọi này.

Sự phân định trong việc đào luyện đòi ứng viên đi vào hành trình tự đào luyện mình. Đó là một tiến trình lắng nghe Chúa cách liên lỉ qua mọi biến cố lớn nhỏ, trong mỗi phút giây của cuộc đời. Một sự tỉnh thức lắng nghe như thế đòi buộc người ứng viên phải luôn sống trong Chúa, quy hướng về Chúa và kết hợp mật thiết với Ngài. Chính sự gắn bó bền bỉ với Chúa mới làm cho người ứng viên gặp gỡ được con người nội tâm của mình và bước vào hành trình phân định cũng như biến đổi nội tâm.

Việc phân định này diễn ra nơi mọi khía cạnh của cuộc sống. Việc đào tạo linh mục nhấn mạnh tới bốn chiều kích cụ thể: nhân bản, thiêng liêng, tri thức và mục vụ. Ứng viên linh mục phải lắng nghe thúc đẩy của Chúa nơi mỗi chiều kích trên, trong tương quan mật thiết với Chúa và với một thái độ lắng nghe, để con người toàn diện được biến đổi.

Về chiều kích nhân bản: nhờ lắng nghe Chúa trong lối sống và hành xử, trong tương quan với người khác và qua mọi sinh hoạt của đời sống

---

<sup>157</sup> *Ratio 2016*, số 38.

chung, người ứng viên sẽ nhận ra hai chiều hướng trái ngược nơi bản thân: chiều hướng thứ nhất được chi phối bởi con người tự nhiên, với tất cả nấc thang giá trị trần thế và nhân văn chi phối, một cách ý thức và vô thức; chiều hướng thứ hai được thúc đẩy bởi lòng mến Chúa và muốn noi gương bắt chước cách hành xử của Chúa. Việc lắng nghe những phản ứng trái ngược nhau nơi bản thân giúp cho người ứng viên cân nhắc và đưa ra lựa chọn theo lối hành xử nào. Chọn lựa cách hành xử theo sẽ cho thấy tâm hồn người ứng viên đang ngã theo con đường nào. Sự phù hợp với ơn gọi được nhận ra nơi sự biến đổi của lối hành xử theo tinh thần của Tin Mừng nơi ứng viên.

Với chiều kích thiêng liêng: lắng nghe Chúa trong cầu nguyện đóng vai trò chủ đạo trong việc phân định này. Sẽ không thể phân định được nếu không cầu nguyện được. Lắng nghe Lời Chúa giúp ứng viên hiểu Chúa, mở ra chân trời cho việc bước theo Chúa. Chính vì thế, việc lắng nghe Lời Chúa phải trở nên sống động và cụ thể nơi người ứng viên. Qua việc lắng nghe này, ứng viên sẽ hiểu Lời Chúa nói gì, không còn phải ở cấp độ chung chung, nhưng là những lời đụng chạm tới chính hiện trạng của mình. Việc lắng nghe giúp ứng viên cảm nhận Lời Chúa, để có thể hiểu Chúa và xây dựng đời sống của mình theo ý Chúa muốn.

Lắng nghe Chúa trong hành trình tăng trưởng tri thức đưa người ứng viên vào sự hiểu biết của ơn gọi linh mục theo truyền thống của Giáo hội. Việc lắng nghe này cho phép ứng viên thuộc về gia đình Giáo hội, mang lấy nhưng ưu tư và thao thức của Giáo hội cho con người dọc theo hành trình lịch sử cho đến nay. Việc lắng nghe Chúa trong chiều kích tri thức giúp người ứng viên chuẩn bị hành trang cho mình để thi hành sứ mạng mà Chúa trao phó và sai đi.

Lắng nghe Chúa trong chiều kích mục vụ cho phép người ứng viên linh mục nghe được cơn đói của đàn chiên, lắng nghe thao thức tham gia vào sứ mạng nuôi sống của Chúa Giêsu. Từ sự lắng nghe này, người ứng viên phân định cách thức đáp trả phù hợp từ sự chuẩn bị tâm hồn trong thời gian đào tạo, tới một con tim biết cảm thương khi thi hành sứ mạng.

Trong hành trình lắng nghe Chúa, ứng viên khám phá ra lời mời gọi của Chúa về sứ mạng linh mục; qua việc lắng nghe thao thức của Giáo hội, người ứng viên cảm nhận được chân dung người mục tử mà Giáo hội chờ đợi, từ phía các mục tử lẫn sự mong chờ của cộng đoàn dân Chúa; cuối cùng, qua sự lắng nghe chính mình, ứng viên sẽ nhận ra sự đáp trả tương thích thế nào với những lời mời gọi và mong chờ trên mà thay đổi chính mình. Cũng có thể xảy ra là người ứng viên nhận thấy

tình trạng đáp trả không tương xứng của mình, hoặc sự mong chờ đó quá sức mình, nên có thể dẫn đến quyết định bậc sống khác, một bậc sống giúp anh sống bình an và hạnh phúc hơn trong tương quan với chính Chúa và với mình.

### **Kết thúc phân định: chìm đắm và hạnh phúc trong ơn gọi**

Điều hiển nhiên là người môn đệ Chúa luôn phải sống trong trường học của Chúa, là người chứng nhân của Chúa phải liên kết với Đấng mà mình muốn làm chứng, là người mục tử của Chúa phải phản ánh chính vị Mục Tử Nhân Lành. Sống trong thực tế cuộc sống đa dạng và phức tạp, ví như “chiên giữa bầy sói”, thì việc phân định để sống đúng căn tính của mình là hành trình không bao giờ có điểm kết thúc.

Thế nên, sự phân định trong thời gian thụ huấn là một hành trình không có điểm dừng, và cũng không kết thúc khi ứng viên đã chọn lựa được ơn gọi. Trái lại, sự phân định này là một hành trình kéo dài suốt đời. Nó vừa giúp cho ứng viên nhận diện cách khách quan thực tiễn của cuộc sống, vừa giúp biến con người ứng viên thành con người của phân định, một “chuyên viên của phân định mục vụ”<sup>158</sup>.

Như thế, việc phân định trong đào tạo ứng viên linh mục là một hành trình sống ơn gọi, giúp ứng viên luôn nhận ra lời mời gọi của Chúa, luôn lắng nghe thao thức, mong chờ của Giáo hội và sự tương thích trong sự đáp trả của mình với lời mời gọi ấy. Ứng viên ấy trở thành một người luôn phân định để làm cho đời sống của mình thành chứng nhân của lời rao giảng, làm cho người khác nhận ra sự hiện diện của Chúa nơi đời sống của mình. Đó là một sự chìm đắm và hạnh phúc trong ơn gọi của mình.

Con người linh mục phải là con người của phân định. Chính thầy Giêsu đã cảnh báo môn đệ của mình rằng “anh em hãy tỉnh thức”. Sự tỉnh thức mới làm cho con tim người môn đệ biết lắng nghe và phân định. Do đó, việc đào luyện ứng viên linh mục không phải dừng lại ở việc cung cấp một lối sống, một kho tàng kiến thức của Giáo hội, nhưng là đào tạo những con người trở nên hiện thân của tình yêu Chúa trong môi trường tông đồ. Sự biến đổi này đòi buộc sự phân định trong kết hợp mật thiết với Chúa và lắng nghe Ngài qua việc suy niệm Kinh Thánh. Đây luôn là một hành trình gian lao, đòi hỏi sự kiên trì và lòng khao khát trở nên môn đệ. Hành trình này rất cần sự nâng đỡ từ ơn Chúa và lời cầu nguyện của nhiều người. Chúng ta cùng cầu xin Chúa cho sứ

---

<sup>158</sup> *Ratio 2016*, số 120.

mạng đào tạo linh mục và cho chính các ứng viên được một sự tự do và lòng quảng đại bước theo sát gót Chúa Giêsu hơn, để tiến bước trong hành trình lắng nghe và phân định tốt, ngõ hầu trở nên chứng nhân và hiện thân của tình yêu Chúa với con người hôm nay.

Ngày 01/11/2018  
Lm Giuse Trịnh Duy Suýt, SJ

## **PHÂN ĐỊNH TRONG ĐÀO TẠO LINH MỤC**

Lm GB Nguyễn Trung Kiên, SJ

Phân Định Trong Đào Tạo Linh Mục là một vấn đề lớn. Muốn xuyên suốt chắc cần tiếp cận dưới nhiều góc độ và trên nhiều bình diện khác nhau. Trong khuôn khổ bài này, người viết chỉ tìm hiểu xem trong tài liệu hướng dẫn đào tạo Linh Mục của Hội Thánh do Bộ Giáo Sĩ công bố ngày 8 tháng 12 năm 2016, nói gì về phân định. Tài liệu đó có tên **RATIO FUNDAMENTALIS INSTITUTIONIS SACERDOTALIS**. Ủy Ban Giáo Sĩ và Chứng Sinh trực thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam đã cho dịch và xuất bản ngày 23 tháng 6 năm 2017, với tựa đề : **ĐÀO TẠO LINH MỤC HỒNG ÂN ƠN GỌI LINH MỤC**.

Và khi công bố tài liệu này, Bộ Giáo Sĩ xác định Ratio này sẽ được áp dụng cho các cơ sở đào tạo linh mục cùng với Ratio Nationalis, là tài liệu được soạn thảo bởi Hội Đồng Giám Mục của quốc gia có các Chứng viện hay Học viện trực thuộc.<sup>159</sup> Hội Đồng Giám Mục Việt Nam đã ban hành sắc lệnh phổ biến văn bản « Đào Tạo Linh Mục - Định hướng và Chỉ dẫn » làm chương trình chính thức được áp dụng tại tất cả các Chứng viện ở Việt Nam kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2012, sau khi đã được Bộ Rao Giảng Tin Mừng chuẩn y và phê chuẩn ngày 31 tháng 10 năm 2011.

Tóm lại bài viết này sẽ tìm hiểu xem hai tài liệu về Đào Tạo Linh Mục nêu trên nói gì về chủ đề Phân Định Trong Đào Tạo Linh Mục. Để

---

<sup>159</sup> Bộ Giáo Sĩ, *ĐÀO TẠO LINH MỤC HỒNG ÂN ƠN GỌI LINH MỤC*. Bản dịch của Ủy Ban Giáo Sĩ và Chứng sinh trực thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, Nxb Tôn giáo, 2017, 16.

tiện theo dõi bài viết, người viết sẽ dùng ký hiệu Ratio BGS 2016 hay Ratio 2016 để chỉ Tài Liệu Hướng Dẫn Đào Tạo Linh Mục mà Bộ Giáo Sĩ đã công bố năm 2016 ; và sẽ dùng ký hiệu Ratio HĐGMVN 2012 hay Ratio 2012 để chỉ tài liệu Hướng Dẫn Đào Tạo Linh Mục của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam công bố năm 2012.

Ngoài ra, vì bài này, được viết trong khung cảnh của đặc san nghiên cứu về Phân Định Theo Thánh Inhaxiô Lôiôla, nên một câu hỏi được đặt ra là : Phương pháp phân định này có thể giúp gì cho việc đào tạo Phân định cho các ứng viên linh mục tương lai ?

## **I. Phân Định Trong Các Tài Liệu Hiện Nay Về Hướng Dẫn Đào Tạo Linh Mục.**

### **1. Nhận xét tổng quát.**

Khi đọc qua hai tài liệu về đào tạo linh mục nói trên, ta thấy các từ Biện phân, Phân định và Nhận định như Biện phân ơn gọi, Phân định ơn gọi, Nhận định ơn gọi, cùng xuất chung với nhau trong cùng một tài liệu. Người viết đón nhận cả ba từ này và coi như đồng nghĩa. Nhưng trong bài viết này, để tiện, người viết xin dùng từ Phân định như đại diện cho cả hai từ kia.

Trở lại với hai tài liệu Đào Tạo Linh Mục ta đang tìm hiểu, người viết thấy từ Phân định xuất hiện rất nhiều lần. Cụ thể nơi Ratio BGS 2016, ta thấy từ « phân định » được nhắc đến khoảng 45 lần, trong đó 39 lần dùng từ phân định, và 6 lần dùng từ nhận định<sup>160</sup>. Cả hai từ Phân định hay Nhận định ở đây đều dịch từ « discernement hay discerner » trong bản tiếng Pháp. Còn Ratio HĐGMVN 2012 nhắc đến từ « phân

---

<sup>160</sup> Xin xem nơi các số: 14, 16, 24, 27,28, 43, 44, 48, 54, 60,88, 92, 93,, 120, 125, 126, 128, 134, 136, 141, 152, 178, 192, 197, (ghi chú Bổ sung số 4 [trg 172], số 8 [trg 174]; Dẫn nhập số 3[trg 12], số 24, 117, 174, 204, số 3 [trg 171].

định » khoảng 30 lần, trong đó 21 lần dùng từ Biện phân và 9 lần dùng từ Phân định.<sup>161</sup> Như vậy, có thể nói cả hai tài liệu Đào Tạo Linh Mục này rất quan tâm đến chủ đề « Phân định trong việc Đào Tạo Linh Mục ».

## **2. Các loại phân định đã được đề cập tới.**

### **2.1 Ratio 2012 nhắc đến các loại phân định sau :**

- Biện phân ơn gọi (nơi các số 54, 148, 177, 210, 225, 231, 279, 340, 358,...)
- Phân định thiêng liêng (nơi các số 176, 400,...)
- Phân định các hoạt động của Chúa Thánh Thần (nơi số 225)
- Biện phân Tin mừng, (nơi số 404)
- Biện phân thần học (nơi số 388)

### **2.2 Ratio 2016 nhắc đến các loại phân định sau :**

- Phân định ơn gọi (các số 13, 14, 16, 24,27, 44, 48, 54, 60, 125, 126,128, 134,136, 141, 192)
- Phân định Tin Mừng (các số 43, 170,...)
- Phân định mục vụ số (số 120)
- Phân định các thần khí (số 178)
- Phân định cá nhân (số 88)
- Phân định tông đồ (số 88)
- Phân định thường xuyên (số 152)
- « Con người phân định » (số 43)

## **3. Đào tạo phân định cho chủng sinh, linh mục**

### **3.1 Dẫn nhập**

---

<sup>161</sup> 21 lần dùng từ Biện phân (xem các số: 54, 148, 210,225,231, 279, 340, 358, 388, 400,404, 466) ; và 9 lần dùng từ Phân định (xem các số.: 176,177, 185, 225, 399,402, 446, 462).

Cả hai Ratio nói trên đã nêu lên cho thấy có rất nhiều loại phân định. Điều đó như muốn nói rằng chủng sinh linh mục tương lai sẽ phải đối diện với nhiều loại phân định khác nhau, trong nhiều lãnh vực khác nhau. Nào là phân định ơn gọi trong lãnh vực ơn gọi. « Các ơn gọi trong Hội Thánh chứng tỏ sự phong phú khôn dò của Chúa Kitô (x. Ep 3,8) »<sup>162</sup>, chủng sinh linh mục tương lai cần biết phân định ơn gọi để giúp người tín hữu chọn lựa ơn gọi cho họ, bậc sống của họ, nhất là để giúp người có ơn gọi linh mục thừa tác có thể chọn đúng ơn gọi của họ và kiên trì đeo đuổi nó. Rồi, nào là phân định thiêng liêng trong lãnh vực đời sống thiêng liêng, để giúp phân định các hoạt động của Chúa Thánh Thần trong cuộc đời ta, trong xã hội. Nào là phân định thần học trong lãnh vực thần học. Thần học lại có nhiều bộ môn khác nhau : Thần học tín lý, thần học luân lý, thần học mục vụ, v.v...Ratio số 170 viết : « Khi dạy thần học mục vụ...cần để ý đến một nguyên tắc đặc biệt quan trọng, đó là phân định dưới ánh sáng Tin mừng hoàn cảnh văn hóa xã hội và hoàn cảnh của Hội Thánh trong đó diễn ra hoạt động mục vụ » . Ngay cả khi dạy môn Giáo luật cũng cần để ý đến việc phân định ý Chúa.<sup>163</sup>

Tóm lại, nếu không sợ quá đáng, ta có thể nói đứng trước bất cứ lãnh vực nào của cuộc sống con người, ta cũng cần phân định, nhất là khi ta đứng trước các lãnh vực tinh thần, lãnh vực thiêng liêng, lãnh vực phục vụ tha nhân, xã hội. Linh mục là người được gọi để phụng sự Chúa, phục vụ Giáo hội của Chúa và tha nhân, linh mục cần phân định để có thể chu toàn các nghĩa vụ đó như Chúa muốn. Nhưng làm sao phân

---

<sup>162</sup> Bộ Giáo Sĩ. *ĐẠO TẠO LINH MỤC*, sđd, Số 11.

<sup>163</sup> Sđd, Số 174.

định ? Làm sao học biết phân định ? Trước khi trả lời cho câu hỏi đó, có lẽ ta cần biết khái quát phân định là gì và làm sao phân định.

### **3.2 Phân định là gì, và làm sao phân định ?**

Một cách đơn giản có thể nói phân định là đặt mình trước Chúa Thánh Thần để Người soi sáng, chỉ bảo cho mình biết ý Chúa. Giáo lý đức tin cho ta biết Chúa Thánh Thần là vì Thầy Nội Tâm, là nhà đào tạo chính của mỗi Kitô hữu, và đặc biệt của chủng sinh, linh mục tương lai. Chủng viện vẫn được gọi là mái trường của Chúa Thánh Thần. Nhưng làm sao học với Chúa Thánh Thần, Đấng thiêng liêng, vô hình, muốn thối đâu thì thối ? Có lẽ phân định là cách giúp ta học với Người. Nếu ta ngoan ngùy (docibilitas) kiên nhẫn mở lòng ra trước Chúa Thánh Thần với lòng tin, chắc sẽ đón nhận được lời dạy bảo của Người (x. số 45 và 46). Và thói quen phân định đó sẽ được tiếp tục lớn lên và phát triển khi người chủng sinh chịu chức linh mục.

Thực vậy, theo Ratio BGS 2016 : « Linh mục là người môn đệ được gọi vào chức linh mục. Linh mục là môn đệ linh mục (disciple prêtre)... Suốt đời linh mục không ngừng là môn đệ, với ước muốn bền bỉ được nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô, để thi hành sứ vụ mục tử... Do đó, mỗi linh mục phải luôn nhận thức mình là một môn đệ đang tiến bước và luôn cần được đào tạo một cách toàn diện, nghĩa là luôn cần được làm cho nên đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô<sup>164</sup> ». Nếu phân định cơ bản là để tìm kiếm ý Chúa, là lắng nghe học hỏi nơi Chúa, thì phân định có thể giúp linh mục luôn mãi là người môn đệ. Hơn nữa, phân định cũng có thể giúp linh mục càng ngày càng giống Chúa Kitô, luôn tìm kiếm, chọn lựa thánh ý Chúa Cha (x. Mt 4, 1-11 ; Lc 22, 39-

---

<sup>164</sup> Bộ Giáo Sĩ, Sđd, trang 9-11 và số 57.

46), lấy việc thi hành thánh ý Chúa Cha làm chương trình sống của mình (x. Ga 4,34), và qua đó ngày càng trở nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô hơn. Như thế, có thể nói nhờ phân định linh mục giữ được căn tính môn đệ linh mục của mình.

Nhưng làm sao phân định ? Trước hết nên nhớ phân định là một ơn của Chúa. Chúa Thánh Thần luôn sẵn sàng ban ơn này cho ta. Ta hãy nài xin Chúa ban cho ta. Nài xin trong tinh lặng và cầu nguyện lâu giờ, với đức tin và lòng khao khát muốn biết ý Chúa thì Chúa Thánh Thần sẽ giúp ta phân định, sẽ dạy ta phân định. Nếu ta cứ kiên nhẫn thực hành như thế với tâm hồn rộng mở, ngoan ngùy trước Chúa Thánh Thần, trao đổi với những người đạo đức khôn ngoan thánh thiện khi cần, thì ta sẽ lớn lên trong khả năng phân định này, sẽ biết phân định là gì và làm sao phân định.

Trở lại với câu hỏi làm sao học biết phân định, làm sao có được khả năng thường xuyên phân định mọi nơi mọi lúc ? Ratio 2016, nói ta phải trở nên con người phân định. Điều đó có nghĩa là gì ?

### **3.3 Linh mục, con người phân định**

Linh mục tương lai, được chủng viện đào tạo ra, phải là « con người biết phân định » ; Nghĩa là con người có hiểu biết về phân định, có khả năng phân định và sống phân định. Việc đào tạo phải giúp chủng sinh, linh mục tương lai, đạt được mục đích đó. Ratio 2016 số 43 viết :

« Đào tạo linh mục là một công trình biến đổi, công trình này đổi mới con tim và trí óc con người, để họ có thể “phân định đâu là ý Thiên Chúa: cái gì là tốt lành, cái gì đẹp lòng Thiên Chúa, cái gì là hoàn hảo” (Rm 12,2). Suốt tiến trình đào tạo, phát triển nội tâm có mục tiêu chính là dần dần biến linh mục tương lai thành một “con người biết phân định”

biết đọc ra những thực tại trong đời sống con người dưới ánh sáng của Chúa Thánh Thần, và do đó biết lựa chọn, quyết định và hành động theo ý Thiên Chúa. »

Như thế, cụ thể điều ta phải phân định là gì ? Trước hết là phân định chính cuộc đời mình. Ratio viết : « Vấn đề cần phân định trước nhất chính là đời sống của mỗi người. Công việc này nhằm đưa vào đời sống thiêng liêng, cả lịch sử bản thân lẫn tất cả những gì làm nên lịch sử ấy », nhờ đó ta có thể sống ơn gọi với con người thực của mình, với tất cả con người mình.

Phân định như thế nào? Cần dựa vào Tin Mừng để phân định. Ratio viết : « Phân định cuộc đời mình theo Tin Mừng có nghĩa là từng ngày vun trồng một lối sống thiêng liêng đích thực và hướng lòng về Chúa, để đón nhận và nhìn lại cuộc đời mình một cách hoàn toàn có trách nhiệm và với lòng tín thác vào Chúa ngày càng sâu xa hơn. » Có lần trò chuyện với các chủng sinh, linh mục, Đức thánh Cha Phanxicô nói : để có một đời sống thiêng liêng lành mạnh, cơ bản ta cần tự hỏi mình « lòng ta đang hướng về đâu ? Hướng về Chúa Giêsu ? Hay đang hướng về điều gì khác? Ta phải thường xuyên tự vấn lòng mình về điều đó, mọi nơi, mọi lúc.

Nơi phân kết của số 43 này : Ta có một bản tóm những yếu tố căn bản giúp ta làm việc phân định :

- a. Phải chăm chú đời sống nội tâm (nhờ cầu nguyện riêng, linh hướng, tiếp xúc hằng ngày với Lời Chúa hằng ngày, đọc lại đời mình dưới ánh sáng của đức tin)
- b. Phải loại bỏ mọi quyền luyến lệ lạc

Như vậy, không có đời sống nội tâm không thể có phân định. Và không từ bỏ những quyền luyến lệch lạc, đam mê tội lỗi thì cũng không thể có phân định. Ta cần phải có đủ cả hai yếu tố này mới phân định được. Theo Ratio BGS 2016, đâu là điểm nhấn của hai yếu tố này ?

Về việc trau dồi đời sống nội tâm nói trên, Ratio số 101 nhắc chúng sinh linh mục tương lai như sau: « Tâm điểm của đào tạo thiêng liêng là sự kết hợp cá vị với Chúa Kitô, vốn nảy sinh và được nuôi dưỡng cách đặc biệt trong nguyện ngắm tĩnh lặng và lâu giờ<sup>165</sup> ». Chính « trong thời gian nguyện ngắm tĩnh lặng giúp mở lòng ra với Chúa Kitô trong một tương quan đích thực, chúng sinh trở nên ngoan ngùy với hoạt động của Chúa Thánh Thần, Đấng nhào nặn họ dần dần theo hình ảnh của Thầy » (x. Số 42).

Còn về việc loại bỏ những quyền luyến lệch lạc nói trên, Ratio số 42, nhắc nhở các chủng sinh hãy loại bỏ mọi « hình thức thể tục thiêng liêng » ; số 87, nhấn nhủ linh mục : « với sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, cùng với cuộc chiến đấu thiêng liêng của từng người để thanh luyện mọi hình thức cá nhân chủ nghĩa » ; Ratio số 33 còn nhắc « Cần phải đào tạo linh mục như thế nào để ngăn ngừa không cho họ rơi vào « chủ nghĩa giáo sĩ trị »...nhờ đó có được sự « tự do nội tâm »(x. các số 18, 41, 43, 67, 119, 120.....), nhất là « sự ngoan ngùy đối với Chúa Thánh Thần » (x. các số 45,46, 101) để có thể mở lòng, học biết lắng nghe Chúa, lắng nghe tha nhân, lắng nghe các thực tại quanh mình, và các chuyển động trong lòng mình (x. Số 43, 46,120). Đối với Đức Thánh Cha Phanxicô, lắng nghe là yếu tố then chốt của việc phân định.<sup>166</sup>

---

<sup>165</sup> Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo, 2709-2719.

<sup>166</sup> ĐGH Phanxicô, *Tông Huấn Gaudete et Exultate Hãy Vui Mừng Và Hân Hoan Về Ôn Gọi Nên Thánh Trong Thế Giới Ngày Nay*, số 172.

Giờ đây, xin đọc lại tất cả số 43 của Ratio 2016 để thấy rõ hơn « linh mục tương lai là con người biết phân định nghĩa là gì ? Tại cần linh mục cần phải là con người biết phân định, và làm sao đạt được sự phân định này.

Số 43 viết. « Đào tạo linh mục là một công trình biến đổi, công trình này đổi mới con tim và trí óc con người, để họ có thể “phân định đâu là ý Thiên Chúa: cái gì là tốt lành, cái gì đẹp lòng Thiên Chúa, cái gì là hoàn hảo” (Rm 12,2). Suốt tiến trình đào tạo, phát triển nội tâm có mục tiêu chính là dần dần biến linh mục tương lai thành một “con người biết phân định” biết đọc ra những thực tại trong đời sống con người dưới ánh sáng của Chúa Thánh Thần, và do đó biết lựa chọn, quyết định và hành động theo ý Thiên Chúa.

Vấn đề cần phân định trước nhất chính là đời sống của mỗi người. Công việc này nhằm đưa vào đời sống thiêng liêng, cả lịch sử bản thân lẫn tất cả những gì làm nên lịch sử ấy. Như vậy, ơn gọi linh mục không bị giam hãm trong một lý tưởng trừu tượng, cũng không có nguy cơ bị giản lược thành một hoạt động đơn thuần mang tính tổ chức và thực hành vốn chỉ nằm ở bên ngoài ý thức khi làm. Phân định cuộc đời mình theo Tin Mừng có nghĩa là từng ngày vun trồng một lối sống thiêng liêng đích thực và hướng lòng về Chúa<sup>167</sup>, để đón nhận và nhìn lại cuộc đời mình một cách hoàn toàn có trách nhiệm và với lòng tín thác vào Chúa ngày càng sâu xa hơn.

---

<sup>167</sup> X. Đây là “lời chất vấn nền tảng của đời sống linh mục chúng ta: lòng tôi đã hướng về đâu? Câu hỏi này, các linh mục chúng ta cần đặt ra cho mình nhiều lần, hằng ngày, hằng tuần: lòng tôi đã hướng về đâu?”, Đức Phanxicô, Bài giảng cho Ngày Thánh hóa linh mục và chủng sinh (03/06/2016): *L’Osservatore Romano* 126 (04/06/2016), 8.

Đây là một công việc được thi hành nơi chính bản thân, công việc khiêm tốn và bền bỉ - vượt khỏi những chất vấn nội tâm. Linh mục mở lòng ra để đón nhận, cách trung thực, sự thật của cuộc sống và những đòi hỏi thực sự của thừa tác vụ. Linh mục học lắng nghe lời phán xét của lương tâm về các chuyển động trong lòng mình và về các động cơ bên trong những hành động mình làm. Như vậy, linh mục dần dần sẽ tự chủ được về mặt thiêng liêng, trong tâm hồn cũng như trong thân xác mình; họ học nhận ra những gì có thể làm và những gì không nên làm hay thậm chí không được phép làm; họ bắt đầu quản lý cuộc sống mình – những điếm mạnh, những dự tính, những phạm vi dân thân của mình - theo kỷ luật, với sự quân bình và ý thức rõ ràng về các khả năng và giới hạn của bản thân. Không ai có thể làm tốt công việc này khi chỉ dựa vào sức người. Trái lại, trước hết, phải đón nhận quà tặng là ân sủng của Thiên Chúa; ân sủng này sẽ giúp chúng ta vượt thắng chính mình, vượt lên được những nhu cầu cá nhân và những gì chi phối mình từ bên ngoài, để sống trong sự tự do của con cái Chúa. Cái nhìn nội tâm và tầm nhìn thiêng liêng chung này soi sáng toàn bộ đời sống và thừa tác vụ; điều này sẽ dạy cho chúng ta biết hành động cách cẩn trọng và đo lường được những hệ quả mà hành động của mình để lại, nếu chúng ta biết nhìn xa hơn những tình huống mà đôi khi làm cho chúng ta khó đánh giá rõ ràng các sự việc. Tiến trình tìm kiếm sự thật về mình như thế đòi hỏi chúng ta phải chăm chút đời sống nội tâm, nhờ : cầu nguyện riêng, linh hướng, tiếp xúc hằng ngày với Lời Chúa, “nhìn lại trong đức tin” đời sống linh mục cùng với các linh mục khác và Giám mục, và tất cả những gì giúp vun trồng hai nhân đức này là: cẩn trọng và phán

đoán chuẩn xác. Khi luôn tìm cách phân định như thế, linh mục sẽ giải mã và hiểu được những chuyển động, những ơn ban, những nhu cầu và những mỏng giòn trong con người mình, và nhờ đó, sẽ “*xa bỏ những quyển luyện lệch lạc và sau đó tìm kiếm ý Chúa trong cách xếp đặt cuộc sống để mưu ích cho linh hồn mình*”.<sup>168</sup>

« Linh mục con người biết phân định » như ta mới xem qua nơi số 43 là một mục đích của việc đào tạo, nhưng đó là xét về mặt đào tạo thiêng liêng. Còn về mặt đào tạo toàn diện cho con người chủng sinh linh mục tương lai theo cái nhìn tổng quát của Ratio BGS 2016 thì còn cần phải hơn thế nữa, cần huấn luyện họ thành « người môn đệ truyền giáo », Ratio viết : « *Ý tưởng căn bản là làm sao các chủng viện có thể đào tạo được những người môn đệ truyền giáo « say mê » đối với Thầy, những mục tử mang « mùi chiên », những người sống giữa đàn chiên để phục vụ và mang đến cho đàn chiên lòng thương xót của Thiên Chúa*<sup>169</sup> ». « Linh mục được mời gọi vun trồng nhiệt tình truyền giáo bằng cách khiêm tốn thi hành trách nhiệm mục vụ với tư cách là người hướng dẫn có thẩm quyền, là thầy dạy Lời Chúa và là thừa tác viên bí tích <sup>170</sup> ». Như vậy, khả năng phân định của « con người biết phân định » giờ đây cần được áp dụng vào việc mục vụ. « Linh mục con người biết phân định » là để có thể nghe theo tiếng gọi của Chúa Kitô Mục Tử, và ngày một trung thành hơn, theo sát gương phục vụ của Chúa Kitô Mục Tử.

### **3.4 Linh mục tương lai, chuyên viên phân định mục vụ**

---

<sup>168</sup> Thánh Inhaxiô Lôyôla, *Linh Thao*, 1. Bản dịch của Giuse Nguyễn Công Đoan, S.J. và Mariano Manso, S.J.

<sup>169</sup> Bộ Giáo Sĩ, Sđd, trang 10-11.

<sup>170</sup> Sđd, số 33.

Ratio 2016 của Bộ Giáo sĩ, không những giới thiệu linh mục tương lai phải là « chuyên viên trong nghệ thuật phân định mục vụ » mà còn cho biết thế nào là phân định mục vụ, và phải làm sao để có được khả năng phân định mục vụ này. Trước hết Ratio xác định : phân định mục vụ là « khả năng nhận thức sâu sắc những hoàn cảnh thực tế và nhận định đúng đắn các lựa chọn và quyết định phải theo » ; Và cho thấy rõ « để thực hành sự phân định mục vụ, phải đặt trọng tâm cuộc đời mình vào việc lắng nghe Tin Mừng ».

« Như vậy, người mục tử sẽ học biết thoát ra khỏi những định kiến của mình và sẽ không coi thừa tác vụ là một loạt những việc phải làm hay những quy tắc phải áp dụng, nhưng họ sẽ làm cho cuộc đời mình thành ‘nơi’ đón nhận và lắng nghe Thiên Chúa và anh em. »

Liên quan đến việc lắng nghe Tin Mừng nói trên, Ratio số 103 nhấn nhủ chủng sinh, linh mục tương lai như sau: «Cần phải nhớ rằng “không biết Kinh Thánh là không biết Chúa Kitô”. Như vậy, trong tiến trình trưởng thành thiêng liêng, tương quan với Lời Chúa được dành cho một vị trí ưu việt ». Và Ratio đã nhắc lại lời của Đức Benedicto XVI như sau : “Ứng sinh linh mục thừa tác được mời gọi đi vào một tương quan cá nhân sâu sắc với Lời Thiên Chúa, đặc biệt bằng Lectio divina, để chính ơn gọi của họ được nuôi dưỡng bằng mối tương quan này: chính trong ánh sáng và sức mạnh của Lời Thiên Chúa mà mỗi ứng sinh có thể khám phá, hiểu biết, yêu mến và theo đuổi ơn gọi của riêng mình, cũng như hoàn thành sứ vụ, nhờ làm lớn lên trong lòng mình các tư tưởng về Thiên Chúa, sao cho đức tin, như là sự đáp trả lại với Lời Chúa, trở

thành tiêu chuẩn mới cho việc nhận định và đánh giá con người và sự vật, biến cố và vấn đề”.<sup>171</sup>

Có tương quan đều đặn và sâu sắc với Lời Chúa như thế, linh mục tương lai mới làm cho cuộc đời mình thành « nơi » đón nhận và lắng nghe Thiên Chúa và anh em được. Bây giờ, chúng ta đọc xuyên suốt số 120 của Ratio để thấy rõ hơn thế nào là « chuyên viên phân định mục vụ » và làm sao đạt được khả năng phân định đó. .

« Tiếng gọi trở thành mục tử của dân Chúa đòi hỏi một cách đào tạo cho phép linh mục tương lai trở thành chuyên viên trong nghệ thuật phân định mục vụ, nghĩa là có khả năng nhận thức cách sâu sắc những hoàn cảnh thực tế và nhận định đúng đắn về các lựa chọn và quyết định phải theo. Để thực hành sự phân định mục vụ, phải đặt trọng tâm cuộc đời mình vào việc lắng nghe Tin Mừng, để giải thoát người mục tử khỏi cám dỗ sống trừu tượng, hành động đơn độc, quá tự tin và khỏi thái độ lạnh lùng và khô khan có thể biến họ thành một người “kế toán thiêng liêng”(comptable de l’esprit) thay vì là “người Samaritanô nhân hậu”.<sup>172</sup> Ai lắng nghe Thiên Chúa và anh em đều biết rằng chính Chúa Thánh Thần là Đấng dẫn dắt Giáo Hội đến chân lý toàn vẹn (x. Ga 16,13) và, theo cách của mầu nhiệm Nhập Thể, chân lý cũng nảy mầm từ từ trong đời sống thực tế của con người và trong những dấu chỉ của lịch sử.

Như vậy, người mục tử sẽ học biết thoát ra khỏi những định kiến của mình và sẽ không coi thừa tác vụ là một loạt những việc phải làm

---

<sup>171</sup> Đức Bênêđictô XVI, Tông huấn Hậu-Thượng Hội Đồng *Verbum Domini* (30/09/2010), số 82:

<sup>172</sup> X. *Evangelii gaudium*, số 33: AAS 105 (2013), 1034; *Amoris laetitia*, số 300; Đức Phanxicô, Bài giảng trong Năm Thánh Lòng Thương Xót dành cho linh mục và chủng sinh (03/06/2016): *L’Osservatore Romano* 126 (04/06/2016), 8.

hay những quy tắc phải áp dụng, nhưng họ sẽ làm cho cuộc đời mình thành ‘nơi’ đón nhận và lắng nghe Thiên Chúa và anh em.<sup>173</sup>

Khi lắng nghe chăm chú, trân trọng và không thành kiến, mục tử sẽ có khả năng đọc được cuộc đời người khác với cái nhìn không thiên cận cũng chẳng phê phán. Trái lại, mục tử sẽ nhìn kỹ trái tim con người và hoàn cảnh đặc thù của đời họ, đặc biệt là những trở ngại bên trong và bên ngoài, đôi khi có thể làm cho cách cư xử của họ trở nên có vấn đề. Mục tử sẽ có đủ khôn ngoan và hiểu biết để giải thích những tình cảnh đủ loại đang chi phối con người và mục tử sẽ học biết đề nghị với họ những chọn lựa thiêng liêng và mục vụ có thể thực hiện được, tùy theo cuộc sống của họ cũng như theo bối cảnh xã hội văn hóa xung quanh.

Chính cái nhìn của vị Mục tử Tốt lành đi tìm, đi cùng và dẫn dắt đoàn chiên của mình sẽ khiến người linh mục có được một cái nhìn thanh thoát, khôn ngoan và đầy thương cảm. Linh mục sẽ thi hành thừa tác vụ của mình trong tinh thần thanh thoát để có thể đón nhận mọi hoàn cảnh, và trong tinh thần tỉnh thức để có thể đồng hành với mọi người trong những hoàn cảnh ấy, kể cả những hoàn cảnh phức tạp nhất, đồng thời họ chỉ ra cho thấy vẻ đẹp và những đòi hỏi của chân lý Tin Mừng, mà không câu nệ lệ luật và tỏ ra quá khắt khe. Bằng cách đó, linh mục sẽ có thể đề nghị những con đường nên đi trong đức tin, với những bước đi nhỏ mà mọi người có thể đánh giá được tốt hơn và đón nhận tốt hơn. Qua đó linh mục sẽ trở nên dấu chỉ

---

<sup>173</sup>Angelus (17/07/2016): L'Osservatore Romano 163 (18-19/07/2016), 1: “Khách không chỉ được phục vụ, nuôi ăn, chăm sóc hết mình. Cần nhất là phải lắng nghe họ. [...] Vì khách cần phải được tiếp đón như một con người, với lịch sử riêng, với con tim phong phú tình cảm và ý tưởng, để họ có thể cảm thấy mình thật sự đang ở trong gia đình”.

của lòng thương xót và lòng thương cảm, một chứng nhân cho khuôn mặt hiền mẫu của Hội Thánh, vừa không bỏ những đòi hỏi của chân lý Tin Mừng vừa không biến chúng thành những gánh nặng không thể mang nổi. Linh mục sẽ ưa thích dẫn dắt con người với lòng thương cảm, đồng thời đón tiếp hết mọi người. »

« Trở thành chuyên viên trong nghệ thuật phân định mục vụ » như ta vừa thấy nơi số 120 của Ratio, chắc là linh mục, ai cũng thích, và nhất là tín hữu giáo dân, chắc ai cũng mong có được những linh mục như thế chăm sóc mình. Nhưng để chủng sinh linh mục tương lai đạt được điều đó, ngoài ơn Chúa, chắc cũng cần phải có nhiều cố gắng, kiên nhẫn học tập, khổ luyện.

#### **4 . Học phân định như thế nào ?**

Ngoài những gì chúng ta đã phân tích nơi số 43 và 120 về việc đào tạo chủng sinh, linh mục tương lai trở nên « con người biết phân định » và trở thành « chuyên viên của nghệ thuật phân định mục vụ », Ratio còn đưa ra cả một chương trình hỗ trợ cho việc đào tạo phân định đó. Sau đây chúng ta sẽ đi qua một vài điều.

##### **4.1 Học qua lớp chuyên đề Phân định**

Ratio BGS 2016 số 178 chỉ thị rõ : «Để giúp mục tử tương lai chăm sóc tín hữu, cần dạy cho họ biết phân định các thần khí và biết linh hướng. Đây cũng là những nội dung không thể thiếu của thừa tác vụ linh mục. »

Đây, có thể nói là một chỉ thị rõ ràng, minh nhiên về việc dạy môn Phân định các thần khí cho chủng sinh.<sup>174</sup> Có lẽ chúng ta cần đọc trọn

---

<sup>174</sup> Bộ Giáo Sĩ, sđd, phần Dẫn nhập, trang 13.

nội dung số 178 để thấy được tầm quan trọng của việc dạy môn Phân định thần khí cho các chủng sinh, linh mục tương lai. Ratio 2016 viết :

« Để giúp chủng sinh thật sẵn sàng và chuẩn bị cho họ cử hành bí tích Hòa giải, cần phải có một khóa học chuyên biệt về khai tâm vào thừa tác vụ giải tội, nhằm giúp họ áp dụng những nguyên tắc thần học luân lý vào những trường hợp cụ thể và đề cập đến những vấn đề của thừa tác vụ tế nhị này với tinh thần xót thương nhân hậu<sup>175</sup>. Cũng thế, để giúp mục tử tương lai chăm sóc tín hữu, cần dạy cho họ biết phân định các thần khí và biết linh hướng. Đây cũng là những nội dung không thể thiếu của thừa tác vụ linh mục. »

Hai chữ « cũng thế » trong số 178, nối kết hai chỉ thị dạy Bí Tích Hòa Giải và dạy Phân Định Thần Khí lại với nhau ; có thể nói Ratio đặt hai điều này ngang hàng, ngang tầm quan trọng với nhau. Chuẩn bị làm linh mục thì phải học Bí Tích Hòa Giải và biết cách « Ngôi Tòa » ; cũng thế, muốn làm linh mục, cần phải học biết Phân Định Thần Khí, cần học biết phân biệt điều gì đang do tác động của thần lành, điều gì đang bị tác động bởi thần dữ, để săn sóc mục vụ cho « con chiên » của mình, để linh hướng cho họ. Như thế, nếu ta không thể hình dung một linh mục mà không biết Bí Tích Hòa Giải, thì cũng không thể hình dung được một linh mục tương lai mà không biết Phân Định Thần Khí. Có lẽ phần lớn chúng ta chưa ý thức được tầm quan trọng của việc dạy Phân định Thần Khí cho chủng sinh, linh mục tương lai như Ratio BGS 2016 quan niệm. Thực ra ngay cả khái niệm Phân định nhiều người có khi cũng chưa hiểu

---

<sup>175</sup> X. Chẳng hạn xem Bộ Giáo sĩ, Linh mục, thừa tác viên của lòng thương xót Chúa – Những chỉ dẫn giúp các cha giải tội và các cha linh hướng (09/03/2011).

rõ, có khi còn lẫn lộn Phân định với Phán đoán<sup>176</sup>, nên chưa hình dung được tầm quan trọng của môn học này.

Dù sao, trở lại với chỉ dẫn của Ratio 2016, Chúng viện hay các Cơ sở đào tạo linh mục phải dạy cho ứng viên linh mục tương lai biết Phân định thần khí là gì. May mắn, có lẽ các nhà đào tạo linh mục ở Việt Nam không quá xa lạ với trách nhiệm này, vì đã được chuẩn bị. Thực vậy, Ratio HĐGM VN 2012 về Đào tạo linh mục cũng rất quan tâm đến vấn đề phân định như chúng ta đã thấy ở trên, và cụ thể ở số 400 của Ratio 2012 này, đã gợi ý dạy việc « biện phân: những quy luật thiết yếu của việc biện phân thiêng liêng và việc biện phân những ơn gọi khác biệt ».

Trước nhu cầu đào tạo phân định nói trên, Ủy Ban Giáo Sĩ và Chứng sinh của HĐGMVN đã tổ chức Khóa Thường Huấn cho Các Nhà Đào Tạo Ứng Sinh Linh Mục Tại Việt Nam, vào tháng 7 năm 2012 với chủ đề: « Hướng Đến Sứ Vụ, Tự Đào Tạo Và Đào Tạo Người Khác Có Khả Năng Phân Định ». Khóa Thường huấn này được 8 giáo sư từ Đại Học Công Giáo Paris hướng dẫn, kéo dài hai tuần từ 1 đến 15/7/2012 và đã có khoảng 100 linh mục lo việc đào tạo linh mục đến từ các giáo phận, các chủng viện và học viện tại Việt Nam tham dự.<sup>177</sup>

Theo bản lượng giá cuối khóa, khóa học được đánh giá rất thành công, nội dung phong phú, đa dạng, không chỉ về phân định ơn gọi mà còn nhìn phân định dưới những lãnh vực khác nữa như Thánh Kinh, tín lý, luân lý, triết học, văn hóa,... Tham dự viên thấy các bài thuyết trình

---

<sup>176</sup> Xin xem số 93 của Ratio 2016, phần cuối ; và xem số 170 của Tông Huấn Gaudete et Exultate Hỡi Vui Sướng Và Hân Hoan, về Ôn Gọi Nên Thánh Trong Thế Giới Ngày Nay, của Đức Thánh Cha Phanxicô.

<sup>177</sup> Ủy Ban Giáo Sĩ và Chứng Sinh - Hội Đồng Giám Mục Việt Nam. *KHÓA THƯỜNG HUẤN 3 CÁC NHÀ ĐÀO TẠO ỨNG SINH LINH MỤC TẠI VIỆT NAM. « Hướng Đến Sứ Vụ, Tự Đào Tạo Và Đào Tạo Người Khác Có Khả Năng Phân Định.* Đà Lạt Việt Nam 01-15/7/2012, trang 15-16.

về phân định rất hay, cần thiết và hữu ích cho công tác đào tạo và tự đào tạo khả năng phân định; giúp chính mình qua đó giúp người khác phân định thánh ý Chúa.<sup>178</sup>

Hy vọng một khi đã được chuẩn bị như thế, các Chủng viện và Học viện đào tạo linh mục ở Việt Nam có thể dễ dàng triển khai yêu cầu dạy môn Phân định các thần khí cho các ứng viên linh mục của mình theo như số 178 của Ratio 2016 đã hướng dẫn.

#### **4.2 Học phân định qua kinh nghiệm được đồng hành**

Các lớp học về phân định cho các chủng sinh rất cần thiết và quan trọng, nhưng chủng sinh còn học phân định qua kinh nghiệm được đồng hành, đồng hành tòa trong (linh hướng) và đồng hành tòa ngoài, vì như Ratio 2016 xác định : « *mục đích của việc đồng hành cá nhân là giúp phân định ơn gọi và đào tạo người môn đệ truyền giáo* » (x. số 44). Nếu các cha đồng hành thực hành đúng, vận dụng được năng động của tiến trình phân định vào việc đồng hành, cụ thể là việc chú ý và kiên nhẫn lắng nghe người thụ hưởng với lòng tôn trọng, rồi tìm hiểu những gì mình đã cẩn thận lắng nghe, phân định dưới ánh sáng đức tin, anh sáng Lời Chúa, để xem Chúa muốn nói gì qua những điều đã được lắng nghe...thì dần dần người thụ hưởng học được cách phân định qua kinh nghiệm đó.<sup>179</sup> Nếu được thường xuyên đồng hành như thế mỗi tháng và kéo dài trong suốt 7 hoặc 8 năm ở Chủng viện, chắc người chủng sinh sẽ học được rất nhiều, thậm chí nhuần nhuyễn về phân định. Dĩ nhiên, với điều kiện người chủng sinh để cho Chúa Thánh Thần đào tạo mình, qua trung gian của quý cha đồng hành. Đó chính là nhiệm vụ « cộng tác đào

---

<sup>178</sup> Ủy Ban Giáo Sĩ và Chủng Sinh, Sđd, trang 388-389.

<sup>179</sup> Xin xem Ratio 2012 số 163; Ratio 2016 số 45, 46, 49.

tạo » hay « tự đào tạo » của người chúng sinh theo như các Ratio chỉ dẫn (Ratio 2012 số 164 ; Ratio 2016 số 53, 96, 130,139).

### **4.3 Tự học phân định qua việc hồi tâm kiểm điểm đời sống**

Trong lãnh vực phân định, hồi tâm kiểm điểm đời sống là cách ta cộng tác với Chúa Thánh Thần để tự đào tạo mình. Khi hồi tâm xét mình nhìn lại ngày sống, ta cố gắng lắng nghe, phân định tiếng Chúa nói với ta qua các biến cố của ngày sống. Ratio 2012, số 294 viết « Những phút xét mình ban trưa hay ban tối trước khi đi ngủ giúp định hướng lại ngày sống theo những giáo huấn của Chúa; vì qua phút xét mình đó «ta có thể khám phá ra Thiên Chúa cũng như những hướng dẫn của Ngài qua những biến cố của cuộc sống» (xem thêm Ratio 2016, các số 106, 58,...)

Thánh Inhaxio, từ khi còn là một giáo dân trẻ tuổi, ngài đã đón nhận việc Hồi tâm Xét mình kiểm điểm đời sống từ truyền thống của Hội Thánh. Thực hành mỗi ngày, dần dần ngài đã khám phá ra đây là cách giúp ngài sống trung thành hơn với Chúa, giúp ngài biết phải làm gì để sống đẹp lòng Chúa hơn. Đây là một cách chiêm niệm trong hoạt động giúp ngài tìm kiếm và tìm gặp Chúa trong mọi sự. Ngài thấy đây là bài thao luyện thiêng liêng cần cho những ai muốn trung thành đi theo Chúa. Đây là bài tập phân định mỗi ngày của ngài. Ngài đã để lại bài Hồi tâm Xét mình này trong sách Linh Thao (x. Linh Thao số 43).

Đức thánh cha Phanxicô Trong tông huấn «Tiếng Gọi Nền Thánh Trong Thế Giới Ngày Nay», khuyến khích người ta làm việc Hồi tâm Xét mình mỗi ngày, như phương thế phân định trong đời sống hằng ngày để có

thể trung thành với lý tưởng Kitô hữu, để có thể nên thánh giữa đời thường<sup>180</sup>.

Tóm lại, nếu thực tâm muốn học tập việc Phân định để trở nên một linh mục của Chúa trong Giáo hội hôm nay với hai tiêu chuẩn: «linh mục, con người biết phân định» và «linh mục, chuyên viên của nghệ thuật phân định mục vụ», thì ta có phương tiện để tập luyện mỗi ngày trong tầm tay của ta. Đó là việc hồi tâm xét mình mỗi ngày. Hãy tìm hiểu thêm về cách hồi tâm xét mình như là phân định trong đời sống hằng ngày này và trung thành thực hành nó, ta sẽ thấy mình nhạy bén hơn trong việc phân định, và lớn lên trong khả năng phân định.

## **II. Phân Định Theo Thánh I-nhà-xiô Và Việc Đào Tạo Linh Mục**

Phân định có thể nói là cốt lõi của Linh Thao, tất cả tiến trình của Linh Thao là giúp người ta biết nhận ra ý Chúa, chọn ý Chúa, và quyết tâm sống theo đó. Phân định theo thánh Inhaxiô là Phân định được mô tả, chỉ dẫn trong sách Linh Thao. Ở Việt Nam có rất nhiều tu sĩ nam, nữ, anh chị em giao dân và linh mục đã tham dự các khóa Linh thao, nhưng có khi lại chưa biết cốt lõi của Linh Thao là Phân định, là giúp cho người ta học tập và có khả năng phân định. Cũng có người có chút hiểu biết về Linh Thao, nhìn nhận Linh Thao là phương thế rất tốt để phân định ơn gọi, và đi tham dự Linh Thao, hoặc mời một cha Dòng Tên nào đó đến giúp Linh Thao, nhưng lại với kỳ vọng cha giúp khóa Linh Thao đó phân định ơn gọi *thay* cho mình, *thay* cho các thao viên. Hiểu lầm đó thật đáng tiếc và người đó chắc sẽ thất vọng vì cha giúp Linh Thao chỉ có thể trợ giúp, đồng hành trong phân định ơn gọi, chứ không làm thay.

---

<sup>180</sup> Xem số 169, Tông Huấn Tiếng Gọi Nên Thánh Trong Thế Giới Ngày Nay của Đức Thánh Cha Phanxicô.

Nếu hiểu Linh Thao là một phương thế giúp đào tạo phân định như thế, thì trích dẫn sách Linh Thao ở cuối số 43 của Ratio 2016 có một hàm ý rất rõ. Câu trích dẫn đó như sau : « và nhờ đó, *xa bỏ những quyền luyến lệch lạc và sau đó tìm kiếm ý Chúa trong cách xếp đặt cuộc sống để mưu ích cho linh hồn mình* ». Trích dẫn này từ Chú Dẫn số 1 của Sách Linh Thao, nhằm giúp người hướng dẫn Linh Thao cũng như thao viên hiểu biết *tiến trình và mục đích* của khóa cầu nguyện Linh Thao, và qua đó cũng nói lên *tiến trình và mục đích* của việc phân định.

Thực vậy, Khóa Linh Thao đầy đủ như thánh Inhaxiô thiết kế sẽ trải qua Bốn Tuần, khoảng 30 ngày. Và Tuần Thứ Nhất bao giờ cũng giúp thao viên nhận ra các quyền luyến lệch lạc, đam mê tội lỗi để xa bỏ nó (LT 45-71). Rồi ba tuần sau lần lượt giúp « *tìm kiếm ý Chúa trong cách xếp đặt cuộc sống để mưu ích cho linh hồn mình* ». Tuần Thứ Hai đặc biệt giúp thao viên trong việc phân định. Bắt đầu bằng chiêm ngắm Chúa Kitô, Vua Hằng Sống ; sau đó chiêm niệm các Màu Nhiệm trong cuộc Đòi Chúa Kitô, Ngôi Lời Nhập Thể, với ơn xin « *Xin được hiểu biết bên trong về Chúa, Đáng đã làm người vì tôi, để yêu mến Ngài hơn và theo Ngài hơn* » (LT 104). Trong Tuần Linh Thao này các thao viên sẽ được tìm hiểu về « Các Quy Tắc về Phân Định Thần Loại (LT 314-336), và ở cuối Tuần Hai sẽ được hướng dẫn và làm việc chọn lựa bậc sống (LT 169-188), hoặc chọn cách tu chỉnh và cải thiện đời sống (LT 189). Các khóa Linh Thao ngắn ngày hơn, như 8 ngày hay 10 ngày đều phải theo năng động của cái khung Bốn Tuần như thánh Inhaxiô đã hướng dẫn, và luôn phải làm Linh Thao trong cô tịch, thanh lặng tuyệt đối (LT 20).

Ngoài trích dẫn về Linh Thao ở số 43 nói trên, còn có một chi tiết khác cũng có liên quan đến Linh Thao mà Ratio BGS 2016 đã kín đáo, mặc nhiên nói đến khi đề cập tới việc « nguyện ngắm thình lạng lâu giờ ». Ratio viết nơi số 102 : *« Tâm điểm của đào tạo thình liêng là sự kết hợp cá vị với Chúa Kitô, vốn nảy sinh và được nuôi dưỡng cách đặc biệt trong nguyện ngắm thình lạng và lâu giờ »*.<sup>181</sup> Khi viết « nguyện ngắm thình lạng và lâu giờ », Ratio đã quy chiếu đến Sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo, từ số 2709 đến 2717. Các số này của sách Giáo lý bàn về cầu nguyện Chiêm Niệm, đặc biệt số 2715 viết :

*« Cầu nguyện chiêm niệm là cái nhìn đầy lòng tin, chiêm ngắm Chúa Giêsu....Việc cầu nguyện chiêm niệm cũng hướng cái nhìn vào các mầu nhiệm của cuộc đời Đức Kitô. Như thế, việc cầu nguyện này dạy « sự hiểu biết nội tâm về Chúa để yêu mến và bước theo Người nhiều hơn nữa » (LT 104).*

Ta thấy cách Chiêm Niệm được mô tả ở đây rất giống với cách Chiêm Niệm trong Tuần Hai Linh Thao, và có cùng mục đích như Tuần Hai Linh Thao, đó là để đạt được *« sự hiểu biết nội tâm về Chúa để yêu mến và bước theo Người nhiều hơn nữa » (LT 104).*

Thực ra, khi đề cập tới « nguyện ngắm thình lạng lâu giờ », chắc nhiều người cũng đã liên tưởng tới Linh Thao, vì có lẽ chẳng có phương pháp cầu nguyện nào đòi hỏi phải thình lạng tuyệt đối như Linh Thao? Và cũng chẳng có phương pháp cầu nguyện nào đòi hỏi cầu nguyện lâu giờ như Linh Thao. Mỗi bài cầu nguyện Linh Thao là « một giờ đồng hồ » (LT 12), và mỗi ngày Linh Thao thường phải có bốn bài cầu nguyện như thế, thậm chí là năm bài (LT 72).

---

<sup>181</sup> Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo số 2709-2719.

Tóm lại, một cách kín đáo, mặc nhiên, Ratio 2016 giới thiệu Linh Thao cho việc huấn luyện đời sống thiêng liêng và đào tạo phân định cho chủng sinh, linh mục tương lai. Trong khi đó, nếu đọc Ratio 2012 của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, ta thấy Ratio này minh nhiên giới thiệu Linh Thao cho việc đào tạo chủng sinh như ta thấy sau đây.

### **1. Linh thao là một phương thế tốt giúp thực hiện tháng tu đức**

Ratio 2012, số 261 viết : « Cuối cùng, cao điểm của Năm Tu Đức chính là tháng tu đức, một thời gian đặc biệt để gặp Chúa, được Chúa chữa lành, hướng dẫn và được Chúa ban ơn để có sức mạnh quyết tâm quảng đại đáp lại lời mời gọi của Chúa trong ơn gọi linh mục. Phương pháp linh thao là một phương thế tốt giúp thực hiện tháng tu đức này.

### **2. Linh thao nhiều ngày cho tháng tu đức**

Số 253 viết : Cao điểm của Năm Tu Đức là “*tháng tu đức*” hay “*tháng vào sa mạc*”.., trong tháng này mọi sinh hoạt của ứng sinh đều tập trung vào việc cầu nguyện, tĩnh tâm, linh thao nhiều ngày, “*để họ ở với Người và để Người sai đi rao giảng*” (Mc 3,14).

Trong thực tế, đa số các Đại chủng viện đã thực hiện Tháng Tu Đức với Linh Thao nhiều ngày như Ratio HĐGMVN đã chỉ dẫn. Một vài chủng viện thích được làm Linh Thao 10 ngày thay vì 8 ngày. Hơn nữa, khi có các chủng sinh chuẩn bị chịu chức phó tế, hay chuẩn bị chịu chức linh mục, một số Chủng viện cũng cho họ làm Linh Thao.

### **3. Gợi ý các nhà đào tạo làm Linh thao**

Ratio HĐGMVN 2012 cũng khích lệ các nhà đào tạo làm Linh thao. Số 202 viết : « Trong thời kỳ tu nghiệp, bồi dưỡng dài hạn này, cũng cần phải lưu tâm đến việc bồi dưỡng về mặt tâm linh: “*Trong những chương*

*trình thường huấn với tâm cỡ như thế nên hoạch định những thời gian dài nhằm để đổi mới tâm linh (thánh Inhaxiô, linh thao, thời gian cô tịch) nhằm giúp các nhà giáo dục nhìn lại sứ mạng riêng của mình nối kết sâu xa tâm linh với Thần học và với cội rễ của sứ mạng ấy”.*

Trong thực tế cũng đã có một vài cha giáo tìm đến với Linh Thao với hy vọng qua trải nghiệm này, việc giúp các chủng sinh sẽ tốt đẹp hơn. Và nghe nói, có vài cha khác muốn tham dự một khóa Linh Thao cho biết, nhưng chưa biết phải làm sao ?

Tóm lại, qua Ratio 2012, Ủy Ban Giáo Sĩ và Chủng Sinh đã chính thức tạo thêm điều kiện cho những ai có chuyên môn về Linh Thao hay về Phân định có thể cộng tác phục vụ các Chủng viện trong lãnh vực này. Không biết ở Việt Nam có đủ nhân sự để đáp ứng nhu cầu đào tạo này không, hay phải tìm cách đào tạo thêm ?

### **Thay lời kết**

« Điều quan trọng là tín hữu có thể gặp được những linh mục chín chắn và được đào tạo một cách đầy đủ: thật vậy, bốn phần này *“tương ứng với quyền của tín hữu được hưởng những hiệu quả tích cực đến từ một sự đào tạo tốt và sự thánh thiện của linh mục.”*

Đọc những lời này trong Ratio 2016, số 82, người viết lại liên tưởng tới những ước mơ mà các bạn trẻ đã bày tỏ trong dịp Thượng Hội Đồng Giám Mục về Giới Trẻ, Đức Tin và Phân Định Ôn Gọi vừa rồi. Các bạn trẻ mơ có những linh mục giúp mình phân định. Thực ra, không phải chỉ có các bạn trẻ, mà nhiều người khác cũng đang mơ ước có được những linh mục biết phân định và giúp họ phân định để họ có thể sống lý tưởng Kitô hữu của mình trong cuộc sống hôm nay, và làm chứng cho Chúa.

Trong cả bốn Tông huấn Niềm Vui Tin Mừng (2013), Về Việc Chăm Sóc Ngôi Nhà Chung Của Chúng Ta (2015), Niềm Vui Yêu Thương (2016), và Tiếng Gọi Nên Thánh Trong Thế Giới Ngày Nay (2018), Đức thánh Cha Phanxicô đều đề cập tới phân định, giúp người ta thấy sự cần thiết của phân định, và mời gọi người ta phân định. Nhưng rõ ràng những cố gắng không mệt mỏi đó của một mình Đức Thánh Cha không đủ. Cần có các linh mục tiếp tay. Chương trình đào tạo linh mục hôm nay, nếu được đào tạo đầy đủ » chắc sẽ có những linh mục là « con người biết phân định » và là chuyên viên của nghệ thuật phân định mục vụ » như những người trẻ và các anh chị em tín hữu khác đang mong ước. Bốn phân định này là của chủng sinh, linh mục tương lai, nhưng cũng là của Chủng viện. Nếu Chủng viện không cung cấp việc đào tạo phân định này thì làm làm sao người chủng sinh, linh mục tương lai có thể cộng tác vào việc đào tạo đó để đào tạo mình được.

Và cũng đừng quên việc đào tạo linh mục không dừng lại ở Chủng viện, mà sẽ được tiếp diễn trong chương trình Thường huấn của người linh mục. Đây là nét mới và là một điểm nhấn quan trọng của việc Đào tạo Linh Mục theo Ratio 2016 của Bộ giáo Sĩ.<sup>182</sup>

« Công cuộc đào tạo linh mục tiếp nối “hành trình đào tạo [duy nhất] của người môn đệ”. Hành trình này bắt đầu với bí tích Thánh tẩy, được nên hoàn thiện với các bí tích khai tâm Kitô giáo khác, được đón nhận như tâm điểm của đời sống lúc vào chủng viện, và được tiếp tục trong suốt cuộc đời. Đương nhiên là đào tạo khởi đầu ở chủng viện khác biệt với thường huấn, do có những thời hạn,

---

<sup>182</sup> Từ Thường Huấn xuất hiện khoảng 50 lần trong Ratio BGS 2016. Xin xem nơi các trang 9, 11, 12 và 17; và nơi các số 53, 54, 56, 79, 80, 81, 82, 87, 88, 136, 152 và 202.

phương thức và mục tiêu riêng biệt, nhưng đào tạo khởi đầu cùng với thường huấn làm nên một quá trình đào tạo tiệm tiến duy nhất được thực hiện trong cuộc đời người môn đệ linh mục; người môn đệ linh mục mãi vẫn luôn học theo Thầy và sẽ không bao giờ ngưng làm cho mình trở nên đồng hình đồng dạng với Thầy<sup>183</sup> ».

Đào tạo Khởi đầu ở Chung viện và Thường huấn trong suốt đời linh mục là hai thành tố của chương trình đào tạo linh mục duy nhất, tiệm tiến và không gián đoạn « Trở thành môn đệ là một kinh nghiệm không bao giờ hoàn tất. Do đó, đào tạo là một tiến trình nhất quán và toàn diện, khởi đầu ở chung viện và tiếp nối trong cuộc đời linh mục dưới hình thức thường huấn »<sup>184</sup>.

«Cụm từ “thường huấn” diễn tả ý tưởng rằng người được gọi vào chức linh mục không bao giờ được thôi trải nghiệm mình là người môn đệ ...Nhu thế, quả là sai lầm và hạ thấp giá trị nếu xem thường huấn như một sự “cập nhật” đơn thuần về văn hóa hay mục vụ cho tiến trình đào tạo khởi đầu tại chung viện (x. số 80) ». Ratio khẳng định « Thường huấn là một yêu cầu không thể thiếu trong đời sống và trong việc thi hành thừa tác vụ của mỗi linh mục » (x. số 56). Và Bộ Giáo sĩ cũng nhắc nhở các linh mục : « đừng quên rằng chính linh mục là người đầu tiên và là người chính yếu phải chịu trách nhiệm về sự thường huấn của mình (x. số 82) ».

Chúng ta hãy đọc huấn từ sau đây của Đức Thánh Cha Phanxicô để thêm xác tín về Thường huấn :

“Việc đào tạo mà chúng ta nói đến là một kinh nghiệm trường kỳ của người môn đệ, là người hiệp nhất với Chúa Kitô và để cho mình ngày

---

<sup>183</sup> Bộ Giáo Sĩ, sđd, trang 9.

<sup>184</sup> Bộ Giáo Sĩ, sđd, số 53 và 54.

càng nên đồng hình đồng dạng với Người hơn. Vì thế, việc này không bao giờ chấm dứt, bởi lẽ người linh mục không bao giờ thôi là môn đệ của Chúa Giêsu và không bao giờ ngừng đi theo Người. Vậy, vì có nhiệm vụ đưa người môn đệ đến chỗ hoàn thiện, việc đào tạo đi theo thừa tác viên thánh chức trọn cuộc đời và bao gồm toàn bộ con người cùng thừa tác vụ của họ. Đào tạo khởi đầu và thường huấn là hai giai đoạn của một thực tại duy nhất: hành trình của người linh mục môn đệ, nồng cháy lửa yêu mến đối với Chúa của mình và trường kỳ đi theo Người.”<sup>185</sup>

Tóm lại, các chủng sinh trong giai đoạn đào tạo Khởi Đầu ở Chủng viện, hay các linh mục trong Thường huấn, phải liệu sao để có được một sự đào tạo đầy đủ. Đây là bổn phận Chúa trao qua Hội Thánh. Người tín hữu được quyền hưởng kết quả tích cực của việc đào tạo này. Việc đào tạo đầy đủ chủng sinh và linh mục hôm nay chắc không thể thiếu việc đào tạo hay tự đào tạo để trở nên « linh mục, con người biết phân định » và trở thành « linh mục, chuyên viên của nghệ thuật phân định mục vụ ». Các nhà đào tạo cũng được Ratio khuyến khích « thường xuyên phân định » để việc đào tạo ngày càng tốt hơn (x. Số 152).

Xin Đức Mẹ là mẫu gương tuyệt hảo của người phân định chỉ bảo cho chúng ta biết phân định, vâng theo thánh ý Chúa (x. Lc 1, 26-38 ; Ga 2,1-12 ; Ga 19, 25-27 ; Cv 1, 12-14 ; 2, 1-4). Xin Đức Mẹ bầu cử cùng Chúa cho công việc đào tạo linh mục hôm nay của Giáo hội Việt Nam được diễn ra như lòng Chúa mong ước !

---

<sup>185</sup> Đức Phanxicô, Thư gửi tham dự viên Đại hội ngoại thường của Hội đồng Giám mục Ý (08/11/2014): L'Osservatore Romano 258 (12-11-2014), 7.

## Thư mục

1. Hội Đồng Giám Mục Việt Nam. *ĐÀO TẠO LINH MỤC. Định Hướng và Chỉ Dẫn*. Nxb Tôn giáo, 2012.
2. Hội Đồng Giám Mục Việt Nam- Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin. *SÁCH GIÁO LÝ CỦA HỘI THÁNH CÔNG GIÁO*. Nxb Tôn giáo 2012.
3. Congregation pour le Clergé. *Le Don De La Vocation Presbyterial. Ratio Fundamental Institutionis Sacerdotalis*. L'Osservatore Romano. Cite du Vatican 8 Decembre 2016.
4. Bộ Giáo Sĩ 2016. *ĐÀO TẠO LINH MỤC. HỒNG ÂN ƠN GỌI LINH MỤC*. Bản dịch của Ủy Ban Giáo Sĩ và Chứng Sinh trực thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam. Nxb Tôn giáo 2017.
5. Thánh Inhaxiô Loyola. *Linh Thao*. Bản dịch của Giuse Nguyễn Công Doan và Mariano Manso, S.J. Nxb Antôn&Đuốc Sáng 2007.
6. Ủy Ban Giáo Sĩ và Chứng Sinh - Hội Đồng Giám Mục Việt Nam. *KHÓA THƯỜNG HUẤN 3 CÁC NHÀ ĐÀO TẠO ỨNG SINH LINH MỤC TẠI VIỆT NAM. « Hướng Đến Sứ Vụ, Tự Đào Tạo Và Đào Tạo Người Khác Có Khả Năng Phân Định*. Đà Lạt, Việt Nam 01-15/7/2012.
7. Đức Giào Hoàng Phanxicô. Tông Huấn *GAUDETE ET EXULTATE VUI MỪNG VÀ HÂN HOAN Về Tiếng Gọi Nên Thánh Trong Thế Giới Ngày Nay*. Bản dịch của Phaolô Phạm Xuân Khôi và Lm Trăng Thập Tự.

Lm GB Nguyễn Trung Kiên, SJ



## MUC LUC

**LỜI GIỚI THIỆU**..... 4

**NỘI DUNG**..... 5

### **Phần I**

**Phân định thiêng liêng trong Linh Thao** ..... 9

#### **PHÂN ĐỊNH NHỮNG THỨC ĐẨY VÀ CHUYỂN ĐỘNG NỘI TÂM**

(Lm Dominic Phạm Minh Thắng)..... 9

#### **ƠN AN ỦI THIÊNG LIÊNG**

(Lm Giuse Nguyễn Văn Lộc) ..... 38

#### **BỘ CÔNG CỤ PHÂN ĐỊNH INHÃ**

(Lm Micaen Trương Thanh Tùng)..... 48

#### **TÌM THẤY Ý CHÚA NHỜ PHÂN ĐỊNH**

(Lm Anthony Nguyễn Hữu Khanh) ..... 62

### **Phần II**

#### **Nền tảng Kinh Thánh và thần học**

**của phân định thiêng liêng**..... 69

#### **NGUỒN HỨNG KINH THÁNH TRONG BỘ QUY TẮC PHÂN ĐỊNH CỦA THÁNH INHAXIÔ**

(Lm Giuse Cao Gia An) ..... 69

#### **QUAN NIỆM VỀ Ý CHÚA và TỰ DO CON NGƯỜI TRONG PHÂN ĐỊNH THIÊNG LIÊNG**

(Lm Francis Xavier Nguyễn Hai Tính) ..... 95

<b>TÌM Ý CHÚA: DIỄN GIẢI CỦA KARL RAHNER VỀ VIỆC LỰA CHỌN THEO INHAXIÔ</b> (Lm Anthony Nguyễn Hữu Khanh) .....	101
---	-----

### **Phần III**

<b>Phân định thiêng liêng trong đời sống Giáo Hội hôm nay, đời sống thiêng liêng, đời sống thánh hiến và trong huấn luyện</b> .....	119
---	-----

### **ĐỨC THÁNH CHA PHANXICÔ, TÔNG HUẤN *GAUDETE ET EXSULTATE***

<b>GIỚI THIỆU TÔNG HUẤN</b> .....	Error! Bookmark not defined.
-----------------------------------	------------------------------

### **CHƯƠNG NĂM.**

<b>CHIẾN ĐẤU, TỈNH THỨC và PHÂN ĐỊNH</b> .....	122
--	-----

**“Alargarnos en algún modo conveniente...” To stretch ourselves in some convenient manner [Spiritual Exercises 319]. Bản tiếng Việt: “Vươn Mình Thư Thái” [Linh Thao 319]**

(Lm Phạm Hưng) .....	129
----------------------	-----

### **PHÂN ĐỊNH ĐỂ NHẬN BIẾT THÁNH Ý THIÊN CHÚA**

(Lm Giuse Phạm Thanh Liêm) .....	152
----------------------------------	-----

### **ĐIỀU KIỆN CẦN ĐỂ LÀM PHÂN ĐỊNH THIÊNG LIÊNG**

(Lm Giuse Phạm Thanh Liêm) .....	158
----------------------------------	-----

### **XÉT GÃM NHƯ PHÂN ĐỊNH THIÊNG LIÊNG Theo thánh Inhaxiô Loyola**

(Lm Giuse Phạm Thanh Liêm) .....	168
----------------------------------	-----

**VIỆC PHÂN ĐỊNH CỦA VỊ LINH HƯỚNG  
TRONG ĐỒNG HÀNH & TRỢ GIÚP PHÂN ĐỊNH**  
(Lm Micaen Trương Thanh Tùng).....177

**THỬ ĐỀ NGHỊ MỘT CUỘC NHẬN ĐỊNH CỘNG ĐOÀN**  
(Lm Giuse Lê Quang Chủng).....192

**PHÂN ĐỊNH CHUNG.  
TÓM LƯỢC THƯ CỦA CHA BÈ TRÊN CẢ**  
(Lm Micaen Trương Thanh Tùng).....220

**PHÂN ĐỊNH TRONG TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO  
LINH MỤC THEO GIÁO HỘI**  
(Lm Giuse Trịnh Duy Suýt) .....225

**PHÂN ĐỊNH TRONG ĐÀO TẠO LINH MỤC**  
(Lm Gioan B. Nguyễn Trung Kiên).....231

*“Yêu mến và phụng sự  
CHÚA CHÍ TÔN  
trong mọi sự”*

(LT 233)

\* \* \*

